|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  Số: 691/BC-UBTVQH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi)**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi)*.* Trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH), Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Cơ quan thẩm tra, Cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật; tổ chức các cuộc hội thảo xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và các đối tượng chịu tác động của dự án Luật[[1]](#footnote-1) để có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngày 20/9/2023, UBTVQH cho ý kiến về dự thảo Luật được tiếp thu, chỉnh lý tại Phiên họp thứ 26[[2]](#footnote-2). Hồ sơ dự thảo Luật được gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH, cơ quan, tổ chức[[3]](#footnote-3). Chính phủ đã có Báo cáo số 612/BC-CP ngày 29/10/2023 về ý kiến đối với tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật. Ngày 14/11/2023 và ngày 17/11/2023, UBTVQH đã cho ý kiến về tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6.

UBTVQH nhận thấy, đây là dự án Luật khó, có nhiều nội dung phức tạp, chuyên môn sâu, có tác động lớn đến nhiều đối tượng và cả kinh tế vĩ mô của đất nước. Do đó, việc rà soát, tiếp thu, chỉnh lý đã được tiến hành một cách thận trọng, kỹ lưỡng, chỉ những vấn đề đã rõ, được thực tiễn chứng minh thì quy định trong Luật, những vấn đề mới, chưa được kiểm nghiệm, cần có sự điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ thì quy định nguyên tắc trong Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết. Từ sau Kỳ họp thứ 5, dưới sự chỉ đạo sát sao của UBTVQH, Chính phủ, Cơ quan thẩm tra, Cơ quan soạn thảo và các cơ quan có liên quan đã phối hợp chặt chẽ, nghiên cứu kỹ lưỡng, có trách nhiệm để tiếp thu, chỉnh lý, giải trình ý kiến của các đại biểu Quốc hội, ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan để hoàn thiện dự thảo Luật, nhờ đó chất lượng dự thảo luật đã được nâng lên.

So với dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 05, dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) sau khi tiếp thu, chỉnh lý gồm **15** chương và **203** điều (tăng 03 chương và 8 điều). Có tổng **158** điều sửa đổi: trong đó có **94** điều sửa đổi nội dung; bổ sung mới **29** điều; bãi bỏ hoặc chuyển, gộp vào nội dung của điều khác **21** điều; giữ nguyên **16** điều.

Nhìn chung, dự thảo Luật cơ bản bám sát các chủ trương, đường lối nêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025, Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030[[4]](#footnote-4), tạo chuyển biến trong quản trị của TCTD, gia tăng sức chống chịu của các TCTD trước những cú sốc từ bên ngoài. Các giải pháp được xem xét trên cơ sở nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của TCTD, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi của các quy định. Tuy nhiên, các nội dung tại dự thảo Luật liên quan đến can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, cho vay đặc biệt cần phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện để bảo đảm ***phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống*** như nêu tại Nghị quyết số 31/2021/QH15. Về cơ sở thực tiễn cũng chưa làm rõ được các bất cập trong quy định về can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, cho vay đặc biệt theo quy định của Luật hiện hành, nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan của các bất cập nên chưa đủ cơ sở để thiết kế phương án tổng thể, tối ưu đối với các nội dung này.

Với vai trò rất quan trọng của Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) đối với nền tài chính quốc gia, chất lượng của dự án Luật là vấn đề phải được đặt lên hàng đầu, đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng trên cơ sở khoa học và thực tiễn để tránh trường hợp Luật sau khi ban hành nếu có bất cập sẽ gây nhiều tác động, nhất là đối với an ninh, an toàn hệ thống ngân hàng và hoạt động kinh tế - xã hội.

UBTVQH xin báo cáo các nội dung cụ thể như sau:

# I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. Kết cấu của dự thảo Luật

*- Có ý kiến đề nghị sắp xếp lại một số chương cho phù hợp (Chương XI chỉ có 01 Điều, chưa bảo đảm yếu tố cấu thành một chương; Chương XII, Chương XIV, Chương XV chỉ có 03 đến 05 Điều).*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý Mục 7 Chương IV về chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam thành 02 Điều, ghép nội dung tại Chương XI về rút tiền hàng loạt vào Chương X về kiểm soát đặc biệt và rà soát, hoàn thiện các quy định cụ thể tại Chương X về vay, cho vay đặc biệt , Chương XIII về tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản...

*- Có ý kiến đề nghị tách các nội dung liên quan đến hoạt động của công ty cho thuê tài chính thành một chương riêng vì các hoạt động của công ty cho thuê tài chính khác với hoạt động của tổ chức tín dụng (TCTD).*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật, khoản 3, khoản 6 Điều 4 quy định công ty cho thuê tài chính là TCTD phi ngân hàng. Các nội dung tại dự thảo Luật về hoạt động của công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành (trong đó có công ty cho thuê tài chính) được luật hóa từ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ và đã được thiết kế tại 01 Chương riêng. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*Có ý kiến đề nghị hoán đổi vị trí giữa Chương XI (về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu) và Chương X (về tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản) sẽ bảo đảm logic, phù hợp hơn; sắp xếp lại các điều vì bố cục các chương chưa hợp lý, mất cân đối, có chương đến 60 điều, nhưng có chương chỉ có 2 đến 3 điều.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý theo hướng chuyển Chương về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu lên trước Chương về tổ chức lại, giải thể, phá sản. Đồng thời, tại Chương về kiểm soát đặc biệt, chuyển giao bắt buộc, phá sản tổ chức tín dụng (TCTD) được kiểm soát đặc biệt được tách ra thêm 01 chương về Vay, cho vay đặc biệt (Chương XI) để phân định rõ ràng hơn đối với từng nội dung.

- *Có ý kiến đề nghị ghép các nội dung quy định từ Điều 5 đến Điều 15 của dự thảo Luật theo nguyên tắc như thông lệ là có điều quy định về quyền, có điều quy định về nghĩa vụ, có điều quy định về các hành vi bị nghiêm cấm.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) có phạm vi điều chỉnh bao gồm việc thành lập, tổ chức, hoạt động của TCTD, có đối tượng điều chỉnh là nhiều loại hình TCTD, nhiều chủ thể (người quản lý, người điều hành, khách hàng, cơ quan, tổ chức có liên quan), do vậy, dự thảo Luật thiết kế quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tương ứng với mỗi loại hình TCTD và chủ yếu thuộc Chương III (Tổ chức, quản trị, điều hành của TCTD), không thuộc quy định chung như một số luật. Đối với hành vi bị cấm, UBTVQH xin được nêu cụ thể tại mục II.2 của Báo cáo này.

### 2. Về sự phù hợp của dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) với Hiến pháp, các luật có liên quan và tính tương thích với các cam kết, điều ước quốc tế

*- Một số ý kiến cho rằng, Luật Các TCTD (sửa đổi) cần rà soát với các luật khác để bảo đảm sự thống nhất; tiếp tục rà soát các quy định có liên quan tại các FTA khác như Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU để bảo đảm tính tương thích.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo các cơ quan phối hợp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung quy định tại dự thảo Luật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nhất là các Luật có liên quan trực tiếp tới hoạt động ngân hàng như: Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp...; đã rà soát các quy định tại Luật Hợp tác xã, Luật Giao dịch điện tử vừa được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5 và tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật (Mục 6 Chương III, Điều 105, Điều 106). Ngoài ra, đối với các dự án Luật đang trình Quốc hội cho ý kiến hoặc xem xét thông qua, như: Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở... do còn đang trong quá trình hoàn thiện nên UBTVQH sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan rà soát cho đến khi trình Quốc hội thông qua để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa dự thảo Luật và các luật liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị cần rà soát kỹ lưỡng và bổ sung làm rõ, chỉnh lý dự thảo Luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác liên quan, nhất là các Luật có liên quan trực tiếp tới hoạt động ngân hàng, như: Luật Doanh nghiệp; Bộ luật Dân sự về các quy định liên quan đến cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số. Cụ thể, cần quy định quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; quyền khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh tổ chức tín dụng để khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho tổ chức tín dụng hoặc là người khác.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng bổ sung quy định *“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát”* tại khoản 10 Điều 61 của dự thảo Luật. Ngoài ra, khoản 1 Điều 3 của dự thảo Luật quy định; “Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan”. Do vậy, một số quy định liên quan đến cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số như quyền khởi kiện của cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp[[5]](#footnote-5).

### 3. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1) và đối tượng áp dụng (Điều 2)

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý Điều này thành: “Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động,* ***giải thể, chấm dứt hoạt động*** *của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.”, đồng thời đề nghị rà soát và bổ sung cụm từ này ở các nội dung khác cho đồng bộ như khoản 5 Điều 2 và khoản 1 Điều 3...*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng, cần thiết phải bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật nội dung can thiệp sớm, thanh lý, phong tỏa tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nội dung quản lý nhà nước đối với các TCTD.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa cụm từ "việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu" tại khoản 5 Điều 2 thành cụm từ "tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu" để bảo đảm đúng nội hàm của đối tượng áp dụng. Việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là thuộc phạm vi điều chỉnh, chứ không thuộc đối tượng áp dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại Điều 2 của dự thảo Luật đã quy định việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Tại khoản 2 Điều 5 quy định đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; do vậy đã bao gồm cả tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Do đó, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “cơ quan” tại Điều 2 để bảo đảm bao hàm đầy đủ các đối tượng áp dụng.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung cụm từ “cơ quan” tại khoản 5 Điều 2 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ... bảo đảm phù hợp, đầy đủ theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay, hoạt động của các dự án tài chính vi mô do các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện đang được điều chỉnh bởi khoản 6 Điều 161 (Quy định chuyển tiếp) của Luật hiện hành và theo Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Do các dự án tài chính vi mô không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật, UBTVQH xin không bổ sung các dự án này thành đối tượng áp dụng của dự thảo Luật mà chỉ quy định chuyển tiếp đối với các dự án tài chính vi mô đang được thực hiện theo Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg.

*- Có ý kiến cho rằng, đối tượng của dự thảo Luật không nên chỉ dừng lại ở các TCTD truyền thống, cần phải mở rộng phạm vi đối tượng đến hoạt động của các công ty Fintech.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay, phạm vi điều chỉnh dự thảo Luật là thành lập, tổ chức, hoạt động của các TCTD. Các quy định tại dự thảo Luật cũng trực tiếp điều chỉnh đối với việc thành lập, tổ chức, hoạt động của TCTD, không điều chỉnh các tổ chức khác không phải là TCTD.

Các công ty công nghệ tài chính (Fintech) hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực (không chỉ có lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng) theo các cách thức khác nhau như công ty cung ứng giải pháp công nghệ; công ty hợp tác phát triển mô hình kinh doanh...; trong một công ty Fintech cũng có thể hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Một số giải pháp, dịch vụ Công ty Fintech cung ứng dựa trên công nghệ và cách thức thực hiện mới, chưa thể nhận diện đầy đủ về bản chất, đặc điểm hay rủi ro có thể phát sinh và pháp luật hiện hành liên quan chưa đề cập, điều chỉnh,..; trên thế giới đa số các nước đều tiếp cận ban hành quy định khuôn khổ pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) để điều chỉnh đối với hoạt động của công ty Fintech. Bên cạnh đó, hiện NHNN đang nghiên cứu xây dựng Luật về các hệ thống thanh toán, trong đó quy định về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của TCTD và các chủ thể khác. Do vậy, UBTVQH xin không bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với các công ty Fintech. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan sớm nghiên cứu, đề xuất Luật dựng Luật về các hệ thống thanh toán tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn để đẩy mạnh các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển các dịch vụ thanh toán đáp ứng yêu cầu của thời đại.

*- Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu mở rộng đối tượng tham gia mua bán, xử lý nợ xấu, không chỉ là tổ chức của Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ mới có chức năng mua, bán xử lý nợ xấu, nhằm thúc đẩy thị trường mua bán nợ phát triển.*

UBTVQH thấy rằng việc bổ sung thêm đối tượng được mua bán, xử lý nợ xấu sẽ giảm bớt gánh nặng xử lý nợ xấu của TCTD, huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân để xử lý nợ xấu, giúp cho việc xử lý nợ xấu được nhanh hơn, hiệu quả hơn, góp phần thúc đẩy thị trường mua, bán nợ nói riêng và thị trường tài chính nói chung phát triển. Tuy nhiên, việc cho phép các công ty mua bán, xử lý nợ xấu khác được áp dụng một số cơ chế xử lý nợ xấu tại Chương XIII của dự thảo Luật cần được xem xét một cách thận trọng, tránh những hệ lụy có thể phát sinh hoặc gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội mà chưa được đánh giá tác động đầy đủ do các đơn vị này không được quản lý, giám sát chặt chẽ như TCTD và các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước như Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) và Công ty TNHH mua, bán nợ Việt Nam (DATC). Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật và đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, rà soát hoạt động của các công ty mua bán nợ cũng như cân nhắc vai trò của VAMC.

### 4. Về áp dụng pháp luật (Điều 3)

*- Một số ý kiến đề nghị bỏ khoản 1, vì đã được quy định tại phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; bỏ khoản 3, vì đã được xử lý tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Điều ước quốc tế; bỏ khoản 4, vì đã được quy định tại Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự và nguyên tắc áp dụng luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng bỏ khoản 3 và sửa tương ứng tên Điều, đồng thời bổ sung vào sau khoản 1 nội dung *“Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan”* để làm rõ hơn việc áp dụng các quy định tại dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) với các luật khác có liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị gộp khoản 1 và khoản 2 Điều này do nội dung hai khoản có nhiều trùng lặp. Đề nghị quy định theo hướng: “Về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu phải tuân theo quy định của Luật này, trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác thì áp dụng theo quy định của Luật này. Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan*”.

UBTVQH xin báo cáo: so với nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 quy định cụ thể hơn các nội dung được ưu tiên áp dụng Luật Các TCTD. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

- *Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu để quy định bảo đảm đúng với nguyên tắc của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Một số ý kiến cho rằng quy định ưu tiên áp dụng Luật Các TCTD tại khoản 2 Điều 3 đang đi ngược lại với nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 156 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị rà soát kỹ lưỡng và quy định cụ thể các nội dung đặc thù tại Luật này.*

*Có ý kiến đồng ý với nguyên tắc áp dụng luật như trong dự thảo Luật, trường hợp có mâu thuẫn với các luật khác, thì ưu tiên áp dụng Luật Các TCTD vì tính chất luật chuyên ngành và phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc ưu tiên áp dụng Luật Các TCTD đối với một số nội dung mang tính chuyên ngành, đặc thù trong lĩnh vực ngân hàng là cần thiết, do đó dự thảo Luật đã tiếp thu theo hướng làm rõ việc ưu tiên áp dụng Luật Các TCTD đối với một số nội dung cụ thể tại khoản 2 Điều 3, cụ thể như: về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản TCTD; thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.

Tuy nhiên, để bảo đảm các quy định của dự thảo Luật không chồng lấn với phạm vi điều chỉnh của các luật khác và không gây ra các xung đột pháp luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu, rà soát kỹ các quy định của pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính ổn định của Luật Các TCTD khi các luật khác thay đổi.

*- Có ý kiến đề nghị giữ nguyên nội dung khoản 3 Điều 3 của dự thảo Luật như dự thảo trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 với lý do: các TCTD Việt Nam có thể ký kết hợp đồng với các nước khác trên cơ sở Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp Điều ước quốc tế đó trái với Luật TCTD Việt Nam thì áp dụng các quy định của Điều ước quốc tế. Đồng thời Điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế là 2 nguồn pháp luật quốc tế khác nhau.*

UBTVQH xin báo cáo: do Luật Điều ước quốc tế đã quy định nguyên tắc áp dụng nên dự thảo Luật xin bỏ quy định này so với dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5. Đối với tập quán thương mại quốc tế, hiện khoản 3 Điều 3 của dự thảo Luật đã quy định cụ thể.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ việc áp dụng pháp luật trong trường hợp tập quán thương mại quốc tế do ICC ban hành và pháp luật Việt Nam có một số quy định mâu thuẫn nhau. Theo thông lệ, tổ chức cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại, đặc biệt là tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế (ICC) ban hành.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Luật về áp dụng tập quán thương mại quốc tế.

- *Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 666 Bộ luật Dân sự và khoản 5 Điều 4 Luật Đầu tư. Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn nội dung tại khoản này để tránh trường hợp các TCTD, các tổ chức tài chính nước ngoài có văn hóa đặc thù hoạt động ở Việt Nam. Mặc dù văn hóa đó không trái với quy định của luật liên quan đến các TCTD, nhưng có thể ảnh hưởng xấu đến văn hóa quốc gia và tác động đến bộ phận giới trẻ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định nguyên tắc: tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại khác nhưng “không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

### 5. Về giải thích từ ngữ (Điều 4)

*- Có ý kiến đề nghị tại khoản 1 và khoản 2 cần rà soát lại khái niệm về TCTD và ngân hàng, để bảo đảm rõ ràng, thống nhất.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý khoản 1 như sau: “TCTD là tổ chức kinh tế có *tư cách pháp nhân* được thành lập theo quy định của Luật này, thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng”. Đồng thời, đã rà soát quy định tại khoản 2 và các quy định khác có liên quan, bảo đảm thống nhất.

*- Một số ý kiến cho rằng, từ “****có thể****” trong quy định tại khoản 2 “Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng* ***có thể*** *được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này” sẽ tạo nên cách hiểu là ngân hàng* ***được*** *hoặc* ***không được*** *thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng. Do vậy, để bảo đảm tính thống nhất khi áp dụng thực hiện, đề nghị xem xét, quy định cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 99 của dự thảo Luật: “TCTD không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được NHNN cấp cho TCTD”. Trong đó, hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Mục 2 Chương V của dự thảo Luật, theo đó ngân hàng thương mại được thực hiện một số hoặc tất cả hoạt động, tùy thuộc vào nội dung đã được ghi trong Giấy phép. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, thể hiện lại khái niệm về TCTD phi ngân hàng, bao gồm: công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các TCTD phi ngân hàng khác, bảo đảm rõ nghĩa; đồng thời, làm rõ “các tổ chức phi ngân hàng khác”, bảo đảm logic giữa Điều 2 và Điều 4, từ đó, xem xét tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thuộc tổ chức ngân hàng hay TCTD phi ngân hàng.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý khái niệm về TCTD phi ngân hàng trên cơ sở luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại Nghị định số 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung). Theo đó, khái niệm TCTD phi ngân hàng sau khi được chỉnh lý được quy định tại khoản 3 Điều 4 gồm công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành (công ty tài chính chuyên ngành là TCTD phi ngân hàng, hoạt động chính trong lĩnh vực bao thanh toán, tín dụng tiêu dùng và cho thuê tài chính).

Đối với tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, dự thảo Luật quy định là các tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ, do vậy không phải là tổ chức thuộc ngân hàng hay các TCTD phi ngân hàng.

*- Có ý kiến cho rằng để tạo điều kiện thuận lợi và tiến dần tới nâng quy mô hoạt động cho các công ty tài chính, đề nghị bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 4 như sau: “Công ty tài chính tổng hợp được bổ sung, sửa đổi hoạt động để chuyển đổi thành công ty tài chính chuyên ngành. Ngân hàng nhà nước quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển đổi này”; bổ sung quy định tại khoản 6 như sau: “Công ty tài chính chuyên ngành được bổ sung hoạt động để chuyển đổi thành công ty tài chính tổng hợp, Ngân hàng nhà nước quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển đổi này”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: Điều 194 của dự thảo Luật đã quy định về việc tổ chức lại TCTD. Hiện nay Thông tư 36/2015/TT-NHNN của NHNN về tổ chức lại TCTD đã quy định việc chuyển đổi công ty tài chính tổng hợp thành công ty tài chính chuyên ngành và ngược lại. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát quy định tại các khoản 7, 11, 35 và 37 Điều 4 của dự thảo Luật theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu. Đồng thời thiết kế các điều trong dự thảo Luật tương ứng với các điểm a, b, c và d trong khoản 7 Điều 4.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan rà soát chỉnh sửa kỹ thuật đối với các nội dung quy định tại các khoản 7, 11, 35 và 37 Điều 4 cũng như toàn bộ dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng khoản 7 Điều 4 quy định 2 điểm a và b là có sự trùng lặp. Đề nghị viết thành một khoản quy định chung là: “****Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại; hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên.****”.*

UBTVQH xin báo cáo: Hoạt động cho thuê tài chính được định nghĩa có *một trong các điều kiện* hoặc tại điểm a hoặc tại điểm b khoản 7, trong khi điểm a và điểm b quy định khác nhau về quyền của bên thuê khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát lại khái niệm tổ chức tài chính vi mô tại khoản 8; đề nghị bổ sung khái niệm “cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp”, “hộ có mức sống trung bình” hoặc quy định các tiêu chuẩn xác định cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, hộ có mức sống trung bình.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng tại khoản 8 chỉ nêu khái niệm về tổ chức tài chính vi mô là loại hình TCTD chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ. Đồng thời, bổ sung khoản 3 Điều 127 của dự thảo Luật về việc NHNN quy định việc xác định khách hàng là cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý khoản 9 như sau: “9. Quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng* ***theo quy định của Luật này và Luật Hợp tác xã*** *nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống*”.

UBTVQH xin báo cáo:

Điều 3 Luật Hợp tác xã 2023 quy định: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì áp dụng theo quy định của luật đó”.

Khoản 1 Điều 3 của dự thảo Luật quy định; “Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan”.

Như vậy, hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) đã bao gồm cả việc thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và Luật Hợp tác xã. UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bảo đảm sự thống nhất giữa dự thảo Luật và Luật Hợp tác xã. Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật Hợp tác xã thì “Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập”, còn QTDND nếu chỉ do cá nhân thành lập như quy định tại khoản 9 Điều 4 dự thảo Luật thì có bảo đảm hình thức hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã không.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 30 Luật Hợp tác xã quy định thành viên của hợp tác xã bao gồm: *cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình.* Khoản 9 Điều 4 dự thảo Luật quy định: “9. Quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng do các *pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình* tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”. Khoản 5 Điều 29 của dự thảo Luật quy định: *“Điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định”*, Thông tư 04/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với QTDND yêu cầu phải có *tối thiểu 30 thành viên* đáp ứng quy định…”. Như vậy, quy định của dự thảo Luật không mâu thuẫn với Luật Hợp tác xã và điều kiện để thành lập QTDND là chặt chẽ hơn.

*- Có ý kiến cho rằng khoản 11 quy định “tổ chức tín dụng nước ngoài” là không phù hợp vì Luật Các TCTD không điều chỉnh đối với TCTD nước ngoài nói chung mà chỉ điều chỉnh đối với TCTD nước ngoài có đầu tư vốn và thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, TCTD có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và hoạt động theo pháp luật ở Việt Nam, không gọi là TCTD nữa. Theo quy định tại Điều 80 Bộ luật Dân sự, pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam tại Việt Nam là pháp nhân Việt Nam.*

UBTVQH xin báo cáo: tại dự thảo Luật có quy định TCTD nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Trong đó, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là các pháp nhân thành lập tại Việt Nam nhưng có những quan hệ về tổ chức, quản trị với chủ sở hữu là TCTD nước ngoài. Mặt khác, TCTD nước ngoài cũng phải đáp ứng các điều kiện trong việc đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cho các hiện diện thương mại tại Việt Nam. Do vậy, UBTVQH xin được giữ giải thích từ ngữ về “tổ chức tín dụng nước ngoài” như tại khoản 11 Điều 4 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “hiện diện” tại khoản 11 Điều 4 dự thảo Luật và thay bằng cụm từ “hoạt động”, khoản 11 viết lại thành: “Tổ chức tín dụng nước ngoài được* ***hoạt động*** *thương mại tại Việt Nam...”.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều I Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS) của WTO, hiện diện thương mại là phương thức cung ứng dịch vụ của một thành viên, thông qua việc thành lập một hiện diện thương mại ở lãnh thổ của một nước thành viên khác. Quy định TCTD nước ngoài được hiện diện thương mại ở Việt Nam dưới một số hình thức là phù hợp với định nghĩa của GATS và đã thực hiện ổn định trong thời gian qua, do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa thuật ngữ “vốn tự có” thành “vốn chủ sở hữu” tại khoản 16 để phù hợp với ngôn ngữ thông dụng trong quản lý tài chính của các doanh nghiệp bao gồm cả ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: khái niệm “vốn tự có” được thống nhất sử dụng theo thông lệ quốc tế (theo Ủy ban Basel) trong quá trình thanh tra, giám sát và là tiêu chí để xác định các giới hạn an toàn trong hoạt động của TCTD. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin điều chỉnh, làm rõ quy định như sau: *“Vốn tự có gồm giá trị thực của vốn điều lệ của TCTD hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cộng một số quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác, trừ đi các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.*

*- Có ý kiến đề nghị chuyển cụm từ “giấy phép” thành “giấy chứng nhận” tại khoản 17, bao gồm cả giấy chứng nhận thành lập, giấy chứng nhận hoạt động của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Thuật ngữ “Giấy phép” theo quy định tại Luật này gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do NHNN cấp; văn bản của NHNN về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. Thuật ngữ này đã được sử dụng ổn định trong nhiều năm qua, không phát sinh khó khăn, vướng mắc và tương tự như Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng cần định nghĩa thế nào là “thường xuyên” tại khoản 18 để xác định ranh giới giữa hoạt động ngân hàng của TCTD và hoạt động của các tổ chức khác, do trên thực tế, nhiều loại doanh nghiệp khác có thể được phép thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ này.*

UBTVQH xin báo cáo: khác với doanh nghiệp thông thường, TCTD có những đặc thù, phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ để được cấp phép thành lập và hoạt động cũng như phải đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động do huy động vốn của dân cư, tổ chức. Đây là đặc điểm phân biệt giữa hoạt động ngân hàng của TCTD và hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp khác. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “và các hình thức nhận tiền gửi khác” tại khoản 19 như sau: “Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận*”.

UBTVQH xin báo cáo: Sản phẩm, dịch vụ của ngành ngân hàng có tính đa dạng, thay đổi thường xuyên để cập nhật, tiệm cận với sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng của khách hàng. Do vậy, việc quy định “các hình thức tiền gửi khác” để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đồng thời, để bảo đảm hoạt động phù hợp và có khuôn khổ pháp lý triển khai thực hiện, tại khoản 3 Điều 99 của dự thảo Luật quy định: *“Hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước”.*

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi khoản 19 như sau: “19. Nhận tiền gửi là hoạt động* ***của các tổ chức tín dụng được thành lập hợp pháp*** *nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận*”. *Thực tế một số nơi có tình trạng doanh nghiệp không có chức năng huy động vốn hoặc nhận tiền gửi… nhưng đã lạm dụng tín nhiệm nhận tiền gửi của người dân khi gặp rủi ro trong kinh doanh dẫn đến mất khả năng chi trả, gây thiệt hại cho người gửi tiền và mất ổn định trật tự xã hội*.

UBTVQH xin báo cáo: tại khoản 2 Điều 8 của dự thảo Luật quy định: “Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán”. Hoạt động nhận tiền gửi theo quy định tại Luật này là hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng với tư cách là trung gian tài chính, theo đó, huy động tiền gửi để cho vay và cung cấp các dịch vụ khác cho khách hàng; đồng thời phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ trong thành lập và hoạt động. Các tổ chức, cá nhân không phải TCTD được quyền định đoạt tài sản gồm cả cho vay theo pháp luật dân sự nhưng pháp luật dân sự không quy định về việc huy động vốn và việc dùng tiền đi vay để cho vay như các TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm “thư tín dụng” và các nghiệp vụ liên quan đến thư tín dụng là cấp tín dụng: “Phát hành, xác nhận, cam kết hoàn trả thư tín dụng, chấp nhận thanh toán bộ chứng từ theo thư tín dụng là hình thức cấp tín dụng theo Tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế ban hành.”.*

*Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải thích từ ngữ về thư tín dụng theo hướng: “Thư tín dụng là cam kết không hủy ngang của Ngân hàng phát hành về việc thanh toán một xuất trình phù hợp theo thư tín dụng. Khi thực hiện nghiệp vụ Thư tín dụng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cung cấp một số dịch vụ khác kèm theo trong hoạt động Thư tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.” do trong nghiệp vụ thư tín dụng mà hiện nay các ngân hàng đang cung ứng cho khách hàng có rất nhiều mảng dịch vụ không phát sinh cam kết của ngân hàng cung ứng dịch vụ (như thông báo L/C cho người hưởng; thanh toán bộ chứng từ cho người hưởng; chuyển nhượng thư tín dụng, thương lượng thanh toán*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin bổ sung định nghĩa về thư tín dụng tại khoản 25 Điều 4: “Thư tín dụng là việc cấp tín dụng thông qua các nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng”; bổ sung tại điểm đ khoản 1 Điều 114 của dự thảo Luật “các dịch vụ khác liên quan đến thư tín dụng” để bảo đảm đầy đủ các nghiệp vụ của thư tín dụng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị liệt kê các hình thức cấp tín dụng chủ yếu của các tổ chức tín dụng mà không nên đưa ra khái niệm về cấp tín dụng. Cấp tín dụng chính là chuyển nhượng quyền sở hữu số tiền nhất định hoặc cam kết chuyển nhượng quyền sở hữu số tiền nhất định từ bên cấp tín dụng sang bên được cấp tín dụng theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Hiện Dự thảo chỉ đề cập tới việc sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết sử dụng một khoản tiền (sử dụng là một trong ba quyền năng của chủ sở hữu) là chưa phù hợp với bản chất của quyền sở hữu.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: khái niệm “Cấp tín dụng” tại dự thảo Luật được kế thừa từ Luật hiện hành. Đối với các hình thức cấp tín dụng cụ thể đã được quy định tại khoản 3 Điều 107, Điều 115, Điều 120, Điều 126, Điều 127, Điều 131 của dự thảo Luật (tương ứng với từng loại hình TCTD). Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác” ở cuối khoản 20 vì thực tế các TCTD và các bên liên quan không thể xác định được thế nào là “các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”. Khoản 20 viết lại như sau “Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng”.*

UBTVQH xin báo cáo: Sản phẩm, dịch vụ của ngành ngân hàng có tính đa dạng, thay đổi thường xuyên để cập nhật, tiệm cận với sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng của khách hàng. Do vậy, việc quy định “các hình thức tiền gửi khác” để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đồng thời, để bảo đảm hoạt động phù hợp, chặt chẽ và có khuôn khổ pháp lý triển khai thực hiện, tại khoản 3 Điều 107 của dự thảo Luật đã quy định hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại gồm *“Hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận”*.

*- Có ý kiến cho rằng quy định về cấp tín dụng chưa bao quát được hết tất cả các hình thức cấp tín dụng, tạo rào cản pháp lý đối với nghĩa vụ trong tương lai và việc thanh toán nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm; việc giải thích “cho vay” chỉ bó hẹp trong một thời hạn nhất định với nguyên tắc hoàn trả gốc và lãi.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 20 Điều 4 của dự thảo Luật quy định khái niệm cấp tín dụng, trong đó hoạt động cho vay chỉ là một trong các nghiệp vụ cấp tín dụng. Ngoài hoạt động cho vay thì cấp tín dụng còn có các nghiệp vụ cụ thể khác như: chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Nguyên tắc cho vay có thời hạn và có hoàn trả gốc, lãi là nguyên tắc chung cho các hoạt động cho vay, phù hợp với vai trò trung gian tài chính, luân chuyển dòng vốn của TCTD. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định pháp lý về thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm, do quy định tại khoản 22 chưa bao quát và thiếu tính chặt chẽ: “Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”.*

UBTVQH xin báo cáo:

+ Khoản 1 và khoản 2 Điều 103 của dự thảo Luật quy định: “1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm. 2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

+ Chương XII của dự thảo Luật quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; trong đó có cơ chế mua, bán, xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

Như vậy, cơ chế thu hồi nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm đã được quy định trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 22 như sau: “Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao**hoặc* ***tài trợ*** *cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi cho bên cho vay.”. Vì thực tế có trường hợp TCTD không trực tiếp giải ngân, giao tiền cho khách hàng mà sẽ tài trợ cho bên thứ ba, việc bổ sung thuật ngữ “tài trợ” sẽ phù hợp và bao quát cho trường hợp này.*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “tài trợ” có phạm vi khá rộng, bao gồm nhiều hoạt động chưa được cụ thể hóa. Trong khi đó, việc TCTD giải ngân trực tiếp cho khách hàng hoặc bên thụ hưởng (bên thứ ba) chỉ là cách thức giải ngân vốn vay và vẫn là quan hệ hệ cho vay giữa TCTD với khách hàng; theo đó, quy định tại khoản 22 Điều 4 của dự thảo Luật không bị vướng mắc trong trường hợp giải ngân vốn vay cho bên thụ hưởng.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ một số tài sản đặc thù có được xem là hàng hóa hay không, do quy định bao thanh toán chỉ áp dụng cho hàng hóa. Ví dụ như hợp đồng thuê, hợp đồng chuyển giao quyền cũng phát sinh các khoản phải thu, phải trả nhưng không áp dụng được vì đó không phải là hàng hóa.*

UBTVQH xin báo cáo: Các khoản 2, 8 và 9 Điều 3 Luật Thương mại đã có quy định cụ thể về hàng hóa, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại. Do vậy, dự thảo Luật không tiếp tục quy định các khái niệm này.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định về bao thanh toán miễn truy đòi tại khoản 23 Điều 4 dự thảo thành: “Bao thanh toán là việc mua lại* ***có truy đòi hoặc miễn truy đòi*** *các khoản phải thu …”. Do căn cứ khái niệm về bao thanh toán của Hiệp hội bao thanh toán quốc tế FCI thì đại lý bao thanh toán có thể bao thanh toán có truy đòi bên bán (trường hợp không có đảm bảo rủi ro tín dụng bên mua) hoặc bao thanh toán miễn truy đòi bên bán, có truy đòi từ bên mua (trường hợp có đảm bảo rủi ro tín dụng bên mua).*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đưa ra khái niệm chung về bao thanh toán; đối với bao thanh toán có truy đòi hoặc miễn truy đòi sẽ được quy định cụ thể theo hướng dẫn của NHNN.

*- Có ý kiến đề nghị giải thích rõ quy định “Khi thực hiện bao thanh toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cung cấp một số dịch vụ khác kèm theo” tại khoản 23 Điều 4 dự thảo Luật là những dịch vụ gì, theo văn bản pháp quy nào, do cấp thẩm quyền nào ban hành.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại điểm đ khoản 1 Điều 114, điểm e khoản 1 Điều 119 và điểm h khoản 1 Điều 124 dự thảo Luật quy định hoạt động khác theo hướng dẫn của NHNN bao gồm các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán. Theo đó, sau khi Luật được thông qua, NHNN sẽ ban hành văn bản hướng dẫn đối với nội dung này.

*- Có ý kiến đề nghị tại khoản 23 rà soát lại khái niệm về “bao thanh toán”, bảo đảm không có sự khác biệt giữa khái niệm “bao thanh toán” của Việt Nam với thông lệ quốc tế.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý khoản 23 Điều 4 như sau: “Bao thanh toán là việc mua lại các khoản phải thu của bên bán hàng hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng hóa cung ứng dịch vụ giữa bên mua hàng và bên bán hàng”. Khái niệm này là phù hợp với thông lệ quốc tế (Công ước Unidroit 1998, Hiệp hội FCI và GRIF).

*- Có ý kiến đề nghị viết lại khoản 24 thành: “Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng theo quy định của pháp luật dân sự.” cho đầy đủ vì có nhiều vấn đề liên quan đến bảo lãnh không thể liệt kê hết* *(như phạm vi bảo lãnh,* *thù lao**, nhiều người cùng bảo lãnh...).*

UBTVQH xin báo cáo: Nghiệp vụ “bảo lãnh ngân hàng” có những tính chất đặc thù, không hoàn toàn trùng khớp với “bảo lãnh” quy định trong Bộ luật Dân sự (ví dụ như: phạm vi bảo lãnh của bên bảo lãnh trong bảo lãnh ngân hàng chỉ là “*thực hiện nghĩa vụ tài chính thay”* trong khi theo Bộ luật Dân sự là thực hiện *“nghĩa vụ thay”,* tức là bao gồm các loại nghĩa vụ, không chỉ là nghĩa vụ tài chính). Hiện nay hoạt động bảo lãnh ngân hàng đang được NHNN hướng dẫn theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-NHNN của NHNN; các nội dung quy định trong Thông tư này về cơ bản đã bao quát hầu hết các điều trong Bộ luật Dân sự, trừ một số nội dung đặc thù theo đối với TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định liên quan đến nghiệp vụ “chiết khấu miễn truy đòi”, chiết khấu bộ chứng từ xuất trình theo Thư tín dụng hoặc Nhờ thu, do đây là hoạt động thực tiễn trong thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đang được sử dụng phổ biến hiện nay. Đề nghị sửa khoản 26 Điều 4 dự thảo thành: “Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi* ***hoặc******miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, bộ chứng từ nhờ thu****, các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.”. Có ý kiến đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 26 Điều 4 thành “Chiết khấu là việc mua* ***các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán****.”.*

UBTVQH xin báo cáo: định nghĩa về chiết khấu tại dự thảo Luật đã phù hợp với Luật Các công cụ chuyển nhượng, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc thay cụm từ “mua cổ phần” bằng “góp cổ phần”, thay cụm từ “góp vốn” bằng “góp vốn chủ sở hữu” tại khoản 31.*

UBTVQH xin báo cáo: Các thuật ngữ này đang được sử dụng ổn định tại Luật Các TCTD hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và không gặp khó khăn, vướng mắc trong cách hiểu. Do đó, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị có quy định cụ thể, làm rõ nội dung “Khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên” tại**khoản 32.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo quy định tại dự thảo Luật, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên được thông qua theo những tỷ lệ nhất định. Khoản đầu tư dưới hinh thức góp vốn, mua cổ phần đủ để chi phối được hiểu là khoản đầu từ mà nhà đầu tư sẽ chiếm tỷ lệ đa số đủ để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên. Cụm từ “chi phối” hiện cũng được dùng phổ biến tại Luật doanh nghiệp, các văn bản liên quan khác. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị viết lại khoản 33 như sau: “33. Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng* ***cổ phần*** *là cổ đông sở hữu* ***cả trực tiếp và gián tiếp*** *từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó;”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin chỉnh lý như sau: “Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là cổ đông sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp”. Đồng thời, khoản 34 Điều 4 của dự thảo Luật đã định nghĩa về sở hữu gián tiếp, bảo đảm rõ nghĩa cho quy định tại khoản 33..

*- Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 35 về công ty liên kết của TCTD là đang hợp pháp hóa việc công ty bảo hiểm liên kết với ngân hàng nhằm thông qua mạng lưới phòng giao dịch, chi nhánh và nguồn khách hàng hiện có của ngân hàng để bán bảo hiểm, điển hình như các trường hợp ép khách hàng mua bảo hiểm khi khách hàng muốn tiếp cận tín dụng để vay vốn.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 35 Điều 4 chỉ định nghĩa về công ty liên kết. Việc ngân hàng thương mại thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực bảo hiểm được quy định tại Điều 111 và phải được NHNN chấp thuận (khoản 5 Điều 111). Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm của ngân hàng thương mại được quy định tại Điều 113; khi thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm hoặc đại lý bảo hiểm thì phải tuân thủ quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, theo đó, khoản 5 Điều 9 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định hành vi bị cấm gồm “đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm”. Do vậy, trường hợp ép khách hàng như nêu trên là vi phạm quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư 67/2023/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong đó quy định TCTD không được tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư cho khách hàng trong thời hạn trước 60 ngày và sau 60 ngày kể từ ngày giải ngân toàn bộ khoản vay.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ các nội dung về khái niệm “gián tiếp bổ nhiệm” – tại điểm b; khái niệm“trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty con” tại điểm d khoản 38.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý như sau: “Công ty con của TCTD là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: … b) TCTD có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đó;”

*- Có ý kiến đề nghị quy định lại, giải thích rõ khái niệm “Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc” tại khoản 39 về “người quản lý tổ chức tín dụng” và “Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc” tại khoản 40 về “Người điều hành tổ chức tín dụng” có giống nhau hay không. Do nội dung giải thích từ ngữ tại 02 khoản này chỉ mang tính liệt kê các chức danh quản lý, điều hành mà không định nghĩa, giải thích được bản chất của hai từ ngữ “người quản lý tổ chức tín dụng” và “người điều hành tổ chức tín dụng”. Trường hợp có sự khác nhau thì cần giải thích rõ để thực hiện thống nhất, vì trong nội dung dự thảo Luật có trường hợp chỉ quy định đối với “người quản lý” hoặc “người điều hành”.*

UBTVQH xin báo cáo: Điểm a khoản 2 Điều 43 của dự thảo Luật quy định cho phép thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của TCTD. Do vậy, có trường hợp Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc vừa là người quản lý, vừa là người điều hành của TCTD. Khi đó, Tổng Giám đốc phải tuân thủ các điều kiện, tiêu chuẩn của cả người điều hành và người quản lý tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xác định cụ thể tại khoản 41 thế nào là “nhiều”, giúp tổ chức tín dụng có cơ sở áp dụng thống nhất trên thực tế.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đã định nghĩa rút tiền hàng loạt dẫn đến tình trạng tổ chức tín dụng mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả và giao NHNN quy định, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Một số ý kiến đề nghị xem xét, làm rõ và quy định cụ thể nội dung “tình trạng theo quy định của Luật này” tại khoản 42 là tình trạng gì, có phải là các trường hợp phải áp dụng biện pháp can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 dự thảo Luật hay không. Nếu đó là các trường hợp phải áp dụng biện pháp can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 dự thảo Luật thì quy định trên nên được giải thích theo hướng “Can thiệp sớm là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này.”.*

*Có ý kiến đề nghị viết lại khoản 42 dự thảo Luật như sau: “Can thiệp sớm là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng* ***hoạt động không bình thường*** *theo quy định của Luật này;” do dự thảo Luật chỉ nêu việc khắc phục tình trạng theo quy định của Luật này nhưng không nêu rõ được là tình trạng gì, quy định cụ thể tại điều, khoản nào.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH và để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, UBTVQH xin chỉnh lý khoản 42 như sau: “Can thiệp sớm là cơ chế Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này”.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa lại nội dung giải thích từ ngữ tại khoản 43 đối với “kiểm soát đặc biệt” như sau: “43. Kiểm soát đặc biệt là việc Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp khi tổ chức tín dụng rơi vào một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật này.”, để bảo đảm quy định rõ ràng, cụ thể hơn.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như khoản 43 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị viết lại khoản 41 dự thảo Luật như sau: “41. Bên nhận chuyển giao là một hoặc một số nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định* ***hoặc được chỉ định*** *nhận chuyển giao bắt buộc;”.*

UBTVQH xin báo cáo: do quy định này chỉ đề cập đến các đối tượng là bên nhận chuyển giao, do vậy, UBTVQH xin tiếp thu theo hướng chuyển quy định này về Điều 175 của dự thảo Luật, quy định rõ các nhà đầu tư được nhận chuyển giao, điều kiện đối với nhà đầu tư đó khi nhận chuyển giao bắt buộc.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng là “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 42 dự thảo Luật như sau: “42. Tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động, hỗ trợ tài chính cho tổ chức tín dụng,* ***chi nhánh ngân hàng nước ngoài*** *được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt.”.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 3 Điều 29 của dự thảo Luật quy định điều kiện cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài: “Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này”. Như vậy, trong trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài có sự kiện xảy ra ảnh hưởng đến an toàn hoạt động, bao gồm cả can thiệp sớm chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì luôn có ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài bảo đảm cho hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam, không cần đến TCTD hỗ trợ, do vậy UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm các khái niệm về tư vấn tài chính, công ty tư vấn tài chính, xử lý nợ; khái niệm “bất khả kháng”,* *“Thanh toán séc”; “cổ phần”, “ngoại hối”, “tín phiếu”, “trái phiếu”*

UBTVQH xin báo cáo: Các khái niệm đại biểu đề cập đã được quy định tại các luật có liên quan hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này, cụ thể: (1) Khái niệm bất khả kháng đã được quy định cụ thể tại Điều 156 của Bộ luật Dân sự:; (2) Khái niệm “công ty tư vấn tài chính”, dự thảo Luật không điều chỉnh đối tượng là công ty tư vấn tài chính; (3) Khái niệm về thanh toán séc theo pháp luật về các công cụ chuyển nhượng, khái niệm ngoại hối theo pháp luật về ngoại hối; về tín phiếu là hoạt động của NHNN, do đó được quy định tại Luật NHNN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này; (4) Khái niệm về trái phiếu đã được quy định tại Luật Chứng khoán. Về khái niệm tư vấn tài chính: dự thảo Luật điều chỉnh hoạt động tư vấn của TCTD là “*tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép*”, phù hợp với phạm vi hoạt động của các TCTD và bảo đảm nội hàm rõ ràng, thống nhất khi triển khai thực hiện.

*- Có ý kiến cho rằng, đối với một số thuật ngữ xuất hiện nhiều lần trong dự thảo Luật nhưng chưa được giải thích rõ ràng, như: “nợ xấu”, “ngân hàng chính sách”, “ngân hàng chính sách xã hội”, “ngân hàng thương mại”, “công ty tài chính”; cần làm rõ sự khác biệt giữa “ngân hàng chính sách” và “ngân hàng thương mại”.*

UBTVQH xin báo cáo: các khái niệm nêu trên đã được giải thích tại Điều 4 hoặc làm rõ tại các điều, khoản cụ thể tại các Chương có nội dung liên quan, như khái niệm “nợ xấu” được quy định tại Chương XII; “Ngân hàng chính sách” quy định tại Chương II; “Ngân hàng thương mại” và “Công ty tài chính” quy định tại Điều 4 dự thảo Luật.

Việc phân định giữa “ngân hàng chính sách” và “ngân hàng thương mại”, cũng đã thể hiện tại Điều 4 và Chương II của dự thảo Luật; theo đó, ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu lợi nhuận, ngân hàng chính sách thực hiện các hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

*- Có ý kiến đề nghị giải thích từ ngữ đối với cụm từ “Ngân hàng thương mại nhà nước” như sau: “Ngân hàng thương mại nhà nước là ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm:*

*a) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*b) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, trừ Ngân hàng thương mại quy định tại điểm a, khoản này”.*

*Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn khái niệm “Ngân hàng thương mại nhà nước” tại khoản 2 Điều 6; cần nghiên cứu, sửa đổi thành “Ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên” để bảo đảm thống nhất với khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong Luật Doanh nghiệp.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định về ngân hàng thương mại nhà nước tại khoản 2 Điều 6 của dự thảo Luật để làm rõ hình thức tổ chức là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Việc áp dụng các quy định của Luật này so với ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ chỉ khác biệt theo hình thức tổ chức. Đối với các nội dung khác có liên quan đến sở hữu của Nhà nước vẫn phải tuân thủ các quy định của luật có liên quan như Luật Quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động của ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vẫn đang thực hiện ổn định trong thời gian qua. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị chuyển nội dung khái niệm về “ngân hàng chính sách” tại Điều 16 Chương II lên Điều này và thể hiện như sau: “****Ngân hàng chính sách là loại hình ngân hàng hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước****”.*

UBTVQH xin báo cáo: tiếp thu ý kiến của ĐBQH tại Kỳ họp thứ 5, UBTVQH đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung 01 Chương về ngân hàng chính sách, trong đó khoản 1 Điều 16 quy định về việc thành lập và hoạt động của ngân hàng chính sách (do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận); đồng thời yêu cầu Chính phủ nghiên cứu xây dựng Luật riêng về ngân hàng chính sách. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với “giấy tờ có giá” và “phát hành giấy tờ có giá” như sau: “****Phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn.****”*

UBTVQH xin báo cáo: khái niệm “giấy tờ có giá” được quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, khái niệm “phát hành” được quy định tại Luật Các công cụ chuyển nhượng. Do vậy, UBTVQH xin không bổ sung khái niệm này vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị thiết kế khái niệm nợ xấu như sau: “****Nợ xấu là khoản nợ khó đòi mà người vay không thể trả nợ khi đến hạn phải trả như cam kết trong hợp đồng tín dụng****”, do nợ xấu được quy định tại điều này chỉ tồn tại trên sổ sách của hệ thống ngân hàng hoặc ngoài bảng kế toán ngân hàng, đối với người dân hoặc các tổ chức thì chưa có khái niệm áp dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật chỉ bao gồm các khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nợ xấu tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã mua của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng chưa thu hồi được nợ (Điều 185 của dự thảo Luật). Các khoản vay giữa tổ chức, cá nhân không phải với TCTD được thực hiện theo Bộ luật Dân sự. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần định nghĩa một cách khái quát về thuật ngữ “Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu” để khẳng định vai trò, trách nhiệm của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) trong dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: tại khoản 4 Điều 2 của dự thảo Luật đã quy định “tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu” là viết tắt của “Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ” mà hiện nay gồm VAMC và DATC.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, TCTD và các tổ chức khác để Chính phủ có căn cứ quy định cụ thể hoạt động của các chương trình, dự án này.*

UBTVQH xin báo cáo: Do dự thảo Luật không điều chỉnh đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô, UBTVQH chỉ quy định chuyển tiếp đối với các dự án tài chính vi mô đang được thực hiện theo quy định của Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (do đang được quy định tại điều khoản chuyển tiếp của Luật hiện hành). Trường hợp cần thiết xây dựng văn bản của Chính phủ quy định về hoạt động của các chương trình này thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, sắp xếp lại thứ tự các khoản theo hướng chuyển các khoản 36, 37 và 38 Điều 4 lên trước khoản 35 Điều 4. Do các khoản 36, 37 và 38 đưa ra định nghĩa về công ty con của tổ chức tín dụng, người quản lý tổ chức tín dụng, người điều hành tổ chức tín dụng, trong khi đó tại khoản 35 Điều 4 định nghĩa về người liên quan có đề cập đến các đối tượng trên, việc sắp xếp lại sẽ bảo đảm tính logic, phù hợp hơn.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị sắp xếp lại các khoản của Điều 4 theo thứ tự chữ cái.*

UBTVQH xin báo cáo: Các khái niệm tại Điều 4 được sắp xếp theo thứ tự về các nội dung có lieen quan đến nhau, bảo đảm việc theo dõi được liền mạch, rõ ràng. Ví dụ như việc giải thích các khái niệm liền nhau cùng liên quan đến giải thích các loại hình TCTD, cụ thể: TCTD, ngân hàng, ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng... Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

##### \* Về khái niệm “người có liên quan” (khoản 38 Điều 4)

*- Có ý kiến cho rằng, khái niệm “người có liên quan” được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Do đó, đề nghị rà soát điều chỉnh đồng bộ với các quy định hiện hành để bảo đảm chặt chẽ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (Ví dụ: theo quy định tại điểm a khoản 38 Điều 4 của dự thảo Luật thì người có liên quan là “thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ”, khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp quy định về “người có liên quan” không có đối tượng là thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ mà chỉ có kiểm soát viên).*

*Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, rà soát và tham khảo quy định về người có liên quan của Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp để bao trùm hết các đối tượng có liên quan, nhằm thuận tiện cho quá trình triển khai áp dụng Luật trên thực tế.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét, làm rõ các đối tượng “anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, con rể, bố nuôi, mẹ nuôi” có thuộc phạm vi là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hay không, để thống nhất và đồng bộ với Luật Doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp không đề cập đến các đối tượng được mở rộng tại dự thảo Luật như “ông bà nội, ông bà ngoại, cháu nội, cháu ngoại, bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột” nhưng lại cụ thể hóa một số đối tượng khác được xem là người có liên quan như anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, con rể, bố nuôi, mẹ nuôi.*

UBTVQH xin báo cáo: Khái niệm “người có liên quan” cần gắn với đặc thù hoạt động của từng lĩnh vực. Khái niệm “người có liên quan” tại Luật Các TCTD là nhằm hạn chế tình trạng thao túng TCTD, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền; khác với khái niệm này tại Luật Chứng khoán nhằm mục tiêu bảo vệ nhà đầu tư, cũng như khác với khái niệm “người có liên quan” tại Luật Doanh nghiệp. Do đó, khái niệm “người có liên quan” của Luật Các TCTD vừa thống nhất vừa có khác biệt so với khái niệm người có liên quan tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định về khái niệm người có liên quan theo hướng phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình trong việc xác định quan hệ gia đình.

***- Điểm a:***

*+ Có ý kiến đề nghị xem lại quy định tại điểm a khoản 38 để thống nhất với Luật Doanh nghiệp. Theo quy định tại điểm a khoản 38 thì người có liên quan là “thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ”, trong khi khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp quy định về “người có liên quan” không có đối tượng là thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ mà chỉ có kiểm soát viên. Thực tiễn thì tất cả những người trong Ban kiểm soát không phải ai cũng đều là kiểm soát viên.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin chỉnh lý tại điểm a khoản 38 thành: “… kiểm soát viên của công ty mẹ hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng”.

*+ Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ”, viết lại điểm a khoản 38 như sau: “Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại.” vì các công ty con của công ty đã được xem là đối tượng liên quan, không cần quy định thêm công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ.*

UBTVQH xin báo cáo: trường hợp chỉ quy định công ty con của công ty mẹ là người có liên quan chưa bao hàm được quan hệ giữa các công ty con của một công ty mẹ, do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

***- Điểm c:*** *Có ý kiến đề nghị xem xét quy định thống nhất tối đa số phần trăm vốn điều lệ của một cổ đông là cá nhân được sở hữu trong một tổ chức tín dụng tại điểm c khoản 38 để tránh mâu thuẫn với khoản 1 Điều 63.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét lại cụm từ “trở lên” tại điểm c và điểm đ khoản 33 để bảo đảm hợp lý vì khi đã quy định % vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần thì không cần thiết quy định thêm cụm từ “trở lên” mới có quyền biểu quyết.*

UBTVQH xin báo cáo: tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc TCTD là cổ đông lớn theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Các TCTD. Quy định này không mâu thuẫn với khoản 1 Điều 63 của dự thảo Luật, do vậy UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

***- Điểm d:***

*+ Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, rà soát mở rộng các đối tượng người có liên quan tại điểm d khoản 38 để rõ ràng hơn và thống nhất với điểm đ khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hiện hành, cụ thể thiết kế như sau: “d) Cá nhân với vợ, chồng;* ***bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ; con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu; anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;*** *ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và ngược lại”.*

*Có ý kiến đề nghị sửa đổi lại điểm d khoản 38 Điều 4 như sau: “Cá nhân với vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu và ngược lại.”, cho rõ ràng, thống nhất, phù hợp với điểm đ khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.*

*Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại điểm d khoản 38 đối tượng có liên quan đến cá nhân như: cha mẹ bên vợ, bên chồng; cha mẹ nuôi, con nuôi cho trường hợp là con nuôi hoặc nuôi con nuôi. Có ý kiến cho rằng, để bảo đảm tính phù hợp với Bộ luật Dân sự, thì nên bổ sung thêm đối tượng cụ nội, cụ ngoại và chắt ruột của những người này.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để bảo đảm rõ ràng trong triển khai thực hiện, UBTVQH xin chỉnh lý theo hướng quy định rõ các đối tượng là người có quan hệ gia đình tại khoản này như sau: “Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị, em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột”;

*+ Có ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định theo Luật hiện hành đối với người có liên quan là cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân tại điểm d khoản 38, chỉ bao gồm “Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này” do nhóm người có liên quan được quy định tại các điểm khác đã bảo đảm sự rõ ràng trong việc xác định người có liên quan tại dự thảo Luật.*

*Có ý kiến đề nghị quy định nội dung tại điểm d khoản 38 theo hướng cha, mẹ, anh, chị, con ruột thịt, cùng huyết thống.*

*Có ý kiến cho rằng việc mở rộng phạm vi quy định về người có liên quan có thể gây ra khó khăn trong tìm kiếm nhân sự quản lý của TCTD, hạn chế đóng góp công sức, trí tuệ đối với các quỹ tín dụng nhân dân. Do đó, ngoài các nội dung được thiết kế tại điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Luật, đề nghị tiếp tục rà soát để quy định về người có liên quan theo hướng phù hợp với từng đối tượng tham gia TCTD như người quản lý, người điều hành, khách hàng.*

*- Một số ý kiến đề nghị không áp dụng quy định tại điểm a và điểm e khoản 38 đối với loại hình QTDND, vì thực tế khách hàng của QTNDN chủ yếu là cá nhân, pháp nhân chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng dư nợ của quỹ hiện tại. Việc áp dụng chung các quy định về người có liên quan như các loại hình khác, sẽ gây khó khăn cho hoạt động của các QTDND.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung vào điểm d khoản 38 như sau: “d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ; con; anh, chị, em; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và ngược lại.* ***Riêng đối với quỹ tín dụng nhân dân chỉ bao gồm cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này.****”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trên cơ sở ý kiến đề xuất của Chính phủ, UBTVQH xin chỉnh lý quy định về người có liên quan đối với khách hàng cho vay của QTDND theo hướng thu hẹp hơn so với quy định tại dự thảo Luật để phù hợp hơn với quy mô của QTDND, bảo đảm hoạt động cấp tín dụng của QTDND được ổn định, không gây xáo trộn. Cụ thể:

(i) Không áp dụng quy định tại điểm a, e khoản 38 Điều 4 đối với QTDND do trên thực tế quy mô dư nợ tín dụng của khách hàng là pháp nhân chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng dư nợ của QTDND.

(ii) Đối với người có liên quan là cá nhân của QTDND tại điểm d khoản 38 Điều 4 giữ nguyên theo Luật các TCTD hiện hành, chỉ bao gồm “Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;”.

Trên cơ sở đó, bổ sung điểm h vào khoản 38 Điều 4 dự thảo Luật như sau:

“h. Người có liên quan với khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm các trường hợp quy định tại điểm b, c, đ, g khoản này, cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này và ngược lại.”.

*+ Có ý kiến cho rằng các mối quan hệ được quy định tại điểm d khoản 38 rất rộng và phức tạp, gây khó khăn cho khách hàng vay vốn trong công tác xác định, khai báo và khó khăn cho các tổ chức tín dụng trong việc quản lý thông tin và quản lý giới hạn của khách hàng.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, khoản 3 Điều 102 của dự thảo Luật quy định: “Khách hàng phải cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và thông tin về người có liên quan cho tổ chức tín dụng khi đề nghị cấp tín dụng. Ngân hàng Nhà nước quy định việc xác định khách hàng, thông tin phải cung cấp”.

*+ Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và ngược lại” tại điểm d khoản 38, vì việc yêu cầu tổ chức tín dụng có các chức danh quản lý, điều hành phải công khai, công bố thông tin tại Điều 49 với các mục đích giới hạn cấp tín dụng là rất phức tạp, gây khó khăn cho hoạt động của các tổ chức tín dụng trong việc thu thập các thông tin người có liên quan khi khách hàng có nhu cầu tiếp cận vay vốn ngân hàng.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý quy định tại Điều 49 của dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể thông tin mà TCTD phải công khai trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD, không bao gồm thông tin về người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên.

***- Điểm e:*** *Có ý kiến cho rằng, tại điểm e khoản 38 quy định “Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân” có thể được hiểu theo phạm vi rất rộng. Cần quy định cụ thể việc ủy quyền đại diện trong trường hợp nào được xác định là người có liên quan.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại điểm e khoản 38 Điều 4 của dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng: “e) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau”.

***- Điểm g:*** *Có ý kiến đề nghị bỏ nội dung “theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc” tại điểm g khoản 38, vì thực tế các tổ chức tín dụng sẽ không tự xác định thêm các đối tượng nào khác ngoài các đối tượng đã được Luật Các tổ chức tín dụng quy định cụ thể.*

UBTVQH xin báo cáo: trên thực tiễn có thể phát sinh pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, do vậy, dự thảo Luật quy định việc xác định các đối tượng này theo quy định nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tùy thuộc theo khẩu vị rủi ro của từng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng với mục tiêu bảo đảm an toàn hoạt động. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc thay thuật ngữ “bên có lợi ích liên quan” hoặc “cá nhân, pháp nhân có lợi ích liên quan” thay vì “người có liên quan” vì người là không thể bao quát hết cho các tổ chức.*

UBTVQH xin báo cáo: Dự thảo Luật đã quy định khái niệm người có liên quan (khoản 38 Điều 4). Theo đó, người có liên quan đã bao gồm cả tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp… Khái niệm về người có liên quan hiện cũng đang được sử dụng ổn định tại Luật Các TCTD hiện hành cũng như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin được giữ thuật ngữ này như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần đánh giá cụ thể quy định về người có liên quan đã giải quyết được khó khăn, vướng mắc mà báo cáo của NHNN về việc kiểm soát sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan hay chưa? Đối với việc xác định người có liên quan hiện nay không chỉ có quan hệ gia đình, mà còn có những quan hệ giữa cán bộ, giữa người chủ và người đi làm thuê, kể cả lái xe đứng tên công ty và có thể ủy quyền không công khai. Ngoài ra, trong quy định của dự thảo Luật phát sinh trường hợp kê khai không biết mình có quan hệ với những người liên quan. Do đó, đề nghị tiếp tục rà soát các quan hệ này.*

*Ý kiến khác đề nghị cần phải nghiên cứu sửa đổi các quy định về khái niệm "người có liên quan" hoặc thiết kế theo hướng phải bảo đảm: (i) phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngân hàng, đặc thù của hoạt động ngân hàng, bám sát những quy định trong quá trình thanh tra, giám sát về ngân hàng; (ii) có quy định về độ mở nhất định để đảm bảo về khả năng cập nhật trong thực tế, vì phương án liệt kê như dự thảo Luật có thể thiếu tính dự báo.*

UBTVQH xin báo cáo: xem xét, điều chỉnh quy định về người có liên quan là một trong những giải pháp để **hạn chế** việc thao túng, chi phối TCTD. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật cũng đã có những điều chỉnh phù hợp hơn với QTDND cũng như giao NHNN hướng dẫn về khách hàng, thông tin phải cung cấp khi đề nghị cấp tín dụng, trong đó có thông tin về người có liên quan, bảo đảm phù hợp với loại hình TCTD. Trong thời gian tới, khi cơ sở dữ liệu về dân cư, đăng ký kinh doanh hoàn thiện sẽ là một trong các nguồn thông tin để xác định người có liên quan.

### 6. Về sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 5)

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể việc sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu không quy định cụ thể được thì đề nghị bỏ. Có ý kiến đề nghị quy định rõ và cụ thể hơn về quy định sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng, tránh tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau trong tổ chức thực hiện, đặc biệt là trong đăng ký kinh doanh của các cơ quan, để hạn chế xảy ra khiếu kiện, khiếu nại.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng bảo đảm chặt chẽ hơn, cụ thể: “Tổ chức không phải là TCTD, *chi nhánh ngân hàng nước ngoài* không được phép sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “TCTD”, “ngân hàng”, *“công ty tài chính”, “công ty cho thuê tài chính”, “tổ chức tài chính vi mô”*, “quỹ tín dụng nhân dân” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong các phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức của mình là một TCTD, *chi nhánh ngân hàng nước ngoài*”.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thay các cụm từ “thuật ngữ” bằng cụm từ “từ ngữ” đối với các cụm từ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”, “quỹ tín dụng nhân dân”, “công ty cho thuê tài chính” để bảo đảm sự thống nhất với các khoản 1, 2, 7 và 9 Điều 4 có quy định nội dung về “giải thích từ ngữ” và các điều khoản khác trong dự thảo Luật. Thông thường, thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ và thường được sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại Điều 5 dự thảo Luật: “Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các cụm từ, thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng” để tránh trường hợp các cá nhân, tổ chức lợi dụng để lách luật, đặt tên doanh nghiệp có các thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”, “công ty tài chính”, “công ty cho thuê tài chính”, “tổ chức tài chính vi mô”, “quỹ tín dụng nhân dân” tràn lan như hiện nay.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định này được kế thừa từ Luật hiện hành, quá trình triển khai không có vướng mắc trong dùng từ “thuật ngữ”, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

### 7. Về hình thức tổ chức của TCTD (Điều 6)

***-*** *Có ý kiến đề nghị phân định rõ hơn khái niệm “ngân hàng thương mại trong nước” và “TCTD 100% vốn nước ngoài” quy định tại khoản 1 và khoản 4, vì tại Điều 4 dự thảo Luật chưa có quy định giải thích thuật ngữ “ngân hàng thương mại trong nước” để làm rõ sự khác biệt với ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Theo quy định tại Điều 80 Bộ luật Dân sự, pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam là pháp nhân Việt Nam. Như vậy, ngân hàng hay TCTD 100% vốn nước ngoài nhưng được thành lập tại Việt Nam theo pháp luật Việt Nam là pháp nhân Việt Nam. Điều này gây khó khăn trong việc xác định ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam có phải là ngân hàng trong nước hay không.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 11 Điều 4 quy định khái niệm “TCTD nước ngoài” được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức, trong đó có ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài (đây là các TCTD 100% vốn nước ngoài). Do vậy, quy định tại dự thảo Luật đã phân biệt TCTD trong nước (gồm cả ngân hàng thương mại trong nước) và TCTD nước ngoài có hiện diện là TCTD 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thay các cụm từ “tổ chức tín dụng liên doanh”, “tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài” tại khoản 4 Điều 6 bằng “ngân hàng liên doanh”, “ngân hàng 100% vốn nước ngoài”. Do theo quy định tại khoản 11 Điều 4 dự thảo Luật, tổ chức tín dụng được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức “ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài” mà không phải là “tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài”.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 11 Điều 4 dự thảo Luật hiện quy định: “Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.”. Như vậy khái niệm tại khoản 11 không chỉ bao gồm “ngân hàng” mà còn có loại hình TCTD khác. Do đó quy định như tại dự thảo Luật là phù hợp.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào Điều 6 quy định về hình thức tổ chức của ngân hàng chính sách là do Chính phủ quy định hay Luật này quy định, cụ thể ngân hàng chính sách tổ chức dưới hình thức như thế nào. Do Điều 6 quy định hình thức tổ chức của các loại hình tổ chức tín dụng nhưng không quy định rõ đối với ngân hàng chính sách. Đề nghị cân nhắc, rà soát và bổ sung những điều khoản riêng như quy định về tổ chức của ngân hàng chính sách xã hội hoặc là những mô hình có tính tương quan để phù hợp với khoản 1 Điều 4 và Điều 20 của dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: ngân hàng chính sách có mục tiêu hoạt động khác với ngân hàng thương mại. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung 01 Chương riêng về ngân hàng chính sách, trong đó Điều 16 đã quy định “Ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước” (hiện ngân hàng chính sách gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

*- Có ý kiến cho rằng, tại khoản 6 quy định về tổ chức tài chính vi mô theo mô hình công ty TNHH chưa chặt chẽ do hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô được thành lập từ các tổ chức chính trị-xã hội.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc xác định mô hình tổ chức của tổ chức tài chính vi mô là công ty TNHH để xác định cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị, điều hành của tổ chức tài chính vi mô. Trong đó, tổ chức chính trị - xã hội là chủ sở hữu, thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô sẽ bảo đảm tổ chức tài chính vi mô hoạt động đúng mục tiêu là đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật .

### 8. Về quyền hoạt động ngân hàng (Điều 8)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung đầy đủ về “Tổ chức có đủ điều kiện” để bảo đảm tính thống nhất khi áp dụng thực hiện. Đồng thời, bố cục lại nội dung quy định tại các điều 7, 8 và 9 như sau: đưa khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 bổ sung vào Điều 7 về quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh;*

*Ý kiến khác đề nghị xem xét lại nội dung khoản 1 và khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật để bảo đảm sự thống nhất giữa 2 khoản.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 8 của dự thảo Luật quy định: “Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan được NHNN cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này”. Tại Điều 29 dự thảo Luật quy định về điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD. Như vậy, quy định tại dự thảo Luật đã bảo đảm rõ ràng, thống nhất.

*- Có ý kiến đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật về quyền hoạt động ngân hàng cần phải bao quát, có cơ chế pháp lý quy định về trường hợp nợ xấu của TCTD được chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức khác không phải là TCTD thì các khoản nợ này có còn thuộc hoạt động ngân hàng hay không, nếu không thì cơ chế xử lý thế nào?*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khi thực hiện mua, bán nợ theo Thông tư này, đây là hoạt động khác của TCTD (Điều 114 của dự thảo Luật). Trường hợp mua, bán nợ giữa các cá nhân, tổ chức không phải là TCTD thì không phải là hoạt động ngân hàng và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

***-*** *Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định này vì theo quy định tại khoản 16 Điều 4, hoạt động ngân hàng, bao gồm: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Trên thực tế, nhiều loại doanh nghiệp khác có thể thực hiện được một hoặc một số nghiệp vụ này.*

*Ý kiến khác cho rằng, số lượng vay, số lượng huy động vốn, số lượng cho vay khách hàng đối với TCTD nói chung và đặc biệt là ngân hàng là rất lớn, mang tính đại chúng, không chỉ là hoạt động nhỏ lẻ như công ty mẹ và công ty con, do đó, không nhất thiết phải định nghĩa hoạt động vay vốn thường xuyên giữa công ty mẹ và công ty con là hoạt động ngân hàng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo:

Luật Các TCTD điều chỉnh các hoạt động của tổ chức tín dụng với vai trò là trung gian tài chính, huy động tiền gửi của tổ chức, người dân để cho vay, mà không điều chỉnh những hoạt động cho vay thông thường khác được thực hiện theo quy định của các luật khác (các tổ chức kinh tế không phải tổ chức tín dụng thì không được phép huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cho vay). Do đó, hoạt động vay vốn giữa các doanh nghiệp, giữa công ty mẹ và công ty con không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các TCTD.

### 9. Về quy định bảo vệ quyền lợi của khách hàng (Điều 10)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật như sau: “1. Tham gia* ***và công bố công khai việc tham gia*** *bảo hiểm tiền gửi, quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính và chi nhánh;”. Do Dự thảo chỉ quy định công bố công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh mà không quy định công bố công khai việc tham gia quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý khoản 1 như sau: “Tham gia bảo hiểm tiền gửi, quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi, quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND tại trụ sở chính và chi nhánh”.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa quy định tại khoản 2 "tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản gửi tiền"* *thành "bảo đảm cho khách hàng gửi và rút tiền thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi"* .

*Có ý kiến đề nghị thay thế cụm từ “tạo thuận lợi” bằng cụm từ “không được từ chối khi”, sửa lại khoản 2 như sau: “2.* ***Không được từ chối khi*** *khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của khoản tiền gửi;”. Vì thuận lợi là từ định tính, rất khó để xác định khi nào là tạo thuận lợi, thuận lợi đối với khách hàng đến mức nào là đủ.*

*Có ý kiến đề nghị viết lại khoản 2 Điều 10 như sau: “2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc* ***và có trách nhiệm thanh toán đúng, đủ tiền gốc và*** *lãi* ***suất định kỳ*** *của* ***tổng*** *khoản tiền gửi* ***khi khách hàng có nhu cầu rút tiền gửi theo lãi suất định kỳ quy định; đồng thời, chịu trách nhiệm pháp lý về tính bảo mật thông tin khách hàng giao dịch do thông tin bị rò rỉ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng gửi tiền.****” để bảo đảm đầy đủ quyền lợi của khách hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm ăn không hiệu quả.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 2 Điều 10 quy định trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài rộng hơn, phải bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi, đồng thời phải tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền. Trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng đã được quy định tại Điều 13 của dự thảo Luật. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như quy định tại khoản 2 Điều 10 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét quy định rõ “****cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật****” tại khoản 3 Điều 10 và khoản 3 Điều 13 là những cơ quan nào.*

UBTVQH xin báo cáo: cơ quan nhà nước có thẩm quyền là các cơ quan quản lý nhà nước có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, điều tra… theo quy định của luật (ví dụ như Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Chứng khoán…). Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp, UBTVQH xin chỉnh lý quy định này thành ***“cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật****”.*

*-**Có ý kiến đề nghị sửa lại khoản 3 Điều này thành: “Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc thuộc các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;” vì một số trường hợp TCTD phải thực hiện việc phong tỏa, cầm giữ tiền gửi của khách hàng theo quy định của pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng liên quan trực tiếp tới quyền lợi khách hàng, do vậy, việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu điều tra, phong tỏa, cầm giữ hoặc trích chuyển tiền gửi đều được quy định rõ tại các luật có liên quan. Trường hợp bổ sung “thuộc các trường hợp theo quy định của pháp luật” có thể không bảo đảm chặt chẽ nếu văn bản dưới luật cũng được quy định thêm các trường hợp phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng hoặc chung chung, không rõ theo yêu cầu của cơ quan nào có thể làm ảnh hưởng tới quyền lợi của khách hàng tại TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ “tổ chức tín dụng” tại khoản 5 Điều 10 và Điều Điều 37 được hiểu là toàn bộ TCTD hay từng đơn vị trong TCTD, như: chi nhánh, phòng giao dịch trong trường hợp ngừng giao dịch. Đề nghị quy định rõ việc phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi tạm ngừng hoạt động chỉ áp dụng khi toàn bộ TCTD ngừng hoạt động.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Luật quy định: *Trường hợp ngừng giao dịch tại một hoặc một số địa điểm thực hiện giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử*; tại điểm e khoản 1 Điều 37 có quy định NHNN phải chấp thuận khi TCTD tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày trở lên, không quy định chỉ áp dụng khi toàn bộ TCTD ngừng hoạt động.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định "trường hợp ngừng giao dịch trực tuyến, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo thời gian, lý do ngừng giao dịch trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, tin nhắn... chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch". Có ý kiến đề nghị Ngân hàng Nhà nước cần có hướng dẫn kịp thời để bảo đảm cho các giao dịch điện tử diễn ra an toàn, thông suốt. Có ý kiến cho rằng, quy định niêm yết việc ngừng giao dịch nhưng chưa rõ, chưa cụ thể việc niêm yết gồm những nội dung gì.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý khoản 5 Điều 10 như sau: “*5. Công bố thời gian giao dịch chính thức. Trường hợp ngừng giao dịch tại một hoặc một số địa điểm thực hiện giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử, trừ trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch*”.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ trường hợp ngừng hoạt động do có những sự kiện bất khả kháng, như: thiên tai, dịch, bệnh không thể lường trước được.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Luật đã được sửa đổi và bổ sung quy định về trường hợp bất khả kháng. Đồng thời, điểm e khoản 1 Điều 37 đã loại trừ việc tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng đối với những thay đổi phải được NHNN chấp thuận và các trường hợp liên quan đến sự kiện bất khả kháng đã được quy định tại Bộ luật Dân sự.

*- Có ý kiến đề nghị cần bổ sung quy định về việc công bố, công khai thông tin tạm ngừng hoạt động trong trường hợp tại khoản 5 Điều 10 và điểm e khoản 1 Điều 37 của dự thảo Luật. Mặt khác, tại các Điều 10, Điều 37, Điều 50 dự thảo luật đang sử dụng các cụm từ ngừng giao dịch và tạm ngừng hoạt động để cùng chỉ về một nội dung tương tự như nhau là chưa có sự thống nhất hoặc có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau trong quá trình thực thi.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã rà soát sử dụng cụm từ thống nhất tại các Điều 10, 37, 50.

Về việc công bố công khai thông tin tạm ngừng giao dịch trong trường hợp tại điểm e khoản 1 Điều 37, UBTVQH xin báo cáo: Điểm e khoản 1 Điều 37 quy định về việc TCTD tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên thì phải có sự chấp thuận của NHNN. Trong trường hợp tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày trở lên theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 37, TCTD vẫn phải có trách nhiệm công bố công khai thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 10 của dự thảo Luật. Thực tế, khoản 3 Điều 10 Thông tư 50/2018/TT-NHNN của NHNN cũng có quy định:“3. Trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đăng trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tại một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam, trong đó phải có các thông tin về thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động”.

*- Có ý kiến đề nghị trường hợp dừng giao dịch trực tuyến có thể điều chỉnh theo hướng: (i) Trường hợp dừng giao dịch trực tuyến vì các sự cố kỹ thuật thì có thể như quy định tại dự thảo Luật; (ii) Trường hợp ngân hàng có kế hoạch dừng giao dịch trực tuyến để bảo trì hệ thống thì cần phải thông báo trước về kế hoạch dừng giao dịch trực tuyến đó; (iii) Trường hợp ngân hàng chủ động dừng giao dịch trực tuyến nhằm ngăn chặn người dân rút tiền hàng loạt thì cần phải có quy định chi tiết hơn về thẩm quyền, trình tự thủ tục, nghĩa vụ báo cáo với trường hợp này.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng việc thông báo ngừng giao dịch phải được thực hiện chậm nhất là trước 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch, áp dụng chung cho cả giao dịch trực tuyến và giao dịch thông thường, trừ trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng. Trường hợp rút tiền hàng loạt đã được quy định về cách thức xử lý tại Điều 166 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một số nội dung, như: (i) ngân hàng phải chịu mọi trách nhiệm phát sinh từ hành vi của nhân viên đại diện cho ngân hàng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và chức năng về hoạt động của ngân hàng; (ii) hợp đồng tín dụng, hợp đồng dịch vụ tài chính còn phải được chuẩn hóa theo quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng hoặc theo hướng dẫn của NHNN, theo đó, cũng quy định rõ các vấn đề quan trọng như là lãi suất, mức chi lãi phạt, các biện pháp chế tài, tài sản bảo đảm; và (iii) quy tắc đạo đức nghề nghiệp hoặc là ứng xử trong các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính dựa trên các nguyên tắc về công bằng, trung thực, nhất là về đạo đức. Đồng thời, cần có một cơ quan độc lập bảo vệ người sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng để đảm bảo giải quyết các vấn đề tranh chấp phát sinh một cách thuận lợi, nhanh chóng và tránh trường hợp khách hàng thực hiện khiếu nại hoặc khiếu kiện trong thời gian dài, nhưng chậm được giải quyết.*

UBTVQH xin báo cáo: Các nội dung ĐBQH nêu đã được quy định tại nhiều văn bản pháp luật có liên quan, như pháp luật dân sự, hình sự, hành chính, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... Việc chỉ quy định tại dự thảo Luật sẽ không bảo đảm quy định được hết các nội dung mà đại biểu đề cập và có thể chồng chéo với quy định của pháp luật khác có liên quan.

Về quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Hiệp hội ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Việt Nam đã ban hành Bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ ngân hàng, QTDND và triển khai áp dụng trong toàn hệ thống.

Về bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng, hiện nay đã có những tổ chức như Hiệp hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong từng lĩnh vực cụ thể cũng có các hiệp hội đại diện như hiệp hội kinh doanh bất động sản..., do vậy, việc thành lập một cơ quan độc lập bảo vệ người sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng cần được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung* *trách nhiệm của TCTD trong việc bảo vệ thông tin, dữ liệu khách hàng khi hiện nay có nhiều vụ việc lan truyền trên mạng các thông tin giao dịch, bảng sao kê, thông tin dữ liệu của khách hàng của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: tại khoản 2 Điều 13 của dự thảo Luật đã quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ đoạn “****các quyền, nghĩa vụ của khách hàng****” vì các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đã quy định trong hợp đồng, thỏa thuận với khách hàng khi thực hiện giao dịch. Khoản 4 viết lại như sau “****Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng****”.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thông báo công khai quyền, nghĩa vụ của khách hàng là cần thiết, bảo đảm khách hàng biết được các quyền và nghĩa vụ của mình trước khi thực hiện các giao dịch với ngân hàng, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động ngân hàng. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nên thay cụm từ “do sự kiện” tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Luật bằng cụm từ “do sự cố” sẽ phù hợp với ngữ cảnh là bất khả kháng hơn, được hiểu là sự việc mang tính đột biến, bất ngờ.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định “do sự kiện bất khả kháng” là thuật ngữ được sử dụng thống nhất tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Bên cạnh đó, quy định “do sự cố” phạm vi sẽ hẹp hơn và chưa bao quát được hết các trường hợp bất khả kháng. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “chậm nhất” bằng cụm từ “ít nhất” tại khoản 5 Điều 10 về quy định thời hạn: “...phải niêm yết tại nơi giao dịch* ***ít nhất*** *là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch…”.*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “chậm nhất” để chỉ thời hạn tối đa TCTD phải thực hiện niêm yết. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi cụm từ: “…phải niêm yết tại nơi giao dịch* ***hoặc*** *trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng…” thành cụm từ “…phải niêm yết tại nơi giao dịch* ***và*** *trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng…”. Trường hợp khách hàng chưa tiếp cận được với các tính năng hiện đại trên phương tiện điện tử sẽ không biết việc tổ chức tín dụng ngừng giao dịch, nguyên nhân ngừng giao dịch.*

UBTVQH xin báo cáo: Trách nhiệm công khai thông tin của TCTD về việc tạm ngừng giao dịch là bắt buộc để đảm bảo quyền lợi khách hàng. Tuy nhiên để đảm bảo tính khả thi, dự thảo quy định TCTD có thể công khai qua hình thức niêm yết tại nơi giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử của TCTD. Việc yêu cầu công khai cả hai hình thức nêu trên có thể dẫn tới khó khăn cho TCTD trong trường hợp không thể đáp ứng một trong hai hình thức nêu trên.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về trường hợp “ngừng giao dịch” và “tạm ngừng giao dịch” do được đề cập tại khoản 5 Điều 10, điểm e khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 3 Điều 152 của dự thảo Luật nhưng chưa có quy định cụ thể.*

*Ý kiến khác đề nghị có quy định, hướng dẫn rõ phạm vi, khái niệm: “ngừng giao dịch”, “ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử” trong khoản 5 Điều 10 của dự thảo Luật trong trường hợp chi nhánh, phòng giao dịch hoặc một số tính năng của kênh giao dịch điện tử vẫn hoạt động bình thường nhưng một số bộ phận khác lại tạm thời ngừng hoạt động.*

UBTVQH xin báo cáo: việc ngừng giao dịch, tạm ngừng giao dịch đã được quy định tại Luật hiện hành, đây là những khái niệm trong tên gọi đã mô tả rõ nội dung của khái niệm và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc về nội hàm khái niệm này. Để phù hợp với thực tiễn hoạt động của TCTD, dự thảo Luật bổ sung quy định ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử. Ngừng giao dịch trong quy định này được hiểu là ngừng giao dịch với khách hàng, các hoạt động khác của TCTD là hoạt động nội bộ của TCTD. Do đó, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có báo cáo chính thức với Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố về lý do khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc phải tạm thời ngừng giao dịch ngoài việc niêm yết công khai như quy định.*

UBTVQH xin báo cáo: Trách nhiệm báo cáo của TCTD cho NHNN hiện đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 152 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể các loại phí, mức phí, các giao dịch khác mà khách hàng phải thực hiện khi tham gia ký kết hợp đồng giao dịch với ngân hàng để bảo đảm quyền lợi và tạo điều kiện cho khách hàng khi thực hiện các thủ tục tại ngân hàng, tránh tình trạng một số ngân hàng tự quy định các mức phí khác nhau đối với khách hàng gây khó khăn trong tổ chức thực hiện. Thời gian vừa qua, một số ngân hàng khi giải quyết hồ sơ vay vốn yêu cầu khách hàng phải ký thêm hợp đồng bảo hiểm với số tiền vay, nên người dân phải đóng thêm một khoản phí liên quan đến dịch vụ này trong khi người dân đã làm đầy đủ các thủ tục kể cả hồ sơ thế chấp tài sản theo quy định của ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: trách nhiệm niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của TCTD đã được quy định tại Điều 100 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần điều chỉnh sửa đổi bổ sung và có quy định, biện pháp cụ thể hơn tại Điều 10 để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng như sau:*

*+ Thông tin phải minh bạch: Tổ chức tín dụng cần công bố thông tin một cách rõ ràng và dễ hiểu về các sản phẩm, dịch vụ, lãi suất, phí và điều kiện liên quan. Điều này giúp người tiêu dùng hiểu rõ những gì họ đang mua và vay;*

*+ Giám sát và quản lý lãi suất: Phải thiết lập một giới hạn tối đa cho lãi suất mà các tổ chức tín dụng có thể tính toán. Điều này ngăn chặn tình trạng lãi suất quá cao hơn mức hợp lý;*

*+ Bảo vệ thông tin cá nhân: Phải bảo đảm rằng thông tin cá nhân của người tiêu dùng được bảo mật và không được sử dụng một cách trái phép hoặc bán cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý của người tiêu dùng;*

*+ Quy định về thu hồi nợ: Phải có quy định rõ ràng về thu hồi nợ bảo đảm rằng các phương pháp thu nợ không vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng, như không quấy rối, không đe dọa hoặc sử dụng án bạo lực;*

*+ Thời hạn và điều kiện hợp lý: Phải thiết lập các quy định về thời hạn và điều kiện của hợp đồng tín dụng, bảo vệ người tiêu dùng khỏi những điều kiện không hợp lý;*

*+ Quy định về phí và chi phí: Phải giới hạn các phí và chi phí mà tổ chức tín dụng áp dụng cho người tiêu dùng, đảm bảo rằng họ không bị tính phí mức cao;*

*+ Giải quyết tranh chấp: Cần thiết lập quy trình và cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả và công bằng cho người tiêu dùng khi có sự bất đồng với tổ chức tín dụng;*

*+ Hình phạt và trách nhiệm hình sự: Luật cần xác định các hình phạt và trách nhiệm hình sự cho các hành vi vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng;*

*+ Giám sát và quản lý: Cần có cơ quan giám sát độc lập để theo dõi và bảo đảm tuân thủ các quy định bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng bởi các tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Về trách nhiệm cung cấp thông tin, bảo mật thông tin khách hàng đã được quy định tại Điều 12, Điều 13 của dự thảo Luật

Về trách nhiệm công bố công khai thông tin phí, lãi suất trong hoạt động ngân hàng hiện đã có quy định tại Điều 100 của dự thảo Luật. Bên cạnh đó, tại các văn bản quy định về nghiệp vụ cấp tín dụng cũng có quy định về phí như Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy định về các loại phí liên quan đến hoạt động cho vay. Tại Thông tư này cũng quy định TCTD thỏa thuận với khách hàng mức lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi đối với khoản vay. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin trước khi xác lập thỏa thuận cho vay: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay.

Về xử lý hành vi vi phạm pháp luật thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng (hiện là Nghị định 88/2019/NĐ-CP), Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi cưỡng ép mua bảo hiểm, hiện Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn Luật đã có quy định về việc nghiêm cấm việc “cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm” và xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp ép khách hàng mua bảo hiểm; NHNN cũng đã có các văn bản cảnh báo, chấn chỉnh hoạt động đại lý bảo hiểm của TCTD.

Tuy nhiên, để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của khách hàng, đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lưu ý ý kiến của đại biểu Quốc hội, rà soát các quy định có liên quan để nghiên cứu, hoàn thiện.

### 10. Về trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

*- Có ý kiến cho rằng Điều này quy định về trách nhiệm của các TCTD trong việc phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Tuy nhiên, cần nghiên cứu quy định thêm nội dung về trách nhiệm của các TCTD trong việc tham gia phối hợp đối với việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định về trách nhiệm của TCTD trong việc phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố đã được quy định cụ thể tại Luật Phòng, chống rửa tiền. Do đó, UBTVQH xin tiếp thu, chỉnh lý theo hướng bỏ quy định Điều này tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm của TCTD trong việc tránh thất thu thuế.*

UBTVQH xin báo cáo: Đối với nội dung quy định về thuế, TCTD sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

### 11. Về người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng (Điều 11)

*- Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa quy định về “Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng” tại khoản 1 Điều 11 của dự thảo Luật thống nhất với nội dung quy định tương tự tại khoản 2 Điều 137 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 12 của Luật Doanh nghiệp (có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật) để bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng .*

*Một số ý kiến đề nghị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 6 và khoản 1 Điều 12 thống nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật chứ không chỉ riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của TCTD.*

*Có ý kiến đề nghị thuyết minh rõ thêm những rủi ro đối với TCTD trong trường hợp quy định có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật như trong Luật Doanh nghiệp quy định.*

UBTVQH xin báo cáo: Hoạt động ngân hàng có những rủi ro riêng trên cơ sở đặc thù của hoạt động này. Một trong số đó xuất phát từ rủi ro quản trị, điều hành của tổ chức. Do đó, về yêu cầu, điều kiện đối với các chức danh quản lý, điều hành và cơ cấu, tổ chức của TCTD cũng có những đặc thù riêng khác với các doanh nghiệp thông thường để nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, lành mạnh của tổ chức này. Do vậy, Ủy ban UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị viết lại Điều 11 như sau:*

*“1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải* ***giữ một trong các chức vụ*** *sau đây:*

*a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;*

*b) Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng.”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung việc xử lý trong tình huống khuyết người đại diện theo pháp luật của TCTD (gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc), bảo đảm hoạt động của tổ chức tín dụng là liên tục và đầy đủ tính pháp lý.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đã quy định cụ thể việc bầu/bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của TCTD. Đối với trường hợp khuyết các chức danh, dự thảo Luật quy định thời hạn tối đa TCTD phải thực hiện bầu/bổ nhiệm bổ sung đối với các chức danh này (Điều 55, Điều 95…).

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định Điều 11 của dự thảo Luật theo hướng trường hợp khuyết 01 chức danh Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thì người còn lại đương nhiên là đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: do TCTD có thể lựa chọn một trong hai chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc/Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, do vậy đã bao hàm trường hợp như đề nghị nêu trên.

### 12. Về xử lý, cung cấp thông tin (Điều 12)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 12 như sau “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản,* ***thông tin khác*** *của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản,* ***quy định pháp luật có liên quan****.” để thông tin của tổ chức tín dụng cung cấp có tính bao quát hơn vì khách hàng của tổ chức tín dụng không chỉ giao dịch về tài khoản mà có các giao dịch liên quan đến sản phẩm, dịch vụ khác.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc bổ sung quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho chủ tài khoản “thông tin khác” của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản mà không quy định rõ là thông tin gì không đảm bảo sự rõ ràng trong quy định tại Luật. Quy định tại dự thảo Luật là liên quan đến trách nhiệm của TCTD với chủ tài khoản. Bên cạnh đó, TCTD có thể thỏa thuận với khách hàng về việc cung cấp các thông tin khác nếu phù hợp với quy định pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị sửa khoản 1 Điều 12 của dự thảo Luật, thay đổi “chủ tài khoản” thành “khách hàng”, như sau: “1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho* ***khách hàng*** *thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với* ***khách hàng****.” để khái quát hơn các đối tượng được tổ chức tín dụng cung cấp thông tin. Do trường hợp khách hàng có phát sinh giao dịch hoặc sử dụng dịch vụ tại tổ chức tín dụng không có nhu cầu mở tài khoản, không được coi là chủ tài khoản nhưng có yêu cầu cung cấp thông tin (khách hàng vay vốn yêu cầu cung cấp thông tin về khoản vay, dư nợ…), TCTD vẫn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho đối tượng khách hàng trên.*

UBTVQH xin báo cáo: Do quy định tại khoản 1 Điều 12 gắn với việc cung cấp thông tin trên tài khoản nên việc cung cấp thông tin chỉ cho chủ tài khoản, việc sửa thành cung cấp cho khách hàng thì có thể các khách hàng khác không phải chủ tài khoản thì không phù hợp với quy định về bảo mật thông tin khách hàng. Do đó, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 2 Điều 12 của dự thảo Luật như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước* ***và cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu*** *thông tin có liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng bổ sung vào khoản 4 trường hợp khi cung cấp cho bên thứ ba thông tin khách hàng tổ chức, dữ liệu cá nhân, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được sự đồng ý của khách hàng, chủ thể dữ liệu đó, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật.

*- Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định rõ về xử lý, cung cấp thông tin để hoạt động này không gặp vướng mắc, rủi ro pháp lý khi xử lý, cung cấp, trao đổi thông tin không cần có sự chấp thuận của khách hàng.*

*Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc cung cấp thông tin khách hàng, dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của khách hàng trừ một số trường hợp cụ thể như: khi tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước; khi tổ chức tín dụng trao đổi với nhau thông tin về hoạt động của tổ chức tín dụng; khi phục vụ quá trình can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng; khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật; khi thực hiện hoạt động của tổ chức tín dụng; khi cung cấp thông tin cho tổ chức thông tin tín dụng.*

*Có ý kiến đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 12 thành**“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi với nhau thông tin khách hàng bao gồm cả thông tin người có liên quan đến giao dịch của khách hàng, thông tin về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.*

*Có ý kiến cho rằng, với quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023, việc xử lý, cung cấp, trao đổi thông tin cần có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, người tiêu dùng.*

UBTVQH xin báo cáo: trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật, UBTVQH nhận được phản ánh, kiến nghị của các TCTD, Hiệp hội ngân hàng trong việc áp dụng, thực hiện một số quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP, đồng thời đề xuất bổ sung quy định tại dự thảo Luật để xử lý trường hợp phát sinh từ thực tiễn vì khi thực hiện giao dịch cần có xác nhận đồng ý của khách hàng cho phép TCTD được trao đổi, xử lý dữ liệu cá nhân sẽ phát sinh thêm quy trình thủ tục phức tạp, có thể ảnh hưởng đến giao dịch thanh toán thường ngày của người dân, doanh nghiệp. Tại Báo cáo số 612/BC-CP, Chính phủ cũng đề xuất bổ sung nội dung này.

UBTVQH thấy rằng, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ tháng 7/2023, đến nay chưa được Chính phủ báo cáo, đánh giá việc thực hiện, do vậy chưa có cơ sở để xem xét, bổ sung vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi làm lộ, lọt bí mật thông tin khách hàng có liên quan đến các hoạt động tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: vấn đề bảo mật thông tin đã được quy định tại Điều 13 của dự thảo Luật, cụ thể: “*TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ*”. Theo đó, Chính phủ sẽ quy định cụ thể các thông tin khách hàng phải bảo mật, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân. Hiện nay, việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng được thực hiện theo Nghị định 117/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, hành vi làm lộ, lọt thông tin khách hàng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, Điều 13 cũng đã quy định: “Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

*- Có ý kiến cho rằng việc cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu về mặt thời gian trong thực tiễn của công tác phòng, chống tội phạm, nhất là phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, cần thiết ban hành quy định và rút ngắn về thời gian cung cấp thông tin tài khoản khách hàng để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và có thể giao Chính phủ nghiên cứu quy định chi tiết về nội dung này sau khi luật được ban hành.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc cung cấp thông tin của TCTD cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, nhất là phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, trong đó có quy định cụ thể về phạm vi, thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực cụ thể, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

*- Có ý kiến đề nghị luật hóa quy định khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm với việc cung cấp thông tin đó.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như khoản 4 Điều 12 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xây dựng hành lang pháp lý quy định về việc các tổ chức tín dụng được chủ động sử dụng các thông tin khách hàng từ bên thứ ba có chức năng cung cấp thông tin khách hàng để phục vụ hoạt động cấp tín dụng (thông tin viễn thông, thông tin hành vi sử dụng thẻ từ các tổ chức thẻ, thông tin mạng xã hội,…) để TCTD đánh giá đúng thực trạng của khách hàng. Đồng thời, xây dựng hành lang pháp lý quy định về việc các tổ chức thứ ba có chức năng cung cấp thông tin cũng được chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức tín dụng, cơ chế chủ động tương tự như việc tổ chức tín dụng truy xuất Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC).*

UBTVQH xin báo cáo: TCTD thu thập từ nhiều nguồn để có thể đánh giá khách hàng trước khi cấp tín dụng, trong đó, có thông tin từ công ty thông tin tín dụng và hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

*- Có ý kiến đề nghị cần nâng cấp hệ thống để rút ngắn thời gian CIC trả kết quả với tất cả bản tin trong thời gian sớm nhất. Do hiện nay, thời gian CIC trả kết quả cho tổ chức tín dụng còn chậm, chưa thể hỗ trợ các tổ chức tín dụng trong việc quyết định cấp hạn mức tín dụng và cấp thẻ ngay phục vụ cho luồng cấp thẻ trực tuyến. Ngoài ra, thông tin CIC thu thập từ các tổ chức tín dụng theo định kỳ hằng tháng nên độ trễ khá dài, dẫn đến báo cáo CIC chưa cập nhật đầy đủ và kịp thời nên khó khăn cho tổ chức tín dụng đánh giá đúng thực trạng của khách hàng và kiểm soát nợ.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung này có tính kỹ thuật và thuộc phạm vi dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước, do vậy, xin không quy định tại dự thảo Luật này. Tuy nhiên, đề nghị Chính phủ lưu ý ý kiến của đại biểu Quốc hội để có giải pháp phù hợp, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các TCTD.

### 13. Về bảo mật thông tin (Điều 13)

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định trách nhiệm của nhân viên, người quản lý, người điều hành của TCTD trong việc bảo vệ bí mật của khách hàng, cần có sự phân biệt giữa trách nhiệm của các đối tượng này với trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc bảo mật thông tin khách hàng.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, khoản 1 Điều 13 của dự thảo Luật quy định: “Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”. Trong khi đó, trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 13 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ tại khoản 2 là Chính phủ Việt Nam hay Chính phủ nước ngoài để thống nhất áp dụng với giải thích từ ngữ tại khoản 11 Điều 4: “11. Tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài”.*

*Ý kiến khác đề nghị nghiên cứu, quy định bổ sung các đối tượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng trong nước tại Điều 12 và Điều 13. Do dự thảo Luật chỉ quy định áp dụng cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà chưa quy định các đối tượng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng trong nước.*

UBTVQH xin báo cáo: tại khoản 2 Điều 13 và trong dự thảo Luật này, các nội dung giao Chính phủ quy định là Chính phủ Việt Nam. Tại Điều 12 và Điều 13 của dự thảo Luật, tổ chức tín dụng đã bao gồm tổ chức tín dụng trong nước.

*- Có ý kiến đề nghị cần cụ thể hóa về đối tượng yêu cầu cung cấp thông tin trong Luật. Theo đó, thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng cơ quan mới được ký công văn yêu cầu chứ không mở rộng xuống thành viên Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn kiểm toán cũng được yêu cầu.*

*Ý kiến khác đề nghị nghiên cứu quy định rõ hơn về cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như: Cơ quan nào có quyền yêu cầu cung cấp thông tin; phạm vi cung cấp, mức độ thông tin của khách hàng nhằm bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, không vi phạm Hiến pháp liên quan đến thông tin cá nhân.*

UBTVQH xin báo cáo: tại khoản 2 Điều 13 của dự thảo Luật quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ”. Hiện nay, việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 117/2018/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin khách hàng; thẩm quyền ký văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên…

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào Điều 13 quy định: “Các tổ chức tín dụng được trao đổi thông tin khách hàng giữa các tổ chức tín dụng với nhau nhằm phục vụ hoạt động ngân hàng giữa các tổ chức tín dụng”.*

UBTVQH xin báo cáo: Như đã báo cáo tại Điều 12, hiện nay việc bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện theo Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Do hiện chưa có báo cáo đánh giá việc thực hiện Nghị định số 13 nên chưa đủ cơ sở xem xét đưa vào dự thảo Luật.

*Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 13 như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo* ***quy định của luật và pháp luật có liên quan hoặc*** *được sự chấp thuận của khách hàng”.*

*Có ý kiến đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 13 như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của* ***pháp******luật*** *hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”.*

*Có ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu chuyển nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 dự thảo Luật: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng” về Điều 12 của dự thảo Luật, vì nội dung quy định của khoản này là quy định về xử lý, cung cấp thông tin.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung trường hợp được cung cấp thông tin của khách hàng “hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật” vào khoản 3, như trường hợp khách hàng chết, mất năng lực hành vi dân sự… người thừa kế đến để yêu cầu cung cấp thông tin hoặc pháp luật yêu cầu ngân hàng phải thực hiện báo cáo định kỳ. Do đó, đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 14 thành: “TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.”. Ý kiến khác đề nghị sửa lại Điều 14 theo hướng chỉ cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của Luật Các TCTD và các luật có liên quan, chứ không phải theo quy định của pháp luật vì còn nhiều ngành, nghề khác nhau.*

*Có ý kiến đề nghị quy định khoản 3 Điều 13 chặt chẽ hơn theo hướng: “được sự chấp thuận của khách hàng* ***bằng văn bản****” hoặc bỏ cụm từ “ hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”. Nếu khách hàng muốn cung cấp thông tin cá nhân sẽ chủ động thực hiện, không phải thông qua tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

*Ý kiến khác đề nghị xem xét, quy định cụ thể về “cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật được quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin của khách hàng” tại khoản 3 Điều 13 dự thảo Luật để bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý thành “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng” để bảo đảm quyền yêu cầu cung cấp thông tin phải được quy định cụ thể tại luật. Theo đó, tùy theo phạm vi điều chỉnh của các luật này sẽ điều chỉnh cụ thể về phạm vi, thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước theo đặc thù từng lĩnh vực cụ thể (ví dụ như Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng Nhà nước…).

### 14. Về an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục (Điều 14)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “Việt Nam” sau cụm từ “Ngân hàng Nhà nước” và viết lại như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan”. Đồng thời, sử dụng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” thống nhất trong dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” tại dự thảo Luật được viết tắt thành “Ngân hàng Nhà nước” (từ khoản 14 Điều 4 của dự thảo Luật) và được sử dụng thống nhất trong dự thảo Luật.

*- Một số ý kiến đề nghị rà soát, quy định cụ thể các nội dung liên quan đến bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là quy định gì, được quy định tại văn bản nào để bảo đảm thống nhất và dễ áp dụng thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: tại Điều 14 dự thảo Luật quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.”. Theo đó, NHNN sẽ ban hành các văn bản hướng dẫn nội dung này (hiện nay nội dung này đang được NHNN hướng dẫn tại Thông tư số 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020).

### 15. Về mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (Điều 15)

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định nhà đầu tư nước ngoài tại khoản 1 Điều 15 được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2020 hay bao gồm cả tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.*

UBTVQH xin báo cáo: khái niệm nhà đầu tư nước ngoài tại khoản 1 Điều 15 được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc thay cụm từ “mua cổ phần” bằng “mua cổ phiếu”. Có ý kiến đề nghị sửa tên Điều 15 thành “Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài”, vì chưa bao quát được hết các nội hàm về quyền sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài khi mua cổ phần của TCTD, ngoài việc được mua cổ phần từ TCTD cổ phần, nhà đầu tư nước ngoài còn được nhận chuyển nhượng từ các cổ đông khác.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần là phần vốn góp thuộc sở hữu của cổ đông tại một công ty cổ phần; cổ phiếu là chứng chỉ xác nhận sở hữu cổ phần của cổ đông; việc mua bán, chuyển nhượng phát hành gắn với cổ phần. Do đó, quy định và tên gọi như tại Điều 15 là phù hợp.

### 16. Về ngân hàng chính sách (Điều 16)

*- Nhiều ý kiến cho rằng, quy mô tổng tài sản của 02 ngân hàng chính sách hiện nay là tương đối lớn, với đặc thù thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung một chương riêng quy định về ngân hàng chính sách tại dự thảo Luật để khẳng định địa vị pháp lý của các ngân hàng này; xem xét luật hóa những nội dung được Chính phủ quy định chi tiết đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.*

*Một số ý kiến đề nghị đưa vào luật những vấn đề liên quan đến việc thành lập và tổ chức hoạt động của ngân hàng chính sách, bảo đảm công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại, phát triển các ngân hàng; bổ sung làm rõ thêm về quy định, mục tiêu, mô hình hoạt động, quản trị, điều hành và cơ chế quản lý hành chính, các chỉ tiêu về an toàn vốn, tổ chức lại, giải thể của ngân hàng chính sách xã hội.*

*Ý kiến khác đề nghị quy định ngắn gọn về nội dung ngân hàng chính sách như phương án tại dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý bổ sung ***01 Chương (Chương II) với 11 Điều***, gồm: Thành lập và hoạt động của ngân hàng chính sách *(Điều* *16)*; Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước *(Điều* *17)*; Vốn điều lệ của ngân hàng chính sách *(Điều 18)*; Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách *(Điều 19)*; Hội đồng quản trị của ngân hàng chính sách *(Điều 20)*; Ban kiểm soát của ngân hàng chính sách (*Điều 21*); Tổng giám đốc của ngân hàng chính sách (*Điều 22*); Bảo đảm hoạt động của ngân hàng chính sách (*Điều 23*); Kiểm soát nội bộ, kiểm toán, báo cáo của ngân hàng chính sách (*Điều 24*); Xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của ngân hàng chính sách (*Điều 25*) và Cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách (*Điều 26*). Đối với các nội dung cụ thể cho từng ngân hàng chính sách sẽ giao Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp với tính chất, mô hình hoạt động của từng ngân hàng chính sách.

Ngoài ra, để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, điều kiện thuận lợi cho hoạt động và quá trình phát triển của các ngân hàng chính sách, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ nghiên cứu xây dựng Luật riêng về ngân hàng chính sách, tương tự như kinh nghiệm một số nước.

#### Về một số nội dung cụ thể:

### 17. Về thành lập và hoạt động của Ngân hàng chính sách (Điều 16)

*- Có ý kiến đề nghị sửa tên gọi của Điều 16 thành “Thành lập, tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách” và bổ sung quy định hình thức tổ chức của ngân hàng chính sách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung quy định về hoạt động của ngân hàng chính sách theo đúng mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chủ sở hữu của ngân hàng chính sách là nhà nước, tuy nhiên không hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cơ quan điều hành là Hội đồng quản trị.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện có hai ngân hàng chính sách là Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam; mỗi loại hình ngân hàng chính sách được thành lập để thực hiện những mục tiêu, sứ mệnh riêng. Các ngân hàng chính sách hiện nay đang hoạt động với mô hình hoạt động riêng để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Chính phủ. Tại dự thảo Luật hiện nay chỉ quy định nguyên tắc chung có thể áp dụng cho các ngân hàng chính sách để luật hóa tại dự thảo Luật, đối với các quy định cụ thể cho từng ngân hàng chính sách sẽ giao Chính phủ quy định để đảm bảo phù hợp với tính chất, mô hình hoạt động của từng ngân hàng đã có và các ngân hàng chính sách khác có thể được thành lập trong tương lai.

*- Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “chính sách kinh tế - xã hội” tại khoản 1 Điều 16 dự thảo Luật bằng cụm từ “chính sách an sinh xã hội”, khoản 1 viết lại thành: “1. Chính phủ thành lập ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các* ***chính sách an sinh xã hội*** *của Nhà nước.”.*

*Ý kiến khác đề nghị bổ sung thêm cụm từ "thực hiện an sinh xã hội" sau cụm từ "thực hiện chính sách kinh tế - xã hội" để nhấn mạnh thêm mục đích, đối tượng, phạm vi hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.*

UBTVQH xin báo cáo: ngân hàng chính sách hiện nay bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội (mục tiêu thực hiện chính sách an sinh, xã hội) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (mục tiêu thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước) đều nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước, do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm 01 khoản vào Điều 16 về Thành lập và hoạt động của ngân hàng chính sách quy định: “3. Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động theo hệ thống Ngân hàng Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Chính phủ giao”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã quy định tại Điều 17 về Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước. Theo đó, khoản 1 quy định: “Nhà nước là chủ sở hữu của ngân hàng chính sách. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền, nhiệm vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với ngân hàng chính sách”.

*Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn việc bảo đảm nguồn lực tài chính cho hoạt động của các ngân hàng chính sách, trong đó, đề nghị bổ sung nội dung “Ngân hàng chính sách được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”; đồng thời, bổ sung thêm cụm từ “được nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ được giao”*.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý, quy định về bảo đảm hoạt động của ngân hàng chính sách tại Điều 23, cụ thể “Ngân hàng chính sách được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”.

*Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định Ngân hàng Chính sách xã hội được Nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ và các khoản huy động khác để bảo đảm khả năng thanh toán, chỉ rõ cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng chính sách.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung Điều 18 về vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác.

*Một số ý kiến đề nghị bổ sung Ngân hàng Chính sách xã hội không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và bảo hiểm tiền gửi. Có ý kiến đề nghị giải trình cụ thể về việc quy định ngân hàng chính sách không cần thiết phải có dự trữ bắt buộc vì phần lớn đối tượng cho vay của ngân hàng chính sách là đối tượng yếu thế, đối tượng khó khăn, không có tài sản đảm bảo; nếu không có dự trữ bắt buộc sẽ rất khó khăn trong nguồn vốn bổ sung trong trường hợp rủi ro.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trên cơ sở kế thừa quy định tại Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ngân hàng Phát triển, dự thảo Luật quy định ngân hàng chính sách không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

*- Có ý kiến đề nghị quy định thêm tại khoản 1 Điều 16 hoạt động của ngân hàng chính sách “không vì mục tiêu lợi nhuận” nhưng phải bảo đảm an toàn vốn để ngân hàng chính sách duy trì và phát triển, hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại Điều 26 dự thảo Luật đã có quy định: “Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ”. Căn cứ theo mục tiêu hoạt động của từng ngân hàng chính sách, Chính phủ sẽ có quy định chi tiết về nội dung liên quan đến cơ chế tài chính của ngân hàng này.

### 18. Về cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách (Điều 19)

*- Một số ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định về “****Ban đại diện Hội đồng quản trị****” vào cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng chính sách để bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành. Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội đã có quy định về* *Ban đại diện Hội đồng quản trị (khoản 5 Điều 21) và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp (Điều 29). Trong thực tế tại các địa phương có thành lập Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, nhưng lại chưa được quy định cụ thể vào dự thảo luật. Ngoài ra, cần quy định cụ thể việc thành lập Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đại diện để tránh chồng chéo với chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị của ngân hàng chính sách.*

*Có ý kiến đề nghị cần rà soát, nghiên cứu bổ sung các quy định về thành lập, hoạt động của Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội ở địa phương.*

*Ý kiến khác đề nghị xem xét, bổ sung quy định cụ thể: “Quản trị chi nhánh và phòng giao dịch là Ban đại diện Hội đồng quản trị, cơ cấu số lượng thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đại diện Hội đồng quản trị do Chính phủ quy định.”*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật quy định: “Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ”. Do vậy, Chính phủ sẽ quy định cụ thể về Ban Đại diện Hội đồng quản trị theo cơ cấu quản trị khác quy định tại dự thảo Luật.

### 19. Về Tổng giám đốc của ngân hàng chính sách (Điều 22)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm khoản 4 tại Điều 22, quy định trách nhiệm của Tổng giám đốc ngân hàng chính sách đối với người bổ nhiệm như sau: “4. Tổng giám đốc ngân hàng chính sách chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách trước Thủ tướng Chính phủ”,**do cần thiết quy trách nhiệm người đứng đầu, mối quan hệ thể hiện: người đứng đầu ngân hàng chính sách là Tổng giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.*

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngân hàng chính sách tại Chương II của Dự thảo.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện ở khoản 3 Điều 22 của dự thảo Luật.

### 20. Về xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của ngân hàng chính sách (Điều 25)

*Một số ý kiến đề nghị quy định cơ chế riêng, đặc thù trong việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, phù hợp với nhiệm vụ đặc thù của ngân hàng chính sách; việc quy định áp dụng giống như đối với các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại là chưa phù hợp với mục tiêu, phương châm hoạt động của ngân hàng chính sách. Có ý kiến đề nghị giao Chính phủ xây dựng cơ chế riêng, đặc thù phù hợp với đối tượng là các hộ nghèo, hộ chính sách, các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa để thực hiện nội dung xử lý nợ của các ngân hàng chính sách, vì nếu quy định áp dụng việc xử lý nợ xấu của ngân hàng chính sách tại khoản 4 giống như quy định đối với các TCTD thương mại nói chung là chưa phù hợp. Có ý kiến đề nghị cần quy định cơ chế riêng, đặc thù trong việc xử lý nợ xấu… phù hợp với nhiệm vụ đặc thù của ngân hàng chính sách. Có ý kiến đề nghị đưa ngân hàng chính sách vào phạm vi xử lý nợ xấu để tránh việc vay nhưng không trả, gây ảnh hưởng tới ngân sách nhà nước*.

*Có ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết và có hướng dẫn riêng về hoạt động cấp tín dụng và nợ xấu tại Điều này do các nghiệp vụ của ngân hàng chính sách rất đặc thù, phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng cho các đối tượng chính sách, không phải cho các đối tượng là các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế như hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng khác. Do vậy, cần có những biện pháp ưu đãi từ phía Nhà nước để hỗ trợ cho ngân hàng chính sách khi nợ xấu vượt quá ngưỡng quy định.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý quy định về xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách, cụ thể: *“*Ngân hàng chính sách được áp dụng quy định của Luật này để xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách.”

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại các quy định về việc tổ chức lại, giải thể và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách được thực hiện theo quy định tại Điều này và quy định của Chính phủ.*

*Có ý kiến đề nghị chỉnh lý lại như sau: “Việc thành lập tổ chức, hoạt động, tổ chức lại, giải thể, cơ chế tài chính, xử lý nợ xấu, xử lý tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu và các nội dung khác có liên quan đến Ngân hàng Chính sách xã hội thì do Chính phủ quy định chi tiết”.*

*Có ý kiến đề nghị quy định việc xử lý các rủi ro trong trường hợp ngân hàng khó khăn về thanh khoản hoặc trong các tình trạng khẩn cấp khác nhằm tạo các khuôn khổ pháp lý cho 02 ngân hàng chính sách thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý như sau: cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ.

### 21. Về cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách (Điều 26)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, rà soát lại quy định “Cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ” tại Điều 26 cho phù hợp. Do Chương II có 11 điều (từ Điều 16 đến Điều 26), trong đó không có điều khoản nào quy định về nội dung này.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 26 có quy định về cơ chế tài chính và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách. Đồng thời, tại Chương II về Ngân hàng chính sách có quy định các nội dung như: ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận (Điều 16); vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác (Điều 18); ngân hàng chính sách được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi (Điều 23). Các nội dung này đều liên quan đến cơ chế tài chính của ngân hàng chính sách, do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

# II. VỀ GIẤY PHÉP (Chương II)

### 1. Về thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép (Điều 27)

*- Có ý kiến cho rằng, quy định đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật là rất chung chung, khó áp dụng; đề nghị sửa đổi thành theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Có ý kiến đề nghị về các nội dung về cấp phép và nội dung đăng ký kinh doanh quy định tại Điều 24 có nhiều điểm tương đồng, liên quan với nhau, do đó, nên cân nhắc xem xét cùng lúc 02 nội dung này để giảm bớt thủ tục hành chính trong triển khai thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi tiến hành các thủ tục và được NHNN cấp Giấy phép theo quy định của Luật Các TCTD, phải tiến hành các thủ tục thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Quy định này làm cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện thủ tục hành chính ở 02 cơ quan quản lý nhà nước khác nhau, trong đó có nhiều nội dung trùng lặp.

Để cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu chi phí xã hội, hỗ trợ hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng bỏ quy định tại Điều 24 của dự thảo Luật do Chính phủ trình và sửa đổi quy định tại Điều 27 về thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép, tương tự Điều 71 Luật Kinh doanh bảo hiểm và khoản 2 Điều 25 Nghị định 46/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa tương ứng tại các Điều có liên quan tại dự thảo Luật), cụ thể:

+ Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

+ Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của TCTD, tổ chức nước ngoài có hoạt động ngân hàng.

+ NHNN thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc, Trưởng văn phòng đại diện để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Để thủ tục cấp, thu hồi Giấy phép theo quy định mới được triển khai thông suốt trên thực tế, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành trung ương có liên quan, các địa phương phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai.

*- Có ý kiến đề nghị sửa tên Điều này thành “Thẩm quyền cấp,* ***sửa đổi, bổ sung*** *và thu hồi Giấy phép” bảo đảm phù hợp với nội dung của Điều.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào Điều 27 quy định về “Cấp giấy phép thành lập, hoạt động của các chi nhánh, phòng giao dịch trực thuộc tổ chức tín dụng”.*

UBTVQH xin báo cáo: phòng giao dịch là một loại hình chi nhánh, do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp quy định tại khoản 2 Điều 27 đối với các tổ chức tín dụng đã được thành lập hợp pháp theo Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành có 02 mã số khác nhau do Ngân hàng nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp như sau:*

*+ Mã số doanh nghiệp đồng thời là mã số thuế của các tổ chức tín dụng (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp) sẽ thay đổi như thế nào?*

*+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ bị hủy bỏ hay vẫn tiếp tục thực hiện?*

*­+ Mã số doanh nghiệp của các Chi nhánh/Phòng giao dịch của tổ chức tín dụng khi đăng ký kinh doanh được quản lý như thế nào?*

*+ Trách nhiệm của tổ chức tín dụng/Ngân hàng nhà nước đối với cơ quan đăng ký doanh nghiệp (Sở Kế hoạch và Đầu tư) nếu có sự thay đổi, bổ sung Giấy phép.*

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ tại khoản 5 cách thức triển khai cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, vì hiện nay Hệ thống thông tin quốc gia chưa có chức năng cập nhật thông tin đăng ký kinh doanh theo quy định của dự thảo Luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo:

Về nguyên tắc, việc cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép tại Điều 27 không làm thay đổi việc thực hiện quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước (NHNN, Bộ Kế hoạch Đầu tư - Sở kế hoạch đầu tư) đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, mà chỉ rút ngắn quy trình, trình tự thực hiện đối với TCTD, chi nhánh NHNg khi được cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cụ thể:

Sau khi NHNN cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép, thay vì việc TCTD, chi nhánh NHNN phải nộp hồ sơ để thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì NHNN sẽ là người chuyển những thông tin đó tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện cập nhập vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

### 2. Về thời hạn cấp Giấy phép (Điều 31)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về thời hạn cấp Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại khoản 1 Điều 31 đã quy định: Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho bên đề nghị cấp phép.

*- Có ý kiến cho rằng quy định thời gian 180 ngày như tại khoản 1 Điều 31 của dự thảo Luật là quá dài. Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng giảm thời gian cấp phép, cắt giảm thủ tục hành chính.*

*Có ý kiến đề nghị quy định về thời gian cấp phép nên giảm xuống còn khoảng 120 ngày (khoảng 4 tháng); nên phân loại giấy phép để có thời gian cấp phép phù hợp, bởi vì quy định thời gian là 180 ngày mới có kết quả là quá dài. Đề nghị bổ sung Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật quy định thời hạn cấp Giấy phép đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 180 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; thời hạn cấp Giấy phép đối với văn phòng đại diện là 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thực tế, trên cơ sở hồ sơ hợp lệ, NHNN sẽ tiến hành nhiều bước thẩm định với sự tham gia ý kiến của nhiều cơ quan liên quan, do vây, việc quy định ngày như dự thảo Luật là phù hợp với thực tiễn cũng như tương ứng với quy mô, các điều kiện thành lập của từng loại hình.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 31 theo hướng tách thời gian từ chối cấp Giấy phép và thời gian cấp Giấy phép riêng thành 02 mốc thời gian khác nhau vì việc xem xét từ chối sẽ không mất nhiều thời gian như việc cấp giấy phép. Khoản này đề nghị sửa thành: “1. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,* ***trong thời hạn 90 ngày Ngân hàng Nhà nước từ chối cấp Giấy phép hoặc trong thời hạn 180 ngày cấp Giấy phép*** *thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho bên đề nghị cấp phép.”.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung các trường hợp từ chối cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Dự thảo để bảo đảm công khai, minh bạch và thống nhất tiêu chí, điều kiện, phương thức thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do trên cơ sở quy định của Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: “Từ chối cấp Giấy phép” không phải là một thủ tục riêng của hoạt động cấp phép mà là kết quả của quá trình cấp Giấy phép, do đó thời gian từ chối cấp Giấy phép nằm trong thời gian của quy trình cấp Giấy phép. Dự thảo Luật đã quy định các điều kiện để được cấp Giấy phép (Điều 29), cũng như giao NHNN quy định hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép (Điều 30), đây chính là căn cứ để từ chối cấp Giấy phép, do vậy, không cần thiết quy định lại trong dự thảo Luật.

### 3. Về lệ phí cấp Giấy phép (Điều 32)

*- Có ý kiến cho rằng Điều 32 quy định về lệ phí cấp đổi Giấy phép nhưng các điều còn lại trong Chương II (Giấy phép) chỉ quy định về cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép mà không có cấp đổi Giấy phép. Đề nghị xem xét nội dung này để bảo đảm tính thống nhất của Dự thảo.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh sửa, bổ sung “cấp đổi Giấy phép” tại Điều 32 của dự thảo Luật.

### 4. Về công bố thông tin hoạt động (Điều 33)

*- Có ý kiến đề nghị ghi cụ thể là công bố trên phương tiện truyền thông nào của Ngân hàng Nhà nước; tờ báo viết hàng ngày và báo điện tử nào của Việt Nam đủ điều kiện để công bố thông tin*

UBTVQH xin báo cáo: quy định này kế thừa từ Luật hiện hành và không có vướng mắc trong quá trình triển khai, do vậy xin giữ như dự thảo Luật.

### 5. Về điều kiện khai trương hoạt động (Điều 34)

*Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “****trừ trường hợp được Ngân hàng Nhà nước gia hạn****” sau cụm từ “Giấy phép đã cấp hết hiệu lực” tại khoản 3 Điều 34 dự thảo Luật nhằm đơn giản hoá khi thực hiện, Ngân hàng Nhà nước không cần phải ra quyết định cấp lại Giấy phép.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh sửa khoản 3 Điều 34 theo hướng bổ sung cụm từ “trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng” để trường hợp có sự kiện bất khả kháng xảy ra, TCTD không phải tiến hành thủ tục gia hạn Giấy phép.

### 6. Về sử dụng Giấy phép (Điều 35)

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi thành: “Tổ chức được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép và/hoặc thực hiện theo hướng dẫn của NHNN, quy định của pháp luật có liên quan.” bởi vì thực tế một số hoạt động (đặc biệt trong lĩnh vực ngoại hối) có văn bản chấp thuận riêng của NHNN, nhưng không được ghi nhận trong Giấy phép.*

UBTVQH xin báo cáo: theo thông tin báo cáo của NHNN, hiện nay các văn bản chấp thuận riêng của NHNN đều là bộ phận không tách rời của Giấy phép có nghĩa là đã được ghi nhận trong Giấy phép. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị sửa cụm từ “tẩy xóa” tại khoản 2 thành “sửa chữa”, vì nếu sử dụng cụm từ “tẩy xóa” thì việc ghi thêm nội dung vào giấy phép là hành động không bị cấm.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, khoản 2 Điều 35 được chỉnh lý như sau: “*2. Tổ chức được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, sửa chữa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.*”.

### 7. Về thu hồi Giấy phép (Điều 36)

*- Có ý kiến đề nghị lưu ý quy định tại điểm b khoản 1 về trường hợp thu hồi giấy phép khi TCTD bị tách, do không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (quy định không chấm dứt tồn tại đối với công ty bị tách).*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bỏ quy định thu hồi Giấy phép với trường hợp TCTD bị tách.

### 8. Về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận (Điều 37)

*- Có ý kiến đề nghị tại điểm đ khoản 1 đối với trường hợp mua bán, chuyển nhượng cổ phần cần quy định nhất quán “mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến thành cổ đông lớn” và quy định rõ đối với trường hợp mua, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược có phải xin chấp thuận của NHNN không?*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật được chỉnh lý như sau: “*đ) Mua bán, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn*”. Dự thảo Luật không quy định về cổ đông chiến lược mà giao Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD Việt Nam (trong đó có quy định về nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài). Theo đó, mức sở hữu cổ phần của cổ đông chiến lược (từ 15% đến 20%) nhiều hơn mức sở hữu cổ phần của cổ đông lớn (từ 5%) nên thuộc trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét quy định cụ thể tỷ lệ thay đổi vốn điều lệ đối với QTDND tại khoản 3 Điều 37 dự thảo Luật là cơ sở để được NHNN chấp thuận để phù hợp với khoản 4 Điều 83 về việc tăng, giảm vốn điều lệ; mức vốn góp của thành viên nhằm giảm thiểu thủ tục hành chính. Do thực tế vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân chủ yếu từ vốn góp thành viên, trong khi đó việc kết nạp, xin ra thay đổi hằng năm, làm cho vốn điều lệ thay đổi thường xuyên, nhưng không nhiều, tỷ lệ nhỏ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, điểm b khoản 1 Điều 37 quy định: “b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”; khoản 3 Điều 37 quy định: “Việc thay đổi địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; việc thay đổi mức vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”. Đề nghị NHNN khi quy định nội dung liên quan cần tránh phát sinh thủ tục không cần thiết đối với quỹ tín dụng nhân dân.

*- Có ý kiến đề nghị tại điểm c khoản 4 để tránh phát sinh khối lượng công việc và chi phí không cần thiết, việc công bố nội dung thay đổi chỉ nên thực hiện thông qua một trong các hình thức hoặc phương tiện truyền thông của NHNN hoặc một tờ báo viết hằng ngày hoặc báo điện tử của Việt Nam. Ngoài ra, chưa có quy định về các phương tiện truyền thông của NHNN là những phương tiện nào, đề nghị cho phép TCTD lựa chọn một trong các hình thức công bố theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 và xác định cụ thể loại phương tiện truyền thông của NHNN để thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc quy định TCTD phải công bố công khai trên phương tiện truyền thông của NHNN và trên một tờ báo khác nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của TCTD. Dự thảo Luật chỉ quy định việc công bố thực hiện “trên phương tiện truyền thông của NHNN và trên một tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên báo điện tử của Việt Nam”, tức là qua một cổng thông tin chính thức của cơ quan quản lý nhà nước và trên một phương tiện đại chúng phổ thông theo lựa chọn của TCTD.

# III. VỀ TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA TCTD (Chương IV)

*- Có ý kiến đề nghị cần rà soát, xem xét, điều chỉnh các nội dung liên quan tới quy định về tổ chức quản trị, điều hành TCTD tại dự thảo Luật theo hướng áp dụng các quy định chung về tổ chức quản trị, điều hành của TCTD đã được quy định tại các luật tương ứng như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Chứng khoán và Luật Các TCTD chỉ quy định về những yêu cầu đặc thù đối với các TCTD về các nội dung có liên quan.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại khoản 1 Điều 3 về áp dụng Luật Các TCTD và các luật có liên quan và tập quán thương mại quốc tế, dự thảo Luật đã bổ sung quy định: “Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan”.

*- Có ý kiến cho rằng, hiện Luật Doanh nghiệp đã có cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số và về mặt lý luận, thực tiễn quản trị cho thấy cơ chế này quan trọng không kém cơ chế quản lý, giám sát cổ đông lớn, cổ đông có vai trò trọng yếu đối với doanh nghiệp nói chung và TCTD nói riêng. Do đó, cần nghiên cứu có quy định cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số ở các TCTD là công ty cổ phần tương tự như Luật Doanh nghiệp. Cụ thể, cần quy định quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, quyền khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh TCTD để khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho TCTD hoặc là người khác.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật bổ sung các cơ chế bảo vệ phù hợp với đặc thù của TCTD, như bổ sung quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Điều 61); quyền yêu cầu HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ (khoản 2 Điều 67)… Đối với cơ chế khởi kiện sẽ thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

*- Có ý kiến cho rằng ngân hàng là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt và phải đáp ứng được các yêu cầu cao về quản trị ngân hàng và hiện đại, ít nhất là những nguyên tắc, như: công khai, minh bạch, độc lập, khách quan.*

UBTVQH xin báo cáo: các nguyên tắc công khai, minh bạch, độc lập, khách quan được thể hiện ở các quy định cụ thể tại dự thảo Luật:

- Tính công khai, minh bạch được thể hiện ở Điều 10 (Bảo vệ quyền lợi của khách hàng); Điều 49 (Công khai, công bố thông tin); Điều 100 (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của TCTD); Điều 154 (Công khai báo cáo tài chính); các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyền, trách nhiệm của cổ đông, chủ sở hữu, trách nhiệm giải trình, đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, trách nhiệm kiểm soát, giám sát hoạt động giữa các cơ quan như Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát…

- Tính độc lập được thể hiện trong chức năng của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc với nhiệm vụ quyền hạn riêng, phù hợp vai trò của từng cá nhân, bộ phận.

- Tính khách quan thể hiện qua việc yêu cầu Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, ban kiểm soát hoạt động đúng chức năng, bảo đảm tuân thủ pháp luật, có sự kiểm soát giữa các cơ quan, các bộ phận của TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc lại cho thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Luật và Luật Doanh nghiệp khi còn có những vấn đề chưa thống nhất về nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc, Tổng giám đốc, như Điều 12 quy định về người đại diện theo pháp luật của TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 3 Luật Doanh nghiệp quy định: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó”, do vậy trường hợp Luật TCTD có quy định đặc thù khác với Luật Doanh nghiệp thì vẫn được áp dụng và bảo đảm tính thống nhất.

Về người đại diện theo pháp luật, hoạt động ngân hàng có những rủi ro riêng trên cơ sở đặc thù của hoạt động này. Một trong số đó xuất phát từ rủi ro quản trị, điều hành của tổ chức. Yêu cầu, điều kiện đối với các chức danh quản lý, điều hành và cơ cấu, tổ chức của TCTD cũng có những đặc thù riêng khác với các doanh nghiệp thông thường để nhằm bảo đảm hoạt động an toàn, lành mạnh của tổ chức này. Do vậy, dự thảo Luật quy định TCTD chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một số quy định tập trung vào các nhóm vấn đề về tổ chức quản trị, điều hành của TCTD, về hoạt động của TCTD, hạn chế bảo đảm an toàn cho hoạt động của TCTD. Bổ sung thêm quy định về chuẩn mực đối với các thể nhân khi tham gia hoạt động quản trị, điều hành của các TCTD và các tổ chức trung gian xử lý rủi ro để tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD hoạt động.*

UBTVQH xin báo cáo: Các tiêu chuẩn của người tham gia vào các vị trí người quản lý, người điều hành đã được quy định tại Điều 41 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu mở rộng đối tượng công bố thông tin đối với tất cả các cổ đông là tổ chức, cá nhân và nhóm người có liên quan sở hữu từ 1% vốn điều lệ của TCTD để tăng tính minh bạch về sở hữu và bảo đảm an toàn cho hoạt động của TCTD.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung nội dung này tại khoản 2 Điều 49. Theo đó:

+ Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của TCTD phải công khai với TCTD một số thông tin.

+ TCTD phải công khai thông tin này trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD, lưu giữ tại trụ sở chính của TCTD và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước.

+ Đối tượng công khai, cung cấp thông tin phải bảo đảm thông tin công khai, cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc công khai, cung cấp thông tin đó.

## Về một số quy định cụ thể:

### 1. Về thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại (Điều 38)

*Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về “phòng giao dịch” tại Điều 38 của dự thảo Luật. Đề nghị thiết kế lại khoản 1 Điều 38 như sau: “1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,* ***phòng giao dịch,*** *đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.”.*

UBTVQH xin báo cáo: phòng giao dịch là một loại hình chi nhánh của TCTD, do vậy, xin không bổ sung vào dự thảo Luật.

### 2. Về Điều lệ (Điều 39)

*Có ý kiến cho rằng, phần lớn các TCTD hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, theo đó, sẽ áp dụng Điều 24 của Luật Doanh nghiệp về những nội dung cơ bản của Điều lệ doanh nghiệp. Do đó, để hạn chế mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản luật, đề nghị cân nhắc quy định cấu trúc lại Điều 39 theo hướng dẫn chiếu các quy định về điều lệ trong Luật Doanh nghiệp và chỉ quy định làm rõ hơn đối với các nội dung đặc thù cần phải có trong điều lệ của TCTD* *.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã rà soát các quy định tại Điều này theo hướng phù hợp với đặc thù của TCTD; đồng thời chuyển nội dung về Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, QTDND lên Điều này để bảo đảm tính thống nhất và dễ dẫn chiếu trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thay cụm từ “địa điểm trụ sở chính” bằng cụm từ “địa chỉ trụ sở chính” tại điểm a khoản 1 Điều 39 để bảo đảm thống nhất và tương thích với quy định của Luật Doanh nghiệp, địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp là “****địa chỉ đặt trụ sở chính****” của doanh nghiệp đó. Mặt khác, theo từ điển tiếng Việt thì “****địa điểm****” được hiểu với nghĩa là “****nơi cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc xảy ra một sự việc nào đó****”.*

UBTVQH xin báo cáo: việc thay đổi như ý kiến đại biểu không làm thay đổi nội hàm chính sách nhưng nếu chỉnh lý thành “địa chỉ trụ sở chính” sẽ dẫn tới việc chỉ thay đổi tên gọi mà không thay đổi địa điểm, vị trí (ví dụ đặt lại số nhà, tên đường...) mà TCTD vẫn phải làm thủ tục xin chấp thuận thay đổi. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “vốn được cấp” sau cụm từ “vốn điều lệ” tại điểm d khoản 1 Điều 39 để thống nhất với khoản 2 Điều 28 dự thảo Luật như sau: “Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của* ***vốn điều lệ hoặc vốn được cấp*** *tối thiểu bằng mức vốn pháp định”.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định tại khoản 1 Điều 39 áp dụng đối với TCTD là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, do vậy không bao gồm vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung nội dung “họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;” tại điểm g khoản 1 Điều 39 nhằm bảo đảm thống nhất, tương thích với quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp quy định về thông tin cổ đông sáng lập của công ty cổ phần. Tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật, nhiều ý kiến nêu khó khăn vướng mắc trong việc kê khai, cập nhật thông tin này do cổ đông sáng lập sau thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo quy định pháp luật, họ có thể chuyển nhượng cổ phần cho các tổ chức, cá nhân khác. Do đó, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định rõ ràng, cụ thể nội dung “người đại diện theo pháp luật” được thể hiện trong điều lệ công ty tại điểm i khoản 1 Điều 39 là nội dung liên quan đến thông tin cá nhân hay quy định quyền và nghĩa vụ đối với người đại diện theo pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung tại điểm i khoản 1 Điều 39 là thông tin về người đại diện theo pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thêm và bổ sung đầy đủ hơn quy định tại khoản 3 Điều 39 Ngân hàng Nhà nước phải ban hành Điều lệ mẫu có những nội dung chủ yếu để các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn áp dụng và Điều lệ có hiệu lực khi được ngân hàng phê duyệt. Tránh trường hợp Điều lệ có quy định trái với Luật (khoản 1 Điều 39) mà đã được tổ chức tín dụng thông qua, sau 15 ngày gửi cho Ngân hàng Nhà nước mới phát hiện có sự sai sót.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại khoản 1 Điều 39 dự thảo Luật đã quy định các nội dung chủ yếu phải có tại Điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trên cơ sở đó, TCTD xây dựng Điều lệ áp dụng tại tổ chức mình. Việc ban hành Điều lệ mẫu là không cần thiết và khó đảm bảo sự phù hợp đối với tất cả các loại hình TCTD. Do đó, xin được giữ như dự thảo Luật.

### 3. Về cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng (Điều 40)

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 40 giao Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn rõ các tiêu chí, tiêu chuẩn đối với các công ty kiểm toán độc lập phải có đủ các năng lực để có thể kiểm toán được một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ của các ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung này được quy định tại Điều 59 của dự thảo Luật, cụ thể: “1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo”.

### 4. Về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của TCTD (Điều 41)

*-**Có ý kiến cho rằng, yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 là rất khó để đánh giá, nên đề nghị rà soát lại.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý thành: *“Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”* để giao NHNN hướng dẫn cụ thể yêu cầu và cách thức đánh giá điều kiện này.

*- Một số ý kiến đề nghị xem xét, điều chỉnh lại điểm đ khoản 1 Điều 41 do quy định này không thống nhất với quy định tại Điều 11 của dự thảo Luật, chỉ nên giới hạn “Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành* ***viên là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng*** *thì phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm”, hoặc đề nghị bỏ điểm đ khoản 1 Điều này vì tại Điều 11 đã quy định nội dung này.*

*Có ý kiến đề nghị thiết kế điểm đ khoản 1 Điều 41 như sau: “****Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng,*** *Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm” để bảo đảm tính thống nhất về nơi cư trú trong thời gian đương nhiệm của Người đại diện theo pháp luật, Người quản lý, Người điều hành phù hợp với các quy định của dự thảo Luật (khoản 39 và khoản 40 Điều 4, khoản 1 và khoản 2 Điều 11, điểm d khoản 4 Điều 41).*

*Có ý kiến đề nghị bỏ quy định tại điểm d khoản 4 Điều 41, vì thực tiễn cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) có vốn đầu tư nước ngoài: Tổng Giám đốc là Người điều hành và là Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng; Chủ tịch Hội đồng thành viên không phải là Người đại diện theo pháp luật và không trực tiếp tham gia điều hành tổ chức tín dụng, nên quy định bắt buộc Chủ tịch Hội đồng thành viên cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm là không phù hợp.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu theo hướng chỉ quy định Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/Giám đốc phải cư trú trong thời gian đương nhiệm.

- *Có ý kiến cho rằng, quy định tại điểm đ khoản 2 được hiểu là thành viên độc lập thì chỉ được bầu tối đa 01 nhiệm kỳ là chưa thống nhất với Luật Doanh nghiệp, đồng thời, dẫn đến việc TCTD liên tục phải bỏ nguồn lực để tìm kiếm ứng viên thành viên độc lập của HĐQT cho mỗi nhiệm kỳ. Đề nghị giải đáp rõ về tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của TCTD và làm rõ chỉ cần áp dụng Luật Các TCTD hay đồng thời phải áp dụng Luật Doanh nghiệp, luật khác. Đề nghị quy định trong Luật Các TCTD cần thống nhất với khoản 2 Điều 154 của Luật Doanh nghiệp như sau: “Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập của HĐQT của một TCTD không quá 02 nhiệm kỳ liên tục”.*

UBTVQH xin báo cáo: Khác với doanh nghiệp thông thường, TCTD, nhất là ngân hàng thương mại có quy mô về tài sản, tiền gửi của khách hàng rất lớn và cần bảo đảm an toàn, tránh đổ vỡ hệ thống, do vậy, vấn đề về quản trị, điều hành tại TCTD là hết sức quan trọng. Việc quy định thành viên độc lập của TCTD chỉ được bầu tối đa 01 nhiệm kỳ để bảo đảm tính độc lập của thành viên đó. Tuy nhiên, để tháo gỡ khó khăn trong việc tìm kiếm ứng viên là thành viên độc lập mà vẫn bảo đảm tính độc lập, dự thảo Luật đã điều chỉnh đồng thời quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ của thành viên độc lập (khoản 3 Điều 43) và tỷ lệ sở hữu trực tiếp, gián tiếp của thành viên độc lập và người có liên quan tại Điều này.

Theo quy định tại Điều 3 Luật Doanh nghiệp, trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó. Do vậy, quy định về thành viên độc lập tại Luật Các TCTD sẽ được áp dụng.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung ngành/chuyên ngành “****tài chính, ngân hàng****” vào nội dung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bằng cấp đối với thành viên Ban kiểm soát tại điểm b khoản 3 Điều 41 và đối với Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc tại điểm b khoản 4 Điều 41 của dự thảo Luật để phù hợp với yêu cầu về trình dộ, năng lực điều hành, kiểm soát hoạt động của tổ chức tín dụng trên thực tế.*

*Có ý kiến đề nghị quy định tại điểm b khoản 3 dự thảo Luật theo hướng nhấn mạnh là chọn các lĩnh vực này trong ngành kinh tế nói chung: “Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành luật, kinh tế trong đó có quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán;” vì các nhóm ngành liên quan đến Quản trị doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp, Kế toán, Kiểm toán... đều thuộc lĩnh vực kinh tế, thuộc ngành kinh tế.*

*Có ý kiến đề nghị viết lại điểm b khoản 5 dự thảo Luật thành: “Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành luật, kinh tế trong đó có quản trị kinh doanh, hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;”.*

*Một số ý kiến đề nghị xem xét, quy định cụ thể bằng đại học tại điểm c khoản 1 Điều 41 về các chuyên ngành như: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản lý kinh tế, luật. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu điều chỉnh cụm từ “tại bộ phận nghiệp vụ” điểm d khoản 1 Điều 41 thành “trong lĩnh vực” để phù hợp với quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý theo hướng bổ sung bằng đại học trong các ngành tài chính, ngân hàng; làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét nên quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng tại khoản 5 Điều 41 dự thảo Luật (có yếu tố đặc thù riêng của ngành ngân hàng) trên cơ sở thống nhất với các quy định pháp luật khác (hiện nay là Luật Kế toán).*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật bổ sung quy định “Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán”.

### 5. Về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ (Điều 42)

*Có ý kiến đề nghị thay thế từ “nắm” tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 42 bằng cụm từ* ***“sở hữu****” cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “nắm” có phạm vi rộng hơn cụm từ “sở hữu”, do đó xin được giữ nguyên theo quy định tại dự thảo.

*- Có ý kiến đề nghị quy định nhất quán, rõ ràng các trường hợp tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 42 dự thảo Luật về những trường hợp không được là kế toán trưởng, giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con của tổ chức tín dụng để dễ vận dụng do các quy định này có mâu thuẫn với nhau: Điểm b khoản 2 quy định người đang chấp hành hình phạt tù có nghĩa đã bị Tòa kết án đang chấp hành hình phạt tù có thể từ tội phạm ít nghiêm trọng trở lên. Trong khi đó điểm c khoản 2 lại quy định “Người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên” có nghĩa người đang chấp hành hoặc chấp hành xong và tại điểm d khoản 2 lại quy định “Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích”, như vậy cũng có thể hiểu người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu từ tội ít nghiêm trọng trở lên đã chấp hành xong.*

UBTVQH xin báo cáo: Do lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực đặc thù và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó quy định về người đại diện theo pháp luật, những tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của người quản lý, điều hành cần phải chặt chẽ.

Về trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ: Quy định tại dự thảo luật nhằm hướng đến 2 đối tượng khác nhau với mức độ vi phạm khác nhau, theo đó:

+ Trường hợp người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên (kể cả đã xóa an tích) thì cũng không được đảm nhiệm chức vụ vì đặc thù hoạt động ngân hàng có rất nhiều rủi ro xuất phát từ rủi ro đạo đức.

+ Đối với người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích thì cũng không được đảm nhiệm chức vụ.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát lại quy định tại điểm c khoản 1 về Chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản… với quy định của Luật Hợp tác xã vì Luật Hợp tác xã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 đã thay đổi khái niệm Chủ nhiệm Hợp tác xã bằng Giám đốc, Tổng giám đốc; Ban quản trị hợp tác xã là Hội đồng quản trị.*

Tiếp thu ý kiến của ĐHQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định về Chủ nhiệm hợp tác xã thành Giám đốc, Tổng giám đốc; Ban quản trị hợp tác xã thành Hội đồng quản trị, như quy định tại Luật Hợp tác xã.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc, giải trình, làm rõ quy định tại điểm c khoản 1 về việc không được đảm nhiệm chức vụ quản lý TCTD đối với người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp Chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản. Cân nhắc thời điểm áp dụng là thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản hay là thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị tuyên bố phá sản: thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản kéo dài bao lâu, kể từ khi có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố doanh nghiệp phá sản.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định này như sau: “Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc hợp tác xã mà tại thời điểm đó doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát TCTD bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ”.

*- Có ý kiến đề nghị trường hợp người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra không được đảm nhiệm chức vụ như quy định tại điểm h khoản 1 cần phải phân định rõ mức độ giới hạn trách nhiệm của cá nhân như thế nào, theo kết luận thanh tra, thì mới thuộc trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ trong trường hợp có nhiều cá nhân phải chịu trách nhiệm theo kết luận của thanh tra; quy định giới hạn thời gian cụ thể kể từ thời điểm vi phạm để có thể giải trừ điều kiện hạn chế, cấm đảm nhiệm chức vụ của cá nhân, ví dụ: có thể quy định thời hạn 5 năm kể từ thời điểm kết luận thanh tra được khắc phục, như quy định về xóa án tích sau thời gian nhất định và các bản án, quyết định của tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ trong một thời gian nhất định.*

UBTVQH xin báo cáo: Đối tượng là người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra tại điểm h khoản 1 Điều 42 phải gắn với hành vi làm cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung hình phạt tiền cao nhất đối với một số hành vi cụ thể. UBTVQH thấy rằng, lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực chuyên ngành và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên cần có yêu cầu chặt chẽ đối với người quản lý, điều hành, do vậy không quy định giới hạn thời gian cụ thể từ thời điểm vi phạm để có thể giải trừ điều kiện hạn chế, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với đối tượng này.

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể tại điểm g khoản 1 Điều 42 đối với người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra trong quy định này là kết luận thanh tra xác định người đó chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân hay xác định 1 tập thể chịu trách nhiệm (ví dụ: Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát...). Trường hợp áp dụng kết luận thanh tra xác định 1 tập thể chịu trách nhiệm thì cần làm rõ khi đó, tất cả cá nhân trong tập thể đó đều thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hay chỉ áp dụng đối với cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, điều hành trong tập thể đó.*

UBTVQH xin báo cáo: Điểm h khoản 1 Điều 33 đã quy định rõ về trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là: Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất. Như vậy căn cứ theo kết luận theo tra để xác định trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không chỉ bao gồm cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, điều hành trong tập thể đó.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ điểm i Khoản 1 do Điều này thuộc các quy định chung của Chương 3, do đó, chỉ nên quy định chung các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ đối với tất cả các loại hình TCTD*

UBTVQH xin báo cáo: quy định tại Điều này trọng tâm vào việc cấm được đảm nhiệm chức vụ đối với một số đối tượng, bao gồm quan hệ của đối tượng đó với người có liên quan. Do vậy, UBTVQH hội xin giữ như dự thảo để thể hiện rõ hơn đặc thù của QTDND tại Điều này, tuy nhiên có điều chỉnh về kỹ thuật tại cả điểm đ và điểm i khoản 1 của Điều này. Ngoài ra, UBTVQH đã rà soát, chỉnh sửa quy định này theo hướng tập hợp các quy định rải rác tại dự thảo Luật cùng về nội dung không được đảm nhiệm chức vụ vào cùng một Điều để bảo đảm minh bạch, rõ ràng, dễ dẫn chiếu.

### 6. Về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ (Điều 43)

*- Một số ý kiến cho rằng quy định như điểm a khoản 2 hạn chế việc bố trí nhân sự của tổ chức tín dụng. Vì tham gia Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không phải là một công việc toàn thời gian, việc hạn chế thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác có thể dẫn đến việc khó tìm được người đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm, kiến thức, đặc biệt đối với thành viên độc lập.*

*Có ý kiến cho rằng, việc không được cùng đảm nhiệm chức vụ với những nội dung bổ sung tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 43, như: “người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp khác” sẽ giới hạn quyền đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh của những người quản lý TCTD, gây khó khăn cho công tác tìm kiếm nhân sự đủ năng lực và kinh nghiệm để đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành TCTD, đặc biệt là những chức danh cần nhiều nhân sự, như: thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc. Ngoài ra, những nhân sự cấp cao đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng điều hành, quản trị kinh doanh, do vậy, nếu chỉ cho phép nhân sự đó làm việc tại một TCTD là lãng phí nguồn lực của xã hội, hạn chế sự phát triển kinh tế của đất nước, cản trở sự phát triển của từng TCTD nói riêng và cả ngành ngân hàng Việt Nam nói chung. Bên cạnh đó, điều này có thể tạo điều kiện cho việc thao túng quản trị điều hành của một số ông chủ ngân hàng khi những thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên kém năng lực hơn. Do đó, đề nghị giữ nguyên các khoản 1, 2 và 3 theo quy định hiện hành của Luật CTCTD, hoặc giới hạn những chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc không nắm giữ vị trí Chủ tịch, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của quá 03 doanh nghiệp.*

*Đề nghị nghiên cứu quy định khoản 5 Điều 43 theo hướng có giới hạn đối với các chức danh như sau “Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc và các chức danh tương đương được đồng thời là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác”.*

*Có ý kiến cho rằng, quy định tại điểm b khoản 3 cho phép thành viên độc lập Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là người quản lý của doanh nghiệp khác, nhưng* ***không được quá*** *02 doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao tính minh bạch, hạn chế tình trạng thao túng trong hoạt động của tổ chức tín dụng; Đề nghị quy định loại trừ để bảo đảm phù hợp với đặc thù trong một số trường hợp, như trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã.*

*Ý kiến khác đề nghị xem xét giữ điểm a khoản 2 như quy định tại Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành.*

UBTVQH xin báo cáo: Để minh bạch hoá hoạt động ngân hàng, giảm tình trạng sở hữu chéo, công ty sân sau, nâng cao quản trị ngân hàng, loại bỏ vấn đề xung đột lợi ích, Luật Các TCTD được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: Chủ tịch Hội đồng quản trị của một ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. Chính sách này đã tạo hiệu quả nhất định trong việc hạn chế thao túng, chi phối, hạn chế xung đột lợi ích trong ngành ngân hàng. Tuy nhiên, theo NHNN, trên thực tế vẫn có tình trạng việc “lựa chọn” của các lãnh đạo ngân hàng còn mang tính hình thức, lách quy định (phần lớn chỉ thôi đảm nhiệm chức vụ đứng đầu nhưng vẫn tiếp tục làm Phó chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị).

Việc cùng đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại TCTD có thể tác động hoặc hỗ trợ việc quyết định cấp tín dụng đối với doanh nghiệp mà họ đồng thời là người quản lý, điều hành. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc ra quyết định cấp tín dụng của TCTD, dẫn đến việc ưu tiên cấp tín dụng cho các doanh nghiệp “sân sau” của TCTD. Ngoài ra, việc đồng thời cùng đảm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ quản lý, điều hành tại TCTD và các doanh nghiệp khác có thể ảnh hưởng phần nào đến chất lượng quản lý điều hành tại TCTD. Do đó, quy định hạn chế việc đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành tại TCTD và các doanh nghiệp khác là cần thiết nhằm tránh việc các người quản lý, điều hành can thiệp đến hoạt động của TCTD, đưa ra những quyết định có lợi cho doanh nghiệp khác mà họ đang đồng thời quản lý, điều hành.

Tuy nhiên, đối với thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, dự thảo Luật có điều chỉnh về việc không cùng đảm nhiệm chức vụ của nhân sự này nhằm giải quyết khó khăn của TCTD trong việc tìm kiếm các ứng viên là thành viên độc lập đủ điều kiện theo quy định của Luật (như đã nêu tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật Các TCTD năm 2010). Theo đó, sửa đổi như sau: *“3. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị của TCTD không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:*

*a) Người điều hành của TCTD đó;*

*b) Người quản lý, người điều hành của TCTD khác, người quản lý của nhiều hơn 02 doanh nghiệp khác;*

*c) Thành viên Ban kiểm soát của TCTD khác, doanh nghiệp khác”.*

Tương ứng với điều chỉnh quy định này, tại Điều 41 về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành chỉnh sửa quy định về tỷ lệ sở hữu trực tiếp, gián tiếp của thành viên độc lập và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (giảm từ 05% theo dự thảo trình tại Kỳ họp thứ 5) để bảo đảm tính độc lập của thành viên độc lập cũng như hạn chế trường hợp thao túng, chi phối khi mở quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên độc lập.

*- Có ý kiến đề nghị sửa “chức danh tương đương” thành “chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của TCTD” để thống nhất với các điều, khoản khác, như: khoản 40 Điều 4, khoản 1 Điều 33 của dự thảo Luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định này tại khoản 40 Điều 4, khoản 1 Điều 43 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ tại TCTD và doanh nghiệp khác nhằm tránh xung đột lợi ích.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý nội dung này tại Điều 42 dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị có biện pháp phù hợp hơn để kiểm soát các giao dịch, như quy định chặt chẽ về điều kiện và thủ tục cấp tín dụng đối với các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng có lợi ích liên quan.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật đã có quy định để kiểm soát chặt chẽ hơn đối với việc cấp tín dụng cho người có liên quan của Hội đồng quản trị như: thẩm quyền phê duyệt các giao dịch này thuộc Đại hội đồng cổ đông; TCTD không được cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho doanh nghiệp có thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

### 7. Về chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng (Điều 44)

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “Danh sách dự kiến......bổ nhiệm các chức danh này”, bổ sung cụm từ “bằng văn bản” tại khoản 1 Điều 44 như sau: “1. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng là những người có tên trong danh sách dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận* ***bằng văn bản****”.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định này kế thừa từ Luật hiện hành và không có vướng mắc trong quá trình triển khai, do vậy xin giữ như dự thảo Luật.

### 8. Về miễn nhiệm, bãi nhiệm (Điều 46)

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định rõ hơn và tách riêng việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với quy định tại khoản 1, do miễn nhiệm thường được áp dụng với trường hợp người có đơn xin từ chức hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, còn bãi nhiệm là đối với những trường hợp vi phạm pháp luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng kết cấu lại khoản 1 Điều 46 như sau: “a) Miễn nhiệm khi bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của TCTD; b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật này; không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập của Hội đồng quản trị; c) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của TCTD”.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục làm rõ thêm về trách nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày thành viên này nộp đơn xin từ chức cho Ban kiểm soát tới ngày được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 2 Điều 46 của dự thảo Luật quy định “Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của TCTD vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm”. Theo đó, thời gian đương nhiệm được tính cho tới khi thành viên Ban kiểm soát được phê duyệt miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### 9. Về quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành (Điều 48)

*- Có ý kiến cho rằng nội dung các khoản tại Điều 48 dự thảo Luật thể hiện quyền, nghĩa vụ chưa rõ ràng, cụ thể, còn đan xen nhau. Đề nghị xem xét, điều chỉnh Điều 48 theo hướng: phân tách thành khoản 1 quy định về các quyền, khoản 2 quy định về trách nhiệm và cụ thể hóa các quy định để đảm bảo tính khả thi khi thi hành luật. Quy phạm pháp luật phải rõ ràng, cụ thể, quyền điều chỉnh các hành vi được làm, không được làm; nghĩa vụ là những hành vi, hành động phải thực hiện, tránh các quy định như “trung thực”, “cẩn trọng” chỉ nên quy định trong Điều lệ.*

UBTVQH xin báo cáo: theo thông tin báo cáo của NHNN, các quy định về quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành TCTD phần lớn được kế thừa từ Luật hiện hành, quá trình thực hiện không có vướng mắc trong việc phân định giữa quyền và nghĩa vụ.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định tại khoản 5 về quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của TCTD phải am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của TCTD; làm rõ cơ quan nào đánh giá trình độ am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của TCTD của người quản lý, người điều hành.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định này nhằm bảo đảm khả năng hiểu biết về quản trị rủi ro của người quản lý, người điều hành theo khuyến nghị của Ủy ban Basel để điều hành hoạt động của TCTD an toàn. Đây là quy định về quyền và nghĩa vụ, không phải là tiêu chuẩn, điều kiện nên không yêu cầu có cơ quan đánh giá, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý khoản 9 như sau: “Khi có phát sinh các sự kiện có nguy cơ mất an toàn hệ thống và ảnh hưởng tiêu cực đến TCTD cụ thể hoặc là nhằm mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống và điều hành chính sách tiền tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô hoặc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo của NHNN và Chính phủ thì thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, TCTD trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao có trách nhiệm thực hiện các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước”.*

UBTVQH xin báo cáo: việc quy định như dự thảo Luật chỉ giới hạn trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao của người quản lý, người điều hành của TCTD, bao gồm cả xử lý trong trường hợp phát sinh các sự kiện có nguy cơ mất an toàn hệ thống. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

### 10. Về trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan (Điều 49)

*- Có ý kiến đề nghị sửa khoản 4 thành “TCTD phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này theo hướng dẫn của NHNN” để tránh trùng lặp nghĩa vụ báo cáo, cùng một nội dung nhưng phải báo cáo nhiều lần, và sửa lại thuật ngữ tại Điều 39 “số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” thành “mã số doanh nghiệp” để phù hợp với Điều 29 Luật Doanh nghiệp.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý các nội dung liên quan đến công khai thông tin quy định tại Điều này. Ngoài ra, để tăng cường tính minh bạch của các thông tin, phù hợp với các thông tin được công bố, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin điều chỉnh tên Điều thành: *“Công khai, công bố thông tin”*; đồng thời bổ sung mới một số đối tượng phải công khai thông tin với TCTD gồm cả cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; trên cơ sở đó, TCTD phải công khai thông tin trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD và gửi báo cáo cho NHNN. Quy định này nhằm công khai, minh bạch các thông tin cũng như tăng trách nhiệm của các đối tượng cung cấp, công khai thông tin, phục vụ tốt hơn cho hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước và góp phần giảm sở hữu chéo, thao túng, chi phối TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định chi tiết hơn việc công khai thông tin của những người có liên quan trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, tránh việc xâm phạm quyền bí mật riêng tư của những người có liên quan quy định tại Điều này.*

*Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định Điều 49 dự thảo Luật thống nhất với nguyên tắc bảo mật thông tin cá nhân tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tránh việc cá nhân, nhà đầu tư bị lạm dụng, ảnh hưởng quyền lợi.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc phân công, phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức quản lý, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán để cung cấp thông tin của nhà đầu tư. Vì các tổ chức tín dụng thông thường đều là công ty đại chúng, do đó, việc quản lý cổ đông từ 01% vốn điều lệ cũng như đầu mối liên lạc, cung cấp thông tin sẽ khó thực hiện nếu không có sự phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức quản lý, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

### 11. Về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (Điều 50)

*- Có ý kiến đề nghị quy định khoản 2 Điều 50 của dự thảo Luật như sau để thống nhất với khoản 2 Điều 154 của Luật Doanh nghiệp: “Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập của Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.”, tránh dẫn đến việc tổ chức tín dụng phải liên tục bỏ nguồn lực để tìm kiếm ứng viên thành viên độc lập của Hội đồng quản trị cho mỗi nhiệm kỳ.*

UBTVQH xin báo cáo: để bảo đảm tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, dự thảo Luật đã quy định chỉ cho phép không quá 01 nhiệm kỳ, tuy nhiên đã chỉnh lý quy định liên quan đến không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên độc lập, tạo điều kiện cho TCTD trong việc tìm kiếm ứng viên.

*- Có ý kiến cho rằng, khoản 3 quy định thời hạn 90 ngày để hoàn thành việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là chưa khả thi, bởi các TCTD cần thời gian nhiều hơn để thực hiện hoàn tất khối lượng lớn các công việc, như: tìm kiếm các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật các TCTD, thu thập hồ sơ (tối thiểu 60 ngày), trình NHNN phê duyệt (tối thiểu 60 ngày), thực hiện các công việc liên quan đến triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để tiến hành bầu. Do đó, đề nghị quy định thời gian 120 ngày cho TCTD có điều kiện thực tế để hoàn thành việc bầu bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc được phép kéo dài hơn thời hạn nêu trên, nhưng TCTD phải có văn bản báo cáo NHNN hoặc do lý do thời gian xin chấp thuận kéo dài.*

UBTVQH xin báo cáo: so với Luật hiện hành, dự thảo Luật đã tăng số ngày yêu cầu từ 60 ngày lên thành 90 ngày để tạo thêm thời gian cho TCTD hoàn thành các thủ tục cần thiết để bầu, bổ sung đủ số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên. Việc tiếp tục kéo dài thêm thời gian này là chưa hợp lý vì đây là các vị trí quản lý quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động của TCTD nên cần được kiện toàn theo quy định nhằm bảo đảm hoạt động TCTD không bị đình trệ, ảnh hưởng, hạn chế những rủi ro trong hoạt động của TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của Hội đồng thành viên tại Điều này.*

UBTVQH xin báo cáo: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên đã được quy định tại Điều 67 đối với TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; tại Điều 72 đối với TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên (hiện tương ứng là Điều 74 và Điều 79 của dự thảo Luật).

### 12. Về Ban kiểm soát (Điều 51)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “giám sát” và “thành viên góp vốn”**vào khoản 1 Điều 51 của dự thảo Luật và điều chỉnh thành: “Ban Kiểm soát* ***giám sá****t việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông,* ***thành viên góp vốn,*** *chủ sở hữu”.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

### 13. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (Điều 52)

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể để TCTD có thể áp dụng được quy định của Luật các TCTD, vì việc quy định Ban Kiểm soát có quyền kỷ luật các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ mâu thuẫn với quy định của khoản 2 Điều 69 Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, vì người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động là người có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, trong khi đó người giao kết hợp đồng lao động lại là Người đại diện theo pháp luật của TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Bộ phận kiểm toán nội bộ là một bộ phận thuộc Ban kiểm soát, do vậy việc quy định Ban kiểm soát có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ là phù hợp, đồng thời bảo đảm tính độc lập của bộ phận này.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét điều chỉnh khoản 1 Điều 52 dự thảo Luật thành: “Giám sát hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu****; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao****”.*

*Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 52 dự thảo Luật theo hướng: “****Quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ; sử dụng tư vấn độc lập*** *và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao”.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện nhưkhoản 1 và khoản 3 Điều này.

### 14. Về quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát (Điều 53)

*- Có ý kiến đề nghị bỏ khoản 3 và khoản 10, tương tự quy định tại Điều 64 về quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị; việc Trưởng Ban Kiểm soát ký thay mặt Ban kiểm soát, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ là các quyền và nghĩa vụ đương nhiên, nên không cần thiết phải quy định cụ thể, nếu quy định thì cần phải quy định cho cả các thành viên của Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã rà soát, bổ sung các quy định về việc ký thay mặt và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, tương tự như quy định đối với Trưởng Ban kiểm soát.

### 15. Về Tổng giám đốc (Giám đốc) (Điều 55)

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa quy định tại khoản 1 Điều 55 thành "Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73”, vì tại điểm c khoản 1 Điều 66 quy định việc “Phê duyệt nội dung điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ của TCTD”. Trong khi đó, tại điểm b khoản 1 Điều 73 quy định là “Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát…”*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh theo hướng bỏ quy định bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế tại Điều này và điều chỉnh tại các quy định khác tương tự tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung “****chủ sở hữu****” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 vì đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc do chủ sở hữu quyết định.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét trường hợp Tổng giám đốc hết nhiệm kỳ nhưng chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến nhân sự để bổ nhiệm lại thì Tổng giám đốc đương nhiệm có được tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc hay ai sẽ là đối tượng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc đối với quy định tại khoản 3 Điều 55.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 3 Điều 55 quy định về việc khuyết Tổng Giám đốc, như vậy trường hợp này TCTD không có Tổng Giám đốc. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, TCTD phải khẩn trương thực hiện thủ tục để bầu bổ sung Tổng Giám đốc theo quy định bảo đảm hoạt động TCTD không bị đình trệ, ảnh hưởng, hạn chế những rủi ro trong hoạt động của TCTD.

### 16. Về hệ thống kiểm soát nội bộ (Điều 57)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm quy định giao NHNN có văn bản để hướng dẫn rõ các tiêu chí, tiêu chuẩn đối với các công ty kiểm toán độc lập phải có đủ các năng lực để có thể kiểm toán được một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ của các ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 59 của dự thảo Luật quy định: “*1. Trước khi kết thúc năm tài chính, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo*.”

Để hướng dẫn hoạt động này, NHNN đã ban hành Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung), trong đó có quy định về “điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, “tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên hành nghề và người đại diện của tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”... Ngoài ra, hằng năm, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đều thực hiện việc xem xét, chấp thuận và công khai danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng, đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Theo đó, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc danh sách chấp thuận của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 57 của dự thảo Luật theo hướng: “Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước” do quy định tại khoản 3 Điều 57 và quy định tại Khoản 1 Điều 59 của dự thảo Luật có mâu thuẫn. Trên thực tế, các tổ chức tín dụng và công ty kiểm toán hiện vẫn chưa xác định được phạm vi và tiêu chí để thực hiện việc kiểm toán nội bộ và hiện nay chưa có công ty kiểm toán độc lập nào trên thị trường Việt Nam có thể cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ.*

UBTVQH xin báo cáo: Để xử lý khó khăn, vướng mắc của TCTD, tại khoản 3 Điều 57 dự thảo Luật hiện nay quy định: “3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuê công ty kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.”. Việc kiểm toán độc lập tại khoản 3 Điều 57 thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý, khác với quy định tại khoản 1 Điều 59 dự thảo Luật là kiểm toán độc lập định kỳ. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

### 17. Về kiểm toán nội bộ (Điều 58)

*- Có ý kiến đề nghị sửa quy định tại khoản 1 thành: “TCTD phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát* ***hoặc thuê kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để*** *thực hiện kiểm toán nội bộ TCTD” để phù hợp với khoản 3 Điều 86 của dự thảo Luật. Thực tế cho thấy việc ngân hàng hợp tác xã thực hiện kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân không phải là nhiệm vụ thường xuyên của ngân hàng hợp tác xã, việc quỹ tín dụng nhân dân thành lập kiểm toán nội bộ cũng tương đối khó khăn về năng lực chuyên môn*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng chuyển các quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập ở Mục 1 về Những quy định chung sang Mục 2 về quy định chung đối với TCTD là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn để phân biệt với việc kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập của TCTD là hợp tác xã. Theo đó, quy định tại khoản 2 Điều 82 quy định: “Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

Đối với chức năng kiểm toán của ngân hàng hợp tác xã, dự thảo Luật đã làm rõ hơn và chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 125 về hoạt động của ngân hàng hợp tác xã như sau: “d) Kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; đ) Kiểm toán nội bộ đối với quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp cần thiết”.

### 18. Về kiểm toán độc lập (Điều 59)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm 01 khoản quy định: “Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng thực hiện kiểm toán độc lập lại hoặc giải trình về các nội dung ngoại trừ khi báo cáo có ý kiến ngoại trừ, từ chối đưa ra ý kiến, ý kiến kiểm toán trái ngược của tổ chức kiểm toán độc lập”, nhằm bảo đảm Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng thực hiện kiểm toán độc lập lại hoặc phải giải trình về các nội dung ngoại trừ, từ chối đưa ra ý kiến, ý kiến kiểm toán trái ngược của tổ chức kiểm toán độc lập có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro, ảnh hưởng đến việc đánh giá tình hình tài chính của tổ chức tín dụng để phục vụ quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Quyền yêu cầu kiểm toán độc lập của NHNN hiện đang quy định tại khoản 3 Điều 57 dự thảo Luật. Đối với việc yêu cầu kiểm toán lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, theo thông tin báo cáo của NHNN, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, nhiều ý kiến phản ánh khó khăn, vướng mắc như sau:

+ Các TCTD rất khó tìm được tổ chức kiểm toán có mong muốn thực hiện kiểm toán lại báo cáo tài chính vì việc một doanh nghiệp thực hiện kiểm toán lại một báo cáo tài chính đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán cũng làm phát sinh nguy cơ tương tự và có thể ở mức độ nghiêm trọng hơn so với kết quả kiểm toán lúc trước (theo quy định tại chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán được ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015).

+ Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ thì ý kiến kiểm toán khi thực hiện kiểm toán lại sẽ khó thay đổi và vẫn là ý kiến ngoại trừ.

+ Theo Chuẩn mực kiểm toán số 705 được ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, các công ty kiểm toán có thể đưa ra 03 dạng ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần và được chia theo mức độ tiêu cực tăng dần như sau: (1) Ý kiến ngoại trừ; (2) Từ chối đưa ra ý kiến; (3) Ý kiến trái ngược. Do đó, trường hợp tổ chức kiểm toán có ý kiến “từ chối đưa ra ý kiến” hoặc “kiến trái ngược” thì chưa quy định có kiểm toán lại không?

+ Việc công ty kiểm toán đưa ra ý kiến ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần trong báo cáo kiểm toán đều phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán số 705 và đều phải nêu rõ mức độ trọng yếu và việc có lan tỏa hay không tan tỏa đến báo cáo tài chính của TCTD.

Vì vậy, chưa có đủ cơ sở thực tiễn để tiếp thu, tuy nhiên, đề nghị Chính phủ lưu ý ý kiến này, chỉ đạo rà soát, đánh giá các quy định có liên quan, trường hợp cần thiết thì nghiên cứu, bổ sung khi sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan.

**19. Về tổ chức tín dụng là công ty cổ phần (Mục 3, từ Điều 60 đến Điều 72)**

**19.1. Về các loại cổ phần, cổ đông (Điều 60)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cụ thể về điều kiện để cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với quy định tại khoản 5 Điều 60, do dự thảo đã quy định về trường hợp cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau thời hạn 03 năm kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép tại khoản 4 Điều này.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

**19.2. Về quyền của cổ đông phổ thông (Điều 61)**

*- Có ý kiến cho rằng, quy định tại khoản 5**có thể hiểu rằng cổ đông có quyền yêu cầu xem tên, địa chỉ không chỉ của cá nhân mình mà còn có thể xem tên, địa chỉ của cả các cổ đông khác. Đề nghị sửa thành “Cổ đông phổ thông được quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.”*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh sửa quy định tại khoản 5 Điều này.

**19.3. Về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông (Điều 62)**

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định nội dung điểm c khoản 1 của dự thảo Luật: “không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật” do việc điều chỉnh và thực tiễn về thực hiện chế tài đối với người nhờ và người được nhờ có khả năng xung đột với nhiều ngành luật khác như Luật Dân sự khi giao dịch dân sự có điều kiện.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thực hiện góp vốn, mua cổ phần dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác để lách các quy định về giới hạn sở hữu, ảnh hưởng đến an toàn, hoạt động của TCTD, do đó cần được nghiêm cấm. Nguyên tắc dân sự cũng không có quy định cho phép tài sản đăng ký dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác không phải chủ sở hữu tài sản.

**19.4. Về tỷ lệ sở hữu cổ phần (Điều 63)**

*- Một số ý kiến đồng tình với quy định của dự thảo Luật về giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với các cổ đông và giảm tỷ lệ giới hạn cấp tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan nhằm kiểm soát các nguy cơ rủi ro trong hoạt động. Có ý kiến đồng tình với các tỷ lệ tại dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5.*

*Một số ý kiến đề nghị việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần cần xem xét có thể chấm dứt được tình trạng sở hữu chéo hay không; quan trọng là nghĩa vụ công khai, minh bạch thông tin của TCTD để xác định được nhóm người có liên quan và người thực sự chi phối TCTD đó. Một số ý kiến cho rằng, việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần là rất hệ trọng, đề nghị phải làm rõ hơn cơ sở đề xuất các tỷ lệ tại dự thảo Luật. Có ý kiến cho rằng thực trạng hệ thống ngân hàng Việt Nam đang tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong thao túng, chi phối các ngân hàng thông qua các mối quan hệ sở hữu chéo giữa các ngân hàng, giữa ngân hàng và doanh nghiệp, do vậy, cần có các chính sách triệt để hơn; cân nhắc việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần.*

*Có ý kiến cho rằng, việc giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của một cổ đông và nhóm cổ đông có liên quan có thể không ngăn chặn được tình trạng sở hữu chéo và không làm chấm dứt tình trạng cấp tín dụng tập trung cho một nhóm khách hàng có liên quan dẫn đến rủi ro hệ thống. Ngược lại, quy định này có nguy cơ khiến dòng vốn nước ngoài chảy sang các quốc gia khác, do sở hữu tỷ lệ vốn quá thấp, cổ đông sẽ không thực sự gắn bó với tổ chức và hoạt động của ngân hàng, không tạo ra động lực cho các cổ đông lớn đầu tư tài sản, công nghệ, quy trình quản trị tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng. Mặc dù mục tiêu tăng tính an toàn cho hệ thống các tổ chức tín dụng là rất quan trọng, tuy nhiên, biện pháp giảm tỷ lệ sở hữu tối đa so với quy định hiện hành có thể không phải là giải pháp phù hợp hiện nay. Thực tế cho thấy tỷ lệ sở hữu của một số cổ đông cao không phải là vấn đề trực tiếp gây ra sự mất an toàn của hệ thống ngân hàng.*

*Có ý kiến đề nghị giữ nguyên tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông các tổ chức tín dụng như Luật Các TCTD hiện hành, việc sửa đổi theo hướng giảm tỷ lệ này chưa giải quyết căn cơ nguyên nhân sở hữu chéo tại các tổ chức tín dụng.*

*Có ý kiến đề nghị đánh giá tác động việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần theo hướng giảm để bảo đảm không ảnh hưởng lớn đến tình hình sở hữu cổ phần của cổ đông là tổ chức, cổ đông và người có liên quan tại các tổ chức tín dụng. Khi luật có hiệu lực, việc triển khai thực hiện kiểm soát sở hữu chéo, hạn chế tình trạng chi phối của cổ đông lớn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, được xem là một vấn đề lớn hiện nay, đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phải tăng cường trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét, quy định lại về tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông tại tổ chức tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn*

UBTVQH xin báo cáo: Điều chỉnh về tỷ lệ sở hữu cổ phần là một trong những chính sách để thực hiện mục tiêu xử lý thao túng, chi phối hoạt động của TCTD phù hợp với yêu cầu *“Tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo”* tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội. Tuy nhiên, trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, UBTVQH xin tiếp thu ý kiến của đại biểu theo hướng giữ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với cổ đông là cá nhân như Luật hiện hành, theo đó chỉnh lý quy định tại khoản 1 như sau: “*1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá* ***05% ~~03%~~*** *vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.*”. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhóm cổ đông và người có liên quan vẫn điều chỉnh giảm (không vượt quá 15% vốn điều lệ của một TCTD). Đồng thời, tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định về công khai thông tin với các cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng để tăng tính minh bạch (Điều 49 dự thảo Luật).

*Một số ý kiến đề nghị quy định tại dự thảo Luật lộ trình phù hợp để các cổ đông hiện hữu thực hiện thoái vốn hoặc quy định không áp dụng hồi tố đối với các cổ đông, TCTD để bảo đảm lợi ích nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư chiến lược; bảo đảm tính ổn định của thị trường, đặc biệt là thị trường chứng khoán.*

*Có ý kiến đề nghị cân nhắc về nội dung giảm tỷ lệ sở hữu tối đa và có thể quy định chặt chẽ hơn về điều kiện và thủ tục cấp tín dụng cho khách hàng liên quan với cổ đông sở hữu từ 03% đối với cá nhân, 05% đối với tổ chức và 10% đối với nhóm cổ đông. Trong trường hợp vẫn quy định giảm tỷ lệ sở hữu thì không nên áp dụng hồi tố đối với các trường hợp đã sở hữu trước ngày quy định mới có hiệu lực. Có ý kiến đề nghị quy định lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu từ 02 đến 03 năm kể từ ngày luật có hiệu lực thi hành.*

UBTVQH xin báo cáo: Dự thảo Luật cũng đã bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với tỷ lệ sở hữu cổ phần theo hướng: kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cổ đông vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu; với quy định này sẽ hạn chế những xáo trộn tới hoạt động của TCTD, thị trường chứng khoán khi Luật có hiệu lực thi hành.

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan tương ứng từ không được vượt quá 05%, 15%, 20% xuống còn 03%, 10% và 15%, tuy nhiên, dự thảo Nghị định quy định tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư chiến lược, cổ đông nước ngoài và người có liên quan vẫn giữ nguyên như quy định hiện hành là 05%, 15 % và 20 %. Như vậy, giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước đã có sự bất bình đẳng về tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, đề nghị làm rõ.*

*Có ý kiến đề nghị chỉ quy định hạn chế tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào cổ phần của các tổ chức tín dụng cổ phần ở Việt Nam.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các điều ước quốc tế như WTO, CPTPP mà Việt Nam là thành viên, có nghĩa vụ tuân thủ các cam kết này, không được quy định hẹp hoặc hạn chế hơn (nguyên tắc stand- still). Ở một khía cạnh khác, theo pháp luật hiện hành, tổng mức tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại ngân hàng thương mại chỉ được tối đa 30%, trong khi tỷ lệ này đối với nhà đầu tư trong nước là 100%. Như vậy giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước đã có sự khác biệt.

*- Có ý kiến cho rằng, thay vì giảm tỷ lệ thì có thể nâng số lượng thành viên tối thiểu của Hội đồng quản trị từ 5 lên 7 hoặc 9 thành viên theo quy định tại Điều 62 của dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: theo thông tin báo cáo của NHNN, số lượng thành viên Hội đồng quản trị phụ thuộc vào quy mô, nhu cầu nhân sự tham gia quản trị của từng TCTD nên việc việc nâng số lượng này như đề xuất là chưa khả thi. Do vậy, UBTVQH xin giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng thực tế có thể phát sinh* *việc thuê, nhờ người khác đứng tên sở hữu cổ phần để gián tiếp gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần nhằm chi phối, kiểm soát tại một số TCTD, đề nghị đánh giá, làm rõ nguyên nhân sở hữu chéo xuất phát từ quy định của pháp luật hay do trong tổ chức thực thi. Cần nghiên cứu, đề xuất thêm các biện pháp, giải pháp để quản lý, kiểm soát việc lách luật, sử dụng nhiều cá nhân, pháp nhân khác đứng tên cổ phần, tạo nhóm cổ đông lớn để điều hành các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Điểm c khoản 1 Điều 62 quy định rõ nghĩa vụ của cổ đông phổ thông là: “không được góp vốn, mua cổ phần của TCTD dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật”. Như vậy, việc thuê, nhờ người khác đứng tên sở hữu cổ phần để gián tiếp gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần nhằm chi phối, kiểm soát tại một số TCTD là hành vi bị cấm theo quy định tại Luật này. Tuy nhiên, để quy định này thực thi trong cuộc sống, đề nghị Chính phủ, NHNN phải tăng cường trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm, đồng thời cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung các quy định xử phạt nghiêm khắc hơn đối với các trường hợp vi phạm quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm các quy định về việc tăng cường vai trò của NHNN nhằm hạn chế hành vi lạm quyền cổ đông lớn, quyền quản trị, điều hành để thao túng hoạt động của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay, NHNN thực hiện vai trò quản lý nhà nước, có thẩm quyền thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm của TCTD, trong đó có các hành vi vi phạm trong hoạt động của TCTD như cấp tín dụng không đúng quy định, vi phạm quy định về quản trị, điều hành. Vai trò của NHNN không chỉ quy định tại Luật mà còn quy định tại rất nhiều văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư tương ứng với từng lĩnh vực cụ thể. UBTVQH xin tiếp thu ý kiến đại biểu, đề nghị Chính phủ sớm tổng kết toàn diện Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kịp thời sửa đổi các quy định có liên quan, nâng cao hiệu quả hoạt động của NHNN với cả vai trò là cơ quan quản lý nhà nước và vai trò là Ngân hàng Trung ương.

*- Có ý kiến cho rằng, giữa Điều 63 và Điều 4 chưa logic với nhau, tức là trong Điều 4 thì định nghĩa cổ đông lớn là 5%, đối chiếu với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán thì cổ đông lớn 05% có các nghĩa vụ công bố thông tin, như vậy sẽ tăng cường tính công khai, minh bạch; nhưng hiện nay dự thảo Luật lại giảm tỷ lệ sở hữu ở Điều 63 xuống 03%, như vậy cổ đông sở hữu 05% không phải công bố thông tin nữa, do đó, không bảo đảm mục tiêu về công khai, minh bạch.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật được chỉnh lý theo hướng giữ nguyên tỷ lệ sở hữu của cổ đông là cá nhân là 5% như Luật hiện hành.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trình bày trong quy định tại khoản 3 Điều 63 cho phù hợp. Có ý kiến đề nghị xem xét sửa lại để phân tách khoản 2 và khoản 3, vì hiện nay trong dự thảo 2 khoản này đang trong cùng 1 khoản.*

*Một số ý kiến đề nghị rà soát và chỉnh sửa lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 63 cho thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 63, do khoản 1 và khoản 2 Điều này không quy định về “cổ phần”.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

**19.5. Về mua lại cổ phần của cổ đông (Điều 65)**

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định điều kiện đối với cổ đông được ngân hàng mua lại cổ phần tại Điều 65, bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 về nghĩa vụ của cổ đông.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại điểm b khoản 1 Điều 62 dự thảo Luật đã có quy định loại trừ trường hợp quy định tại Điều 65, do đó đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định tại dự thảo Luật.

**19.6. Về Đại hội đồng cổ đông (Điều 67)**

*- Có ý kiến cho rằng, tại* ***khoản 3****, ứng cử viên trở thành thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sẽ dựa theo kết quả bầu dồn phiếu lấy từ cao xuống thấp, tuy nhiên, việc bầu dồn phiếu không được loại trừ tỷ lệ đạt 51% trở lên theo điểm b dẫn đến có thể có cách hiểu phải kèm điều kiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đạt tối thiểu tỷ lệ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp. Do đó, không phù hợp với nguyên tắc bầu dồn phiếu từ cao xuống thấp. Đề nghị quy định rõ việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu là dựa theo kết quả bầu dồn phiếu lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên; quy định cụ thể để loại trừ việc bầu dồn phiếu phải áp dụng tỷ lệ thông qua (tham khảo Điều 148 Luật Doanh nghiệp). Đề nghị sửa lại như sau:*

*“3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:*

*a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;*

*b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c,* ***d*** *khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của TCTD quy định;*

*c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, p và r khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của TCTD quy định;*

*d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.” .*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh nội dung này và thể hiện như dự thảo Luật.

**19.7. Về Hội đồng quản trị của TCTD là công ty cổ phần (Điều 69)**

*- Có ý kiến cho rằng, Dự thảo luật đã hạ mức sở hữu tối đa vốn điều lệ của TCTD của cổ đông cá nhân từ 5% xuống 3%, cổ đông tổ chức từ 15% xuống 10% nhưng vẫn duy trì như cũ về tỷ lệ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông mới có quyền yêu cầu họp bất thường Đại hội đồng cổ đông tại điểm c khoản 1 là chưa tương xứng với việc các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần thiểu số cần có tỷ lệ thấp hơn để có công cụ đối trọng và phản biện với các cổ đông lớn tại TCTD. Xét ở khía cạnh đồng bộ hóa với Luật Doanh nghiệp 2020 và bảo vệ quyền lợi của các cổ đông nhỏ, tỷ lệ này cần được nghiên cứu, điều chỉnh trong dự thảo Luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để bảo đảm quyền của cổ đông thiểu số, tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Điều 61).

*- Có ý kiến cho rằng quy định về nhiệm vụ của Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán tại điểm i khoản 3 Điều 67 là chưa thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 133 và khoản 3 Điều 70 của Luật Doanh nghiệp. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp xem xét miễn nhiệm thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập, khi hết nhiệm kỳ vẫn đáp ứng đủ điều kiện tiêu chuẩn thành viên HĐQT để gia tăng thành viên HĐQT độc lập.*

UBTVQH xin báo cáo: để bảo đảm tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, dự thảo Luật đã quy định chỉ cho phép không quá 01 nhiệm kỳ, tuy nhiên đã chỉnh lý quy định liên quan đến không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên độc lập, tạo điều kiện cho TCTD trong việc tìm kiếm ứng viên.

**19.8. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (Điều 70)**

*- Có ý kiến cho rằng, trên thực tế có các hợp đồng không phát sinh rủi ro cho TCTD, không phát sinh chi phí bất thường, không ràng buộc nghĩa vụ bất lợi cho TCTD và thuộc hoạt động kinh doanh thường xuyên, thông thường của TCTD, như: hợp đồng mở tài khoản, hợp đồng tiền gửi, hợp đồng mua chứng chỉ tiền gửi... Do đó, đề nghị quy định Hội đồng quản trị chỉ thông qua Hợp đồng TCTD cấp tín dụng và mua sắm hàng hóa, dịch vụ với hạn mức nhất định; các Hợp đồng khác do Hội đồng quản trị phân quyền cho Tổng giám đốc hoặc quy định luôn cho Tổng giám đốc được quyền quyết định.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc xác định thẩm quyền của từng bộ phận, đối tượng theo giá trị giao dịch được áp dụng chung trong các văn bản luật tương ứng như Luật doanh nghiệp, Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp... Do đó, tại dự thảo Luật không phân tách các loại hợp đồng như ý kiến của Đại biểu Quốc hội mà phân định theo giá trị hợp đồng.

*Có ý kiến đề nghị xem xét tách riêng và chỉnh sửa quy định “Thư ký Hội đồng quản trị” thành “Thư ký công ty” với chức năng, nhiệm vụ tương tự như tại khoản 5 Điều 63 của Luật Doanh nghiệp.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về Bộ phận giúp việc tại Điều 50.

**19.9. Về quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị (Điều 72)**

*- Có ý kiến cho rằng, quy định là cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá hai thành viên Hội đồng quản trị là chưa phù hợp với mô hình doanh nghiệp, cụ thể là công ty cổ phần là công ty đối vốn (như trường hợp PVN đang sở hữu 52% trong Ngân hàng Đại chúng). Đề nghị trong Điều 72 cần điều chỉnh cho phù hợp và tương ứng với phần vốn của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Về quyền của cổ đông trong việc quyết định các vấn đề của TCTD được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của TCTD và không dựa trên số cổ phần của cổ đông. Điều này thể hiện ở điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị không bắt buộc phải là cổ đông/đại diện cổ đông của TCTD. Việc giới hạn số lượng tham gia của cổ đông vào Hội đồng quản trị để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông nhỏ lẻ tại TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “và kiểm toán viên nội bộ” tại khoản 2 Điều 72 và điều chỉnh như sau: “Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập giải trình vấn đề có liên quan đến báo cáo”.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định yêu cầu kiểm toán viên nội bộ giải trình vấn đề liên quan đến báo cáo phù hợp với quyền hạn, nghĩa vụ của bộ phận kiểm toán nội bộ quy định tại Luật. Do đó, đề nghị được giữ nguyên quy định này.

**20. Về tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mục 4, từ Điều 73 đến Điều 76)**

**\* Về quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu (Điều 73)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm một nhiệm vụ của chủ sở hữu vào khoản 2 Điều 73 là “chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty”, để thống nhất và phù hợp với khoản 1 Điều 74 của Luật Doanh nghiệp.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật đã quy định: “1. Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.”. Như vậy, đối với những nội dung không quy định tại dự thảo Luật sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

**21. Về tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên (Mục 5, từ Điều 77 đến Điều 79)**

**\* Về quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn (Điều 77)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm vào khoản 3 Điều 77 về trách nhiệm của thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là “Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty”, cho thống nhất với khoản 1, Điều 50 Luật Doanh nghiệp.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật đã quy định: “Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.”. Như vậy, đối với những nội dung không quy định tại dự thảo Luật sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

**22. Về tổ chức tín dụng là hợp tác xã (Mục 6)**

**22.1. Về tính chất và mục tiêu hoạt động (Điều 80)**

*- Có ý kiến đề nghị xem xét quy định lại tên Điều 80 cho phù hợp với nội dung như sau: “Điều 80. Tính chất và* ***mục đích*** *hoạt động”.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật sử dụng thống nhất cụm từ “mục tiêu” đối với hoạt động của QTDND và Ngân hàng Hợp tác xã như quy định tại khoản 9 Điều 4 “**mục tiêu” của QTDND** “chủ yếu là tương trợ lẫn nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”, khoản 10 Điều 4 “mục tiêu“ của Ngân hàng Hợp tác xã “chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các QTDND. Cụm từ này cũng được sự dụng thống nhất tại Luật Hợp tác xã. Do đó, UBTVQH xin giữ như dự thảo Luật đồng thời rà soát để bảo đảm sử dụng thống nhất cụm từ này trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “như doanh nghiệp” vào Điều 80 dự thảo Luật như sau: “Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động* ***như doanh nghiệp*** *trong lĩnh vực ngân hàng...” để rõ ràng, tách bạch việc ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tổ chức theo mô hình hợp tác xã nhưng hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: TCTD là hợp tác xã do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống không giống như loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoạt động vì mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét chuyển toàn bộ nội dung quy định tại Điều 80 sang Điều 4, do nội dung này là giải thích về khái niệm “tổ chức tín dụng là hợp tác xã”.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 80 là quy định về tính chất và mục tiêu hoạt động của TCTD là HTX, không chỉ là nội dung giải thích về khái niệm. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát và có sự chỉnh sửa quy định “tổ chức tín dụng là hợp tác xã” tại Điều 80 do mâu thuẫn với khoản 1 Điều 4 và chưa rõ là một loại hình của tổ chức tín dụng cho phù hợp, thống nhất và dễ áp dụng thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 1 Điều 4 quy định TCTD bao gồm ngân hàng (trong đó có ngân hàng hợp tác xã), TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và QTDND. Điều 80 quy định TCTD là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, QTDND. Như vậy cả ngân hàng hợp tác xã và QTDND đều là loại hình tổ chức tín dụng thuộc khoản 1 Điều 4 và được tổ chức theo mô hình hợp tác xã thuộc Điều 80, không có mâu thuẫn.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm cụm từ “****các dịch vụ công ích xã hội****” vào Điều 80 : “Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ;* ***các dịch vụ công ích xã hội*** *và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân” nhằm huy động tiền gửi vào các tổ chức tín dụng ở địa bàn xã, phường và dùng nguồn tiền này để phục vụ lại cộng đồng.*

UBTVQH xin báo cáo: định nghĩa tại Điều 80 đã bao hàm đầy đủ tính chất và mục tiêu hoạt động của TCTD là hợp tác xã, do vậy, xin không bổ sung thêm dịch vụ công ích xã hội.

**22.2. Về vốn điều lệ (Điều 83)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “là các nguồn vốn theo quy định của pháp luật” vào khoản 1 Điều 73 của dự thảo Luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật bổ sung quy định về vốn điều lệ tại khoản 14 Điều 4, trong đó đối với ngân hàng hợp tác xã, vốn điều lệ là tổng số tiền do thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã góp, bao gồm cả vốn hỗ trợ của Nhà nước cho ngân hàng hợp tác xã.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 4 Điều 83 cụm từ “****một thành viên******và người có liên quan****” như sau: “Mức vốn góp của một thành viên,* ***một thành viên và người có liên quan*** *do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”. Qua thanh tra, giám sát cho thấy tại một số quỹ tín dụng nhân dân, mức vốn góp của một thành viên và người có liên quan thường chiếm từ 30% đến 50% tổng số vốn góp của một quỹ, chi phối ảnh hưởng đến hoạt động của quỹ.*

UBTVQH xin báo cáo: TCTD là hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc đối nhân, không phải đối vốn, do vậy việc góp vốn của cá nhân và người có liên quan không thể chi phối như các loại hình TCTD khác.

*- Có ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định như khoản 2 Điều 76 Luật hiện hành “Mức vốn góp* ***tối thiểu và tối đa*** *của một thành viên do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”, tránh dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tế như: “mức vốn góp của một thành viên” có thể là mức tối thiểu, tối đa hay mức cụ thể với mỗi cá nhân đều phải được chấp nhận.*

UBTVQH xin báo cáo: Các mức vốn góp của thành viên có thể mức tối thiểu, tối đa hoặc một mức cố định theo quy định của NHNN. Do TCTD là hợp tác xã hoạt động dưới hình thức đối nhân, không phải đối vốn như mô hình khác, do vậy quy định như dự thảo Luật là phù hợp.

**22.3. Về quyền của thành viên (Điều 84)**

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung cụm từ “đối với thành viên làm việc tại quỹ tín dụng”**khoản 5 Điều 84 Dự thảo như sau: “5. Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ* ***đối với thành viên làm việc tại quỹ tín dụng****”. Vì thành viên của quỹ tín dụng nhiều và hầu như không tham gia các hoạt động trực tiếp tại quỹ tín dụng.*

*Ý kiến khác đề nghị bỏ nội dung “được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ” quy định tại khoản 5 Điều 84 của dự thảo Luật vì thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có ngành nghề, chuyên môn rất đa dạng, các Quỹ không thể thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong thực tế, Luật hiện hành cũng không có quy định này.*

UBTVQH xin báo cáo: Một trong những nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của mô hình hợp tác xã là thường xuyên giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề kỹ thuật cho thành viên; mọi thành viên đều có quyền, lợi ích như nhau. Nội dung này cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2023. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc thay cụm từ “vay vốn” bằng “vay tiền” để thống nhất với cụm từ “gửi tiền” quy định tại khoản 3 Điều này.*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ vay vốn hiện nay đã được sử dụng tại nhiều văn bản liên quan. Bên cạnh đó, cụm từ “vay tiền” sẽ có cách hiểu rộng bao gồm cả những hành vi theo quy định của pháp luật dân sự, do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định về quyền của thành viên được “chuyển nhượng vốn góp và quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của NHNN” do khác với quy định tại Luật Hợp tác xã.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, quy định như dự thảo Luật được kế thừa từ Luật hiện hành nhằm bảo đảm quyền về tài sản của thành viên góp vốn. Vốn điều lệ đối với TCTD là hợp tác xã liên quan đến an toàn hoạt động, do vậy trong một số trường hợp sẽ không cho phép thành viên góp vốn rút vốn vì sẽ làm giảm vốn điều lệ. Mặt khác, TCTD là hợp tác xã không có đất đai hay trụ sở do Nhà nước cấp giống như các Hợp tác xã nông nghiệp, thương mại dịch vụ, không hình thành quỹ chung không chia, đặc thù hoạt động liên quan đến “vốn góp” nên có đặc thù khác với các loại hình hợp tác xã khác. Do đó, để vừa bảo đảm nhu cầu chính đáng của thành viên góp vốn vừa bảo đảm an toàn cho TCTD, dự thảo Luật quy định cho phép thành viên góp vốn được chuyển nhượng vốn cho thành viên khác. Tại Điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2023 đã quy định: *“Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì áp dụng theo quy định của luật đó”*. Vì vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

**22.4. Về Đại hội thành viên (Điều 86)**

*- Có ý kiến cho rằng* ***khoản 1*** *quy định Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân, tuy nhiên, điểm đ khoản 2 Điều 80 quy định quyền hạn của Đại hội thành viên quyết định khai trừ thành viên. Nếu so với Luật hiện hành thì dự thảo Luật đã bỏ qua việc kết nạp thành viên mới, mà quy định thẩm quyền này thuộc quyền của Hội đồng quản trị tại Điều 82 của dự thảo Luật, nhưng không đặt ra thời điểm thành viên mới được kết nạp. Việc không quy định rõ thời điểm xác lập tư cách thành viên đối với TCTD hợp tác xã gây khó khăn cho việc huy động vốn. Đối với một tổ chức là ngân hàng của hợp tác xã, thì tư cách của thành viên được xác định trong đại hội thành viên là rất quan trọng. Đề nghị cần phải nghiên cứu kỹ để tránh trường hợp lạm dụng quyền quá mức của Hội đồng quản trị.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, quy định như tại dự thảo nhằm tháo gỡ khó khăn cho các QTDND trong việc kết nạp thành viên, tạo sự chủ động cho Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xét duyệt tham gia thành viên được kịp thời. Quy định như tại dự thảo cũng phù hợp với quy định có liên quan về việc kết nạp thành viên tại Luật Hợp tác xã năm 2023. Về thời điểm thành viên mới được kết nạp sẽ thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét giải thích rõ đối với nội dung**“trừ trường hợp thay đổi vốn góp của thành viên” tại điểm g khoản 2 quy định Đại hội thành viên**quyết định “Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, trừ trường hợp thay đổi vốn góp của thành viên”, để bảo đảm tính thống nhất của các điều luật.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý như sau: *“g) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, trừ trường hợp thay đổi vốn điều lệ do thay đổi vốn góp của thành viên;”*

*- Có ý kiến đề nghị gộp nội dung hai điểm là* ***điểm h và điểm i khoản 2*** *thành một điểm như sau: “Các nội dung khác không trái với quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan do Hội đồng quản trị kiểm soát hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh thành: “Nội dung do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị” (điểm s Khoản 2 Điều 86).

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung tại điểm l khoản 2 Điều 86 Dự thảo như sau: “l)* ***Thông qua tổng quỹ tiền lương năm kế hoạch****, quyết định mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên* ***bán chuyên trách của*** *Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát”, do Đại hội phải thông qua tổng quỹ tiền lương để làm cơ sở cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong điều hành; thù lao, thưởng… cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bán chuyên trách vì các thành viên chuyên trách đã hưởng lương trong tổng quỹ lương.*

*- Có ý kiến đề nghị thay thế cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân” tại điểm q khoản 2 quy định Đại hội thành viên**“Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn khác về tài chính của tổ chức tín dụng”.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng điểm r khoản 2 quy định Đại hội thành viên**quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập là không thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 59 dự thảo luật. Do đó, để bảo đảm thời hạn lựa chọn tổ chức kiểm toán đề nghị sửa đổi theo hướng giao thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho Hội đồng quản trị.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định tại điểm r khoản 2 Điều 86 là tương thích với thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần quy định tại điểm t khoản 3 Điều 67, đồng thời, đối với các tổ chức tín dụng là hợp tác xã, việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập là vấn đề quan trọng cần được Đại hội thành viên quyết định, do vậy, xin giữ như dự thảo Luật.

**22.5. Về Hội đồng quản trị (Điều 87)**

*- Có ý kiến đề nghị sửa* ***khoản 4*** *như sau: “Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên của Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, kế toán trưởng, thủ quỹ” để xác định rõ các trường hợp loại trừ, thì không được bầu làm thành viên của Hội đồng quản trị. Trường hợp loại trừ không được bầu làm thành viên của Ban kiểm soát đã được quy định rõ tại khoản 3 Điều 83.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh theo hướng đưa các nội dung về không cùng đảm nhiệm chức vụ về một điều cho thống nhất (Điều 43).

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc nội dung Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát không được giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp tương ứng tại* ***khoản 3 Điều 87 và khoản 4 Điều 91****, vì để quỹ tín dụng nhân dân hoạt động ổn định và phát triển trước tiên cần phải ổn định tổ chức, cũng như là ổn định về con người, có chính sách phát triển về nguồn lực bảo đảm có sự kế thừa. Hơn nữa, cán bộ làm quỹ tín dụng nhân dân đòi hỏi cũng phải có phẩm chất, uy tín, trình độ, năng lực, nếu quy định không quá 2 nhiệm kỳ cũng là vấn đề khó khăn trong công tác cán bộ của quỹ tín dụng nhân dân.Đề nghị cần phải xem xét tình hình, bộ máy quản lý thực tế của quỹ tín dụng nhân dân để áp dụng quy định này một cách phù hợp, tránh gây mất đoàn kết trong nội bộ và đảo lộn quy trình hoạt động của quỹ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý quy định về nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát theo quy định của NHNN Việc giao NHNN quy định sẽ tạo sự linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách của NHNN cho phù hợp với năng lực hoạt động và trình độ phát triển của hệ thống QTDND khi đã hệ thống QTDND đã được củng cố.

**22.6. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (Điều 88)**

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa nội dung khoản 5 Điều 88 như sau: “*5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ đối với chức danh Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật; Quyết định mức lương, lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách, bộ phận kiểm toán và chức danh Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ và theo quy định của pháp luật.*”, để bảo đảm thống nhất với quy định Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng để tập trung đầu mối cho thống nhất.

UBTVQH xin báo cáo: Mức thù lao, thưởng của Ban kiểm soát do Đại hội thành viên quyết định và đã được quy định tại điểm l, khoản 2 Điều 86: *“l) Quyết định mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;”.* Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng của Ban kiểm soát sẽ làm mất tính độc lập của Ban kiểm soát. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

**22.7. Về Ban kiểm soát (Điều 91)**

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào Điều 91 một khoản quy định *“Ban kiểm soát sử dụng con dấu của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình”* nhằmbảo đảm tính pháp lý khi Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

UBTVQH xin báo cáo: Dự thảo Luật chỉ quy định Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong vai trò là người quản lý có thể sử dụng con dấu của TCTD để thực hiện, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Quy định này cũng được áp dụng thống nhất với các loại hình TCTD khác. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

**22.8. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (Điều 92)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 6 Điều 92 cụm từ “người điều hành” sau cụm từ “người quản lý” bảo đảm tính thống nhất vì “người điều hành” nếu vi phạm pháp luật thì Ban kiểm soát cũng phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro cho Quỹ tín dụng nhân dân.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý như sau: “6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, ***người điều hành***ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.”

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể tại điểm a khoản 7 Điều 92 quy định việc triệu tập Đại hội thành viên bất thường khi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc có hành vi vi phạm pháp luật đến mức độ nào mới thực hiện triệu tập Đại hội thành viên bất thường.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý như sau: 7. Triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định của pháp luật.”. Căn cứ Khoản 1 Điều 3 về nguyên tắc áp dụng pháp luật, các trường hợp triệu tập Đại hội thành viên bất thường thực hiện theo Luật Hợp tác xã.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “đề nghị Hội đồng quản trị” tại khoản 9 Điều 92 Dự thảo như sau: “9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và* ***đề nghị Hội đồng quản trị*** *quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật” để việc quyết định mức lương, lợi ích khác trong Quỹ tín dụng tập trung, thuận lợi trong điều hành.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định này nhằm thống nhất với các loại hình TCTD khác. Ngoài ra, việc HĐQT quyết định mức lương đối với các chức danh thuộc kiểm toán nội bộ có thể làm mất đi tính độc lập của bộ phận này. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại các điều 92, 93 và 94 quy định “trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình nếu phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật đã được báo cáo Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết”, nhằm hạn chế thấp nhất hậu quả xảy ra.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định tại Điều 92, 93, 94 được thiết kế tương tự như các loại hình TCTD khác.

### 23. Về tổ chức tài chính vi mô (Mục 7)

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn, có tính nguyên tắc về tổ chức, mạng lưới địa bàn hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô để làm cơ sở cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật.*

UBTVQH xin báo cáo: do mô hình tổ chức, cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ quy định đối với TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn. Vì vậy, quy định tại Điều 87 như dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 là không cần thiết.

Đối với nội dung tại Điều 88 của dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5, UBTVQH đã điều chỉnh nội dung này lên Điều 77 về quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo hướng: (i) Bỏ quy định về việc cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia góp vốn: Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô có vai trò “kép” cả về tài chính và xã hội, giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn, hạn chế tín dụng đen, không đặt mục tiêu lợi nhuận là mục tiêu hoạt động. Để cho các tổ chức tài chính vi mô hoạt động chuyên nghiệp, lành mạnh thì các thành viên góp vốn nên là các đối tượng có năng lực tài chính và kinh nghiệm hoạt động (gồm cả hoạt động xã hội và hoạt động kinh tế), tham gia không đặt mục tiêu lợi nhuận là mục tiêu cốt lõi, do đó không nên khuyến khích cá nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô; (ii) Số lượng thành viên góp vốn đã được quy định tại khoản 1 Điều 77. Ngoài ra, đối với việc thành lập mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định tại Điều 38 của dự thảo Luật.

Từ những lý do trên, dự thảo Luật chỉnh lý theo hướng bỏ 2 Điều 87 và 88 của dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5.

# IV. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TCTD, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI (CHƯƠNG IV, từ Điều 99 đến Điều 130 của dự thảo Luật)

*Có ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước và luật hóa những quy phạm đã được áp dụng ổn định trong các văn bản dưới luật để bổ sung vào dự thảo, tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc cho các TCTD trong hoạt động chuyển đổi số, đặc biệt là phục vụ cho việc xây dựng ngân hàng số, tức là mức độ thứ ba trong chuyển đổi số của hoạt động ngân hàng.*

*Có ý kiến đề nghị dự thảo Luật cần quy định nội dung cơ chế để khuyến khích, ưu tiên cũng như quy định trách nhiệm xã hội của các TCTD để phát triển các dịch vụ ngân hàng, nhất là ngân hàng số, giúp cho người dân tiếp cận công bằng, bình đẳng dịch vụ ngân hàng, như đã nêu tại trang 9 điểm b Tờ trình của Chính phủ.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung mục 8 quy định về hệ thống thông tin khách hàng vào Chương này, với tinh thần hệ thống thông tin khách hàng được bảo mật, nhưng cần quy định cấu trúc thông tin chuẩn gắn với số căn cước công dân, mã số thuế của tổ chức, cá nhân để bảo đảm khi cần thì cơ quan chức năng thuận lợi tra cứu được tất cả các tài khoản của một tổ chức, công dân, cũng như có được dữ liệu phát sinh của tài khoản thanh toán của mọi tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế. Mục này cũng cần quy định chặt chẽ trách nhiệm của TCTD, tổ chức, cá nhân khi mở tài khoản phải đảm bảo tính chính danh của tài khoản, vì nếu không chính danh sẽ là yếu tố quan trọng dẫn đến động cơ cho các hành vi phạm pháp của tổ chức và cá nhân.*

*Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật có bổ sung một số quy định như: việc cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử; thực hiện các hoạt động kinh doanh bằng phương tiện điện tử và bổ sung Chính phủ quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu số hóa dịch vụ ngân hàng, ứng dụng khoa học công nghệ và hiện đại hóa trong lĩnh vực ngân hàng thì những chế định của dự thảo Luật chưa đủ để phát triển ngành ngân hàng theo xu thế chuyển đổi số và xã hội số.*

UBTVQH xin báo cáo: Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, các cơ quan đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, rà soát các quy định đang thực hiện tại các văn bản dưới luật để luật hóa những quy định phù hợp, ổn định tại dự thảo Luật (trong đó có quy định về hoạt động ngân hàng điện tử, hoạt động cho vay qua phương tiện điện tử, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát...). Chỉ quy định trong dự thảo Luật những nội dung đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng và có sự thống nhất cao. Để tạo cơ sở pháp lý triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng, dự thảo Luật đã quy định 01 điều về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Đối với việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, ngoài quy định của Luật này, hoạt động của TCTD còn phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan khác. Do đó, dự thảo Luật quy định hoạt động của TCTD được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Liên quan đến việc nhận diện khách hàng, bảo đảm chính danh đã được quy định tại Luật Phòng chống rửa tiền về nhận biết khách hàng, bao gồm cả trường hợp nhận diện trực tiếp và áp dụng phương thức điện tử. Ngoài ra, triển khai Đề án 06/CP, NHNN phải phối hợp với Bộ Công an trong khai thác dữ liệu dân cư phục vụ xác minh khách hàng.

## Một số quy định cụ thể:

**1. Về những quy định chung về hoạt động của tổ chức tín dụng (Mục 1)**

**1.1. Về nội dung hoạt động được phép của tổ chức tín dụng (Điều 99)**

*- Một số ý kiến đề nghị điều chỉnh khoản 2 Điều 99 như sau: “2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép, văn bản chấp thuận hoặc văn bản khác được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng”.*

*Có ý kiến cho rằng hiện nay giấy phép cấp cho các tổ chức tín dụng là cấp theo từng giấy dẫn đến khi ngân hàng có hoạt động mới thì phải cấp lại giấy phép hoàn toàn. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định khoản 2 Điều 99 theo hướng “Tổ chức tín dụng được tiến hành hoạt động kinh doanh ghi trong Giấy phép đã cấp cho các tổ chức tín dụng hoặc theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.”.*

*Có ý kiến đề nghị chỉnh lý khoản 3 như sau: “3. Hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước* ***hoặc theo quy định của pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan****.”, vì khái niệm về Giấy phép quy định tại khoản 17 Điều 4 của dự thảo Luật chỉ bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động, và Văn bản sửa đổi, bổ sung giấy phép, không bao gồm các văn bản của Ngân hàng nhà nước chấp thuận cho tổ chức tín dụng triển khai hoạt động mới (chưa được quy định tại Giấy phép hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép). Thực tế có một số hoạt động mà các tổ chức tín dụng được phép thực hiện theo giấy phép của Ngân hàng Nhà nước cấp, tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước lại chưa có hướng dẫn cụ thể đối với các hoạt động này (phát hành thư tín dụng, cam kết thu xếp tài chính…).*

UBTVQH xin báo cáo: hiện nay hoạt động của TCTD thực hiện theo nội dung được ghi trong Giấy phép (theo thông tin báo cáo của NHNN, các văn bản chấp thuận riêng hoặc văn bản khác được NHNN cấp cho TCTD là phần không tách rời của Giấy phép), trong đó, có nội dung thực hiện theo hướng dẫn của NHNN, có nội dung thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, do vậy UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

**1.2. Về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của TCTD (Điều 100)**

***- Khoản 2:*** *Một số ý kiến cho rằng, quy định về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của TCTD tại khoản 2 là chưa rõ ràng, chưa minh bạch. Cần làm rõ quy định này có áp dụng mức trần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự không, trong khi dự thảo Luật vẫn quy định chung chung theo quy định của pháp luật. Đề nghị chỉnh sửa quy định này theo hướng “theo quy định của pháp luật về ngân hàng” để thích ứng với các đối tượng và thời điểm cho vay cụ thể, bảo đảm tính khả thi và chặt chẽ, nhằm xác định rõ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong hợp đồng tín dụng trước những rủi ro pháp lý xảy ra trong quá trình thực hiện.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh sửa thành “TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD theo quy định của pháp luật về ngân hàng”.

*- Có ý kiến đề nghị đề nghị quy định cụ thể mức lãi suất cho vay tại khoản 2 Điều 100 của dự thảo Luật, không nên quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận, tránh trường hợp tổ chức tín dụng cho vay với mức lãi suất rất cao gây khó khăn cho khách hàng.*

*Ý kiến khác đề nghị quy định cụ thể việc tự thỏa thuận lãi suất giữa ngân hàng và khách hàng để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 10 Dự thảo luật, bảo đảm việc tự thỏa thuận lãi suất giữa các ngân hàng và khách hàng được chặt chẽ, công khai, minh bạch, công bằng giữa các tổ chức tín dụng và người dân.*

UBTVQH xin báo cáo: Tổ chức tín dụng là trung gian tài chính được quản lý chặt chẽ trong cấp phép, hoạt động, NHNN với vai trò là Ngân hàng Trung ương điều hành chính sách tiền tệ sẽ có tác động đến lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng. Đồng thời, quan hệ vay vốn giữa TCTD và khách hàng là quan hệ đặc thù; theo đó, lãi suất cho vay của TCTD áp dụng đối với khách hàng theo nguyên tắc thỏa thuận đối với từng khoản vay trên cơ sở cung cầu vốn của thị trường, nhu cầu vay vốn, mục đích vay vốn, thời hạn vay vốn, mức độ tín nhiệm và khả năng tài chính của khách hàng… Với các yếu tố đặc thù nêu trên, TCTD không thể xác định và công khai mức lãi suất cho vay như đối hoạt động nhận tiền gửi; đồng thời, cơ quan quản lý không để xác định và đặt ra một mức lãi suất cho vay cụ thể để quy định TCTD áp dụng mà cần xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa TCTD với khách hàng. Theo kinh nghiệm quốc tế thì việc xác định lãi suất của TCTD đối với khách hàng hoàn toàn thực hiện theo cơ chế thị trường.

*- Một số ý kiến đề nghị phải quy định mức lãi suất theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng không được vượt mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tức không được quá 20%/năm, trừ trường hợp đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định. Đề nghị bổ sung cụm từ “****và theo nguyên tắc không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Bộ luật Dân sự.****”, do Điều 468 Bộ luật Dân sự đã quy định mức lãi suất theo thỏa thuận và khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự đã có quy định truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm quy định về lãi suất tại Bộ luật Dân sự.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,* ***trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...****”.* Như vậy, tại Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn 20%/năm; trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

Quy định tại khoản này điều chỉnh quan hệ cho vay của TCTD đối với khách hàng trong hoạt động ngân hàng và thực tế thời gian qua, các TCTD thực hiện việc thỏa thuận lãi suất cho vay đối với khách hàng theo quy định tại Luật Các TCTD, các văn bản hướng dẫn của NHNN và không phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, mức lãi suất cho vay của TCTD phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong hoạt động ngân hàng như trình bày nêu trên. Việc căn cứ vào trần lãi suất quy định tại Bộ Luật Dân sự để áp dụng cho thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng là không phù hợp với tính chất đặc thù của thị trường này. Trong điều kiện bình thường, lãi suất cho vay sẽ do các yếu tố thị trường quyết định, đồng thời để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, tại khoản 3 đã quy định: “Trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”.

***- Khoản 3:*** *có ý kiến đề nghị quy định rõ phạm trù diễn biến bất thường và hoạt động bất thường, quy định cụ thể về thẩm quyền và biện pháp xử lý khi xảy ra trường hợp này, để tránh tùy tiện trong áp dụng quy định và giữ môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo NHNN, từ năm 2011, NHNN đã ban hành các quy định về trần lãi suất tiền gửi, trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với một số ngành, lĩnh vực của TCTD áp dụng đối với khách hàng trên cơ sở diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và thị trường, cụ thể: ***(i)*** NHNN đã áp dụng trần lãi suất tiền gửi VND tất cả các kỳ hạn; sau đó đã từng bước gỡ bỏ và đến nay chỉ còn áp trần lãi suất với tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 6 tháng; ***(ii)*** Quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với lĩnh vực ưu tiên nhằm hỗ trợ cho cá nhân và doanh nghiệp giảm chi phí đi vay, tăng khả năng tiếp cận vốn vay theo chỉ đạo của Chính phủ (hiện là 4%/năm). Tuy nhiên, bên cạnh đó thì các TCTD vẫn được chủ động thỏa thuận với khách hàng về lãi suất huy động và cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng; ***(ii)*** Thời gian qua Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, công văn giao NHNN chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất, nhất là lãi suất cho vay như Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 , Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/1/2023 , Nghị quyết số 97/NQ-CP , Nghị quyết số 105/NĐ-CP ... Theo đó, NHNN cho rằng cần phải có cơ chế để NHNN thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

UBTVQH cho rằng việc tiếp tục có cơ chế này trong dự thảo Luật trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới đã và đang có những diễn biến phức tạp và khó lường; hệ thống TCTD vẫn đang tiếp tục tái cơ cấu và xử lý nợ xấu là cần thiết, tuy nhiên, đề nghị Chính phủ chỉ đạo NHNN hạn chế việc sử dụng các biện pháp hành chính, gia tăng việc sử dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp để điều tiết thị trường.

*- Có ý kiến cho rằng, để thống nhất quản lý, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, cần quy định lãi suất huy động loại phí và mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các TCTD để tránh tình trạng như hiện nay là một số ngân hàng tự quy định các mức phí khác nhau đối với khách hàng gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại khoản 1 Điều 100 đã quy định TCTD được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của TCTD. Phí dịch vụ trong hoạt động ngân hàng về bản chất là giá cung ứng dịch vụ của TCTD cho khách hàng, theo đó các phí dịch vụ sẽ gắn với từng dịch vụ TCTD cung cấp và sẽ được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn của NHNN để bảo đảm phù hợp với tính chất, hoạt động của từng nghiệp vụ của TCTD (ví dụ Thông tư 39/2016/TT-NHNN có quy định cụ thể về các loại phí TCTD và khách hàng thỏa thuận liên quan đến hoạt động cho vay). Do vậy, quy định như dự thảo Luật bảo đảm minh bạch, rõ ràng trong quá trình triển khai, thực hiện.

*- Có ý kiến đề nghị quy định những trường hợp đặc biệt thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể cho phép tổ chức tín dụng cho vay với mức lãi suất lớn hơn 20%. Điều này thể hiện sự quản lý của Nhà nước khi cần thiết đối với hệ thống ngân hàng nhằm hạn chế tình trạng cho vay đầu tư mạo hiểm, nợ xấu và phá sản ngân hàng.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần có quy định về việc miễn, giảm một số loại phí trong các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đối với khách hàng ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để khuyến khích phát triển dịch vụ khách hàng và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ cho người dân.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc áp dụng chính sách miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) là một trong những chính sách tại Đề án phát triển TTKDTM qua các thời kỳ. Theo báo cáo, NHNN đã ban hành nhiều văn bản và thường xuyên chỉ đạo TCTD miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán để khuyến khích khách hàng TTKDTM và ưu tiên miễn, giảm phí thanh toán dịch vụ công, đối với khách hàng vùng sâu, vùng xa,.. hướng tới mục tiêu tài chính toàn diện. Tuy nhiên, việc bổ sung quy định miễn, giảm một số loại phí dịch vụ thanh toán cho một số đối tượng khách hàng tại dự thảo Luật TCTD là chưa phù hợp vì: (i) Phí dịch vụ thanh toán có bản chất là giá dịch vụ và theo Luật giá 2012 (đã sửa đổi); phí dịch vụ thanh toán không thuộc danh sách Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá nên việc cơ quan quản lý (NHNN) áp đặt không thu phí có thể chưa phù hợp, thống nhất với Luật Giá; (ii) Phí dịch vụ thanh toán gắn với từng loại sản phẩm, dịch vụ thanh toán mà TCTD cung ứng cho khách hàng, trong bối cảnh công nghệ phát triển, các sản phẩm dịch vụ thanh toán ngày càng đa dạng nên khó để quy định không thu phí đối với loại dịch vụ thanh toán nào; bên cạnh đó, đa số các dịch vụ được cung ứng trên kênh số, không còn giới hạn địa lý nên việc xác định khách hàng vùng sâu, vùng xa, miền núi,.. là khó khả thi (iii) TCTD là doanh nghiệp hoạt động trên nguyên tắc tự chủ, việc cơ quan nhà nước áp đặt miễn phí dịch vụ thanh toán cho khu vực nông thôn, vùng xa là chưa phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật.

Do vậy, UBTVQH cho rằng không nên quy định tại dự thảo Luật việc miễn, giảm một số loại phí trong các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đối với khách hàng ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mà thực hiện theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ; điều này cũng tạo tính chủ động cho TCTD trong việc thực hiện trên cơ sở định hướng, chính sách về phát triển TTKDTM và tài chính toàn diện như thời gian qua.

**1.3. Về quy định nội bộ (Điều 101)**

*Có ý kiến đề nghị sửa quy định về “thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành” tại khoản 3 thành “thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành” để bảo đảm tính khả thi trong thực hiện.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý như sau: “3. TCTD phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.”

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về nội dung “hoạt động nghiệp vụ” và “nghiệp vụ kinh doanh” được quy định tại khoản 1 Điều 101, làm rõ quy định này được hiểu là lĩnh vực kinh doanh được thể hiện trong Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động hay bao gồm tất cả mọi hoạt động trong thực tiễn của tổ chức tín dụng. Do khoản 1 Điều 101 quy định bất kỳ hoạt động nghiệp vụ nào của tổ chức tín dụng cũng cần có văn bản quy định nội bộ điều chỉnh, hướng dẫn, khoản 2 Điều 101 lại chưa bảo đảm yêu cầu tổ chức tín dụng ban hành đầy đủ các quy định nội bộ của tổ chức tín dụng cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng trong bối cảnh hệ thống ngân hàng phát triển như hiện nay như hoạt động công nghệ thông tin, kinh doanh ngoại hối, hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán, hoạt động huy động vốn và các các hoạt động nghiệp vụ khác trong thực tế của tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 8 của dự thảo Luật quy định: 1. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan được NHNN cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Đối với các hoạt động kinh doanh của từng loại hình TCTD được quy định cụ thể tại Chương V của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến xem xét, sửa đổi quy định thời hạn là 15 ngày làm việc; không tính ngày nghỉ lễ, tết vì sẽ có trường hợp rơi vào kỳ nghỉ lễ, nghỉ tết dương lịch, tết âm lịch.*

UBTVQH xin báo cáo như sau: Đối với khoảng thời gian dài, việc xác định theo ngày làm việc sẽ phức tạp trong cách tính toán. Bên cạnh đó, Bộ Luật Dân sự đã có quy định về thời điểm kết thúc thời hạn: khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó. Do đó, xin giữ như dự thảo Luật.

**1.4. Về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay (Điều 102)**

*- Có ý kiến cho rằng, Điều 102 quy định khách hàng của tổ chức tài chính vi mô là công nhân lao động, cá nhân, hộ gia đình nghèo, cận nghèo, người có thu nhập thấp chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ... nên khi tiếp cận khoản vay đều gặp rất nhiều khó khăn khi cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính... giống như hình thức tài liệu, các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, công ty. Việc áp dụng như doanh nghiệp, công ty sẽ không phù hợp về đối tượng phục vụ của tổ chức tài chính vi mô và sẽ làm cản trở, hạn chế tiếp cận của cá nhân, hộ gia đình nghèo, cận nghèo, người có thu nhập thấp trong xã hội, làm giảm mục tiêu thực hiện chiến lược giảm hộ nghèo.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét quy định về các khoản cho thuê tài chính có giá trị nhỏ (như xe ô tô, máy photocopy…) cũng phải cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi là chưa hợp lý.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh quy định đối với khoản vay của tổ chức tài chính vi mô và khoản cho thuê tài chính có giá trị nhỏ vào phạm vi của khoản 2 Điều này, theo đó chỉ yêu cầu TCTD *có tối thiểu* thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trước khi quyết định cấp tín dụng.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp đối với các khoản cho vay tiêu dùng của công ty tài chính có đặc điểm là các khoản vay nhỏ, chỉ cần quy trình vay nhanh gọn nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp bách trong cuộc sống của khách hàng. Đồng thời quy định đối với các khoản cho vay tiêu dùng có giá trị nhỏ của công ty tài chính cho sinh viên và người lao động vay thì chỉ cần yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về khả năng tài chính của khách hàng thay vì cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính là tổ chức tài chính cho vay.*

UBTVQH đã tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc, tính toán, kiểm tra lại* ***khoản 1và khoản 2*** *Điều 102 cho chặt chẽ, đó là: đối với đối tượng bình thường ở khoản 1 thì cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh về khả năng tài chính của người vay, khoản 2 nên xác định rõ đối tượng có thu nhập thấp thì chỉ cung cấp thông tin, khả năng tài chính của các nguồn vay. Có ý kiến đề nghị chỉ cần yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về khả năng tài chính của khách hàng, thay vì cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính như quy định tại* ***khoản 2*** *Điều 102.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, hiện nay khoản 1và khoản 2 Điều 102 của dự thảo Luật đã được điều chỉnh rõ ràng, cụ thể hơn. Trong đó đối với các khoản cấp tín dụng nhỏ lẻ (khoản vay tiêu dùng và một số loại khoản vay khác, cấp tín dụng qua thẻ) đã lược bỏ hồ sơ về “phương án sử dụng vốn khả thi” cho phù hợp hơn. Đối với yêu cầu về khả năng tài chính của khách hàng và mục đích sử dụng vốn hợp pháp là những yêu cầu cần thiết và TCTD hoàn toàn có thể yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin này.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc cho vay, thẩm định tài sản cho vay, giới hạn tỷ lệ tiền cho vay tương ứng với tài sản thế chấp.*

UBTVQH xin báo cáo: đây là nội dung có tính kỹ thuật, do vậy không quy định tại dự thảo Luật mà NHNN sẽ quy định cụ thể sau khi Luật có hiệu lực.

***\* Khoản 1:***

*- Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “trước khi quyết định cấp tín dụng” tại khoản 1 Điều 102, điều chỉnh thành “Tổ chức tín dụng phải đánh giá phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính, mục đích sử dụng vốn hợp pháp của khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm cung cấp tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của ngân hàng để chứng minh đáp ứng điều kiện cấp tín dụng theo quy định của tổ chức tín dụng”. Vì hiện nay đã phổ biến sử dụng các mô hình, công cụ dựa trên dữ liệu của ngân hàng đang lưu giữ, thu thập từ hệ thống dữ liệu quốc gia hoặc nguồn hợp pháp khác để xem xét, đánh giá quyết định việc cấp tín dụng cho khách hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc quy định TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp, tài liệu, dữ liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi… trước khi quyết định cấp tín dụng là cần thiết, bảo đảm TCTD và khách hàng đều phải có nghĩa vụ trong việc cung cấp tài liệu chứng minh, ngoài ra quy định này cũng nhằm ghi nhận quyền của TCTD trong việc yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu. Bên cạnh đó, trong quá trình xét duyệt cấp tín dụng, ngoài các tài liệu khách hàng phải cung cấp, TCTD có thể sử dụng các nguồn thông tin khác theo quy định nội bộ của TCTD, trong đó có việc sử dụng các dữ liệu của TCTD đang lưu giữ, thu thập từ các hệ thống dữ liệu quốc gia hoặc nguồn hợp pháp khác.

Trên cơ sở đề xuất từ TCTD, đánh giá quá trình triển khai, thực hiện hoạt động cấp tín dụng trong thời gian qua, dự thảo Luật đã được bổ sung quy định áp dụng riêng cho các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ (khoản 2 Điều 101); bổ sung các quy định riêng cho các hoạt động cấp tín dụng bằng phương thức điện tử, bảo đảm phù hợp (khoản 4 Điều 102).

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 102 như sau “Công ty cho thuê tài chính, yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng tài sản thuê khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng tài sản thuê hợp pháp”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại khoản 2 Điều 102 bổ sung thêm khoản cho thuê tài chính có mức giá trị nhỏ được áp dụng quy định về giảm thiểu hồ sơ là “phương án sử dụng vốn khả thi”.

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 102 thời điểm “trước khi quyết định cấp tín dụng” là thời điểm nào (thời điểm có biên bản cho vay; có hợp đồng tín dụng; thời điểm giải ngân từng món cụ thể...)?*

UBTVQH xin báo cáo: Việc quy định thời điểm cung cấp tài liệu trước khi quyết định cấp tín dụng để có cơ sở cho việc xem xét khả năng đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng và tăng tính minh bạch trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, không cần thiết quy định cụ thể từng thời điểm để phù hợp với từng hình thức cấp tín dụng, tránh vướng mắc.

***\* Khoản 2:***

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ quy định “khách hàng cung cấp tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính” tại khoản 2 là ở mức độ nào, bao gồm những thông tin gì. Vì thực tế có những trường hợp vay vốn nhỏ (3-5 triệu đồng) không có hóa đơn, chứng từ nên không thể xác định tính hợp pháp, làm khó hộ nghèo tiếp cận vốn tín dụng an toàn giá rẻ.*

*Một số ý kiến đề nghị làm rõ và có quy định cụ thể, thống nhất “mức giá trị nhỏ” tại điểm a khoản 2 là mức bao nhiêu để áp dụng thống nhất hoặc phải có hướng dẫn về nội dung này.*

UBTVQH xin báo cáo: Liên quan đến quy định chi tiết về việc cấp tín dụng, dự thảo Luật quy định TCTD phải ban hành quy định nội bộ về cấp tín dụng là cơ sở để TCTD triển khai việc cấp tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng (quy định về hồ sơ, chứng từ…).

Bên cạnh đó, dự thảo Luật không quy định cụ thể về “khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cho thuê tài chính có mức giá trị nhỏ” mà thực hiện theo hướng dẫn của NHNN, vì mức giá trị nhỏ cần thay đổi theo từng thời kỳ.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thống nhất cách dùng từ“khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống” và “khoản cho vay tiêu dùng” tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 101 do về bản chất, hai nội dung này đều chỉ cùng một mục đích vay vốn.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo khoản 2, khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tương ứng đối với loại hình NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và quỹ tín dụng nhân dân, khoản cho vay tiêu dùng đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Như vậy, tại khoản 2 quy định từng loại khoản vay tương ứng với từng loại hình TCTD, không có việc quy định trùng lặp.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 102 như sau: “2. Tổ chức tín dụng phải yên cầu khách hàng cung cấp tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản vay sau đây: a) Khoản cho vay phục vụ nhu cẩu đời sống, khoản cho thuê tài chính có mức giá trị nhỏ, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* ***hoặc hoạt động cho vay được cầm cố bằng tiền gửi/giấy tờ có giá và cho vay hạn mức thấu chi qua tài khoản thanh toán*** *theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.”.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc cầm cố bằng tiền gửi/giấy tờ có giá chỉ là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và cho vay hạn mức thấu chi qua tài khoản thanh toán chỉ là phương thức cho vay, không phải là khoản cấp tín dụng. Việc TCTD yêu cầu cung cấp thông tin đối với các khoản cấp tín dụng có sử dụng các biện pháp bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, sử dụng phương thức thấu chi qua tài khoản cần tuân thủ quy định khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 102 theo hướng quy định chung các khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống mà không giới hạn ở mức giá trị nhỏ đối với khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống. Ngoài ra, việc xác định “phương án sử dụng vốn khả thi” theo khoản 1 Điều 102 là tương đối khó khăn nên đề nghị xem xét, mở rộng thêm đối tượng ở khoản 2 này, cụ thể như sau: “2. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản vay sau đây:*

*a) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cho thuê tài chính có mức giá trị nhỏ, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước*;”

UBTVQH xin báo cáo: Việc mở rộng thêm đối tượng áp dụng khoản 2 đối với tất cả các khoản vay phục vụ đời sống là không hợp lý vì có khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống có giá trị lớn và vẫn cần yêu cầu khách hàng cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi theo quy định tại khoản 1.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể việc cho vay để phục vụ nhu cầu đời sống hoặc quy định cụ thể tại Điều 4 về giải thích từ ngữ để dễ triển khai thực hiện trong thực tế, tránh tùy tiện trong áp dụng; đồng thời xác định rõ khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống, hạn mức cụ thể để bảo đảm tính công khai, minh bạch, thống nhất áp dụng trong thực tiễn, tránh gây vướng mắc, khó khăn cho các tổ chức tín dụng và người dân.*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung này cần thay đổi theo điều kiện thực tế, vì vậy, dự thảo Luật quy định NHNN hướng dẫn đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống (hiện Thông tư của NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng đang hướng dẫn về khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống).

***\* Khoản 3:***

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều này.” tại**khoản 3 Điều 102 để phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 102. Sửa lại nội dung như sau: “3. Khách hàng phải cung cấp thông tin về người có liên quan cho tổ chức tín dụng khi đề nghị cấp tín dụng* ***và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều này****. Ngân hàng Nhà nước quy định việc xác định khách hàng, thông tin phải cung cấp.”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện tại khoản 3 Điều 102 của dự thảo Luật.

***\* Khoản 4:***

*- Có ý kiến cho rằng quy định như tại khoản 4 chưa bao quát, quy trình cấp tính dụng không chỉ có xét duyệt mà còn nhiều thủ tục khác như thẩm định, tái thẩm định, quyết định… Đề nghị bỏ cụm từ “****xét duyệt****” trong nội dung khoản 4 Điều 102. Khoản 4 viết lại như sau: “Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. Việc cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.*

UBTVQH xin báo cáo: Quá trình cấp tín dụng bao gồm nhiều khâu từ thu thập thông tin, đánh giá khách hàng, thẩm định cho vay, quyết định cấp tín dụng… Tuy nhiên, dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng gắn với quy trình xét duyệt cấp tín dụng; do vậy, trường hợp sử dụng phương tiện điện tử, dự thảo Luật cũng quy định chỉ khâu xét duyệt cấp tín dụng thực hiện theo hướng dẫn của NHNN.

***\* Khoản 5:***

*- Có ý kiến đề nghị bỏ từ “****nghĩa vụ****” cho phù hợp với nội dung quy định tại khoản 5 Điều 102 của dự thảo Luật như sau “Tổ chức tín dụng có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.”*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “trách nhiệm” cũng đã bao hàm nghĩa của từ “nghĩa vụ” trong đó. Do đó, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “và các bên liên quan” vào nội dung khoản 5 Điều 101 như sau: “yêu cầu khách hàng vay* ***và các bên liên quan*** *báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn”. Việc bổ sung quy định “các bên liên quan” nhằm tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức tín dụng cũng như các đoàn thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở yêu cầu và tiếp cận các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của bên thứ ba đối với các trường hợp cho vay để người vay góp vốn cho bên thứ ba sử dụng vốn vay.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc TCTD yêu cầu các **bên liên quan** báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn là không hợp lý. Đối với yêu cầu, tiếp cận tài liệu thông tin của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền thực hiện theo các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra*.*

*- Có ý kiến cho rằng quy định “yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn” tại khoản 5 Điều 102 là chưa phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, vay phục vụ đời sống có nguồn vốn nhỏ (5-10 triệu đồng), vì đa số khách hàng sử dụng vốn mà không có hóa đơn chứng từ, khó tiếp cận được vốn vay. Đề nghị cân nhắc quy định “yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn” chỉ áp dụng đối với các khoản vay lớn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, trừ các khoản vay quy định tại khoản 2 Điều này để tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng và khách hàng trong vay vốn. Tránh việc có nhiều trường hợp trong thực tế do vướng quy định này không vay được vốn mà phải vay tín dụng đen.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc TCTD *có quyền* yêu cầu khách hàng báo cáo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích là quyền chính đáng để bên cho vay kiểm soát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích cho vay đã thỏa thuận với bên vay. TCTD cho vay có thể yêu cầu hoặc không yêu cầu báo cáo, cung cấp tài liệu, dữ liệu trên cơ sở phù hợp với từng loại khoản vay, thực tế khả năng kiểm soát rủi ro

của TCTD.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 5 Điều 102 quy định “*Công ty cho thuê tài chính có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản thuê và trả nợ của khách hàng; yêu cầu khách hàng thuê báo cáo việc sử dụng tài sản thuê và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản thuê được sử dụng đúng mục đích thuê*”.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “*nghĩa vụ*” trước cụm từ “*trách nhiệm*” tại khoản 6 để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 102 (quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng). Khoản 6 viết lại như sau: “*Khách hàng có* ***nghĩa vụ****, trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận*”.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

***\* Khoản 7:***

*- Có ý kiến nhất trí với quy định về việc cần có thế chấp tài sản, có tài sản bảo đảm trước khi thực hiện cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận. Tuy nhiên, đề nghị quy định việc cấp tín dụng có bảo đảm hay không có bảo đảm trước, trong và sau khi giải ngân sẽ do các TCTD và khách hàng thỏa thuận với nhau để tránh những hiểu lầm không cần thiết.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại dự thảo Luật đã quy định TCTD và khách hàng thỏa thuận về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng tại khoản 7 Điều này.

**1.5. Về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi (Điều 103)**

*- Có ý kiến đề nghị thay thế từ“vi phạm các* ***quy định*** *trong hợp đồng cấp tín dụng…” tại khoản 1 Điều 103 của dự thảo Luật thành “vi phạm các* ***nội dung******thỏa thuận*** *trong hợp đồng cấp tín dụng…”. Vì các nội dung trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, các bên liên quan.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung “thỏa thuận, cam kết khác giữa khách hàng và tổ chức tín dụng”**vào cuối khoản 1 Điều 103 như sau: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm,* ***thỏa thuận, cam kết khác giữa khách hàng và tổ chức tín dụng****.” vì trên thực tế khách hàng và tổ chức tín dụng không chỉ xác lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm mà còn lập các thỏa thuận, cam kết.*

UBTVQH đã tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng, nên bổ sung nội dung “hoặc các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa khách hàng và TCTD” vào quy định tại khoản 1 Điều này.*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung đề nghị bổ sung đã được thể hiện tại quy định “vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng” tại khoản này, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

**1.6. Về lưu trữ hồ sơ tín dụng (Điều 104)**

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định về từ “thông điệp” tại khoản 1 Điều 104 để bảo đảm phù hợp trong Luật vì từ này có ý nghĩa rộng.*

*Có ý kiến đề nghị quy định rõ thời hạn lưu trữ tối thiểu đối với hồ sơ tín dụng do hiện tại chưa có quy định pháp luật cụ thể, chi tiết nội dung này. Hồ sơ giấy thường lưu trữ từ 10 đến 20 năm, không bền, dễ thất lạc qua các thời kỳ hoặc trường hợp chuyển trụ sở tổ chức tín dụng... Do đó, cần xem xét lưu trữ bằng hình thức văn bản điện tử có tính bảo mật và đảm bảo lưu trữ văn bản gốc.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “về ngân hàng” vào cuối khoản 2 Điều 103 Dự thảo để phân biệt với việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các ngành khác.*

UBTVQH đã tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

**1.7. Về giao dịch điện tử trong hoạt động của tổ chức tín dụng (Điều 105)**

*- Có ý kiến cho rằng, quy định tại Điều này chưa phản ánh đúng thực tiễn hoạt động, chưa đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số ngành ngân hàng do: (i) Trên thực tế đã xuất hiện nhiều dịch vụ ngân hàng trực tuyến, ngân hàng số có sự tham gia của các TCTD và các công ty Fintech, các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng, trung gian thanh toán, chuyển mạch tài chính,... đều thuộc đối tượng được NHNN cấp phép hoạt động và chịu trách nhiệm pháp lý; (ii) Tăng trưởng thanh toán qua kênh di động cũng tăng nhanh về giá trị và khối lượng, là lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn; (iii) Hoạt động ngân hàng số những năm gần đây đang phát triển trên phạm vi toàn thế giới, thể hiện trên cả hai xu hướng là các ngân hàng truyền thống ứng dụng công nghệ để cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho người dùng; và các công ty công nghệ được cấp phép hoạt động và dẫn dắt xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng; (iv) Nhiều quốc gia trong khu vực đã cấp phép cho ngân hàng số hoạt động.*

*Có ý kiến cho rằng quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng còn ngắn gọn và chung chung, chưa tương xứng với xu thế phát triển và việc bảo đảm an toàn cho khách hàng, trong khi hiện nay mặc dù các sản phẩm dịch vụ có ứng dụng công nghệ của ngành ngân hàng rất phổ biến, đa dạng, phong phú nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, hoạt động ngân hàng số được hiểu là cấp độ phát triển mới trong hoạt động ngân hàng đặt trong bối cảnh các dịch vụ được số hóa cao độ và tích hợp liên thông liền mạch. Đặc trưng nổi bật của hoạt động ngân hàng số là việc ứng dụng sâu rộng công nghệ số và phân tích dữ liệu trong mọi mặt hoạt động ngân hàng, từ khâu quan hệ giao tiếp với khách hàng (front-end) cho đến quy trình xử lý nội bộ (back-end), cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng trên nền tảng số, hoặc qua kênh số cùng với sự hỗ trợ từ các mô hình kinh doanh mới và văn hóa đổi mới sáng tạo. Theo đó, *hoạt động ngân hàng số không phải là một nghiệp vụ mà chỉ là phương thức triển khai hoạt động nghiệp vụ của TCTD trên cơ sở ứng dụng công nghệ nhằm cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng qua phương tiện điện tử*.

Trên thế giới, để thúc đẩy hoạt động ngân hàng số, các nước thường có **03** cách thức sau: **(i)** Rà soát, sửa đổi bổ sung quy định pháp luật liên quan để tạo hành lang pháp lý cho việc ngân hàng cung ứng dịch vụ trên nền tảng số (pháp lý về: quy trình nghiệp vụ, giao dịch điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, an toàn bảo mật, ..), quy định yêu cần tuân thủ về hoạt động hợp tác của các ngân hàng với bên thứ ba (bao gồm công ty Fintech) khi cung ứng dịch vụ trên nền tảng số,..; **(ii)** Cấp phép cho tổ chức phi ngân hàng (như công ty Fintech, Bigtech) tham gia cung ứng dịch vụ ngân hàng thông qua các hình thức: cấp phép tổ chức cung ứng tiền điện tử, cung ứng dịch vụ thanh toán, cấp phép ngân hàng số độc lập,...; **(iii)** Ban hành quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để ngân hàng, công ty Fintech triển khai các mô hình kinh doanh mới với các sản phẩm đổi mới, sáng tạo,..

Tại dự thảo Luật các TCTD đã sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan, tạo lập hành lang pháp lý cho việc cung ứng dịch vụ ngân hàng qua phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng như quy định tại Điều 105 quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; bổ sung quy định tại Điều 106 về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng.

Như vậy, dự thảo Luật TCTD cùng các quy định pháp lý về hoạt động ngân hàng đã có quy định, chính sách về thúc đẩy hoạt động ngân hàng số. Trong thời gian tới, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về hệ thống thanh toán để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là của các tổ chức tổ chức tín dụng phi ngân hàng tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, nghiên cứu xu hướng phát triển của ngân hàng số (hoàn toàn không có hiện diện vật lý) để kịp thời đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung cụm từ “Luật Giao dịch điện tử năm 2023” vào Điều 104 dự thảo, viết lại cụ thể như sau: “Hoạt động của tổ chức tín dụng được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của* ***Luật Giao dịch điện tử năm 2023*** *và quy định pháp luật* ***hiện hành*** *về giao dịch điện tử”. Do Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22/6/2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, cần thiết bổ sung để làm căn cứ triển khai thực hiện bảo đảm cụ thể, chặt chẽ.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật quy định thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử là đã bao gồm Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản hướng dẫn.

*- Có ý kiến cho rằng, (i) trên thực tế có những vấn đề đi trước luật như ứng dụng công nghệ trong giao dịch điện tử, vấn đề an toàn giao dịch điện tử,... nếu quy định trước sẽ khó chặt chẽ hết, và (ii) Điều 104 cần quy định cụ thể hơn, đồng thời phải rà soát với Luật giao dịch điện tử để giải quyết các vấn đề về giao dịch điện tử thay vì quy định chung chung và giao thẩm quyền cho NHNN quy định như tại dự thảo Luật (như về vấn đề chữ ký...).*

UBTVQH xin báo cáo: Với đặc thù hoạt động dựa vào nền tảng công nghệ, các quy định quản lý cần được cập nhật liên tục để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, trong khi đó các quy định tại Luật thường có tính ổn định, việc sửa đổi một quy định tại Luật cần thời gian, khó bảo đảm được tính kịp thời để thích ứng với sự đổi mới của công nghệ. Do đó, dự thảo Luật quy định giao NHNN quy định chi tiết trên cơ sở phù hợp quy định của Luật này và Luật Giao dịch điện tử. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 105, cụ thể việc các Ngân hàng thương mại chủ động xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ mới trong sản phẩm dịch vụ có cần xét duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không hay chỉ áp dụng với các cơ chế thử nghiệm do cơ quan nhà nước đầu mối chủ trì.*

UBTVQH xin báo cáo: tại dự thảo Luật không giới hạn quy định này chỉ áp dụng với các cơ chế thử nghiệm do cơ quan nhà nước đầu mối chủ trì. Khoản 2 Điều 106 dự thảo Luật hiện giao Chính phủ quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng. Trên cơ sở đó Chính phủ sẽ ban hành Nghị định quy định cụ thể.

**1.8. Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 106)**

*Có ý kiến đề nghị không giao Chính phủ quy định mà cần đưa vào dự thảo Luật nội dung tại khoản 1 về những đặc thù của công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng và việc các sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh đổi mới, sáng tạo khi thử nghiệm thì có thể được vận hành trong khuôn khổ pháp lý trái hoặc khác với quy định pháp luật hiện hành hay không, để minh bạch hóa và dễ triển khai thực thi khái niệm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chung cho mọi ngành, mọi lĩnh vực khi Luật có hiệu lực.*

*Có ý kiến cho rằng, hiện nay dự thảo Luật mới đề cập đến khái niệm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chung cho mọi ngành, mọi lĩnh vực, nhưng chưa đề cập đến những đặc thù của công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh đó, khái niệm này cũng chưa đề cập đến việc các sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh đổi mới, sáng tạo khi thử nghiệm thì có thể được vận hành trong khuôn khổ pháp lý trái hoặc khác với quy định pháp luật hiện hành hay không. Nếu không làm rõ vấn đề này và quy định rõ Chính phủ được phép tạo lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thử nghiệm, thì về nguyên tắc những nội dung này phải do Quốc hội quy định vì có thể có những nội dung trái hoặc khác với pháp luật hiện hành.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tên Điều 106 đã sửa đổi thành: “Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng”. Bản chất của cơ chế thử nghiệm là nhằm tạo lập môi trường để các tổ chức triển khai giải pháp thử nghiệm có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính trong phạm vi nhất định, qua đó các giải pháp có thể triển khai trên môi trường thực một cách minh bạch, công khai. Đồng thời, thông qua đó, cơ quan quản lý có thể theo dõi và đẩy nhanh quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý chính thức, tạo điều kiện, cơ sở pháp lý cho việc cung ứng các giải pháp hiệu quả được triển khai rộng rãi. Do vậy, dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng để Chính phủ có cơ sở pháp lý ban hành Nghị định quy định về nội dung này. Có ý kiến đề nghị xem xét nên quy định khung hay ban hành văn bản riêng về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.*

UBTVQH xin báo cáo: do các sản phẩm, dịch vụ có thể được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là các sản phẩm, dịch vụ mới chưa có khuôn khổ pháp lý điều chỉnh, do vậy việc quy định khung tại Luật có thể khó điều chỉnh linh hoạt trong phạm vi cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tìm ra phương thức, giải pháp phù hợp, từ đó đề xuất xây dựng cơ sở pháp lý chính thức cho các hoạt động này. Do vậy, dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

*- Có ý kiến cho rằng, quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát có thể gây quan ngại về việc hạn chế quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo. Điều 105 trao cho cơ quan quản lý quyền quyết định tuyệt đối về thời gian, phạm vi, đối tượng thực hiện, thực chất là cấp phép mà không đi cùng các điều kiện minh bạch, rõ ràng.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm. Việc tham gia cơ chế thử nghiệm là do tổ chức tự nguyện và đăng ký theo nhu cầu. Nếu không tham gia cơ chế thử nghiệm, các tổ chức vẫn thực hiện cung ứng giải pháp, sản phẩm tới khách hàng theo quy định pháp luật và tự chịu trách nhiệm với khách hàng. Đối với việc thẩm quyền quyết định về thời gian, phạm vi, đối tượng thực hiện, dự thảo Luật giao Chính phủ quy định do đây là các sản phẩm, dịch vụ mới, chưa được kiểm nghiệm, việc tham gia phải đáp ứng những điều kiện, yêu cầu nhất định do Chính phủ quy định, bảo đảm cân bằng giữa đổi mới, sáng tạo và quản lý rủi ro ở mức cho phép, cũng như phù hợp với nguồn lực triển khai của cơ quan quản lý, khi tham gia cơ chế thử nghiệm.

*- Có ý kiến cho rằng, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là mới, nhưng đã quy định vào Luật thì phải cụ thể, rõ ràng, không chung chung, trong khi hiện nay dự thảo Luật chỉ quy định chung và phụ thuộc vào dự thảo Nghị định hướng dẫn là chưa phù hợp. Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu đưa vào dự thảo Luật một số quy định trong dự thảo Nghị định quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đã có trong hồ sơ của dự án Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Do đặc thù hoạt động dựa vào nền tảng công nghệ luôn được thay đổi, cập nhật liên tục trên cơ sở sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, nên việc quy định cụ thể tại Luật có thể gặp khó khăn do việc sửa đổi Luật cần nhiều thời gian theo quy trình xây dựng văn bản quy định pháp luật. Vì vậy, tại Luật các TCTD về cơ bản quy định các nguyên tắc, khung pháp lý còn các quy định cụ thể sẽ được hướng dẫn tại Nghị định và các Thông tư.

**2. Về hoạt động của ngân hàng thương mại (Mục 2)**

**2.1. Về hoạt động của ngân hàng thương mại (Điều 107)**

*- Có ý kiến đề nghị quy định quy định rõ điểm e khoản 3 Điều 107 “****Thư tín dụng (trong trường hợp tổ chức tín dụng phải thực hiện nghĩa vụ thay khách hàng từ nguồn tài chính của tổ chức tín dụng)****” và đồng thời đề nghị giao cho Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết các loại phí**để tổ chức tín dụng có cơ sở hạch toán chính xác, đúng bản chất Thư tín dụng. Do đây là hình thức cấp tín dụng nhưng trên thực tế khi phát hành hoặc xác nhận thư tín dụng thì tổ chức tín dụng cũng gắn với hoạt động thanh toán, có thể là hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.*

UBTVQH đã tiếp thu, chỉnh sửa khái niệm về Thư tín dụng.

*- Có ý kiến đề nghị sửa quy định tại điểm g khoản 3 Điều 107 thành“Hình thức cấp tín dụng khác* ***theo quy định của Ngân hàng Nhà nước****”. Đối với các hình thức cấp tín dụng khác, Ngân hàng Nhà nước đưa ra quy định mang tính bắt buộc chung, thống nhất thực hiện. Các hình thức cấp tín dụng khác phải được Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ sở pháp lý rõ ràng trước khi được thực hiện trên thực tế thay vì việc chỉ cần có sự “chấp thuận” của Ngân hàng Nhà nước.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 99 dự thảo Luật quy định các hoạt động của TCTD được thực hiện theo hướng dẫn của NHNN. Việc quy định tại điểm g khoản 3 Điều 107 nhấn mạnh các hình thức cấp tín dụng khác phải được NHNN chấp thuận trước khi hoạt động, đồng thời vẫn phải thực hiện theo các hướng dẫn về nghiệp vụ của NHNN.

***\* Khoản 6:***

*- Có ý kiến cho rằng các phương thức thanh toán có khả năng thay đổi theo điều kiện thực tế và sự phát triển của công nghệ. Do vậy, đề nghị không nên quy định chi tiết các phương thức thanh toán (séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu…) như tại điểm a khoản 6 Điều 107 mà giao cho Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn theo từng thời kỳ.*

UBTVQH xin báo cáo: Các phương thức thanh toán được liệt kê tại Luật là những phương thức đã được thực hiện ổn định thời gian qua theo hướng dẫn cụ thể của NHNN. Đối với những phương thức thanh toán mới có thể phát triển hơn trong tương lai, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tại Điều 106.

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 107 dự thảo Luật thành: “Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế (bao gồm các dịch vụ thanh toán theo các phương thức thanh toán quốc tế như Thư tín dụng, nhờ thu, bảo lãnh...) và dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận”.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế phù hợp tập quán thương mại quốc tế không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Luật), do đó việc liệt kê các phương thức thanh toán quốc tế tại Luật có thể không bao quát hết các phương thức thanh toán quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung tại khoản 6 Điều 107 các dịch vụ đang được nhiều ngân hàng cung cấp như: ngân quỹ, quản lý dòng tiền, liên kết tài khoản (để khách hàng thanh toán từ tài khoản cá nhân trên App/Web của Nhà cung cấp dịch vụ thay vì liên kết thẻ)… . Đề nghị nghiên cứu các dịch vụ hiện đã, đang và sẽ phát sinh ngoài các dịch vụ đã quy định tại Điều 106 như cung cấp các dịch vụ phân tích dữ liệu, tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính, cung cấp APIs để kết nối các dịch vụ tài chính, phi tài chính (và ngân hàng có thể thu phí truyền nhận dữ liệu qua API theo số lần sử dụng, theo doanh số, theo tháng, theo phí thường niên…) để tạo điều kiện cho ngân hàng cung cấp các dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Hoạt động ngân quỹ đã có quy định tại điểm a Điều 114 của dự thảo Luật. Đối với các hoạt động khác được mô tả, một số hoạt động về bản chất liên quan đến cách thức triển khai các dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại và sẽ nghiên cứu trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về các dịch vụ này. Đối với hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính là những hoạt động có phạm vi rất rộng, khó xác định cụ thể. Để đảm bảo rõ ràng, hạn chế rủi ro trong hoạt động ngân hàng, điểm e khoản 1 Điều 114 dự thảo Luật quy định hoạt động: Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

**2.2. Về cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD nước ngoài (Điều 108)**

*- Có ý kiến cho rằng, ngoài việc được vay vốn của các tổ chức tài chính nước ngoài, thì việc nhận gửi vốn cũng cần phải được bổ sung ở khoản 3 Điều 108 như quy định hiện hành (Thông tư số 21 của NHNN).*

UBTVQH xin báo cáo: Theo quy định hiện hành, việc nhận tiền gửi của tổ chức nước ngoài là một trong hoạt động ngoại hối cơ bản của TCTD được thực hiện theo Giấy phép. Do đó, không cần bổ sung quy định về hoạt động này tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng khoản 3 Điều 107, khoản 3 Điều 115, Điều 120, điểm b khoản 5 Điều 125 và khoản 1 Điều 127 quy định về hoạt động cho vay, đi vay giữa các tổ chức tín dụng mới chỉ quy định chung chung là theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, đề nghị đề nghị nghiên cứu, đánh giá tác động và quy định cụ thể về nguyên tắc, điều kiện trước khi giao Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động vay, đi vay giữa các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Luật Các TCTD năm 2010 quy định TCTD được vay vốn của TCTD khác theo quy định của pháp luật (Điều 100, điểm c khoản 1 Điều 108, khoản 3 Điều 112, điểm b khoản 4 Điều 118 và khoản 2 Điều 119); TCTD được cấp tín dụng dưới hình thức cho vay (điểm a khoản 3 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 108). Căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2010, NHNN đã ban hành Thông tư 21/2012/TT-NHNN ngày 18 tháng 06 năm 2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó quy định cụ thể một số nội dung, như nguyên tắc cho vay, đi vay, mục đích, đồng tiền, lãi suất, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay, bên đi vay, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

Tờ trình của Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 5, thông tin báo cáo của NHNN đều không đề cập đến vướng mắc, bất cập đối với các quy định của NHNN về cho vay, đi vay giữa các TCTD. Vì vậy, dự thảo Luật đã tiếp tục kế thừa các quy định liên quan đến việc cho vay, đi vay giữa các TCTD tại Luật Các TCTD năm 2010 (khoản 3 Điều 107, khoản 3 Điều 115, Điều 120, điểm b khoản 5 Điều 125 và khoản 1 Điều 127 dự thảo Luật).

**2.3. Về tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán (Điều 109)**

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu các hệ thống thanh toán mới đã và đang có xu hướng phát triển để có hướng dẫn đầy đủ, tạo điều kiện các ngân hàng kịp thời cung cấp các dịch vụ mới đến khách hàng để bảo đảm đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của thị trường. Đồng thời, đề nghị sửa đổi quy định về việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại theo hướng: “(1) Ngân hàng thương mại được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; (2) Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi Ngân hàng thương mại tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.”. Do hiện nay tại các văn bản luật và dưới luật không có định nghĩa cụ thể về “hệ thống thanh toán quốc tế”, trong khi với khả năng phát triển mạnh mẽ của công nghệ hiện nay, các xu hướng thanh toán mới liên tục xuất hiện, đặc biệt trong lĩnh vực kết nối thanh toán xuyên biên giới thông qua các phương thức như API, thanh toán mã QR…*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay NHNN đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP trong đó có quy định hệ thông thanh toán quốc tế và việc ngân hàng thương mại tham gia hệ thống thanh toán quốc tế. Trong thời gian tới, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật về hệ thống thanh toán để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ.

**2.4. Về góp vốn, mua cổ phần (Điều 111)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực tài chính nhằm mở rộng lĩnh vực đầu tư, góp vốn cho hoạt động ngân hàng để chủ động tham gia vào các lĩnh vực mới.*

UBTVQH xin báo cáo: Điểm b khoản 4 Điều 111 có đã có quy định ngân hàng thương mại được góp vốn mua cổ phẩn của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này; như vậy gồm cả lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực tài chính. Đồng thời, việc góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực này chỉ được thực hiện sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 111 theo hướng cho phép các ngân hàng thương mại được phép làm đại lý phân phối của quỹ đóng, quỹ mở, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng nếu đáp ứng các điều kiện nhất định về nhân sự, hạ tầng... không phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh các lĩnh vực trên. Do theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 76 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính, quy định đại lý phân phối của quỹ đóng, quỹ mở, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thể bao gồm ngân hàng thương mại*

UBTVQH xin báo cáo: Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều nước trên thế giới cho phép ngân hàng thương mại được thực hiện các dịch vụ của Ngân hàng đầu tư như dịch vụ liên quan đến chứng khoán, tư vấn sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp, tư vấn tài chính, quản lý danh mục đầu tư... (ví dụ tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Anh, Ấn độ…)[[6]](#footnote-6), tuy nhiên đây là các nước có thị trường tài chính rất phát triển, việc giám sát dịch vụ tài chính được thực hiện hợp nhất. Đối với Việt Nam, nguồn cung ứng vốn phụ thuộc phần lớn vào hệ thống ngân hàng trong khi thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu hoạt động thiếu tính ổn định, tiềm ẩn rủi ro; đồng thời chưa có cơ quan giám sát hợp nhất dịch vụ tài chính như ngân hàng-chứng khoán-bảo hiểm. Do vậy, dự thảo Luật chưa mở rộng các hoạt động ngân hàng đầu tư như các nước mà trọng tâm hoạt động ngân hàng thương mại. Đối với một số hoạt động cần thiết mang tính chất liên thông giữa thị trường ngân hàng và thị trường chứng khoán, bảo hiểm (lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát…), dự thảo Luật cũng đã quy định phải được Ngân hàng Nhà nước cấp phép và ghi trong Giấy phép, đồng thời chỉ thực hiện khi có hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo quy định của pháp luật. Đối với các hoạt động ngân hàng đầu tư có rủi ro cao như bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu, dự thảo Luật quy định ngân hàng thương mại không được trực tiếp thực hiện mà chỉ được thực hiện thông qua công ty con, công ty liên kết. Quy định này nhằm ngăn ngừa rủi ro liên thông giữa hoạt động tiền gửi và đầu tư chứng khoán, rủi ro lan truyền giữa các hoạt động đầu tư tài chính, với mục tiêu cao nhất là để bảo đảm an toàn tiền gửi của người gửi tiền tại ngân hàng thương mại.

*- Có ý kiến đề nghị điều chỉnh quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 4 Điều 111 và khoản 1 Điều 137 theo hướng: không áp dụng tỷ lệ giới hạn góp vốn, mua cổ phần đối với trường hợp xử lý nợ và cho phép nắm giữ tài sản bảo đảm là cổ phần, phần vốn góp trong thời gian nhất định để xử lý nợ tương tự như nắm giữ bất động sản. Do khi TCTD xử lý nợ xấu phải thực hiện việc tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi khoản nợ thành vốn góp để xử lý nợ xấu và hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh từ đó xử lý triệt để nợ xấu thay vì chỉ xử lý tài sản bảo đảm và có nhiều trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho tổ chức tín dụng, việc chuyển đổi khoản nợ thành vốn góp không bị giới hạn bởi tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần tại Điều 111 của dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin NHNN báo cáo, việc này sẽ gây hệ lụy cho hệ thống TCTD khi chuyển rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp vào trong hệ thống TCTD, tác động lớn đến các chủ thể khác hoạt động lành mạnh trong nền kinh tế vì nguồn vốn của hệ thống TCTD đã phải sử dụng để xử lý các doanh nghiệp yếu kém. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

**2.5. Về kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh (Điều 112)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung phạm vi kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh bao gồm sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa theo khung văn bản pháp lý hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 112 như sau: “Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ,* ***giá cả hàng hóa*** *và tài sản tài chính khác”. Đồng thời, đề nghị bổ sung tương ứng tại khoản 30 Điều 4 giải thích từ ngữ về “sản phẩm phái sinh”, cụ thể: “Sản phẩm phái sinh là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như lãi suất, ngoại hối, tiền tệ,* ***giá cả hàng hóa*** *hoặc tài sản tài chính khác”.*

UBTVQH xin báo cáo: giá cả hàng hóa không phải là sản phẩm phái sinh của tài sản tài chính gốc, do vậy xin được giữ như dự thảo.

**2.5. Về nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý (Điều 113)**

*- Có ý kiến cho rằng, Điều này quy định về nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý trong hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, nội dung giải thích hoạt động ngân hàng không quy định rõ việc cấp tín dụng có áp dụng biện pháp bảo đảm và cấp tín dụng không áp dụng biện pháp bảo đảm, thì khi ủy thác và đại lý, giao đại lý gần như không được áp dụng biện pháp bảo đảm các khoản cấp tín dụng. Do đó, đề nghị cần bổ sung cơ chế pháp lý về ủy thác đại lý trong bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm.*

UBTVQH xin báo cáo: Để bảo đảm quyền tự chủ của TCTD, Luật Các TCTD hiện hành và các văn bản hướng dẫn giao TCTD tự quyết định việc áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc không bảo đảm khi thực hiện cấp tín dụng. Với thiết kế tương tự như tại dự thảo Luật, NHNN sẽ hướng dẫn cụ thể các hoạt động ủy thác, nhận ủy thác tại các văn bản nghiệp vụ hướng dẫn Luật Các TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị để tránh xung đột lợi ích và bảo vệ người đi vay, quy định cho ngân hàng thương mại làm đại lý bảo hiểm cần được cân nhắc, nhất là đại lý bảo hiểm nhân thọ.*

*Có ý kiến đề nghị cần có quy định cụ thể để dứt tình trạng một số nhân viên ngân hàng ép khách hàng mua bảo hiểm khi vay vốn hoặc việc tư vấn không đầy đủ khiến một số khách hàng nhầm lẫn giữa sản phẩm bảo hiểm và sản phẩm ngân hàng. Hoạt động này đã vi phạm nguyên tắc “tự nguyện”, “trung thực tuyệt đối” được quy định tại các văn bản pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.; đồng thời tăng cường kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ do theo quy định tại khoản 1 Điều 113 dự thảo Luật thì ngân hàng thương mại được làm đại lý bảo hiểm.*

*Có ý kiến đề nghị điều chỉnh cụm từ “đại lý bảo hiểm” thành “đại lý bảo hiểm phi nhân thọ”, đồng thời sửa đổi các quy định tại điểm d khoản 1 Điều 119, điểm đ khoản 1 Điều 124, điểm g khoản 5 Điều 126, khoản 4 Điều 130 từ “làm đại lý bảo hiểm” thành “làm đại lý bảo hiểm phi nhân thọ” để khắc phục tình trạng nhân viên ngân hàng lợi dụng ép khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ khi vay vốn.*

UBTVQH xin báo cáo: Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn Luật đã có quy định về việc nghiêm cấm việc “cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm” và xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp ép khách hàng mua bảo hiểm. Theo thông tin báo cáo của NHNN, NHNN cũng đã có các văn bản cảnh báo, chấn chỉnh hoạt động đại lý bảo hiểm của TCTD. Tuy nhiên, để hoạt động này là thực chất và không tạo rủi ro cho NHTM, nhất là rủi ro về uy tín, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường kiểm tra, giám sát, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hoạt động đại lý bảo hiểm của TCTD, trong đó cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính, NHNN và các bộ, cơ quan có liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị giữ nguyên và quy định rõ về “đại lý quản lý tài sản bảo đảm” của tổ chức tín dụng (khái niệm, nội dung, các trường hợp được nhận làm đại lý…).*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại điểm đ khoản 2 Điều 114 dự thảo Luật quy định rõ về hoạt động: “Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

**2.6. Về các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại (Điều 114)**

*- Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, bổ sung thêm những chức năng, nhiệm vụ của các TCTD được ghi trên giấy phép thành lập/hoạt động để bảo đảm quyền và lợi ích của TCTD trong quá trình hoạt động.*

UBTVQH xin báo cáo: Chức năng, nhiệm vụ chung của TCTD đã được quy định tại Luật này. Giấy phép mang tính chất cá biệt cấp cho từng TCTD, nội dung Giấy phép thể hiện các thông tin riêng đối với TCTD đó. Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát để hoàn thiện thêm về hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại theo hướng gắn với chức năng, nhiệm vụ của ngân hàng thương mại để bảo đảm chặt chẽ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo các cơ quan rà soát, chỉnh sửa một số nghiệp vụ để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngân hàng như hoạt động “tư vấn ngân hàng, tài chính”. Trên cơ sở ý kiến của Chính phủ, đã chỉnh lý theo hướng quy định: “Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép”.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm một điểm vào khoản 1 Điều 114 quy định: “Cung cấp các dịch vụ liên quan đến thư tín dụng ngoài các hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều này”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như dự thảo Luật.

*- Một số ý kiến đề nghị giữ nguyên nội dung cho phép ngân hàng thương mại được tiếp tục thực hiện hoạt động “Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư” như quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành vào khoản 2 Điều 114 của dự thảo Luật để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.*

*Có ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi “tư vấn hoạt động ngân hàng” có bao gồm* ***tư vấn tài chính*** *và* ***tư vấn đầu tư*** *hay không để ngân hàng thương mại có cơ sở triển khai hoạt động tư vấn, giới thiệu các sản phẩm đầu tư, thống nhất quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 113 dự thảo Luật với Luật các tổ chức tín dụng 2010 hoặc sau khi Luật mới được ban hành, Ngân hàng Nhà nước có thông tư hướng dẫn cụ thể về hoạt động này để các ngân hàng thương mại có cơ sở để triển khai thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, quy định pháp luật hiện chưa có quy định khái niệm “tư vấn ngân hàng, tài chính”, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, vì phạm vi của hoạt động này rất rộng, không có căn cứ xác định. Trên thực tế hiện nay một số ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng đang thực hiện một số hoạt động tư vấn gồm: Tư vấn cho khách hàng về tình hình tài chính và khả năng trả nợ của một đối tượng cụ thể; Tư vấn về việc lập kế hoạch thu hồi nợ dựa trên thông tin khách hàng cung cấp, tư vấn phương thức sử dụng nguồn lực, chiến lược thu hồi nợ hiệu quả; Tư vấn thiết lập quy trình thu hồi nợ, kiểm soát theo dõi thông tin, lịch sử nhắc nợ; Tư vấn cho khách hàng về cách thức quản lý, lưu trữ thông tin trên cơ sở phân bổ, tái phân bổ hồ sơ/danh sách cần liên hệ xử lý theo tỷ lệ định sẵn; Hỗ trợ tư vấn giải quyết những tình huống phát sinh cụ thể trong quá trình thu hồi nợ; giới thiệu nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp, giới thiệu khách hàng tìm hiểu sản phẩm đầu tư quỹ mở, tư vấn đầu tư…

Về bản chất, hoạt động tư vấn tài chính không phải tư vấn về hoạt động nghiệp vụ ngân hàng của các TCTD, đây không phải lĩnh vực mà các ngân hàng thương mại có kinh nghiệm chuyên môn để cung cấp cho khách hàng, đồng thời, hoạt động này không có quy định của pháp luật điều chỉnh, không xác định được cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, trên cơ sở thông tin của NHNN báo cáo, để bảo đảm phạm vi hoạt động cung ứng dịch vụ tư vấn phù hợp với phạm vi hoạt động nghiệp vụ của TCTD, dự thảo Luật đã điều chỉnh hoạt động này theo hướng thực hiện tư vấn đối với các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác mà TCTD được thực hiện.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung nghiệp vụ “Đại lý phát hành trái phiếu” vào khoản 2 Điều 114.*

UBTVQH xin báo cáo: theo đánh giá và đề xuất của Chính phủ, hiện dự thảo Luật không quy định dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung quy định trong dự thảo thảo Luật theo hướng cho phép ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ tư vấn thuế để hoàn thiện danh mục sản phẩm/giải pháp tài chính cung cấp cho khách hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Hoạt động tư vấn thuế không phải là tư vấn về hoạt động nghiệp vụ ngân hàng của các TCTD. Do vậy, xin không tiếp thu bổ sung vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 99 và Điều 114 dự thảo Luật về nguyên tắc xử lý đối với hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác chưa được hướng dẫn hoặc chưa được hướng dẫn rõ ràng theo hướng: Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật Các TCTD thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc quy định của pháp luật có liên quan hoặc tập quán quốc tế có liên quan.*

*Có ý kiến đề nghị nhập hai nội dung ở khoản 1 và 2 thành khoản 1; bỏ khoản 2; đồng thời chuyển khoản 3 thành khoản 2 vì nội dung được phép kinh doanh của ngân hàng thương mại quy định trong khoản 1 và 2 đều là hoạt động kinh doanh* ***khác*** *được phép.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay tại khoản 3 Điều 99 của dự thảo Luật đã quy định: Hoạt động ngân hàng của TCTD quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại, Điều 114 dự thảo Luật đã liệt kê cụ thể các hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của NHNN; các hoạt động thực hiện theo pháp luật có liên quan. Đối với các hoạt động khác chưa có để liệt kê, khoản 3 Điều 114 quy định: (i) Hoạt động đó được NHNN chấp thuận bổ sung vào Giấy phép; (ii) Hoạt động đó thực hiện theo hướng dẫn của NHNN hoặc pháp luật có liên quan.

Ngoài ra việc áp dụng tập quán quốc tế đã được quy định tại Điều 3 dự thảo Luật. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

### 3. Về hoạt động của công ty tài chính chuyên ngành (Mục 4)

**3.1. Về mở tài khoản cho công ty cho thuê tài chính (Điều 122)**

- Có ý kiến đề nghị bổ sung ***khoản 3*** *vào Điều này* nội dung *“công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng, không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng”.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng quy định tại Điều 122 nội dung: “Việc mở tài khoản của công ty tài chính chuyên ngành thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 117 của Luật này”, trong đó đã bao gồm việc được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng; được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đồng nghĩa không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng).

**3.2. Về góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính chuyên ngành (Điều 123)**

*Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “****quản lý vận hành****” vào nội dung khoản 2 Điều 123 như sau: “Công ty tài chính chuyên ngành được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và* ***quản lý vận hành*** *khai thác tài sản.”.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “****vận hành****” vào nội dung khoản 3. Khoản 3 viết lại như sau “Công ty tài chính chuyên ngành chỉ được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý* ***vận hành*** *nợ và khai thác tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản”.*

UBTVQH xin báo cáo:Theo quy định tại Luật Các TCTD, công ty cho thuê tài chính được cho thuê vận hành. Tuy nhiên, để công ty cho thuê tài chính tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là cho thuê tài chính, Luật quy định tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính. Ngoài ra, dự thảo Luật quy định công ty cho thuê tài chính chỉ được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản nhằm mục đích giúp công ty cho thuê tài chính có thể thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản chuyên biệt, giúp công ty quản lý nợ tốt hơn. Do vậy, xin không bổ sung vào dự thảo Luật.

### 4. Về hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (Mục 5)

**4.1. Về hoạt động của ngân hàng hợp tác xã (Điều 125)**

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ chức năng của ngân hàng hợp tác xã, phân biệt rõ chức năng kinh doanh và chức năng quản lý nhà nước, nội dung quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 125 chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngân hàng hợp tác xã và chưa phù hợp với tình hình thực tế phát sinh hiện nay tại các quỹ tín dụng nhân dân, vì nhiệm vụ của ngân hàng hợp tác xã là liên kết hệ thống điều hòa vốn, không phải là cơ quan quản lý nhà nước. Mặt khác, ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân là hai đơn vị độc lập nên ngân hàng hợp tác xã không có chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm toán, đào tạo nghiệp vụ cho quỹ tín dụng nhân dân mà chỉ kiểm tra, giám sát dòng tiền đồng vốn đối với quỹ tín dụng nhân dân có quan hệ gửi và vay vốn tại ngân hàng hợp tác xã thông qua kênh hỗ trợ điều hòa vốn.*

UBTVQH xin báo cáo: Ngân hàng Hợp tác xã được xác định là tổ chức đầu mối của hệ thống TCTD là hợp tác xã, do vậy, ngoài việc hỗ trợ thành viên, Ngân hàng Hợp tác xã còn có vai trò trong việc hỗ trợ NHNN trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bỏ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 125 dự thảo Luật: “đ) Kiểm toán nội bộ đối với quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp cần thiết;”, do kiểm toán nội bộ là hoạt động của nội tại Quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện ra soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp, sự tuân thủ chính sách nội bộ… của đơn vị, đây là hoạt động thường xuyên, hàng ngày của chính Quỹ tín dụng nhân dân.*

UBTVQH xin báo cáo: theo thông tin báo cáo của NHNN, Ngân hàng Hợp tác xã với vai trò là ngân hàng của các QTDND có nhiệm vụ hỗ trợ các thành viên, đồng thời can thiệp, kịp thời xác định những yếu kém trong hoạt động QTDND, là một bước trung gian trước khi kiểm toán độc lập và phù hợp với thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị quy định tại* ***khoản 2*** *Điều này về “ngân hàng hợp tác xã được thực hiện một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh theo quy định tại Mục 2 Chương 4 của luật này sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận văn bản” là chưa rõ ràng. Đề nghị có quy định cụ thể hơn các hoạt động được phép thực hiện của Ngân hàng hợp tác xã ngay tại dự thảo Luật, bảo đảm sự tường minh, hiệu quả, tính khả thi khi cấp phép thực hiện.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại Khoản 1 Điều 124 dự thảo Luật chỉnh lý như sau: “Một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác quy định tại mục 2 Chương V của Luật này”.

**4.2. Về hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân (Điều 126)**

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ phạm vi hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân tại Điều này. Luật nên quy định phạm vi hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, chủ yếu là hoạt động trên địa bàn một xã, thị trấn. Trường hợp hoạt động ra ngoài phạm vi xã, thị trấn, thì cần phải có những điều kiện rất chặt chẽ để đảm bảo hoạt động của quỹ.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 126 của dự thảo Luật quy định NHNN xác định địa bàn hoạt động của từng quỹ tín dụng nhân dân trong Giấy phép. Việc thay đổi địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đã được quy định tại Điều 29 (nay là Điều 37 dự thảo Luật), theo đó NHNN sẽ xem xét chấp thuận thay đổi địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

*- Có ý kiến đề nghị tăng cường mô hình, hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân vì tính nhân văn của mô hình này.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, hiện nay, dự thảo Luật các TCTD đã quy định theo hướng tăng cường hoạt động an toàn cho quỹ tín dụng nhân dân cũng là điều kiện để tăng cường vai trò của các quỹ này, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống QTDND.

### 5. Về tổ chức tài chính vi mô

**5.1. Về mở tài khoản của tổ chức tài chính vi mô (Điều 128)**

*Có ý kiến đề nghị bổ sung vào cuối Điều 128 quy định theo hướng “Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng trong nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam*”.

*Có ý kiến đề nghị sửa lại khoản 1 như sau: “Tổ chức tài chính vi mô* ***được*** *mở tài khoản thanh toán* ***bằng đồng Việt Nam cho khách hàng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước****”, vì hiện nay ngân hàng thu hộ để trả cho tổ chức tài chính vi mô đều có thu phí, và thu phí cao, nếu cho phép khách hàng thanh toán trực tiếp cho tổ chức tài chính vi mô thì sẽ không mất phí, bảo đảm quyền lợi cho khách hàng, nhất là hộ nghèo.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho khách hàng khi đáp ứng các điều kiện thanh toán, các điều kiện theo quy định của NHNN tại* ***khoản 1*** *Điều 127; tương tự liên quan đến nội dung này, đề nghị bổ sung thêm tại khoản 22 Điều 4; khoản 2 Điều 128 của dự thảo Luật. Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm Điều mới để quy định việc tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán: “Tổ chức tài chính vi mô được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đã bổ sung quy định cho phép tổ chức tài chính vi mô được làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng đối với khách hàng của tổ chức tài chính vi mô để tăng cường hơn nữa việc tiếp cận các dịch vụ tài chính theo Chiến lược về tài chính toàn diện. Theo thông tin báo cáo của NHNN, với quy mô và đặc thù hoạt động, khả năng quản trị rủi ro của tổ chức tài chính vi mô hiện nay, dự thảo Luật không quy định tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, do vậy không bổ sung việc tổ chức tài chính vi mô được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

**5.2. Về vay, gửi tiền của tổ chức tài chính vi mô (Điều 129)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại* ***khoản 2*** *Điều này quy định “tổ chức tài chính vi mô phải duy trì tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cấp tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và hộ có mức sống trung bình”.*

UBTVQH xin báo cáo: Đối tượng khách hàng của tổ chức tài chính vi mô không có đối tượng hộ có mức sống trung bình, do đó xin được giữ như dự thảo Luật.

**5.3. Về hoạt động khác của tổ chức tài chính vi mô (Điều 130)**

*Có ý kiến cho rằng, cần bổ sung thêm một khoản về tổ chức tài chính vi mô, là một trong những đối tượng tác động của dự án Luật, theo đó, tổ chức tài chính vi mô được cung ứng các dịch vụ phát triển cộng đồng nhằm cải thiện điều kiện an sinh cho khách hàng*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung theo ý kiến của ĐBQH không phải là hoạt động ngân hàng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật các TCTD, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

## Một số nội dung khác:

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định tách chức năng đầu tư và chức năng thương mại của các TCTD, bởi một số ngân hàng hiện nay đang sử dụng nguồn tiền gửi để đi đầu tư vào những lĩnh vực rủi ro, như: bất động sản, chứng khoán.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, pháp luật của các nước trên thế giới hiện nay cũng đang theo xu hướng tách biệt hoạt động ngân hàng thương mại và hoạt động ngân hàng đầu tư (các nghiệp vụ của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư). Với những rủi ro của hoạt động ngân hàng đầu tư, tại Điều 111 dự thảo Luật quy định ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây: a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; b) Cho thuê tài chính; c) Bảo hiểm.

*- Có ý kiến đề nghị tách bạch giữa chức năng tín dụng thương mại và tín dụng chính sách tại các ngân hàng thương mại.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đã có quy định tách bạch giữa các loại hình TCTD thực hiện hoạt động tín dụng thương mại (do các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện) và tín dụng chính sách chuyên biệt (do ngân hàng chính sách thực hiện). Tuy nhiên, thực tế nhiều chính sách tín dụng của Nhà nước cũng cần có sự tham gia vào cuộc của các ngân hàng thương mại, nhất là các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước để đáp ứng nhu cầu vốn lớn của người dân, doanh nghiệp (ví dụ như chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn, thủy hải sản…), do các ngân hàng chính sách và nguồn lực của Nhà nước chưa đủ để thực hiện.

*- Có ý kiến đề nghị trong dự thảo Luật phải có quy định quản lý chặt chẽ đối với các công ty tài chính, được thực hiện các hoạt động của ngân hàng. Có ý kiến đề nghị làm rõ việc quản lý hoạt động của các công ty tài chính đã chuyển nhượng vốn cho nhà đầu tư nước ngoài (như FeCredit, SHB Finance...).*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý về hoạt động của các loại hình công ty tài chính cũng như chỉnh lý các quy định về hạn chế bảo đảm an toàn đối với công ty tài chính. Việc quản lý hoạt động của các công ty tài chính có vốn nước ngoài được thực hiện như các công ty tài chính hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các TCTD và hướng dẫn của NHNN. Tuy nhiên, đề nghị tăng cường vai trò thanh tra, kiểm tra, giám sát của NHNN để bảo đảm mục tiêu cũng như hoạt động của công ty tài chính, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm.

*- Có ý kiến đề nghị cần phải quy định thành 01 chương riêng về tổ chức tài chính vi mô, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết để đầy đủ, phù hợp hơn.*

UBTVQH xin báo cáo: hoạt động của tổ chức tài chính vi mô đã được quy định thành 01 Mục gồm 4 Điều (từ Điều 127 đến Điều 130) tại dự thảo Luật. Việc thiết kế 01 Mục thay vì 01 Chương để tương đồng với quy định về hoạt động của các loại hình TCTD khác (mỗi loại hình được quy định tại 01 Mục). Bên cạnh đó, tại mỗi hoạt động của tổ chức tài chính vi mô đều có quy định hoạt động nào cần thực hiện theo hướng dẫn của NHNN. Đây là các nghiệp vụ cụ thể, do vậy không cần thiết phải giao Chính phủ quy định chi tiết.

*- Có ý kiến đề nghị thủ tục cho vay, giám sát, thanh tra… đối với tổ chức tài chính vi mô cần đơn giản hơn những đối tượng khác để tạo điều kiện cho các hộ nghèo hoặc là thu nhập trung bình, doanh nghiệp siêu nhỏ được tiếp cận vốn vay.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung khoản 2 Điều 102, trong đó đã đơn giản hóa thủ tục cấp tín dụng đối với các khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống của tổ chức tài chính vi mô (chỉ cần khách hàng cung cấp tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính).

*- Có ý kiến đề nghị quy định về các hoạt động làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng của TCTD là hợp tác xã và tổ chức tài chính vi mô theo hướng không dùng tiền mặt; tương tự đối với các quy định liên quan đến các khoản vay tiêu dùng và phục vụ đời sống với mức giá trị nhỏ, thì cần phải quy định đơn giản, thuận tiện, khắc phục được những hạn chế để phòng ngừa rủi ro; bổ sung các quy định thúc đẩy điều chỉnh hoạt động của ngân hàng bằng phương tiện điện tử và công nghệ viễn thông theo hướng chính xác, thuận tiện và nhanh chóng, đồng thời, có kiểm soát một cách hiệu quả, tăng cường hiệu lực pháp luật về giao dịch điện tử từ huy động, quản lý tiền mặt, giao dịch kinh doanh thương mại không dùng tiền mặt cho đến các quy trình xét duyệt cấp tín dụng, đặc biệt là các biện pháp định hướng về dự phòng, tránh những biến động và khủng hoảng có thể xảy ra.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 2 Điều 102của dự thảo Luật quy định khách hàng chỉ cần cung cấp thông tin (thay vì tài liệu, dữ liệu như Khoản 1), đồng thời không yêu cầu cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi đối với một số khoản cho vay (trong đó có cho vay tiêu dùng, cho vay nhu cầu đời sống có mức giá trị nhỏ). Quy định này qua đó giúp đơn giản hoá thủ tục vay vốn, tạo điều kiện cho người dân có nhu cầu vay tiêu dùng, vay vốn phục vụ đời sống có giá trị nhỏ dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng. Bên cạnh đó, dự thảo Luật có quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng (Điều 105); cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực ngân hàng (Điều 106)… góp phần khuyến khích TCTD ứng dụng công nghệ thực hiện chuyển đổi số mô hình hoạt động, cung cấp sản phẩm, dịch vụ (trong đó có cho vay) một cách nhanh chóng, thuận tiện, giúp tiết giảm chi phí giao dịch cho khách hàng. Như vậy, các quy định nêu trên tại dự thảo Luật đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân, qua đó hạn chế tín dụng đen. Bên cạnh đó, về nguyên tắc, TCTD đc triển khai các hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử theo quy định của NHNN, pháp luật về giao dịch điện tử; trên cơ sở thực tiễn triển khai, yêu cầu quản lý, NHNN sẽ có hướng dẫn phù hợp.

Tại dự thảo Luật chỉ quy định về nguyên tắc được giao đại lý trong lĩnh vực thanh toán và giao NHNN hướng dẫn. Do đó, đề nghị NHNN tiếp tục nghiên cứu tiếp thu ý kiến của ĐBQH trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn về hoạt động đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán.

*- Có ý kiến đề nghị cần cụ thể hóa các nội dung liên quan tới dịch vụ ngân hàng công nghệ tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng cao, vì Tờ trình Chính phủ (điểm b mục II) có nêu lý do sửa đổi luật là nhằm thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ số của ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung nêu tại điểm b trang 9 Tờ trình Chính phủ được thể hiện thông qua việc bổ sung quy định về *giao đại lý thanh toán* tại Điều 113; việc sửa đổi, bổ sung quy định về xét duyệt *cấp tín dụng*, kiểm tra sử dụng tiền vay (Điều 102), quy định về *Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng* (Điều 105); bổ sung quy định về *Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng* (Điều 106). Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên nhằm tạo hành lang pháp lý cho các ngân hàng thương mại mở rộng mạng lưới cung ứng dịch vụ thanh toán một cách thuận tiện, chi phí thấp tới người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng.

*- Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu xây dựng các quy định liên quan đến việc thành lập mới và phát triển mạng lưới của các TCTD; tiếp thu và quy định về xây dựng mở rộng và thành lập mạng lưới thông tin; quy định về việc giao đại lý cho các tổ chức khác để khuyến khích, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại phát triển, cũng như tạo hệ thống đồng bộ, tránh bỏ sót hoạt động tín dụng ở khu vực nông thôn, biên giới, miền núi, hải đảo.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, Điều 38 của dự thảo Luật đã quy định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của TCTD; Điều 113 quy định về ngân hàng thương mại được quyền giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN. Và tương ứng tại các Điều 115, Điều 120 quy định quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng đối với khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân/tổ chức tài chính vi mô đó. Quy định tại dự thảo Luật sẽ khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động ngân hàng được lan tỏa và tăng cường tiếp cận của người dân đối với các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, bao gồm cả người dân ở khu vực nông thôn, biên giới, miền núi, hải đảo.

*- Có ý kiến đề nghị cần đánh giá đầy đủ hoạt động của các TCTD nước ngoài tại Việt Nam và có các đề xuất chính sách phù hợp, trên cơ sở tranh thủ nguồn lực bên ngoài qua các TCTD, nhưng đồng thời hạn chế những rủi ro có thể gây ra đối với nền kinh tế của Việt Nam*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu nội dung này và đề xuất (nếu có).

# V. VỀ CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TCTD (CHƯƠNG VI, từ Điều 133 đến 142 của dự thảo Luật)

### 1. Về những trường hợp không được cấp tín dụng (Điều 133)

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi áp dụng cụm từ "cha mẹ, vợ chồng, con, anh chị em" trong điểm b khoản 1 Điều này có bao gồm: cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, con nuôi, con dâu, con rể, v.v. như quy định tại khoản 33 Điều 4 về người có liên quan của dự thảo Luật. Quy định như hiện nay chưa rõ ràng về đối tượng áp dụng, sẽ gây ra việc áp dụng không thống nhất, dẫn đến vướng mắc trong thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định tại Điều 4 về khái niệm người có liên quan theo hướng phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình trong việc xác định quan hệ gia đình. Do vậy, tại điểm b khoản 1 Điều này chỉ giới hạn gồm cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em, không gồm đầy đủ như quy định về khái niệm về người có liên quan tại Điều 4.

### 2. Về hạn chế cấp tín dụng (Điều 135)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét thống nhất quy định ứng xử của các tổ chức tín dụng đối với nhóm hạn chế cấp tín dụng và nhóm không cấp tín dụng, theo đó, tổ chức tín dụng được cấp tín dụng không có bảo đảm đối với hình thức phát hành thẻ tín dụng cá nhân cho đối tượng hạn chế cấp tín dụng.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

##### \* Khoản 1:

*- Có ý kiến cho rằng, điểm d khoản 1 Điều 135 quy định các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, tức là doanh nghiệp đang được hiểu là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và sẽ không bao gồm các doanh nghiệp ở nước ngoài. Tuy nhiên, dự thảo Luật không nêu rõ đây là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam hay bao gồm cả doanh nghiệp ở nước ngoài, đề nghị làm rõ và có thể đưa vào phần giải thích từ ngữ.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định tại dự thảo Luật áp dụng chung cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “ngoại trừ những chính sách ưu đãi áp dụng chung đối với người lao động tại tổ chức tín dụng đó”, viết lại như sau: “đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng đó,* ***ngoại trừ những chính sách ưu đãi áp dụng chung đối với người lao động tại tổ chức tín dụng đó****” để tạo sự công bằng đối với người lao động làm việc tại các vị trí khác nhau trong tổ chức tín dụng.*

*- Có ý kiến đề nghị rà soát lại điểm đ khoản 1 Điều 135, đánh giá có cần thiết quy định không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay không.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định tại điểm đ khoản 1 vì “Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng đó” nhưng lại phải vay ở ngân hàng khác thì không hợp lý và có sự bất công đối với đối tượng này vì phục vụ cho vay, tạo lợi ích kinh tế cho xã hội nhưng bản thân lại không được vay.*

*Có ý kiến đề nghị nên xem xét quy định theo hướng Hội đồng Quản trị chỉ phê duyệt các tiêu chí, điều kiện chung để thông qua các khoản cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm hay ưu đãi cho người thẩm định, xét duyệt tín dụng, còn phê duyệt cụ thể sẽ do các cấp phê duyệt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phù hợp quy định pháp luật. Nếu Hội đồng Quản trị xét duyệt cấp tín dụng thường xuyên, liên tục thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng Quản trị.*

UBTVQH xin tiếp thu và thể hiện như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ quy định tại điểm đ khoản 1 do các ngân hàng thương mại hiện nay có xu hướng tập trung hóa việc thẩm định, phê duyệt tín dụng, nên nguy cơ về lạm quyền của người thẩm định, phê duyệt tín dụng gần như được loại bỏ.*

UBTVQH xin báo cáo: Đây là quy định cần thiết để tránh lạm quyền trên thực tế, đồng thời quy định tại Điều 135 của dự thảo Luật chỉ hạn chế cấp tín dụng ưu đãi, cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm đối với người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại chính TCTD đó, không cấm việc cấp tín dụng đối với các đối tượng này.

##### \* Khoản 2:

*- Có ý kiến cho rằng, nên quy định riêng về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với QTDND theo hướng tỷ lệ cao hơn (khoảng 15 %). Bởi vì, QTDND có nguồn vốn nhỏ, có những quỹ chỉ khoảng 300 tỷ, 400 tỷ, nên nếu tính tỷ lệ 5 % vốn tự có là  rất ít, khác với các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

UBTVQH xin báo cáo: QTDND là loại hình TCTD được tổ chức dưới mô hình hợp tác xã với mục tiêu chính là hỗ trợ các thành viên cùng phát triển sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống. Do đó, việc nâng tổng mức cấp tín dụng cho một khách hàng lên cao hơn sẽ ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các thành viên khác của QTDND. Đồng thời, theo thông tin báo cáo của NHNN, với năng lực hiện tại về quản trị rủi ro của QTDND còn hạn chế nên việc cho vay các khoản vay lớn sẽ ảnh hưởng đến an toàn trong hoạt động của QTDND. Bên cạnh đó, mô hình hoạt động của QTDND chủ yếu hỗ trợ thành viên với các khoản cấp tín dụng nhỏ phù hợp với đặc thù thành viên QTDND là hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ. Do đó, việc áp dụng hạn chế cấp tín dụng là cần thiết.

### 3. Về giới hạn cấp tín dụng (Điều 136)

*Một số ý kiến cho rằng, quy định điều chỉnh giảm giới hạn cấp tín dụng trên một khách hàng không giải quyết được tận gốc vấn đề sở hữu chéo, thao túng, chi phối tại TCTD. Do đó, đề nghị cần đánh giá kỹ việc giảm tỷ lệ này. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát để hạn chế sở hữu chéo giữa những người có liên quan. Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc giảm giới hạn cấp tín dụng. Có ý kiến đề nghị làm rõ nguyên nhân quy định giảm giới hạn cấp tín dụng; cơ sở đề xuất các tỷ lệ. Có ý kiến đề nghị giữ nguyên giới hạn cấp tín dụng như Luật hiện hành.*

*Một số ý kiến đề nghị xem xét quy định hạn mức cấp tín dụng liệu có bảo đảm sự phù hợp với thực trạng sức khoẻ của nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay; về khả năng các tổ chức tín dụng bị hạn chế tăng trưởng dư nợ khi tỷ lệ cấp tín dụng đối với khách hàng và nhóm khách hàng giảm xuống; có thể sẽ khiến dư nợ cho vay của các quỹ tín dụng nhân dân và các ngân hàng quy mô vừa và nhỏ sụt giảm, từ đó không khuyến khích thu hút được vốn đầu tư nước ngoài.*

*Một số ý kiến đề nghị phải có đánh giá tác động liên quan đến việc điều chỉnh giảm giới hạn cấp tín dụng, trong đó đánh giá tác động đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty của doanh nghiệp nhà nước đang được giao thực hiện các dự án trọng yếu, quan trọng của nền kinh tế có sử dụng vốn vay của các TCTD, như: dự án điện, dầu khí. Cần thận trọng và đánh giá kỹ tác động tiêu cực trong điều hành chính sách tiền tệ đến nền kinh tế.*

*Một số ý kiến đề nghị đánh giá thêm thực trạng của việc cấp tín dụng hiện nay trước khi quy định tỷ lệ điều chỉnh; phân tích, làm rõ thêm các rủi ro khi thực hiện ở mức hiện nay là từ 15-20% và khi có sự điều chỉnh xuống còn từ 10 – 15%.* *Cần giải thích thuyết phục về thời gian qua đã có rủi ro chưa và hiện nay có xu hướng rủi ro hay không.*

*Một số ý kiến đề nghị cần phải có điều, khoản chuyển tiếp và lộ trình đối với những ngân hàng hiện đã cho vay vượt mức giới hạn cấp tín dụng như dự thảo Luật, thì được tiếp tục được duy trì đến hết thời hạn cho vay nhằm bảo đảm sự ổn định của hoạt động kinh tế - xã hội, tạo niềm tin nhà đầu tư và bảo đảm tính khả thi của quy định.*

*Một số ý kiến đề nghị quy định lộ trình giảm dần giới hạn cấp tín dụng cho một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan để tránh việc tác động đột ngột đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, hạn chế tập trung tín dụng vào một nhóm khách hàng, đồng thời, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho các đối tượng khách hàng khác.*

*Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, quy định mức cụ thể đối với từng loại hình tổ chức tín dụng hoặc theo quy mô vốn tự có cho phù hợp do việc giảm các tỷ lệ này là nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng, tuy nhiên, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các TCTD có quy mô vốn nhỏ, như các quỹ tín dụng nhân dân.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét, quy định nâng**tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của quỹ tín dụng nhân dân lên "****không vượt quá 20%****" vốn tự có của quỹ. Bởi vì, nếu quy định tỷ lệ tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan thấp hơn sẽ gây khó khăn và hạn chế cho nhóm khách hàng khi có nhu cầu vay vốn tại quỹ tín dụng nhân dân.*

*Một số ý kiến đề nghị nên giữ nguyên tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng quy định tại khoản 1 Điều 128 Luật Các Tổ chức tín dụng hiện hành (quy định giới hạn đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan lần lượt là* ***15% và 25%*** *vốn tự có) để tăng cường khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, người dân, phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét, sửa đổi quy định về các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan theo hướng điều chỉnh giảm tỷ lệ cấp tín dụng tối đa cho khách hàng và người có liên quan cho phù hợp với tình hình thực tế; Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể như sau:*

*“1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô (tỷ lệ này theo Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành là 15% và 25%).*

*2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (tỷ lệ này theo Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành là 25% và 50%).”.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét nâng mức giới hạn ở khoản 1 Điều 136 từ 10% lên 15% và từ 15% lên 20%, cụ thể: “1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá* ***15%*** *vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá* ***20%*** *vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô”.*

*Có ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định như luật hiện hành đối với các quỹ tín dụng nhân dân có quy mô vốn tự có nhỏ, tương ứng là 15% và 25%. Bởi quy mô hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân hầu hết là nhỏ, vốn tự có thấp hơn rất nhiều so với các ngân hàng thương mại (thường là dưới 10 tỷ đồng), nếu giảm tỷ lệ giới hạn cấp tín dụng sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân, giảm khả năng tiếp cận vốn của khách hàng ở địa bàn vùng sâu, vùng xa nơi quỹ tín dụng nhân dân hoạt động.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 135 như sau: “…Riêng đối với Quỹ tín dụng nhân dân thì tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với 01 khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của QTDND; tổng mức dự nợ cấp tín dụng đối với 01 khách hàng và những người liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của QTDND.” để tạo điều kiện thuận lợi cho QTDND phát triển lành mạnh và hiệu quả góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cải thiện đời sống cho người nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và hạn chế cho vay nặng lãi.*

*Có ý kiến cho rằng nếu tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không vượt quá 10% và khách hàng liên quan không vượt quá 15% vốn tự có thì quỹ tín dụng nhân dân và khách hàng gặp nhiều khó khăn.*

*Có ý kiến đề nghị có quy định riêng về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và bổ sung một khoản tại Điều 136 như sau: “Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 05% vốn tự có của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 07% quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.”. Do vốn tự có của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô nhỏ hơn rất nhiều so với ngân hàng thương mại, trong khi cùng cạnh tranh trên một địa bàn hoạt động với ngân hàng thương mại, nếu xảy ra rủi ro mất vốn 2 đến 3 khách hàng (cho vay tối đa 10%) thì khả năng chống đỡ của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô rất vất vả vì tiềm lực tài chính rất nhỏ so với ngân hàng thương mại. Mặt khác, dự thảo Luật nên định hướng các quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với món nhỏ để tránh rủi ro và phục vụ cho vay được nhiều thành viên hơn, đi đúng theo mô hình là tương trợ và hỗ trợ thành viên, tránh việc quỹ tập trung vào các khách hàng lớn rất rủi ro.*

***\* Khoản 2:***

*- Có ý kiến đề nghị không nên áp dụng tổng mức dư nợ cấp tín dụng ở các ngân hàng thương mại cho các công ty tài chính phi ngân hàng trong luật, để tạo không gian mở giúp công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn. Với đặc thù của công ty cho thuê tài chính là những pháp nhân không được phép huy động vốn từ khách hàng, không tác động nhiều lên thị trường tài chính.*

*Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định tăng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng như sau “Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá* ***20%*** *vốn tự có của TCTD phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá* ***40%*** *vốn tự có của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.” vì việc quản lý rủi ro đối với nhóm tổ chức tín dụng phi ngân hàng là khá chặt chẽ nên dự thảo Luật đã mở rộng nội dung hoạt động để các công ty cho thuê tài chính được hỗ trợ nhiều hơn cho nền kinh tế nên cần quy định giảm nhẹ tỷ lệ giới hạn cấp tín dụng, không siết chặt như nhóm ngân hàng thương mại do quy mô vốn nhỏ hơn và rủi ro thấp hơn.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH và ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động, Chính phủ đã đề xuất bổ sung lộ trình để giảm tác động đối với quy định này như sau:

*“a) Từ ngày 01/7/2024 đến trước ngày 01/7/2025: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan;*

*b) Từ ngày 01/7/2025 đến trước ngày 01/07/2026: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan;*

*c) Từ ngày 01/7/2026 đến trước ngày 01/07/2027: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan.*

*d) Từ ngày 01/07/2027 đến trước ngày 01/07/2028: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan.*

*đ) Từ ngày 01/7/2028: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan.”*

UBTVQH đã nghiên cứu tiếp thu đề xuất này vào Điều 202 của dự thảo Luật theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể các tỷ lệ này.

### 4. Về tỷ lệ bảo đảm an toàn (Điều 138)

- Có ý kiến cho rằng quy định “*tỷ lệ khả năng chi trả*” tại điểm a khoản 1 Điều 138 chưa quy định con số cụ thể, chưa phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 156: “*Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật này trong thời gian 30 ngày liên tục*”.

*- Có ý kiến cho rằng, quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều này đặt ra vấn đề khi nào Thống đốc NHNN sẽ được quy định tỷ lệ cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% như quy định của Luật? Vấn đề này cần được cân nhắc, xem xét quy định cụ thể trong dự thảo Luật, tránh trường hợp tùy tiện khi thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: quy định này được kế thừa điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật hiện hành. Việc quyết định tỷ lệ bảo đảm an toàn còn tùy thuộc vào từng thời kỳ nên cần giao Thống đốc NHNN quy định để có sự linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8%. Để tăng cường năng lực tài chính, sức chống chịu của các TCTD, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ, nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tiệm cận thông lệ quốc tế, bảo đảm an toàn, lành mạnh trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

### 5. Về kinh doanh bất động sản (Điều 139)

*Có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định nắm giữ bất động sản là việc TCTD nhận tài sản là bất động sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ của khách hàng tại các TCTD.*

*Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể việc tổ chức tín dụng nắm giữ tài sản bảo đảm do xử lý nợ vay và không tính vào tỷ lệ đầu tư tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định; việc nắm giữ tài sản bảo bảo để thay thế nghĩa vụ trả nợ có hạch toán giảm nợ vay hay không. Việc tổ chức tín dụng nhận tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ nhằm mục đích xử lý nợ vay là đúng quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, khi tổ chức tín dụng làm thủ tục nhận tài sản là bất động sản, nộp hồ sơ đăng ký biến động tài sản theo quy định của pháp luật nhưng Văn phòng Đăng ký đất đai từ chối giải quyết việc sang tên bất động sản cho tổ chức tín dụng. Điều này đã gây ách tắc cho quá trình xử lý tài sản đảm bảo tiền vay của tổ chức tín dụng, với lý do tổ chức tín dụng không có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định trên.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, theo đó, *“1. Bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có quyền thỏa thuận một trong các phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau đây: c) Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm;”.* Theo đó, cùng với việc thực hiện phương thức xử lý này, khoản 3 Điều 139 dự thảo Luật đã quy định cho phép TCTD được “Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay” trong 1 khoảng thời gian nhất định thông qua việc nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm.

*- Có ý kiến cho rằng, quy định cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của các TCTD tại khoản 2 là chưa hợp lý.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định tại khoản 2 được kế thừa từ Luật hiện hành. Theo thông tin báo cáo của NHNN, quy định trên nhằm giúp TCTD tránh lãng phí trong việc đầu tư xây dựng trụ sở trong thời gian, giai đoạn chưa sử dụng hết phần diện tích trụ sở đã đầu tư.

*- Có một số ý kiến đề nghị cần bổ sung cơ chế pháp lý phù hợp hơn, đầy đủ, khả thi hơn về chính sách trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, TCTD phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản tại khoản 3 Điều này, trong đó, phải làm rõ hậu quả pháp lý của việc sau 03 năm TCTD vẫn chưa bán được tài sản bảo đảm, khi đó TCTD có mất quyền xử lý tài sản bảo đảm hay không. Nếu bán sau thời hạn 03 năm thì giao dịch chuyển nhượng có hợp pháp hay không, bởi trong thời hạn này tài sản chưa bán, chưa chuyển nhượng thì có mất quyền này hay không. Đề nghị quy định rõ.*

UBTVQH xin báo cáo: Mục đích của quy định này là đưa ra thời hạn để các TCTD tập trung xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản để thu hồi tiền vay, sớm đưa dòng tiền trở lại cung ứng vốn cho nền kinh tế. Theo thông tin báo cáo của NHNN, sau thời hạn nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay theo quy định mà TCTD vẫn chưa xử lý được bất động sản thì việc đáp ứng tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, quy định về thời hạn không làm mất đi quyền xử lý tài sản bảo đảm của TCTD.

*Có ý kiến đề nghị xem xét, đưa ra hướng xử lý cụ thể trong trường hợp vì những lý do khách quan trong thời hạn 05 năm mà tổ chức tín dụng chưa thể chuyển nhượng hoặc không được phép mua bất động sản theo quy định tại khoản 3 Điều 139 dự thảo Luật, do quy định về thời hạn nắm giữ bất động sản này gây khó khăn nhất định cho tổ chức tín dụng.*

*Có ý kiến đề nghị làm rõ trong dự thảo luật là sau “03 năm” hay “05 năm” mà tổ chức tín dụng chưa bán, chuyển nhượng hoặc chưa đủ điều kiện mua lại bất động sản thì có quyền tiếp tục được xử lý tài sản nữa hay không, do không thống nhất với báo cáo giải trình tiếp thu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

*Có một số ý kiến đề nghị tăng thời gian cho các TCTD nắm giữ tài sản là bất động sản để xử lý nợ nhằm bảo đảm tính khả thi trong thực hiện xử lý nợ xấu; nên quy định từ 03 năm thành 05 năm.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã điều chỉnh thời gian nắm giữ là 05 năm.

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật có ghi nhận sẽ mua lại bất động sản là chưa phù hợp, chưa bao quát so với quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, theo đó, TCTD có thể thỏa thuận nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế thực hiện nghĩa vụ. Đồng thời, căn cứ vào quy định về quyền của bên nhận bảo đảm trong Bộ luật Dân sự, tài sản bán thuộc sở hữu của người bán hoặc người bán có quyền bán để bảo đảm tính kịp thời của xử lý tài sản bảo đảm, ngăn ngừa sự không thiện chí của các bên, của bên bảo đảm, dự thảo Luật cần quy định cụ thể trường hợp này là TCTD có quyền bán, chuyển nhượng, không chuyển nhượng và không cần phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu hoặc thủ tục đăng ký biến động khác đối với tài sản bảo đảm cho bên TCTD trước khi xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một điều kiện góp phần tháo gỡ khó khăn trong xử lý tài sản bảo đảm của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật chỉ quy định nếu TCTD mua lại bất động sản làm tài sản cố định thì phải bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định. Do vậy, việc nắm giữ bất động sản để xử lý nợ vay nếu không dẫn đến hình thức mua tài sản hoặc nhận tài sản thay việc thực hiện nghĩa vụ thì không cần làm thủ tục chuyển nhượng.

*- Có ý kiến đề nghị cần có hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đối với bất động sản khi TCTD nhận tài sản là bất động sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ của khách hàng và trên nguyên tắc là nhanh, gọn, chặt chẽ, công khai và minh bạch.*

UBTVQH xin báo cáo: việc đăng ký quyền sở hữu, sử dụng bất động sản thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật khác, do vậy, quy định nội dung này tại dự thảo Luật là không phù hợp.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét tính hợp lý, sự cần thiết của điều luật này do đối chiếu với Luật Kinh doanh bất động sản hiện hành, cũng như dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản đang được xem xét, sửa đổi tại Kỳ họp này, thì quy định tại khoản 1 Điều 131 (nay là Điều 138) không phải là hoạt động kinh doanh bất động sản, do đó, không cần phải loại trừ và cũng không vi phạm điều cấm hay hạn chế để bảo đảm an toàn cho hoạt động của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định như dự thảo Luật nhằm cụ thể hóa những hoạt động TCTD được làm khi mua, đầu tư, sở hữu bất động sản mà không phải mục đích kinh doanh bất động sản theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản.

# VI. VỀ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO (từ Điều 143 đến Điều 156 của dự thảo Luật)

*- Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, luật hóa các quy định đã được áp dụng ổn định, đã được kiểm nghiệm thực tiễn tại các Nghị định có liên quan, trong đó có các quy định liên quan đến vốn; sử dụng vốn, tài sản; việc bảo đảm an toàn vốn; doanh thu, chi phí, lợi nhuận, lãi phải thu, trích lập dự phòng, chế độ kế toán, kiểm toán, trích lập các quỹ... để bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện cũng như quản lý, giám sát đối với hoạt động của TCTD.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng bổ sung thêm một số quy định đã được áp dụng ổn định, đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước (Nghị định số 93). Theo đó, quy định tại Chương này gồm các quy định về: Vốn và sử dụng vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 144), Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu (Điều 145), Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí (Điều 146), Dự phòng rủi ro (Điều 147), Phân phối lợi nhuận và các quỹ (Điều 148), Năm tài chính (Điều 149), Hạch toán, kế toán (Điều 150), Chế độ tài chính (Điều 151), Báo cáo (Điều 152), Báo cáo của công ty kiểm soát (Điều 153), Công khai báo cáo tài chính (Điều 154), Chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài (Điều 155).

Đồng thời, bổ sung tại Điều 145 như sau: “*Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào thu nhập theo quy định của Chính phủ.*”.

*- Có ý kiến đề nghị các quy định về kế toán, về tỷ lệ an toàn trong hoạt động của TCTD cần bảo đảm tính minh bạch và tiệm cận với các thông lệ quốc tế.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, việc hạch toán, kế toán của TCTD được thực hiện theo pháp luật về kế toán áp dụng chung đối với tất cả các doanh nghiệp. Đối với quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động của TCTD đang được quy định theo tiêu chuẩn Basel II; trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục ban hành quy định để triển khai Base III tại Việt Nam, bảo đảm an toàn, minh bạch, công khai trong hoạt động của TCTD và tiệm cận với các thông lệ quốc tế. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm đánh giá tổng kết, nghiên cứu, sửa đổi Luật Kế toán để tiệm cận với các thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung 01 chương về tài chính của ngân hàng thương mại, nhất là ngân hàng thương mại có vốn của Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; ví dụ như, các trường hợp góp vốn, mua cổ phần các công ty con kinh doanh trong các lĩnh vực như: bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính; hoặc xác định doanh thu, chi phí, lỗ lãi tại dự thảo Luật so với các quy định về tính toán các khoản thuế doanh thu, chi phí theo các quy định của Luật Quản lý thuế.*

UBTVQH xin báo cáo: Đối với các TCTD có vốn nhà nước, ngoài việc thực hiện quy định tại Luật này, việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại các TCTD này đang được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (bao gồm các quy định về đầu tư, góp vốn, thoái vốn tại các công ty con, doanh nghiệp khác…).. Trong dự thảo Luật này quy định về giới hạn góp vốn mua cổ phần còn việc góp vốn mua cổ phần sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ của tổ chức tín dụng, với tổ chức tín dụng có vốn của Nhà nước thì sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung, hoàn thiện nhiều quy định về doanh thu, chi phí... của TCTD.

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật quy định bổ sung quỹ đầu tư, nhưng cơ quan soạn thảo chưa có giải trình thuyết phục rằng quỹ đầu tư được sử dụng để giải quyết được những nội dung gì, vì quy định hiện hành chưa có quỹ này nên việc quy định thêm quỹ đầu tư sẽ làm tăng chi phí. Cần xem xét lại quy định quỹ đầu tư phát triển.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trên cơ sở thông tin NHNN báo cáo, dự thảo Luật chỉ quy định việc phải trích Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã, đây là các quy định đã được áp dụng ổn định từ Nghị định 93/2017/NĐ-CP và phù hợp với quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) về việc phân phối lợi nhuận tại các doanh nghiệp nhà nước. Ngoài ra, để bảo đảm tính linh hoạt trong triển khai thực hiện, các nội dung chi tiết về quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư phát triển cũng như các Quỹ dự trữ bắt buộc khác của TCTD sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định về chế độ tài chính của TCTD.

### 1. Về vốn và sử dụng vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 144)

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trong dự thảo Luật việc TCTD được quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận Bất động sản trong trường họp nắm giữ Bất động sản để xử lý nợ vay tại khoản 2 Điều 144 về “việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật khác” để tạo hành lang pháp lý cho TCTD trong trường hợp thực hiện việc nắm giữ bất động sản để xử lý nợ vay. Thực tế, khi TCTD có nhu cầu đứng tên trên Giấy chứng nhận để chủ động việc xử lý thu hồi nợ thì sẽ gặp khó khăn do các luật khác chưa quy định cụ thể trong trường hợp này.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Do đó, xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

### 2. Về doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng (Điều 145)

*- Một số ý kiến cho rằng hai nội dung quy định doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại điểm e khoản 1 Điều 145 “Thu từ hoạt động khác” và điểm g khoản 1 Điều 145 “Thu nhập khác theo quy định của pháp luật” trùng lắp nhau, đề nghị rà soát, quy định lại cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin bao cáo của NHHN, quy định hiện hành về tài chính của TCTD cho thấy “thu từ hoạt động khác” tại điểm e khoản 1 Điều 145 và “thu nhập khác theo quy định pháp luật” tại điểm g khoản 1 Điều 145 là 02 khoản mục khác nhau. Theo đó, *“thu từ hoạt động khác”* là doanh thu từ các hoạt động thuộc ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của TCTD ngoài các hoạt động quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 145, như: Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay đòi được); thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác; thu từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn… Trong khi đó, *“thu nhập khác theo quy định của pháp luật”* là các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của TCTD như: Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật; thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm… Để quy định cụ thể về doanh thu, nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### 3. Về chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí (Điều 146)

*Có ý kiến đề nghị điều chỉnh lại khoản 2 Điều 146 như sau: “Chi phí của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”*

*Có ý kiến đề nghị điều chỉnh lại khoản 2 như sau: “Tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.*”

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như tại khoản 2 Điều 146 của dự thảo Luật.

*- Một số ý kiến cho rằng hai nội dung quy định chi phí từ hoạt động kinh doanh của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại điểm e khoản 1 Điều 146 “Chi hoạt động kinh doanh khác” và điểm n khoản 1 “Các khoản chi phí khác” trùng lắp nhau, đề nghị rà soát, quy định lại cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 146 về “chi hoạt động kinh doanh khác” và điểm n khoản 2 “các chi phí khác” là 02 khoản mục chi phí có ý nghĩa khác nhau. Theo đó, *“Chi hoạt động kinh doanh khác”* là các khoản chi phát sinh từ các hoạt động thuộc ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của TCTD ngoài các khoản mục chi quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 146, như: Chi cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất; chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi liên quan nghiệp vụ cho thuê tài chính; chi về các công cụ tài chính phái sinh khác… Trong khi đó, *“Các chi phí khác”* tại điểm n khoản 2 là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của TCTD như: Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà TCTD có tham gia; chi cho công tác đảng, đoàn thể; chi nhượng bán, thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán; chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu; chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định… Để quy định cụ thể về chi phí, nguyên tắc ghi nhận chi phí, dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*- Có ý kiến cho rằng, khoản chi góp vốn là khoản chi đầu tư của ngân hàng, hàng năm có thể thu được lợi nhuận từ khoản đầu tư này. Do đó, không hạch toán khoản chi này vào trong kỳ của ngân hàng. Đối với khoản chi về tài sản, trường hợp ngân hàng đầu tư mới tài sản cố định hoặc nâng cấp tài sản cố định, đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định thì hạch toán khoản chi phí này vào nguyên giá tài sản cố định, không hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ của ngân hàng. Đề nghị xem xét, quy định tại điểm đ và điểm k khoản 1 Điều 146 dự thảo Luật cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, hoạt động góp vốn là khoản đầu tư của ngân hàng, cổ tức/lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư này được hạch toán vào doanh thu của TCTD. Tuy nhiên, theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 01, việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau; khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Theo đó, tương ứng với việc ghi nhận doanh thu từ khoản góp vốn, cần phải ghi nhận các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động góp vốn như các chi phí thuê đơn vị tư vấn đầu tư, tư vấn thẩm định giá và các chi phí khác có liên quan… Bên cạnh đó, hoạt động trong kỳ của TCTD phát sinh nhiều khoản chi về tài sản gồm chi khấu hao tài sản cố định; chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản; chi thuê tài sản… Trong trường hợp TCTD đầu tư hoặc nâng cấp tài sản cố định ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định, TCTD vẫn phải phân bổ nguyên giá tài sản cố định vào chi phí khấu hao trong kỳ để phù hợp với mức độ hao mòn tài sản và thu hồi vốn đầu tư. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

### 4. Về dự phòng rủi ro (Điều 147)

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định mang tính nguyên tắc trong việc xác định rủi ro đối với các TCTD, nhất là khuyến nghị của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung về xác định rủi ro đối với các TCTD là nội dung kỹ thuật, cần được cập nhật theo yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế, vì vậy, dự thảo Luật không quy định chi tiết về nội dung này. Trên cơ sở rà soát các quy định về tài chính, hạch toán, báo cáo của dự thảo Luật theo ý kiến của ĐBQH, UBTVQH thấy rằng, việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro có liên quan đến các quy định về hạch toán, thuế thu nhập, do vậy, xin được chỉnh lý khoản 2 Điều 147 thành: *“Việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Chính phủ quy định”*, thay vì Thống đốc NHNN quy định như dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5.

### 5. Về phân phối lợi nhuận và các quỹ (Điều 148)

*- Một số ý kiến đề nghị rà soát, quy định cụ thể các quy định pháp luật có liên quan đến việc quản lý và sử dụng quỹ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 148 là quy định gì, được quy định tại văn bản nào để bảo đảm thống nhất, tránh trường hợp áp dụng sai pháp luật, vi phạm pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay, việc quản lý và sử dụng các quỹ này được áp dụng thống nhất theo quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, theo đó, nguyên tắc quản lý và sử dụng các quỹ (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng người quản lý, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi) được quy định tại Điều 24 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã được chỉnh lý, bổ sung nhiều nội dung liên quan đến chế độ tài chính của TCTD, tuy nhiên, đối với nội dung phân phối lợi nhuận và các quỹ, do còn liên quan đến quy định pháp luật khác có liên quan, dự thảo Luật chỉ quy định về nguyên tắc các loại quỹ dự trữ mà TCTD phải trích lập từ lợi nhuận sau thuế, đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, quy định cụ thể về việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 148, tỷ lệ trích tối đa và khi nào dừng việc trích quỹ này.*

UBTVQH xin báo cáo: Căn cứ vào đặc thù hoạt động của từng loại hình TCTD khác nhau (TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, TCTD là hợp tác xã, ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác), tỷ lệ trích các quỹ dự trữ được quy định khác nhau. Do đó, nội dung tỷ lệ trích các quỹ cũng như việc sử dụng quỹ được giao Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định về chế độ tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo quy định hiện hành tại Nghị định 93/2017/NĐ-CP, tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính là 10% lợi nhuận sau thuế, việc quản lý và sử dụng quỹ được quy định tại Điều 24 Nghị định 93/2017/NĐ-CP (*dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật*). Đối với quỹ đầu tư phát triển, tỷ lệ trích là khác nhau tùy loại hình TCTD: Tối đa 25% đối với TCTD 100% vốn nhà nước; tối thiểu 20% đối với TCTD là hợp tác xã; đối với ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, việc trích quỹ được thực hiện trên cơ sở thống nhất giữa NHNN và Bộ Tài chính; với các TCTD còn lại, việc trích quỹ do TCTD tự quyết định. Quỹ đầu tư phát triển của các TCTD được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của TCTD và bổ sung vốn điều lệ cho TCTD; căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, TCTD quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.

*- Có ý kiến đề nghị, đối với TCTD của Nhà nước hoặc có vốn tham gia chi phối của Nhà nước thì Quỹ dự trữ được quy định theo hướng phải thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tức là toàn bộ các khoản lợi nhuận sau thuế nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cần thiết bổ sung vốn điều lệ cho các TCTD trên thì bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm. Ngoài ra, việc xác định cụ thể mức bổ sung vốn điều lệ đối với các TCTD của Nhà nước hoặc có vốn tham gia chi phối của nhà nước cần căn cứ theo hiệu quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh của từng TCTD và sự cần thiết để tiếp tục duy trì tỷ lệ nắm giữ vốn của Nhà nước ở trong các TCTD này theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Do đó, đề nghị không quy định quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp, được trích hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế đối với các TCTD của Nhà nước hoặc có vốn tham gia chi phối của Nhà nước.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, hiện các ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN) là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh hiệu quả với ROA, ROE tăng trưởng hằng năm và đang đóng vai trò là lực lượng chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường, đi đầu trong việc triển khai các chính sách tiền tệ và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước giao như miễn giảm lãi suất, cho vay các lĩnh vực ưu tiên, cho vay nhà ở xã hội… Tuy nhiên, mức vốn điều lệ của các NHTMNN đang thấp hơn một số ngân hàng thương mại cổ phần, đồng thời, hệ số an toàn vốn (CAR) của các NHTMNN hiện chỉ ở khoảng 8-10%, vẫn đang ở mức thấp hơn so với nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam (CAR bình quân nhóm là 11,4%), thấp hơn nhiều so với các ngân hàng trong khu vực ASEAN (CAR trung bình của các ngân hàng Philipines là 17,6%, Singapore là 17,9%, Thái Lan là 19,9%...) và cũng chưa đạt mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn CAR theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 689/QĐ-TTg về Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Việc thiếu hụt vốn của các NHTMNN như hiện nay ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các ngân hàng này.

Quy định về Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã có tại Luật các TCTD năm 2010 và được thực hiện ổn định trong nhiều năm qua. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là nguồn vốn tự có của các NHTMNN, góp phần nâng cao năng lực tài chính, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn CAR của các NHTMNN tuân thủ theo Tiêu chuẩn Basel II, đáp ứng được tốc độ tăng trưởng tín dụng hằng năm, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế. Trường hợp yêu cầu các NHTMNN phải nộp toàn bộ lợi nhuận sau thuế về ngân sách nhà nước, đồng nghĩa với việc các NHTMCP sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt bằng toàn bộ lợi nhuận còn lại sau thuế (trong đó, phần lớn lợi nhuận này sẽ được chia cho các cổ đông ngoài Nhà nước). Theo đó, vốn tự có của các ngân hàng sẽ sụt giảm, tác động tới việc tuân thủ an toàn vốn CAR của các ngân hàng; ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh và việc thực thi nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

Trong khi đó, quá trình đầu tư vốn điều lệ cho doanh nghiệp từ ngân sách nhà nước phải thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước cũng như các quy trình về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp nên còn tương đối phức tạp, chưa được đáp ứng được tính kịp thời. Từ những lý do trên, việc cho phép các NHTMNN được trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 10% từ nguồn lợi nhuận sau thuế như các TCTD khác là cần thiết. Đồng thời, để thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, sức chống chịu của các NHTMNN, dự thảo Luật đã bổ sung khoản 2 quy định việc tăng vốn của Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu.

# VII. CAN THIỆP SỚM TCTD, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI (CHƯƠNG IX)

*- Có ý kiến cho rằng, quy định về áp dụng biện pháp can thiệp sớm, về biện pháp cần can thiệp sớm, về khoản vay đặc biệt, về biện pháp can thiệp trong trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt, về các phương án đối với TCTD được can thiệp sớm cũng như các thiết chế quy định về kiểm soát đặc biệt, chuyển giao bắt buộc, phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt là những thiết chế có tác động lớn, gây ra nhiều hệ lụy (cả tích cực và tiêu cực) và có nhiều rủi ro đến kinh tế vĩ mô, sự an toàn của hệ thống ngân hàng nói chung và các TCTD nói riêng, sự ổn định an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, để có cơ sở biểu quyết thông qua dự thảo Luật,* *đề nghị cần có Báo cáo phân tích rõ những tác động (cả về tích cực và tiêu cực), tính hiệu quả, sự cần thiết, tính hợp lý của từng biện pháp và khi sự cố xảy ra thì ở mức độ, tình huống nào là trách nhiệm của Chủ sở hữu và Người điều hành các TCTD; ở mức độ, tình huống nào là trách nhiệm của Chính phủ, NHNN và các Bộ, ngành liên quan để các biện pháp đưa vào các chế định của Luật đạt hiệu quả; đồng thời, cũng cụ thể hóa quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan, ngăn chặn từ sớm, tránh lạm dụng hoặc thoái thác trách nhiệm khi có tình huống xấu xảy ra.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo phối hợp rà soát, điều chỉnh các quy định về can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt. Cơ quan soạn thảo cũng đã có báo cáo đánh giá về việc can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên, đến nay nhiều nội dung chưa được đánh giá tác động đầy đủ, những nội dung chính sách còn ý kiến khác nhau chưa có phương án tổng thể, tối ưu là những vấn đề hết sức hệ trọng, liên quan đến an ninh, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động kinh tế - xã hội (xin báo cáo cụ thể bên dưới).

### 1. Về áp dụng can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 156)

*Một số ý kiến đề nghị cần nghiên cứu sửa đổi một cách kỹ lưỡng đối với các quy định liên quan đến can thiệp sớm, quản trị rủi ro ngân hàng; mặc dù NHNN đã đưa ra một số bài học kinh nghiệm quốc tế về các trường hợp đổ vỡ của các ngân hàng trên thế giới, tuy nhiên, quy định can thiệp sớm như quy định trong dự thảo Luật thì cũng đã là chậm. Có ý kiến đề nghị thay đổi tên gọi “can thiệp sớm” thành “tiền kiểm soát đặc biệt” để phản ánh đúng bản chất biện pháp can thiệp.*

*Có ý kiến đề nghị rà soát, xem lại quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 của Điều này.*

*Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định về TCTD có lỗ lũy kế từ 15% vốn điều lệ trở lên thuộc trường hợp can thiệp sớm. Có ý kiến đề nghị quy định riêng số lỗ lũy kế đối với quỹ tín dụng nhân dân là 50% tại điểm a khoản 1 của dự thảo Luật. Do quỹ tín dụng nhân dân vốn tự có rất ít khi đưa vô biện pháp can thiệp sớm sẽ rất khó trong việc quản lý Quỹ tín dụng nhân dân.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trên cơ sở ý kiến của Chính phủ tại Báo cáo số 612/BC-CP, dự thảo Luật điều chỉnh 02 trường hợp áp dụng can thiệp sớm theo dự thảo Chính phủ trình theo hướng sớm hơn, gồm: (i) Số lỗ lũy kế của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài *lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và quỹ dự trữ và và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại Luật này* (so với dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5 lớn hơn 20% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và quỹ dự trữ); (ii) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả *trong thời gian 30 ngày liên tục* (so với dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5 trong 3 tháng liên tục).

Đối với phương án thiết kế nội dung về can thiệp sớm trong trường hợp lỗ lũy kế, có 02 phương án như sau:

***Phương án 1:*** Giữ quy định TCTD được can thiệp sớm chỉ căn cứ vào lỗ lũy kế là 15% không kết hợp thêm các điều kiện khác để tránh trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có lỗ lũy kế cao nhưng không được cảnh báo, xử lý kịp thời; bỏ trường hợp rút tiền hàng loạt do đây là trường hợp nhiều người gửi tiền cùng rút tiền, dẫn đến TCTD mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả, thuộc trường hợp được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt theo Luật hiện hành. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định phù hợp với TCTD phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

***Phương án 2:*** Kết hợp tiêu chí lỗ lũy kế và tiêu chí vi phạm tỷ lệ bảo đảm an toàn như ý kiến của Chính phủ tại Báo cáo số 612/BC-CP vì có một số trường hợp TCTD có lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị vốn điều lệ, vốn được cấp nhưng TCTD này đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến lỗ (như tăng vốn, giảm đầu tư) và bảo đảm tỷ lệ bảo đảm an toàn; giữ quy định về rút tiền hàng loạt.

***Đa số ý kiến UBTVQH thống nhất với phương án 1;*** xin báo cáo Quốc hội thảo luận, cho ý kiến để tiếp thu, hoàn thiện.

*- Có ý kiến cho rằng, theo Luật hiện hành, NHNN khuyến nghị, cảnh báo, giám sát hoặc kiểm soát đặc biệt là cần thiết, nhưng chưa có đánh giá, làm rõ tương quan giữa giám sát tăng cường đến can thiệp sớm, vẫn chưa có biện pháp để nâng cao tinh thần trách nhiệm, tránh nguy cơ đổ vỡ. Cũng cần có quy định đối với TCTD, cơ quan quản lý nhà nước, nếu để xảy ra các trường hợp phải can thiệp sớm mà chưa có biện pháp xử lý từ đầu.*

UBTVQH xin báo cáo: Với vai trò cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng, NHNN thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD. Trong quá trình theo dõi, quản lý, tùy theo từng mức độ, vấn đề của TCTD mà NHNN áp dụng các biện pháp phù hợp. Đối với TCTD có tiềm ẩn rủi ro, có nguy cơ vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tuỳ theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp xử lý sau đây đối với đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng: (1) Hạn chế chia cổ tức, chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng tài sản; (2) Hạn chế việc mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động; (3) Hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng; (4) Yêu cầu tổ chức tín dụng phải tăng vốn điều lệ để đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng; (5) Yêu cầu tổ chức tín dụng phải chuyển nhượng vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần; cổ đông lớn, cổ đông nắm quyền kiểm soát, chi phối phải chuyển nhượng cổ phần; (6) Quyết định giới hạn tăng trưởng tín dụng đối với tổ chức tín dụng trong những trường hợp cần thiết bảo đảm an toàn cho tổ chức tín dụng và hệ thống các tổ chức tín dụng; (7) Áp dụng một hoặc một số tỷ lệ an toàn cao hơn mức quy định.

### 2. Về các yêu cầu, hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm (Điều 157)

*Có ý kiến cho rằng, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát hay cổ đông tại dự thảo Luật cũng chưa có sửa đổi lớn, ngược lại, vai trò của Nhà nước lại nặng hơn. Các định chế tài chính lớn trên thế giới cũng có khuyến nghị Việt Nam nên áp dụng biện pháp can thiệp sớm bằng những công cụ quản trị phổ biến trong quản trị ngân hàng, tuy nhiên, chưa được áp dụng thực tế hoặc chưa triệt để. Có ý kiến đề nghị cần quy định người đứng đầu ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phiếu, không được bán cổ phiếu khi ngân hàng có các dấu hiệu cần can thiệp sớm. Có ý kiến đề nghị bổ sung biện pháp không cho phép TCTD thực hiện các khoản đầu tư.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã đổi tên Điều thành “Các yêu cầu, hạn chế, đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm”, trong đó quy định rõ những yêu cầu và biện pháp TCTD phải thực hiện ngay khi được can thiệp sớm, nhất là yêu tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; *không chia cổ tức*, lợi tức, phân phối lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ, chuyển lợi nhuận về nước; hạn chế chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, chuyển nhượng tài sản; đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật; không bổ sung nội dung hoạt động mới, không mở rộng mạng lưới; cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý, thù lao, lương, thưởng; yêu cầu bồi hoàn thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát…

Đồng thời, tại dự thảo Luật cũng đã chỉnh lý thêm một số các quy định khác như:

+ Về trách nhiệm của Ban kiểm soát: đã bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát tại Điều 52 của dự thảo Luật, gồm: giám sát thực trạng tài chính của TCTD, việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định; hợp đồng, giao dịch khác của TCTD thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên….

+ Về trách nhiệm của cổ đông lớn/thành viên góp vốn, trách nhiệm của chủ sở hữu: dự thảo Luật bổ sung quy định về yêu cầu NHTM phải xây dựng phương án xử lý các tình huống như can thiệp sớm, rút tiền hàng loạt ngay từ khi đang hoạt động bình thường (Điều 143). Khi TCTD đặt vào can thiệp sớm, TCTD sẽ phải thực hiện ngay các biện pháp tại phương án khắc phục đã thông qua từ trước hoặc rà soát để sửa đổi, bổ sung phương án. Theo phương án này, TCTD, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của TCTD có trách nhiệm chính trong việc triển khai các biện pháp khắc phục như: phải tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng; Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; cắt giảm thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát; tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành… Đây là các biện pháp xử lý gắn liền với quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu, người quản lý, người điều hành của TCTD trong việc xử lý vấn đề tài chính của TCTD.

### 3. Về biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm (Điều 159)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế hỗ trợ về phân bổ lãi phải thu phải thoái vào điểm c khoản 3 Điều 159, cụ thể như sau: “c) Trường hợp tổ chức tín dụng có lãi phải thu phải thoái, tổ chức tín dụng được phân bổ lãi phải thu phải thoái theo năng lực tài chính* *trên nguyên tắc tổng mức phân bổ lãi phải thu phải thoái và số tiền phải trích lập dự phòng bằng chênh lệnh thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm của tổ chức tín dụng. Thời gian phân bổ lãi phải thu phải thoái tối đa 10 năm kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và chỉ áp dụng cho khoản phải thu phát sinh đến thời điểm NHNN có văn bản quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật này.”.*

UBTVQH xin báo cáo: Đây là cơ chế mới chưa được đánh giá tác động đầy đủ (như lãi dự thu của TCTD hiện nay có lớn không? Nếu cho phép thực hiện chính sách này tác động đến hoạt động của TCTD như thế nào?); trong khi đó nội dung cơ chế phân bổ lãi phải thu phải thoái mâu thuẫn với chính quy định tại Chương về tài chính, hạch toán, báo cáo (yêu cầu việc hạch toán lãi phải thu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phản ánh đúng thực trạng tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); không phù hợp với chuẩn mực kế toán[[7]](#footnote-7), phản ánh không đầy đủ, chính xác tình hình tài chính của các TCTD; không phù hợp với quan điểm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến tiền tệ, ngân hàng phải *tăng cường tính minh bạch, công khai, cạnh tranh và phù hợp với những thông lệ quốc tế tốt nhất*. Do vậy, UBTVQH đề nghị không bổ sung vào Điều này.

*- Có ý kiến cho rằng, biện pháp can thiệp sớm rất khó phân biệt với trường hợp TCTD bị đặt vào kiểm soát đặc biệt. Trong khi đó, hai biện pháp này khác nhau về cấp độ và cần phải phân định rõ thì mới xác định được biện pháp can thiệp sớm phù hợp.*

Cơ quan trình đề nghị giữ các biện pháp hỗ trợ này, trong đó có các biện pháp hỗ trợ từ TCTD hỗ trợ, các biện pháp tạo cơ chế như trích lập dự phòng rủi ro; phân bổ lãi dự thu phải thoái. NHNN đề xuất giảm thêm một số biện pháp hỗ trợ như: bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm; mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do TCTD hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn; bán lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đó cho TCTD hỗ trợ;…

UBTVQH thấy rằng giai đoạn can thiệp sớm theo thông lệ quốc tế cũng như khuyến nghị của Ngân hàng Thế giới chủ yếu là biện pháp tự thân của TCTD, không sử dụng nguồn lực của Nhà nước; không có sự tham gia hỗ trợ từ các TCTD khác để tránh tác động lan truyền, lây lan, sẽ ảnh hưởng đến TCTD lành mạnh. Vì vậy, xin tiếp thu ý kiến ĐBQH theo hướng bỏ các biện pháp hỗ trợ tại Điều này và chỉ quy định về các biện pháp tự thân của TCTD (như tăng vốn điều lệ, cắt giảm chi phí hoạt động, không chia cổ tức, tăng cường quản trị rủi ro… quy định tại Điều 157 của dự thảo Luật); không quy định các biện pháp gián tiếp từ nguồn lực Nhà nước, biện pháp không bảo đảm nguyên tắc kế toán, phản ánh không đầy đủ, chính xác tình hình tài chính của các TCTD (như biện pháp phân bổ lãi phải thu phải thoái mà Chính phủ đề xuất tại Báo cáo số 612/BC-CP).

UBTVQH xin báo cáo Quốc hội thảo luận, cho ý kiến để tiếp thu, hoàn thiện.

### 4. Về tổ chức tín dụng hỗ trợ

*Có ý kiến đề nghị sửa đổi điểm e khoản 1 như sau: “tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được hoãn nộp phí BHTG sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt can thiệp sớm.”, do khoản 1 Điều 163 quy định tổ chức tín dụng sau khi được chấm dứt can thiệp sớm phải có lộ trình hoàn trả lãi vay tái cấp vốn, lãi vay của khoản vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi trong thời gian được can thiệp sớm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*

Cơ quan trình đề nghị giữ các biện pháp hỗ trợ cho TCTD hỗ trợ để tạo động lực cho các TCTD này khi tham gia vào quá trình xử lý TCTD yếu kém vì phải sử dụng nguồn tài chính, nguồn nhân lực rất lớn. NHNN đề xuất giảm thêm một số biện pháp hỗ trợ như: không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; phát hành trái phiếu dài hạn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quyết định của NHNN…

UBTVQH thấy rằng dự thảo Luật bổ sung khá nhiều các nội dung mới so với Luật Các TCTD hiện hành về các biện pháp hỗ trợ. Đa số ý kiến UBTVQH đề nghị bỏ Điều này do giai đoạn can thiệp sớm chỉ sử dụng các biện pháp tự thân, sự tham gia của TCTD khác có nguy cơ dẫn đến tác động lan truyền, lây lan rủi ro, sẽ ảnh hưởng đến TCTD lành mạnh, đồng thời quy định cụ thể về sự hỗ trợ của tổ chức tín dụng khác ở giai đoạn can thiệp sớm sẽ khiến các tổ chức tín dụng có tâm lý ỷ lại, thiếu thận trọng hơn trong hoạt động. Bên cạnh đó, một số biện pháp hỗ trợ TCTD hỗ trợ (như NHNN cho vay tái cấp vốn TCTD hỗ trợ khi TCTD này hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm) thực chất là hỗ trợ bắc cầu đến TCTD được can thiệp sớm; một số biện pháp dẫn đến phản ánh không đúng thực trạng tài chính của TCTD hỗ trợ, có thể gây ra rủi ro lan truyền trong hệ thống TCTD (như cho phép các khoản vay, tiền gửi tại TCTD được can thiệp sớm được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn; khoản nợ mua lại từ TCTD được can thiệp sớm được loại trừ khi áp dụng các hạn chế, giới hạn cấp tín dụng của TCTD hỗ trợ …).

### 5. Về thực hiện phương án khắc phục (Điều 160)

*- Có ý kiến cho rằng, quy định về can thiệp sớm của TCTD tại* ***khoản 1*** *chưa có quy định về thời hạn thực hiện phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, phương án chuyển giao bắt buộc; đề nghị nghiên cứu để bổ sung quy định cụ thể về thời hạn thực hiện các phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất và chuyển giao bắt buộc, đồng thời, quy định rõ việc báo cáo tình hình khắc phục của các TCTD, áp dụng các biện pháp can thiệp sớm và xem xét sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng yêu cầu các TCTD báo cáo tình hình thực hiện phương án khắc phục với tần suất liên tục và định kỳ, ví dụ như hằng quý hoặc sáu tháng để đảm bảo được tính cấp thiết, hiệu quả của việc can thiệp sớm. Có ý kiến đề nghị cần rà soát lại để quy định về quy trình, thủ tục xử lý TCTD được can thiệp sớm nhanh gọn và dễ thực hiện để bảo đảm thực hiện một cách nhanh chóng, minh bạch, công khai.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, thực trạng của các TCTD là khác nhau, mức độ yếu kém cũng khác nhau, việc xử lý, phục hồi TCTD yếu kém đó cũng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể cũng như tương ứng với mức độ, quy mô của các biện pháp can thiệp sớm, nên việc quy định một thời gian cụ thể ngay tại Luật là chưa thực sự phù hợp. Tại dự thảo Luật quy định ngay tại văn bản can thiệp sớm của NHNN phải có yêu cầu cụ thể về thời hạn hoàn thành, thông qua phương án khắc phục. Theo quy định tại phương án khắc phục, TCTD phải xây dựng kế hoạch, lộ trình với mốc thời gian thực hiện cụ thể. Theo đó, TCTD phải thực hiện theo đúng lộ trình, kế hoạch thực hiện tại phương án.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 160 của dự thảo Luật cũng đã quy định: “Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước”. Tại Điều 162 của dự thảo đã quy định các trường hợp TCTD được can thiệp sớm không có khả năng phục hồi theo phương án khắc phục hoặc hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm sẽ đưa vào kiểm soát đặc biệt.

*- Có ý kiến đề nghị đánh giá thực trạng thực hiện áp dụng biện pháp tăng cường trong thời gian qua; khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời, làm rõ trách nhiệm của TCTD, cũng như cơ quan quản lý nhà nước khi để xảy ra tình trạng các TCTD yếu kém mà NHNN phải can thiệp*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ chỉ đạo NHNN thực hiện đánh giá thực trạng áp dụng biện pháp giám sát tăng cường trong thời gian qua để làm rõ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

# VIII. VỀ KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC, PHÁ SẢN TCTD ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (Chương X)

*Có ý kiến đề nghị đối với trường hợp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, hoặc chuyển giao bắt buộc cần quan tâm đến quyền lợi của người gửi tiền, quyền lợi của cổ đông thiểu số và quyền lợi của những người cho vay.*

UBTVQH xin báo cáo: Trong giai đoạn can thiệp sớm, TCTD phải xây dựng phương án khắc phục, trong đó biện pháp ưu tiên áp dụng để bảo đảm duy trì khả năng chi trả của TCTD như tăng vốn điều lệ, cắt giảm chi phí, tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao... Đây là những biện pháp để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và những người có liên quan khác. Dự thảo Luật cũng quy định khi chuyển giao bắt buộc các quyền và nghĩa vụ của người gửi tiền tại TCTD sẽ được chuyển giao cho bên nhận chuyển giao.

### 1. Về áp dụng kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng (Điều 162)

*Có ý kiến đề nghị cần phải dứt khoát hơn, phân định rõ sự khác nhau về mặt tính chất, nội dung của các phương án đối với TCTD bị kiểm soát đặc biệt. NHNN phải đánh giá kỹ thực trạng của các ngân hàng đang lâm vào tình trạng khó khăn, cũng như mức độ kiểm soát trên thực tế để thiết kế các phương án phù hợp. Hiện dự thảo Luật quy định khi xử lý các TCTD bị kiểm soát đặc biệt chỉ còn có phương án là chuyển giao bắt buộc và phá sản. Như vậy, hiện nay các ngân hàng thương mại có tình thế khác nhau và ở cấp độ này hay cấp độ khác đang được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt; nếu chỉ có hai biện pháp này thì có thể chưa bao quát hết được tình hình thực tiễn của các ngân hàng. Có ý kiến cho rằng, thẩm quyền quyết định đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt nên giao cho Thủ tướng Chính phủ sẽ phù hợp hơn.*

*Có ý kiến cho rằng, cần sửa đổi, bổ sung tiếp những nội dung về xử lý ngân hàng yếu kém để xử lý nhanh và dứt điểm, không để kéo dài, gây ra những hệ lụy lớn cho nền kinh tế và cho xã hội.*

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến ĐBQH theo hướng rà soát lại các trường hợp đưa vào kiểm soát đặc biệt, trong quá trình hoàn thiện có 02 phương án thiết kế chính sách như sau:

***Phương án 1:*** Điều chỉnh theo hướng: (1) Đặt ngay vào kiểm soát đặc biệt khi: (i) TCTD có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và quỹ dự trữ; (ii) hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà TCTD không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm; (iii) NHNN xét thấy TCTD được can thiệp sớm không có khả năng phục hồi theo phương án khắc phục; (iv) TCTD bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản (như dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5); (2) Xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt đối với: (i) Trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật hiện hành, gồm: mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của NHNN; số lỗ lũy kế của TCTD lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ; không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục; xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục; (ii) Rút tiền hàng loạt. Đồng thời, bỏ khoản 3 Điều 162 do chưa xác định rõ biện pháp đặc biệt trong trường hợp này là gì, điều kiện nào để Chính phủ phải quyết định và báo cáo Quốc hội.

Theo phương án này sẽ bảo đảm tính răn đe đồng thời bao quát được các trường hợp từ can thiệp sớm đến kiểm soát đặc biệt gắn với mức độ kỷ luật thị trường tăng dần (từ TCTD có lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ sẽ đặt vào can thiệp sớm; từ lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ sẽ xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt và từ lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ phải đặt ngay vào kiểm soát đặc biệt).

***Phương án 2:*** Giữ quy định NHNN xem xét, quyết định các trường hợp đặt vào kiểm soát đặc biệt, trong đó có trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt và có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và quỹ dự trữ; giữ khoản 3 về các biện pháp đặc biệt khi xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt để xử lý những vấn đề thực tiễn phát sinh chưa có quy định hoặc phải áp dụng biện pháp cần thiết khác mà chưa dự liệu được ở thời điểm hiện tại để bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, trật tự, an toàn xã hội (như dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 5). Chính phủ nhất trí với phương án này và cho rằng việc đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt nên được xem xét, cân nhắc trên nhiều yếu tố khác nhau. Việc quy định “cứng” ngay lập tức đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt cần được cân nhắc thận trọng.

***Đa số ý kiến UBTVQH thống nhất với phương án 1.*** Đây là nội dung đặc biệt quan trọng của cả dự thảo Luật có quan hệ mật thiết với các quy định về can thiệp sớm, là căn cứ để xử lý các tổ chức tín dụng có vấn đề, bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ, an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng, trong báo cáo của Chính phủ cũng chưa đánh giá đủ rõ và đầy đủ tác động của các chính sách trong dự thảo Luật hiện nay, nên chưa đủ cơ sở để thiết kế phương án tối ưu. UBTVQH xin báo cáo Quốc hội thảo luận, trên cơ sở ý kiến ĐBQH sẽ đề nghị Chính phủ đề xuất cụ thể các trường hợp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, thuyết minh các trường hợp và đánh giá tác động cụ thể hơn.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý khoản 5 Điều 162 theo hướng quy định cụ thể các thời hạn, các phương án tương ứng trong trường hợp các TCTD không phục hồi được sau thời hạn đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung thời hạn kiểm soát đặc biệt tại điểm a Khoản 1 Điều 163. Về các phương án tương ứng trong trường hợp TCTD không phục hồi được sau thời hạn đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt, dự thảo Luật quy định rõ điều kiện TCTD được áp dụng từng phương án.

*- Có ý kiến đề nghị quan tâm và có giải pháp đối với các QTDND để tránh trường hợp rủi ro, phải đặt các tổ chức này vào diện kiểm soát đặc biệt hoặc có nguy cơ đổ vỡ.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định về can thiệp sớm phù hợp với TCTD phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô như đã báo cáo ở phần trên.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung một Điều luật quy định tiếp theo Điều 162, có nội dung quy định về trình tự, thủ tục, thời gian để đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt do Điều 162 chưa nêu được quy định của Luật về nội dung này. Việc áp dụng hình thức quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, có ý nghĩa pháp lý rất quan trọng liên quan đến sinh mệnh của Tổ chức tín dụng, đòi hỏi phải có trình tự, thủ tục, thời gian chặt chẽ, cụ thể tránh áp dụng tùy tiện, hoặc vì sợ trách nhiệm, hậu quả nên có tình trạng đùn đẩy, kéo dài. Cụ thể hiện nay**các ngân hàng như : Ngân hàng Xây dựng (CBBank); Ngân hàng Đại Dương (OceanBank); Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu (GP Bank); Nngân hàng Đông Á (DongABank)…xử lý chậm, một phần do quy định của pháp luật chưa cụ thể, chưa rõ về trình tự, thủ tục, thời gian.*

*Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thời gian đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt để bảo đảm tính chặt chẽ của luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Các nội dung cụ thể này về trình tự, thủ tục, thời gian đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt sẽ phụ thuộc vào từng trường hợp và bối cảnh cụ thể, do vậy, dự thảo Luật đã giao NHNN hướng dẫn về trình tự, thủ tục kiểm soát đặc biệt TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một số điều, khoản quy định phương án chuyển giao bắt buộc đối với QTDND được kiểm soát đặc biệt. Thực tế hiện nay, một số quỹ tín dụng nhân dân đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt và có phương án giải thể nhưng chưa có các quy định về chuyển giao bắt buộc. Đây là phương án rất cần thiết khi thực hiện chuyển giao QTDND được kiểm soát đặc biệt cho ngân hàng thương mại (có thể chuyển đổi thành phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.*

UBTVQH xin báo cáo: theo thông tin báo cáo của NHNN, quy mô của QTDND là nhỏ, việc xử lý không phức tạp như đối với ngân hàng thương mại, do vậy không cần thiết quy định phương án chuyển giao bắt buộc với QTDND.

### 2. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt (Điều 164)

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “đặc biệt xây dựng phương án xử lý theo quy định tại Điều 143; thực hiện nội dung rà soát” vào khoản 1 Điều 165 Dự thảo như sau: “1. Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát* ***đặc biệt xây dựng phương án xử lý theo quy định tại Điều 143; thực hiện nội dung rà soát****, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm và cắt giảm chi phí” để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 164 của dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 143 dự thảo Luật hiện nay chỉ quy định phương án khắc phục đối với TCTD được can thiệp sớm, khi TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt có sự kiểm soát của Ban kiểm soát đặc biệt, sẽ thực hiện theo các phương án chuyển giao bắt buộc, giải thể, phá sản… được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung của Điều 143 theo hướng bao quát cả nội dung về kiểm soát đặc biệt.

### 3. Về hỗ trợ chi trả tiền gửi đối với người gửi tiền tại TCTD được kiểm soát đặc biệt

*Có ý kiến đề nghị đánh giá thêm về Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt, cũng như quy định thêm trong trường hợp số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được, hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để xử lý, bảo đảm việc huy động nguồn vốn không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các hội viên, cũng như ảnh hưởng đến khả năng xử lý các vấn đề phát sinh của các quỹ. Bên cạnh đó, cũng cần xem lại chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hay các quỹ tín dụng, có cần bổ sung chức năng, nhiệm vụ này hay không, hay chỉ thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của mình, nhất là chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm trong trường hợp rủi ro ngân hàng phá sản. Có ý kiến thống nhất với quy định tại dự thảo Luật về sự tham gia hỗ trợ của Bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Hợp tác xã và TCTD khác nhằm giảm tải áp lực và chi phí cho cơ quan quản lý trong quá trình xử lý TCTD yếu kém; đồng thời, tăng cường vai trò của từng TCTD trong mục tiêu bảo đảm an toàn cho cả hệ thống.*

Cơ quan trình đề nghị giữ quy định này như dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 để có thêm nguồn lực xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt.

UBTVQH cho rằng cơ chế bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt để hỗ trợ chi trả tiền gửi đối với người gửi tiền tại TCTD được kiểm soát đặc biệt hiện chưa được quy định tại Luật Bảo hiểm tiền gửi. Vì vậy, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đa số ý kiến UBTVQH cho rằng cần bỏ Điều này, đồng thời bổ sung quy định tại các điều khoản tương ứng của Điều 182, Điều 183 của dự thảo Luật về việc các TCTD được vay đặc biệt tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp định hướng mở rộng sự tham gia của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình cơ cấu lại các TCTD sẽ được nghiên cứu, xem xét khi sửa đổi Luật Bảo hiểm tiền gửi.

UBTVQH xin báo cáo Quốc hội thảo luận, cho ý kiến để tiếp thu, hoàn thiện.

### 4. Về giải thể, phá sản tổ chức tín dụng (Mục 3)

*- Có ý kiến cho rằng,* ***Điều 181 của dự thảo Luật*** *quy định sau khi NHNN có quyết định hành chính kiểm soát đặc biệt, thì TCTD phải làm đơn yêu cầu tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Quy định như dự thảo sẽ dẫn đến cách hiểu là chỉ có TCTD mới có quyền yêu cầu tuyên bố phá sản. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 98 Luật Phá sản thì có rất nhiều chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, như: chủ nợ không có bảo đảm, người lao động.*

UBTVQH xin báo cáo: Dự thảo Luật chỉ quy định trách nhiệm của TCTD phải nộp đơn yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản. Các trình tự, thủ tục về phá sản bao gồm người có quyền yêu cầu phá sản thực hiện theo quy định về phá sản, không quy định tại Luật này.

# IX. VỀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP TCTD BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT

*- Một số ý kiến cho rằng, các biện pháp quy định tại Điều này chủ yếu là từ bên ngoài, từ NHNN, còn biện pháp từ chính các ngân hàng thì chưa có quy định; ví dụ như: biện pháp về quản lý, điều hành hay phối hợp với các cơ quan để xử lý, các biện pháp về đảm bảo an ninh trật tự, xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ, những yêu cầu đặt ra cho tự thân TCTD để khắc phục, tham gia khắc phục, giải quyết tình trạng rút tiền hàng loạt.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại Điều 166 của dự thảo Luật đã bổ sung trách nhiệm của TCTD khi rơi vào tình huống bị rút tiền hàng loạt.

***-*** *Có ý kiến đề nghị làm rõ TCTD bị rút tiền hàng loạt đến mức độ nào thì cần có sự can thiệp của NHNN để bảo đảm sự minh bạch cũng như sự cân đối kịp thời.*

UBTVQH xin báo cáo: việc quy định cụ thể về mức độ rút tiền hàng loạt trong dự thảo Luật có thể khó phù hợp với điều kiện thực tiễn đang biến đổi nhanh chóng, do vậy, khoản 41 Điều 4 của dự thảo Luật quy định: “Rút tiền hàng loạt là việc tổ chức tín dụng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền, *dẫn đến tổ chức tín dụng mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*”. Theo đó, để bảo đảm phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ, NHNN sẽ quy định cụ thể về nội dung này.

*- Có ý kiến đồng tình những nội dung quy định trong dự thảo Luật là rất cần thiết để bảo đảm an toàn hệ thống, tạo lòng tin đối với khách hàng, tuy nhiên cần rạch ròi khi áp dụng sự cố rút tiền hàng loạt hoặc có nguy cơ đổ vỡ cả hệ thống, gây bất ổn cho xã hội. Đề nghị đánh giá nguyên nhân của sự cố rút tiền hàng loạt như thời gian qua để rút kinh nghiệm, đồng thời phòng ngừa kẻ xấu lợi dụng tung tin thất thiệt để phá hoại hoạt động của ngân hàng, gây bất ổn cho xã hội.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, theo thông tin báo cáo của NHNN, có nhiều nguyên nhân dẫn đến rút tiền hàng loạt, có thể do tin đồn người quản lý, người điều hành bỏ trốn (trường hợp ACB năm 2003) hoặc tin đồn ngân hàng cho vay dự án "ma" (trường hợp Ngân hàng Ninh Bình năm 2005) hoặc truyền thông đại chúng đưa thông tin về sai phạm của cán bộ ngân hàng (Ngân hàng Phương Nam – chi nhánh Hà Nội năm 2005), sai phạm của người quản lý, người điều hành ngân hàng (SCB năm 2022)… Do vậy, so với Luật hiện hành, dự thảo Luật đã bổ sung Điều 166 về các biện pháp xử lý đối với TCTD bị rút tiền hàng loạt, tạo cơ sở pháp lý để xử lý các trường hợp này.

*- Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 2 như sau: “Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:”, vì tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt có thể trong trường hợp chưa được can thiệp sớm hoặc chưa được kiểm soát đặc biệt.*

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến của ĐBQH, chuyển Điều này lên Chương về kiểm soát đặc biệt và thể hiện như tại khoản 2 Điều 166 của dự thảo Luật.

# X. VỀ KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT (CHƯƠNG XI)

*Một số ý kiến đề nghị cần xem xét vấn đề cho vay, đặc biệt là cho vay với lãi suất 0%, không có tài sản bảo đảm; cần phải làm rõ trách nhiệm của các cơ quan và các quyết định liên quan đến các nội dung này. Có ý kiến đề nghị cho vay đặc biệt cần phải có tài sản bảo đảm, chính là tài sản đảm bảo của khách hàng cho khoản vay tại TCTD. Có ý kiền cho rằng vấn đề cho vay đặc biệt phải được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quyết định cuối cùng mới thể hiện được tính toàn diện, bao quát và có thể cân đối giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa.*

*Có ý kiến đề nghị cần làm rõ cơ sở đề xuất biện pháp chỉ định cho vay đặc biệt; sự cần thiết của việc hỗ trợ các TCTD cho vay đặc biệt cũng như được chỉ định cho vay đặc biệt; làm rõ về biện pháp cho vay đặc biệt không sử dụng tiền ngân sách nhà nước; đánh giá tác động của việc cho vay đặc biệt đối với các TCTD được chỉ định này.*

*Có ý kiến đề nghị đánh giá thêm về Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt cũng như quy định thêm trong trường hợp số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được, hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân để xử lý, bảo đảm việc huy động nguồn vốn không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các hội viên cũng như ảnh hưởng đến khả năng xử lý các vấn đề phát sinh của các quỹ. Bên cạnh đó, cũng cần xem lại chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hay các quỹ tín dụng, có cần bổ sung chức năng, nhiệm vụ này hay không hay chỉ thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của mình, nhất là chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm trong trường hợp rủi ro ngân hàng phá sản.*

*Có ý kiến cho rằng, quy định về trường hợp TCTD cho vay đặc biệt nhưng không trích lập dự phòng, thì sẽ có rủi ro, do đó đề nghị làm rõ thêm nội dung này.*

Theo Cơ quan trình, chủ trương chung là không sử dụng ngân sách nhà nước cho xử lý TCTD yếu kém. Trong điều kiện đó, để đạt được mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống, không để xảy ra trường hợp khủng hoảng ngân hàng đe dọa ổn định kinh tế vĩ mô, buộc phải có cơ chế cho phép sử dụng các nguồn lực của hệ thống TCTD (từ NHNN, BHTG, TCTD). Vì vậy, đề nghị giữ quy định tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và TCTD khác trong một số trường hợp; đề nghị giữ quy định: NHNN quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất là 0% đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt, để bảo đảm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của NHNN trong quyết định cho vay đặc biệt, phù hợp với định hướng đẩy mạnh phân cấp; quy định khoản cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm và trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm theo quy định của NHNN; giữ cơ chế xử lý tổn thất cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi và ngân hàng hợp tác xã. Đây là việc sử dụng nguồn lực và cơ chế thị trường để xử lý khó khăn của thị trường.

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến ĐBQH theo hướng:

(1) Bỏ các nội dung liên quan đến TCTD được vay đặc biệt tổ chức bảo hiểm tiền gửi, TCTD khác và bổ sung quy định TCTD được vay đặc biệt các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Bỏ trường hợp NHNN cho vay đặc biệt tổ chức bảo hiểm tiền gửi do các quy định này tiềm ẩn rủi ro lớn đến tài chính của các cơ quan, tổ chức tham gia cho vay đặc biệt cũng như đối với hệ thống TCTD. Giữ quy định về việc ngân hàng hợp tác xã quyết định khoản vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt (khoản vay đặc biệt phải có tài sản bảo đảm).

(2) Điều chỉnh thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất là 0%/năm đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt là của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, do đây là trường hợp sử dụng gián tiếp nguồn lực của Nhà nước trong trường hợp đặc biệt để bảo đảm an toàn hệ thống. Đồng thời, quy định khoản cho vay đặc biệt phải có tài sản bảo đảm theo quy định của NHNN để có cơ sở xử lý, thu hồi khoản vay đặc biệt.

(3) Bỏ cơ chế cho phép xử lý tổn thất thông qua biện pháp hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND khi không thu hồi được khoản vay đặc biệt do không bảo đảm nguyên tắc xử lý tổn thất, thiệt hại theo quy định của pháp luật; không gắn với trách nhiệm thu hồi khoản vay đặc biệt của các tổ chức cũng như trách nhiệm của NHNN với vai trò là người cho vay cuối cùng; phù hợp với định hướng các khoản vay đặc biệt cần có tài sản bảo đảm.

UBTVQH xin báo cáo Quốc hội thảo luận, cho ý kiến để tiếp thu, hoàn thiện.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ NHNN chịu trách nhiệm thông tin kịp thời, cập nhật chính xác về khoản vay đặc biệt, dư nợ khoản vay đặc biệt của TCTD, làm căn cứ cho các cơ quan có thẩm quyền thực hiện ưu tiên hoàn trả khoản vay đặc biệt trước tất cả các nghĩa vụ khác. Quy định này nhằm khắc phục khó khăn cho các cơ quan thi hành án trong việc xác định thông tin về khoản vay đặc biệt, làm căn cứ ưu tiên hoàn trả trong quá trình tổ chức thi hành án, cũng như trong quá trình giải quyết các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc ưu tiên hoàn trả của TCTD có khoản vay đặc biệt.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật đã quy định rõ khoản vay đặc biệt được ưu tiên thanh toán trước tất cả các nghĩa vụ nợ khác của TCTD (Điều 189). Theo pháp luật về thi hành án, trong quá trình thi hành án chấp hành viên và cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh thông tin để thi hành án, do đó, các cơ quan này có thẩm quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin về các khoản vay bao gồm khoản vay đặc biệt. Đồng thời, theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hiện nay, khoản vay đặc biệt, số tiền, thời hạn TCTD vay đặc biệt thuộc danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực ngân hàng. Do vậy cần phải thực hiện theo quy định về việc bảo vệ bí mật nhà nước trong việc cung cấp thông tin.

*- Có ý kiến đề nghị dự thảo thay thế cụm từ “khoản nợ” thành “nghĩa vụ”, nhằm bảo đảm việc hiểu và áp dụng pháp luật thống nhất trong thực tiễn thi hành.*

UBTVQH xin báo cáo: “Nghĩa vụ” là một khái niệm rộng, có thể được hiểu bao gồm cả “nghĩa vụ chi trả tiền gửi”. Do đó việc sử dụng cụm từ “khoản nợ” là phù hợp hơn.

*- Có ý kiến đề nghị biện pháp cho vay đặc biệt cần phải được triển khai nhanh, do đó, việc sử dụng tiền nào, nguồn nào cũng cần phải giải trình.*

UBTVQH xin báo cáo: NHNN thực hiện cho vay đặc biệt không trực tiếp sử dụng nguồn NSNN mà thực hiện phát hành tiền ra lưu thông, tương tự như thực hiện các hoạt động cho vay, các nghiệp vụ khác của NHNN với vai trò là NHTW. UBTVQH đề nghị trường hợp cho vay đặc biệt, NHNN cần bảo đảm đánh giá được những tác động đến việc điều hành chính sách tiền tệ, nhất là phải tăng cung tiền khi cho vay đặc biệt, đồng thời phải chịu trách nhiệm với quyết định cho vay đặc biệt của mình. Ngoài ra, dự thảo Luật cũng quy định một số nguồn vay đặc biệt khác như từ Ngân hàng Hợp tác xã (đối với QTDND được kiểm soát đặc biệt), hoặc từ tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị quy định TCTD vay đặc biệt phải khoanh nợ vay, đến khi nào thu hồi được nợ của khách hàng thì sẽ hoàn trả lại, nếu không quy định rõ sẽ không công bằng với các TCTD hoạt động có hiệu quả.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại dự thảo Luật đã quy định về việc TCTD trong các phương án khắc phục, phương án chuyển giao bắt buộc phải có nội dung về việc hoàn trả khoản vay đặc biệt.

# XIII. XỬ LÝ NỢ XẤU, TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA KHOẢN NỢ XẤU (CHƯƠNG XII)

*- Một số ý kiến đề nghị rà soát lại các nội dung về xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết số 42 theo hướng bảo đảm lợi ích của các bên và bảo đảm sự công bằng giữa các chủ thể, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật. Trước đây, Nghị quyết số 42 được ban hành để xử lý trong bối cảnh nợ xấu cao, thì bây giờ trong điều kiện bình thường, khi luật hóa những quy định trong Nghị quyết 42 cần xem xét thận trọng và chỉ nên áp dụng đặc thù trong trường hợp cần thiết và chỉ áp dụng đối với những khoản nợ vay đúng quy định.*

*- Có ý kiến cho rằng, nợ của TCTD, cũng như nợ của các tổ chức, cá nhân khác, cần phải có các cơ chế đối xử bình đẳng như nhau. Nghị quyết số 42 là nghị quyết thí điểm cho một giai đoạn, do đó, đối với khoản nợ của TCTD lại được áp dụng một cơ chế đặc biệt, đặc cách, đặc thù, ưu tiên hơn so với các khoản nợ của các tổ chức, cá nhân khác, thì cần phải xem xét, cân nhắc rất kỹ.*

UBTVQH xin báo cáo: Trên cơ sở tổng kết triển khai Nghị quyết số 42 (Báo cáo số 54/BC-CP, Báo cáo số 174/BC-CP), Chính phủ đề xuất *luật hóa 09 quy định tại Nghị quyết 42* đã triển khai hiệu quả trong thực tiễn (quy định về Nợ xấu; Bán nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; Mua bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu; Thu giữ tài sản bảo đảm; Mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; Không kê biên tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; Thứ tự ưu tiên thanh toán, Hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự; Chuyển nhượng tài sản bảo đảm) và *không đề xuất luật hóa 04 quy định* thực hiện không hiệu quả trong thời gian triển khai Nghị quyết (quy định về Áp dụng thủ tục xét xử rút gọn, Xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản, Bán tài sản bảo đảm đang bị kê biên, Phân bổ lãi dự thu). Tại báo cáo số 612/BC-CP, Chính phủ đề xuất luật hóa Điều 10 Nghị quyết 42 về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản. Hoạt động của các TCTD có ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế và đến nhiều đối tượng khác. Quá trình kinh doanh của các TCTD Việc xử lý nợ của các TCTD không chỉ mang lại lợi ích cho các TCTD mà còn góp phần làm khơi thông nguồn vốn cho nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc luật hóa Nghị quyết số 42 cũng đã và đang được xem xét có chọn lựa từ quá trình tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết và sẽ chỉ luật hóa những nội dung có tính lâu dài để tạo khuôn khổ pháp lý chung cho việc xử lý nợ xấu.

*- Có ý kiến cho rằng, điều, khoản quy định về xử lý nợ xấu rất khó xử lý, ví dụ như: quy định trong dự thảo Luật về thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm không mới hơn so với Nghị quyết số 42 nên vẫn có vướng mắc do phụ thuộc rất lớn vào sự tự giác của người giữ tài sản bảo đảm... Do đó, đề nghị trong vấn đề xử lý, thu giữ tài sản bảo đảm cần phải có chế tài, quy định cụ thể; cần nghiên cứu, rà soát những tồn tại, hạn chế được đánh giá sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 42, phải xác định được đâu là nguyên nhân do quy định của pháp luật hay là do vấn đề áp dụng pháp luật để xử lý một cách căn cơ trong Luật sửa đổi.*

UBTVQH xin báo cáo: Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại trong quá trình thu giữ được tổng kết từ thực hiện Nghị quyết số 42, tại dự thảo Luật cũng đã điều chỉnh một số nội dung về thu giữ tại dự thảo Luật. UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định này.

*- Có ý kiến đề nghị đánh giá kỹ hơn về thực tế xử lý nợ xấu của các ngân hàng, xem xét sự khác nhau của các ngân hàng để đưa ra được những giải pháp phù hợp; đối với từng loại nợ xấu thì phương án xử lý thế nào, theo các cấp độ nào.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo báo cáo của Chính phủ, thông tin báo cáo của NHNN, các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở tổng hợp những khó khăn, vướng mắc lớn về mặt pháp lý mà các TCTD gặp phải trong quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của các TCTD. Do đó, việc luật hóa Nghị quyết số 42 sẽ tạo khuôn khổ pháp lý chung cho hoạt động xử lý nợ xấu.

*- Có ý kiến cho rằng, luật hóa Nghị quyết số 42 về xử lý nợ xấu cần phải có các cơ chế và lộ trình tương thích với pháp luật tố tụng khác, đặc biệt là tố tụng dân sự do trên thực tế các con nợ luôn cố gắng tận dụng mọi cách, mọi khoảng trống để kéo dài thời gian trả nợ và ngân hàng thì sẽ không xử lý được bằng biện pháp cưỡng chế đấu giá, phát mại tài sản để thu hồi nợ. Nợ xấu bắt nguồn từ cách quản lý, cách định giá tài sản trong nhiều năm, không phải chỉ chuyển cho VAMC là xong, do đó cần phải có những điều, khoản khả thi hơn để giải quyết các vấn đề về quản lý nợ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH cho rằng việc giải quyết vấn đề nợ xấu không thể chỉ thực hiện riêng bằng một biện pháp như chuyển nợ cho VAMC mà còn cần phải có các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả thông qua việc rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện đang làm chậm tiến độ, quá trình xử lý nợ xấu. Dự thảo Luật đang được hoàn thiện để tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý nợ xấu của các TCTD. Tuy nhiên, đề nghị Chính phủ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định có liên quan về xử lý nợ xấu của TCTD, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét cho kéo dài về thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 42, thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án thời gian qua chưa phát huy hiệu quả. Theo ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính - tín dụng - một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy Tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định… Do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn. Đây cũng chính là lý do Chính phủ không đề xuất luật hóa quy định về thủ tục rút gọn của Nghị quyết 42 và do vậy không được quy định tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến**đề nghị cần rà soát kỹ hơn các quy định của Nghị quyết số 42 để tránh những khoảng trống pháp lý trong xử lý các vấn đề thuộc hoạt động ngân hàng nói chung và xử lý nợ xấu nói riêng; rà soát các nội dung xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi Nghị quyết số 42 hết hiệu lực để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.*

Tại khoản 1 Điều 18 Nghị quyết số 42 đã có quy định: “Thỏa thuận giữa tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu với tổ chức tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết này đã có hiệu lực trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến khi thực hiện xong thỏa thuận đó”. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã quy định các nội dung chuyển tiếp để bảo đảm tránh những khoảng trống pháp lý cho các nội dung thuộc hoạt động ngân hàng nói chung và khi Nghị quyết số 42 hết hiệu lực.

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật quy định chưa rõ về hình thức của giao dịch chuyển nhượng quyền đòi nợ có bảo đảm và quyền đòi nợ không có bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự không, theo đó, hình thức của giao dịch này phải quy định trong luật. Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng chưa có cơ chế bảo đảm tính ổn định, kế thừa các giao dịch tín dụng, giao dịch bảo đảm, hiệu lực đăng ký biện pháp bảo đảm đã được xác lập trong trường hợp có sự thay đổi thông tin về ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, phòng giao dịch.*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Dân sự. Do đó sẽ thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định hướng dẫn.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung điều luật quy định “****về quyền và nghĩa vụ của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu****”. Do khoản 4 Điều 2 quy định đối tượng áp dụng của luật có Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu) và Chương XIII quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nhưng lại thiếu quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức mua, bán xử lý nợ xấu, từ đó thiếu cơ sở để các tổ chức này thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vấn đề mua, bán nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.*

UBTVQH xin báo cáo: Hiện nay, có 02 tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán xử lý nợ là Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC). Theo đó, chức năng, nhiệm vụ của VAMC đã được quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (đã sửa đổi, bổ sung) và chức năng, nhiệm vụ của DATC được quy định tại Nghị định 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. Do đó, tại dự thảo Luật không cần thiết phải quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định thời điểm chuyển nhóm nợ đối với thẻ tín dụng do hiện nay chưa có quy định rõ ràng về thời điểm chuyển nhóm nợ đối với thẻ tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, việc phân loại nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có phân loại nợ đối với thẻ tín dụng đã được quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ quyền và trách nhiệm của người vay trong dự thảo Luật; theo đó, phải quy định chi tiết trách nhiệm của người vay nhằm hạn chế tối đa việc né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý nợ xấu của ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định về quyền, trách nhiệm trả nợ của người vay dân sự nói chung và vay của tổ chức tín dụng nói riêng đã được quy định tại Bộ Luật Dân sự và các văn bản có liên quan. Phạm vi điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng là quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động,... xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, do đó, việc quy định về quyền, trách nhiệm của người vay tại dự thảo Luật là không phù hợp.

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng trường hợp nào tổ chức tín dụng có quyền bán, chuyển nhượng không cần phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu hoặc thủ tục đăng ký biến động khác đối với tài sản bảo đảm cho bên tổ chức tín dụng trước khi xử lý tài sản bảo đảm và bổ sung trong dự thảo Luật nội dung: “Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sử dụng Biên bản thu giữ hoặc vi bằng thay cho biên bản bàn giao tài sản trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhằm tạo điều kiện cho việc đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm” nhằm bảo đảm tính kịp thời của xử lý tài sản bảo đảm, ngăn ngừa sự không thiện chí của bên bảo đảm,. Do trong quá trình xử lý nợ xấu, hầu hết các chủ tài sản đều không hợp tác, do đó, cơ quan có thẩm quyền không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mới cho người mua, từ đó dẫn đến các bên liên quan không thực hiện được việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho bên mua tài sản. Căn cứ quy định về quyền của bên nhận bảo đảm được quy định trong Bộ luật Dân sự, quy định về tài sản bán tại khoản 2 Điều 431 Bộ luật Dân sự nêu rõ: “tài sản bán thuộc sở hữu của người bán hoặc người bán có quyền bán”.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại điểm b Khoản 5 Điều 193 đã có quy định: *“Biên bản thu giữ quy định tại điểm a khoản này hoặc vi bằng là tài liệu thay thế biên bản bàn giao tài sản trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản”.* Đây là cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền sử dụng biên bản thu giữ tài sản bảo đảm trong quá trình đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung trong dự thảo Luật nội dung: “Tòa án, cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền chịu trách nhiệm và có các văn bản trả lời kịp thời với các trường hợp khó khăn, vướng mắc để quá trình xử lý nợ kịp thời, hiệu quả”. Mặc dù thực tế đã có Quy chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tư pháp trong công tác thi hành án dân sự, tuy nhiên, tại một số địa phương do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, kết quả thực hiện còn chưa thật sự hiệu quả, nhiều vụ việc kéo dài… phát sinh nhiều chi phí cho đơn vị xử lý nợ.*

UBTVQH xin báo cáo: Trách nhiệm trong việc xử lý và phối hợp các công việc thuộc chức năng, nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một điều quy định về xử lý tài sản bảo đảm đối với trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản bảo đảm nhưng tài sản gắn liền với đất chưa được ghi nhận trên Giấy chứng nhận, không phải là tài sản bảo đảm. Theo đó, phát sinh tranh chấp về việc tài sản gắn liền với đất không thuộc phạm vi tài sản thế chấp thì tổ chức tín dụng vẫn được quyền xử lý cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, sẽ phải được hoàn trả bằng tiền tương ứng với chi phí xây dựng tài sản gắn liền với đất cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc xử lý tài sản bảo đảm đối với trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản bảo đảm nhưng tài sản gắn liền với đất không phải là tài sản bảo đảm đã được quy định cụ thể tại Điều 326 Bộ luật dân sự 2015.

## Một số quy định cụ thể:

### 1. Về nợ xấu (Điều 185)

*- Có ý kiến cho rằng, quy định về nợ xấu tại Điều 185 rộng hơn so với quy định của Nghị quyết số 42 trước đây, như: trường hợp coi khoản nợ xấu của các công ty mua bán nợ đã mua lại của các TCTD là khoản nợ xấu; đề nghị đánh giá cơ sở thực tiễn của việc mở rộng thêm phạm vi này.*

UBTVQH xin báo cáo: Các khoản nợ xấu đã được các công ty mua bán, xử lý nợ xấu (VAMC, DATC) mua lại vẫn cần được xử lý. Do đó, dự thảo Luật quy định phạm vi nợ xấu bao gồm các khoản nợ đã được tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu mua lại. Các khoản nợ này đã được quy định tại Điều 1 Phụ lục của Nghị quyết số 42 và tiếp tục được luật hóa tại dự thảo Luật, vì vậy, trường hợp Quốc hội đồng ý các nội dung luật hóa Nghị quyết số 42 tại dự thảo Luật thì xin được giữ như dự thảo Luật.

*-**Có ý kiến đề nghị nghiên cứu chỉnh lý nội dung về nợ xấu tại Điều 185 để bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, theo hướng khoanh vùng đối với các khoản nợ xấu hình thành do các nguyên nhân khách quan, như: ảnh hưởng về tình hình dịch bệnh, thiên tai hay do suy thoái kinh tế; đồng thời, đề nghị cân nhắc và thậm chí không nên áp dụng đối với những khoản nợ xấu hình thành chủ quan từ những vi phạm quy định về kiểm soát hoạt động tín dụng, cấp tín dụng cho các trường hợp không được cấp hoặc hạn chế giới hạn cấp tín dụng chưa thu hồi được.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin báo cáo của NHNN, nợ xấu của TCTD có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân, trong đó bao gồm các nguyên nhân khách quan (dịch bệnh, thiên tai hay do suy thoái kinh tế…) hoặc chủ quan từ chính TCTD hoặc khách hàng vay vốn. Tuy nhiên, dù phát sinh từ nguyên nhân nào thì khách hàng vay vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đối với TCTD. Đối với những vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan dẫn đến phát sinh nợ xấu (nếu có), tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân sẽ bị áp dụng các biện pháp xử lý về hành chính, dân sự hoặc hình sự với nguyên tắc phải bảo đảm thu hồi tối đa tài sản cho TCTD, Nhà nước và Nhân dân. Hơn nữa, việc kết luận và xác định các khoản nợ xấu có vi phạm quy định về cấp tín dụng có thể xảy ra trước hoặc sau khi khoản nợ bị chuyển thành khoản nợ xấu.

*- Có ý kiến đề nghị đánh giá kỹ việc xác định phạm vi nợ xấu được xử lý, bởi vì có những khoản nợ xấu nhất định không thuộc phạm vi xử lý của các biện pháp này (như các khoản nợ trước năm 2017 không thuộc phạm vi xử lý, do không có thỏa thuận với người đi vay tại Hợp đồng bảo đảm).*

UBTVQH xin báo cáo: Trong quá trình xử lý nợ xấu, việc thu giữ tài sản bảo đảm phải được triển khai trên cơ sở phù hợp với các thỏa thuận đã giao kết giữa TCTD và khách hàng vay. Trường hợp trong các thỏa thuận đó không có nội dung người có tài sản bảo đảm đồng ý cho TCTD thực hiện việc thu giữ thì TCTD không được thực hiện việc thu giữ tài sản này. Quy định này nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung khái niệm về nợ xấu, thẩm quyền ban hành quy định về phân loại nợ xấu để đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng của luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật đã có quy định về việc Chính phủ có thẩm quyền ban hành quy định về phân loại tài sản có (Khoản 2 Điều 147).

*- Có ý kiến cho rằng khoản 2 Điều 185 quy định mở rộng khái niệm nợ xấu bao gồm: “Nợ xấu tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã mua của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng chưa thu hồi được nợ” là không cần thiết vì một khi khoản nợ đã được chuyển nhượng từ tổ chức tín dụng có nợ xấu sang cho chủ thể mua nợ thì chủ thể mua nợ có quyền và nghĩa vụ đối với khoản nợ này, khoản nợ đó thuộc sự điều chỉnh của Bộ Luật Dân sự.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung này luật hóa từ quy định của Nghị quyết số 42, vì vậy, trường hợp Quốc hội đồng ý các nội dung luật hóa Nghị quyết số 42 tại dự thảo Luật thì xin được giữ như dự thảo Luật.

### 2. Về bán nợ xấu, tài sản bảo đảm (Điều 186)

*Một số ý kiến cho rằng, quy định "Giá bán phù hợp với giá thị trường" sẽ rất khó áp dụng trong thực tiễn, vì thực tế hiện nay chưa có khái niệm về giá thị trường; đề nghị làm rõ hơn cơ sở xác định giá thị trường của khoản nợ xấu và nguyên tắc phù hợp với giá thị trường của các khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm liên quan hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết.*

*Có ý kiến cho rằng, cơ chế xác định giá của khoản nợ xấu hiện nay quy định đang rất chung. Cần phải lượng hóa và đưa ra một số nguyên tắc để xác định được giá mua, giá bán khoản nợ xấu phù hợp với thị trường; vì hiện nay trong một số trường hợp không quy định rõ sẽ rơi vào tình trạng khó khăn như định giá đối với quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất và đặc biệt là trong trường hợp cơ chế chưa rõ ràng có thể dẫn đến việc trốn tránh trách nhiệm.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý như sau: “TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật. Giá bán khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ”.

### 3. Về mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu (Điều 187)

*- Có ý kiến đề nghị cần phải có các quy định về cách định giá các khoản nợ xấu để làm cơ sở cho việc mua, bán nợ xấu; làm rõ Việt Nam đã hình thành thị trường mua, bán nợ hay chưa và quy định như Điều này**có khả thi không?.*

*Có ý kiến đề nghị cần bổ sung quy định rõ cách xác định giá mua, bán nợ xấu theo “giá thị trường” để thúc đẩy thị trường mua bán nợ phát triển. Ngoài ra, trong trường hợp đấu giá khoản nợ thì cần quy định rõ phương thức xác định giá khởi điểm để định hướng cho các trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản. Hiện nay, giá được đưa ra đấu giá là giá do ngân hàng bán nợ hoặc một công ty có chức năng định giá khoản nợ đưa ra, có thể dẫn đến việc giá có thể bị đẩy lên cao so với giá trị thực của khoản nợ và khó có thể bán trên thị trường.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ (trong đó có khoản nợ xấu) nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thẩm định giá khoản nợ.

*- Có ý kiến đề nghị phải có cơ chế cho việc thực hiện cung cấp thông tin của khách hàng trong quá trình xử lý nợ xấu và đề nghị xem xét bổ sung quyền cung cấp thông tin là quyền của TCTD, do trong dự thảo hiện đang quy định là quyền thỏa thuận giữa các bên, sẽ ảnh hưởng tới việc quản lý và thu hồi nợ của TCTD*.

UBTVQH xin báo cáo: Theo thông tin của NHNN báo cáo, việc cung cấp thông tin giữa khách hàng và TCTD, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của TCTD đã được quy định cụ thể trong các văn bản điều chỉnh về hoạt động cấp tín dụng, mua, bán nợ của TCTD. Tại Điều 193 về thu giữ tài sản bảo đảm, dự thảo Luật đã có quy định về việc công khai, thông báo thông tin không chỉ cho người có tài sản bảo đảm mà còn cho các bên có liên quan đến tài sản bảo đảm đó.

### 4. Về thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm (Điều 188)

*- Có một số ý kiến cho rằng, quy định về thu giữ tài sản bảo đảm được thực hiện theo nguyên tắc của hệ thống pháp luật hiện hành, không nên quy định như dự thảo Luật.*

*Có ý kiến cho rằng, quyền về tài sản, quyền sở hữu tài sản là quyền hiến định và theo Hiến pháp, trên cơ sở đó, Bộ luật Dân sự đã quy định "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ mà không thực hiện nghĩa vụ của mình, thì bên thực hiện cho vay các TCTD có quyền yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật", do đó, đề nghị cân nhắc, đánh giá kỹ, xác định rõ các trường hợp quy định tại Điều này. Có ý kiến cho rằng, cần phải đánh giá các biện pháp thu hồi nợ, vì vấn đề này có tác động mạnh và dễ xâm phạm đến các quyền tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Có ý kiến đề nghị rà soát kỹ quy định tại khoản 1 với Điều 32, Điều 51, Điều 106 của Hiến pháp, Điều 163, 241, 301 của Bộ luật dân sự và khoản 4 Điều 68 của Luật hôn nhân gia đình để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: việc thu giữ tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay. Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết. Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Trong thời gian tới, UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định này bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ trình tự, thủ tục về việc thu giữ tài sản bảo đảm để bảo đảm quyền của công dân theo quy định của Hiến pháp (làm rõ bản chất, mục tiêu, điều kiện, phạm vi thực hiện, vai trò của cơ quan nhà nước trong thu giữ tài sản bảo đảm, tránh lạm dụng, gây tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người đi vay, xâm phạm đến quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân, hành chính hóa các quan hệ dân sự, kinh tế.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã quy định cụ thể về nội hàm, điều kiện, trình tự, thủ tục, việc thông báo, công khai việc thu giữ tới người đi vay/người có tài sản bảo đảm và bên thứ ba có liên quan cũng như quy định về phạm vi hỗ trợ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thu giữ

*- Có ý kiến cho rằng, thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm quy định trong dự thảo Luật chưa có những cơ chế pháp lý khác nhau đối với các loại tài sản bảo đảm, ví dụ, việc thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, trên thực tế sẽ khác biệt với các tài sản bảo đảm khác như vốn góp, cổ phần. Vì vậy, đề nghị rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định hành vi thu giữ phù hợp với từng dạng tài sản bảo đảm cụ thể nhằm cân đối các lợi ích hợp pháp, chính đáng của các bên, tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm được tính ổn định của các giao dịch trên thị trường có liên quan đến tài sản bảo đảm.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã có quy định về cách thức thu giữ đối với tài sản là bất động sản, tài sản là động sản với các nội dung khác nhau (Điều 188).

***\* Khoản 2:***

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “cam kết” tại khoản 2 để làm rõ trường hợp các văn bản đơn phương từ phía bên bảo đảm, bên giữ tài sản có nội dung “cam kết” đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm, cụ thể: “2. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận,* ***cam kết*** *trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.”.*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “thỏa thuận” đã thể hiện được sự đồng thuận, cam kết của các bên trong hợp đồng bảo đảm. Do đó, việc bổ sung cụm từ “cam kết” là không cần thiết.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ các nội dung quy định về “hợp đồng bảo hiểm” tại khoản 2 Điều 192 và viết lại như sau: “2. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.” đồng thời đề nghị bỏ điểm b khoản 3 Điều này. Do khoản 6 Điều 320 Bộ Luật Dân sự đã quy định bên thế chấp có nghĩa vụ “Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.”, quyền thu giữ tài sản là quyền đương nhiên của tổ chức tín dụng theo luật định, không cần có thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm. Việc quy định phải có thỏa thuận thu giữ tài sản bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm gây khó khăn đối với các hợp đồng thế chấp đã ký nhiều năm trước và không có nội dung thỏa thuận thu giữ tài sản, đồng thời bên bảo đảm không hợp tác để ký bổ sung thỏa thuận thu giữ tài sản bảo đảm.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thu giữ tài sản bảo đảm phải được triển khai trên cơ sở phải có thỏa thuận đã giao kết giữa TCTD và khách hàng vay về việc cho phép TCTD được quyền thu giữ TSBĐ. Đây là điều kiện để thủ tục thu giữ được thực hiện một cách công khai, công bằng, minh bạch.

***\* Khoản 3:***

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung từ “cam kết” tại điểm b khoản 3: “b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận,* ***cam kết*** *về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;”*

UBTVQH xin báo cáo: Cụm từ “thỏa thuận” đã thể hiện được sự đồng thuận, cam kết của các bên trong hợp đồng bảo đảm. Do đó, việc bổ sung cụm từ “cam kết” là không cần thiết.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại nội dung này và cần quy định theo hướng mở hơn đối với nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều 188 dự thảo Luật quy định về điều kiện để tổ chức tín dụng được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu trong trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm. Quy định này sẽ loại bỏ trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản cầm cố, thế chấp mà pháp luật không quy định bắt buộc phải đăng ký thế chấp.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thu giữ tài sản bảo đảm không chỉ liên quan đến bên nhận bảo đảm và bên bảo đảm mà còn có thể liên quan đến bên thứ ba. Do đó, quy định này tại dự thảo Luật nhằm bảo đảm cho việc thu giữ tài sản bảo đảm chỉ được thực hiện khi việc thế chấp tài sản bảo đảm đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục có liên quan theo quy định (như việc đăng ký thế chấp…).

*- Có ý kiến đề xuất bỏ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 188 do khi xảy ra nợ xấu, nhiều trường hợp khách hàng cố tình không phối hợp nhằm kéo dài thời gian trả nợ bằng cách đưa tài sản bảo đảm trở thành đối tượng trong các vụ án dân sự để không bị tổ chức tín dụng thu giữ, xử lý tài sản bảo đảm, ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ xấu của tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự, pháp luật bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình (ngân hàng) nên về bản chất ngân hàng vẫn có đầy đủ quyền đối với tài sản bảo đảm mà không bị ảnh hưởng bởi kết quả của vụ án tranh chấp dân sự khác. Việc bỏ điều kiện thu giữ tài sản bảo đảm tại điểm d khoản 3 Điều 188 sẽ giúp tổ chức tín dụng chủ động, rút ngắn thời gian trong việc thu hồi nợ xấu.*

*Cũng có ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định này do có nhiều vấn đề tranh chấp phức tạp phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, cần có phán quyết của Tòa án và các cơ quan, đơn vị liên quan.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc xử lý tài sản bảo đảm đang bị tranh chấp, Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan, theo đó phải tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng, thi hành án. Do đó, việc quy định như tại điểm d Khoản 3 Điều 188 dự thảo Luật là phù hợp, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các quy định pháp luật.

*- Có ý kiến cho rằng quy định thông báo cho bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm tại điểm d khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 192 dự thảo Luật mới chỉ dừng lại ở quy định về phương thức thông báo thực hiện theo thoả thuận. Đề nghị nghiên cứu, xem xét đưa ra quy định về căn cứ xác minh bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm có nhận được thông báo hay không và quy định trường hợp không nhận được thông báo thì xử lý ra sao.*

UBTVQH xin báo cáo: Khi TCTD phải thực hiện việc thu giữ đồng nghĩa với việc bên có tài sản bảo đảm không hợp tác trong việc phối hợp với các TCTD. Do đó, việc quy định phải có căn cứ xác minh bên bảo đảm có nhận được thông báo hay không sẽ gây khó khăn cho TCTD khi thực hiện việc thu giữ, không khả thi trên thực tiễn. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, các phương thức thông báo như quy định tại dự thảo đã đủ căn cứ để xác định việc TCTD gửi thông báo tới bên có tài sản. Do đó, việc quy định như ý kiến của Đại biểu là không phù hợp.

***\* Khoản 4:***

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong việc xác nhận tổ chức tín dụng đã thực hiện việc niêm yết thông báo thu giữ tài sản bảo đảm tại trụ sở UBND cấp xã để bổ sung cho quy định tại điểm c khoản 4 Điều 192 dự thảo Luật, cho phép tổ chức tín dụng sử dụng dịch vụ thừa phát lại để ghi nhận việc niêm yết. Nhằm mục đích rút ngắn thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức tín dụng trong việc niêm yết văn bản thông báo khi chỉ cần xác nhận của UBND cấp xã là đã có đầy đủ căn cứ xác thực cho việc tổ chức tín dụng đã thực hiện việc niêm yết tại địa phương.*

UBTVQH xin báo cáo: việc bổ sung UBND xác nhận cho TCTD sẽ phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết, do vậy xin được giữ như dự thảo Luật.

*+ Có ý kiến đề nghị quy định các QTDND, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được phép thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương mà không cần có thỏa thuận trong hợp đồng.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thu giữ tài sản bảo đảm được triển khai trên cơ sở phải có thỏa thuận đã giao kết giữa TCTD và khách hàng vay về việc cho phép TCTD được quyền thu giữ TSBĐ. Đây là điều kiện để thủ tục thu giữ được thực hiện một cách công khai, công bằng, minh bạch và đúng pháp luật.

*- Có ý kiến cho rằng, hiện nay Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự không có hệ thống dữ liệu cho phép các TCTD, Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam trích xuất, tra cứu thông tin tài sản liên quan đến vụ việc đang được thụ lý giải quyết để xác định tài sản bảo đảm có đủ điều kiện để thu giữ hay không; đồng thời, hiện chưa có hướng dẫn về cơ chế xác định tài sản nào đang tranh chấp, tài sản nào đang phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời dẫn đến cách hiểu khác nhau đối với tài sản tranh chấp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tại nhiều nơi, nhiều cấp, gây khó khăn khi áp dụng quy định về việc thu giữ tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 180. Nếu tiếp tục luật hóa quy định này, cần nghiên cứu quy định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án dân sự trong việc hỗ trợ các TCTD khi có yêu cầu xác định tình trạng tài sản bảo đảm để thu giữ tài sản bảo đảm.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo việc xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ việc xác định tài sản.

***-*** *Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm hình thức Ủy ban nhân dân xã xác nhận việc niêm yết này ngoài hình thức sử dụng dịch vụ thừa phát lại, bởi sẽ thuận lợi, dễ dàng, tiết kiệm được chi phí, thời gian cho TCTD. Hơn nữa, hiện nay ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có thể chưa có dịch vụ thừa phát lại để cung ứng nên sẽ dẫn đến ách tắc khi thực hiện.*

UBTVQH xin báo cáo: việc quy định Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận niêm yết thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm sẽ phát sinh thêm nhiều thủ tục hành chính không cần thiết. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

- *Có ý kiến cho rằng, quy định về thời gian 15 ngày là ngắn, vì nhiều trường hợp cần nhiều thời gian để bàn giao tài sản; đồng thời, dự thảo Luật cần có cả quy định đối với tài sản bảo đảm là động sản.*

UBTVQH xin báo cáo: Trên thực tế, trước khi thu giữ tài sản bảo đảm, bên nhận bảo đảm đã phải liên hệ, làm việc nhiều lần với bên bảo đảm/bên giữ tài sản bảo đảm để yêu cầu việc giao tài sản bảo đảm. Khi bên bảo đảm không hợp tác bàn giao tài sản thì bên nhận bảo đảm mới thực hiện việc thu giữ. Do đó, khi thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm thời gian thông báo việc thu giữ 15 ngày là phù hợp. Đồng thời, tại dự thảo Luật đã có quy định về việc thu giữ đối với tài sản bảo đảm là động sản và bất động sản.

*- Có ý kiến cho rằng, cần xem xét quy định tại khoản 4 và điểm b khoản 5 có phù hợp với quy định của Luật Đất đai hay không, vì đó là căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất.*

UBTVQH xin báo cáo: Luật Đất đai không quy định cụ thể về hồ sơ đăng ký biến động đất đai đối với trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật. Trên thực tiễn, sau khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT để sửa đổi, bổ sung quy định về việc sử dụng Biên bản thu giữ trong việc đăng ký biến động đất đai.

***\* Khoản 5:***

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã của điểm a khoản 5 Điều 193 dự thảo Luật như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu* ***tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm******có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm****”.*

UBTVQH xin báo cáo: trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân đã được quy định tại khoản 6, do vậy xin không tiếp thu vào khoản 5.

*- Có ý kiến cho rằng, cần phải tính toán kỹ giới hạn áp dụng các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn, an ninh, các biện pháp hỗ trợ từ Bộ Công An để các TCTD thu giữ tài sản bảo đảm.*

*Có ý kiến cho rằng, không cần quy định trách nhiệm bảo đảm trật tự an toàn, an ninh từ phía cơ quan công an, cũng như không quy định về việc Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn quy định này. Nghị quyết 42 đã đưa ra cơ chế hỗ trợ thu giữ tài sản bảo đảm với sự tham gia của cơ quan công an và Ủy ban nhân dân các cấp nhằm thúc đẩy nhanh hơn việc xử lý các khoản nợ xấu lớn, tồn đọng và là điểm nghẽn của nền kinh tế được xác định theo Nghị quyết này; tuy nhiên,* *trong điều kiện bình thường và việc áp dụng phải được ổn định, lâu dài thì quy định như trên là không còn phù hợp.*

*Có ý kiến đề nghị cân nhắc bổ sung quy định để rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và cơ quan công an trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho TCTD trong việc thu giữ tài sản bảo đảm.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH và trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, UBTVQH chỉnh lý theo hướng bỏ quy định về trách nhiệm giữ gìn an ninh, trật tự của cơ quan công an trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm: bỏ Khoản 7 Điều 192 dự thảo Luật và bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Công an, cơ quan công an các cấp tại Khoản 5 Điều 192 dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng, giải pháp để xử lý đối với trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu quy định tại khoản 5, mới quy định được hành vi pháp lý, chưa quy định được quyền pháp lý của bên tiến hành thu giữ tài sản. Hơn nữa, dự thảo Luật cũng chưa quy định được giải pháp xử lý trong tình huống bên bảo đảm cố tình, thậm chí chống đối, không chịu bàn giao tài sản bảo đảm. Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc việc quy định quyền thu giữ, thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm cho phù hợp với các quy định của pháp luật, tránh xung đột pháp luật dẫn đến không khả thi, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật như Báo cáo tổng kết đã nêu.*

UBTVQH xin báo cáo: Quy định về thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm tại dự thảo Luật đã quy định về thủ tục cần thiết để các TCTD, VAMC, DATC thực hiện việc thu giữ bao gồm cả việc hỗ trợ của chính quyền địa phương và cơ quan công an nơi có tài sản bị thu giữ. Một trong những lý do của các khó khăn, vướng mắc được nêu tại Báo cáo tổng kết là do Nghị quyết 42 là Nghị quyết có tính thí điểm nên các quy định tại Nghị quyết chưa được áp dụng một cách triệt để, thống nhất. Do đó, việc luật hóa các quy định tại Nghị quyết sẽ góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai trên thực tiễn.

*- Có ý kiến cho rằng, quy định tại khoản 5 về việc nếu không hợp tác thì lập biên bản, và biên bản là tài liệu thay thế cho biên bản bàn giao tài sản trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chặt chẽ, bởi vì, trong Luật Đất đai năm 2013 và dự thảo Luật Đất đai đang sửa đổi không có quy định biên bản thu giữ tài sản là một trong những loại giấy tờ để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị trong trường hợp không hợp tác thì cần có quy định giao cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thu giữ và bàn giao tài sản đảm bảo cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.*

UBTVQH xin báo cáo: Luật Đất đai không quy định cụ thể về hồ sơ đăng ký biến động đất đai đối với trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật. Trên thực tiễn, sau khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT để sửa đổi, bổ sung quy định về việc sử dụng Biên bản thu giữ tài sản bảo đảm trong việc đăng ký biến động đất đai.

***-*** *Có ý kiến cho rằng, cần cân nhắc kỹ quy định khoản này, vì trên thực tế báo chí phản ánh hoạt động thu hồi nợ có nhiều biện pháp pháp luật không cấm, nhưng không phù hợp về mặt xã hội.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 193 “TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm”.

***\* Khoản 6:***

***-*** *Có ý kiến cho rằng, quy định về việc Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan công an các cấp là không phù hợp cả về mặt pháp lý lẫn trách nhiệm, mà luật cần phải giao cho các cơ quan khác do hoạt động thu giữ tài sản bảo đảm trong thực tiễn có rất nhiều cơ quan tham gia, chứ không chỉ cơ quan công an. Có ý kiến đề nghị cân nhắc giao trách nhiệm ban đầu cho ngân hàng chủ trì và phối hợp với Bộ Công an đối với từng vụ việc cụ thể. Ý kiến khác cho rằng, việc thu giữ tài sản bảo đảm hiện nay vẫn phụ thuộc khá nhiều vào bên vay, đặc biệt trong trường hợp khách hàng cố ý không hợp tác trong việc bàn giao tài sản bảo đảm. Đồng thời, sự phối hợp của các cơ quan hữu quan tại địa phương trong một số trường hợp chưa kịp thời, như xác minh thông tin khách hàng, hỗ trợ thu giữ tài sản bảo đảm… làm ảnh hưởng đến công tác xử lý thu hồi nợ xấu. Do đó, đề nghị bổ sung trách nhiệm của ngành Công an trong việc thu giữ tài sản bảo đảm, cụ thể: “Ngành Công an có cơ chế hỗ trợ khi bên vay/bên bảo đảm không hợp tác để hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng về việc thu giữ tài sản theo đúng cam kết giữa khách hàng với ngân hàng và quy định pháp luật.”.*

Trên cơ sở đề xuất của Chính phủ tại Báo cáo số 612/BC-CP, UBTVQH đã chỉnh lý bỏ quy định này.

*- Có ý kiến cho rằng quy định về biện pháp chế tài tại Điều 188 chưa đủ mạnh, khó thực hiện. Do đó, đề nghị điều chỉnh quy định về trình tự thủ tục thi hành thu giữ tài sản cần phải nhanh, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự để thu hồi nợ xấu bàn giao cho tổ chức tín dụng, bảo đảm tính công bằng xã hội đồng thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong giải quyết tranh chấp dân sự.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thu giữ tài sản bảo đảm tại dự thảo Luật là giao dịch dân sự giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm, do đó, tại dự thảo Luật không quy định về chế tài, chỉ quy định các biện pháp cần thiết để hỗ trợ việc thu giữ trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Việc quy định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như trong tố tụng dân sự là không phù hợp.

*- Có ý kiến đề nghị cần có quy định chi tiết hơn về quyền lợi của bên mua tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu và có hướng dẫn chi tiết để các ngân hàng thương mại và bên mua nợ xấu, tài sản đảm bảo của nợ xấu có thể triển khai được trên thực tế.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn.

### 5. Về mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (Điều 189)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bỏ cụm từ “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 193 dự thảo Luật, bởi quy định này đang mâu thuẫn với quy định tại Luật Đất đai 2013. Theo đó, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai. Người sử dụng đất chỉ được quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, không bao gồm chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

UBTVQH xin báo cáo: nội dung này tại dự thảo Luật Đất đai đang được các cơ quan nghiên cứu, hoàn thiện, do vậy, UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan rà soát bảo đảm tính thống nhất giữa quy định của dự thảo Luật này và dự thảo Luật Đất đai.

### 6. Về kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án (Điều 190)

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật có những quy định mâu thuẫn, không thống nhất với Luật Thi hành án dân sự, ví dụ như: dự thảo Luật quy định cơ quan thi hành án không được kê biên tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của TCTD, trong khi đó, Luật Thi hành án dân sự lại quy định cơ quan thi hành án vẫn có quyền kê biên tài sản bảo đảm của người phải thi hành án đang được đảm bảo tại các TCTD để thi hành nghĩa vụ dân sự khác, nếu như kết quả xác minh tài sản đảm bảo là có giá trị lớn hơn. Như vậy, nếu áp dụng Luật Các TCTD thì Luật Thi hành án dân sự sẽ áp dụng như thế nào trong trường hợp các tài sản bảo đảm này vẫn đang được kê biên để bảo đảm thi hành án.*

*Có ý kiến cho rằng, việc hoàn trả tài sản bảo đảm cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp là đã có căn cứ pháp lý tại Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Việc đẩy nhanh thời gian ra quyết định của các cơ quan tố tụng là trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, nên được bổ sung, sửa đổi tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành nhằm bảo đảm tính công khai, khách quan, công bằng trong thi hành pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Theo Cơ quan trình, nhằm đảm bảo quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm trong trường hợp bên có TSBĐ bị kê biên tài sản để thi hành án, Nghị quyết số 42 cũng như dự thảo Luật quy định về việc các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định này để tránh mâu thuẫn với quy định tại Luật Thi hành án dân sự. UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định này.

*- Có ý kiến đề nghị sửa thành: “Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm trong nghĩa vụ trả nợ tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, thì xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự”; đồng thời, tách một khoản đối với nội dung “trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu”*

UBTVQH xin báo cáo: Theo báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 42, báo cáo của NHNN, qua hơn 5 năm triển khai Nghị quyết 42 chưa xuất hiện khó khăn, vướng mắc trên thực tế, không gây ra cách hiểu khác nhau đối với nội dung tại Điều khoản này.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung: “*không bị kê biên* ***nếu người phải thi hành án không còn tài sản nào khác và giá trị của tài sản bảo đảm lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án thì tài sản bảo đảm*** *có thể được kê biên để…***”** vào Điều 195. Do tài sản bảo đảm tại tổ chức tín dụng được ưu tiên xử lý từ quỹ tín dụng chỉ riêng người phải thi hành án không còn tài sản nào khác và giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm thì thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe thì mới có thể xử lý tài sản bảo đảm. Việc bổ sung như vậy nhằm ưu tiên thanh toán, bảo đảm thu hồi đầy đủ vốn vay cho tổ chức tín dụng.

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 1 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự quy định: *“1. Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án”.* Quy định tại dự thảo Luật các TCTD (sửa đổi) là quy định về việc không kê biên tài sản bảo đảm của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nên đã bao hàm nội dung nếu người phải thi hành án không còn tại sản nào khác.

### 7. Về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm (Điều 191)

*- Một số ý kiến cho rằng, quy định thứ tự ưu tiên thanh toán được thực hiện theo nguyên tắc hệ thống pháp luật hiện hành, không nên quy định như dự thảo Luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại các văn bản pháp luật liên quan đến quyền của chủ nợ có bảo đảm (Bộ luật Dân sự, Luật Phá sản...) thì nghĩa vụ có bảo đảm luôn được ưu tiên thanh toán trước các nghĩa vụ khác. Quy định này tại dự thảo Luật cũng *đã có điều chỉnh so với nội dung của Nghị quyết số 42.* Theo đó, thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm như sau: (1) Chi phí bảo quản; (2) Chi phí thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm; (3) Án phí của bản án, quyết định liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm; (4) Khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ; (5) Nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu; (6) Nghĩa vụ khác không có bảo đảm theo quy định của pháp luật. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Như vậy, với quy định này, TCTD vẫn thực hiện việc nộp thuế, án phí đối với các khoản thuế, án phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu. Đối với các khoản thuế, phí không liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, để bảo đảm quyền chủ nợ có bảo đảm theo quy định pháp luật, các TCTD không có nghĩa vụ phải nộp thay cho bên bảo đảm từ số tiền thu được từ việc chuyển nhượng tài sản.

*- Có ý kiến cho rằng, luật hóa Nghị quyết 42 về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, cần ưu tiên cho ngân hàng trước, sau đó là các đối tượng khác.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã quy định rõ hơn thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét không áp dụng việc đánh thuế thu nhập trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu. Do việc xử lý tài sản bảo đảm không phải hoạt động đem lại lợi nhuận cho bên bảo đảm. Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh thua lỗ phải bán tài sản bảo đảm để trả nợ nên không nhất thiết phải thu thuế thu nhập trong trường hợp này, khi tài sản được luân chuyển vào chu trình sản xuất kinh doanh sẽ đem lại lợi ích cho doanh nghiệp và Nhà nước.*

*Có ý kiến đề nghị trong Điều 195 phải ưu tiên thanh toán cả thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, tiền sử dụng đất, trước khi thanh toán cho các TCTD nắm giữ các tài sản bảo đảm.*

*Có ý kiến cho rằng, nếu coi bản chất việc trả nợ của doanh nghiệp từ nguồn tiền thanh lý tài sản bảo đảm tương ứng như việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp giải thể, phá sản thì theo khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 hay Luật Phá sản, thứ tự thanh toán ưu tiên là nghĩa vụ đối với Nhà nước, nợ thuế cao hơn so với các chủ nợ khác. Do vậy, thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm nên rà soát, sửa đổi theo hướng "Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm các khoản nợ xấu sau khi trừ chi phí bảo quản, thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán các khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm, gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, án phí, thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu trước khi thực hiện nghĩa vụ khác không có bảo đảm của các bên bảo đảm".*

UBTVQH xin báo cáo: Theo quy định của pháp luật liên quan đến quyền của chủ nợ có bảo đảm (Bộ luật dân sự, Luật phá sản…) thì nghĩa vụ có bảo đảm luôn được ưu tiên thanh toán trước các nghĩa vụ khác. Tuy nhiên, trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của các bên, bao gồm việc bảo đảm việc thu thuế, án phí cho ngân sách nhà nước, tiếp thu ý kiến ĐBQH, tại dự thảo Luật đã quy định ưu tiên thanh toán khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ trước nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*- Có ý kiến đề nghị quy định rất cụ thể về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu quy định như dự thảo thì tổ chức thực hiện sẽ rất khó cho cả TCTD, cũng như cho doanh nghiệp trong vấn đề xác định tài sản liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp*.

*Có ý kiến đề nghị nên kết cấu lại thành hai khoản, một khoản quy định riêng với tất cả các khoản thanh toán liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản bảo đảm và một khoản quy định điều chỉnh đối với các nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm và việc thực hiện nhiều nghĩa vụ bảo đảm khác, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên thanh toán, xử lý tài sản bảo đảm để rõ ràng và dễ áp dụng trong thực tiễn.*

*Có ý kiến đề nghị cần rà soát thứ tự ưu tiên thanh toán nhằm bảo đảm tính thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời cân đối lợi ích, chi phí thỏa thuận của các bên có liên quan trong việc xử lý tài sản bảo đảm do theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản thì trình tự thanh toán đúng nghĩa vụ với Nhà nước sẽ được ưu tiên cao hơn với các chủ nợ khác, trong đó có TCTD.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật chỉnh lý quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm như sau:

“1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Chi phí bảo quản;

b) Chi phí thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm;

c) Án phí của bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm;

d) Khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân;

đ) Nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu;

e) Nghĩa vụ khác không có bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật”.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là tài sản của doanh nghiệp thì “khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 196 dự thảo Luật có bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp không.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật đã quy định: “*1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau đây:…d) Khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ”*.Như vậy, khoản thuế ưu tiên thanh toán tại dự thảo Luật không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung án phí vào diện nghĩa vụ không có bảo đảm trong thứ tự ưu tiên thanh toán. Theo đó, số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sẽ được ưu tiên thanh toán cho chủ nợ trước khi thanh toán án phí. Điều này sẽ giúp các bên liên quan có động lực để cùng giúp xử lý nợ xấu. Nếu không ưu tiên thanh toán án phí có thể dẫn đến hệ quả giảm động lực của toà án trong việc giải quyết tranh chấp, xử lý nợ.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã được quy định như sau: *“1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau đây: c) Án phí của bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm”.*

### 8. Về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, vụ việc vi phạm hành chính (Điều 192)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét sửa đổi khoản 2 thành: “Trường hợp một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của* ***luật này và*** *pháp luật* ***có liên quan****.”.*

*Có ý kiến cho rằng, khoản 2**quy định Bộ Công an hướng dẫn hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, trong khi hành vi vi phạm hành chính có thể xảy ra ở nhiều lĩnh vực. Do đó, nếu chỉ quy định cơ quan công an hướng dẫn hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm là chưa đầy đủ, khả thi.**Có ý kiến đề nghị rà soát lại quy định tại khoản 2 Điều 196, do theo quy định thì Bộ Tư pháp mới là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ để hướng dẫn nội dung này.*

*Có ý kiến, đề nghị quy định cụ thể và giao cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết quy định tại khoản 2 Điều 197 dự thảo Luật vì vi phạm hành chính mà có phương tiện tang vật vi phạm hành chính thuộc nhiều ngành quản lý.*

UBTVQH xin báo cáo: Luật Xử lý vi phạm hành chính do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng. Tuy nhiên, đối tượng là tang vật, phương tiện trong các vụ việc vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm tại các TCTD thường chỉ là ô tô. Theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, cơ quan công an là đơn vị có thẩm quyền xử lý đối với tang vật, phương tiện là ô tô. Đồng thời, Bộ Công an cũng là đơn vị chủ trì ban hành Thông tư số 65/2020/TT-BCA quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của cảnh sát giao thông. Trên cơ sở đó, Chính phủ mới đề xuất nội dung quy định tại dự thảo Luật. UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định này.

### 9. Về chuyển nhượng tài sản bảo đảm (Điều 193)

*Có ý kiến cho rằng các quy định tại 02 Điều này liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm có hoặc không gắn với quyền sử dụng đất sẽ chưa giải quyết được 2 tình huống đang xảy ra trong thực tế hiện nay, đó là: tài sản bảo đảm gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng người bảo đảm đang nợ tiền thuê đất, hoặc tiền sử dụng đất và các khoản thu khác như thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền chậm đưa đất vào sử dụng, tiền phạt chậm nộp, hoặc sau khi TCTD nhận tài sản bảo đảm đó sau một thời gian mới chuyển nhượng thì kể từ thời điểm nhận tài sản bảo đảm gắn liền với đất, nghĩa vụ tài chính về đất đai có thuộc trách nhiệm của TCTD hay không? Việc không đưa đất vào sử dụng theo Luật Đất đai trong giai đoạn cầm giữ tài sản của TCTD có bị tính tiền phạt hay không? Đề nghị bên mua khoản nợ hoặc TCTD khi nhận tài sản bảo đảm gắn liền với quyền sử dụng đất thì không phải nhận các nghĩa vụ về thuế, phí, khoản chậm nộp liên quan đến quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân có tài sản bảo đảm tính từ thời điểm nhận tài sản trở về trước. Đồng thời, quy định thêm trong thời gian TCTD nhận tài sản bảo đảm nhưng chưa xử lý thì có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với quyền sử dụng đất có tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật và không bị tính tiền phạt chậm đưa đất vào sử dụng nếu có.*

UBTVQH xin báo cáo:

- Về tình huống thứ nhất: đối với tài sản bảo đảm gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng người bảo đảm đang nợ tiền thuê đất hoặc tiền sử dụng đất và các khoản thu khác, trách nhiệm nộp các khoản tiền này là của bên bảo đảm và được thực hiện theo pháp luật về thuế, pháp luật đất đai.

- Về việc cầm giữ tài sản của TCTD (thực chất là quy định nắm giữ tại khoản 3 Điều 138 của dự thảo Luật): quyền được nhận bàn giao tài sản bảo đảm từ chủ tài sản để xử lý tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm đã được ghi nhận tại Bộ Luật Dân sự, pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ. TCTD nắm giữ tài sản bảo đảm để thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm, không phải là người sử dụng đất (trừ trường hợp TCTD nhận chính tài sản bảo đảm thay thế nghĩa vụ). Do không phải là người sử dụng đất, trong thời gian nắm giữ, TCTD không thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

- Về đề nghị Bên mua khoản nợ hoặc TCTD khi nhận tài sản bảo đảm gắn liền với quyền sử dụng đất thì không phải nhận các nghĩa vụ về thuế, phí, khoản chậm nộp liên quan đến quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân có tài sản bảo đảm tính từ thời điểm nhận tài sản trở về trước: Về nghĩa vụ nộp các khoản tiền cho Nhà nước thực hiện theo pháp luật khác có liên quan, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

- Về đề nghị quy định thêm trong thời gian TCTD nhận tài sản bảo đảm nhưng chưa xử lý thì có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với quyền sử dụng đất có tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật và không bị tính tiền phạt chậm đưa đất vào sử dụng nếu có: Trong thời gian TCTD nắm giữ tài sản, TCTD không phải người sử dụng đất, do đó quy định trách nhiệm của TCTD về thực hiện nghĩa vụ tài sản về đất đai đối với quyền sử dụng đất là chưa phù hợp.

### 10. Về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản

*- Có ý kiến đề nghị xem xét đưa nội dung “Xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản” vào dự thảo Luật này để xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản đang được dùng bảo lãnh, thế chấp để thu hồi nợ.*

UBTVQH xin báo cáo: Trên cơ sở ý kiến của ĐBQH, Chính phủ đề xuất luật hóa quy định về chuyển nhượng dự án bất động sản là tài sản bảo đảm tại Điều 10 Nghị quyết số 42/2017/QH14 vào Chương XIII dự thảo Luật. UBTVQH thấy rằng, việc đề xuất luật hóa Điều 10 Nghị quyết số 42 có thể xử lý được khoảng trống pháp lý đối với tài sản bảo đảm là bất động sản của khoản nợ xấu, tuy nhiên, quy định như đề xuất của Chính phủ sẽ dẫn đến trường hợp cùng là dự án bất động sản nhưng điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định tại Điều 39 của dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản và điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng theo quy định do Chính phủ đề xuất ***là khác nhau***. Hiện nay, dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản cũng đang được hoàn thiện, UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan trên cơ sở ý kiến chính thức của Chính phủ, nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung có liên quan bảo đảm không có khoảng trống trong quy định pháp luật.

# IX. CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (CHƯƠNG XV)

*- Có ý kiến đề nghị đánh giá kỹ công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý hoạt động ngân hàng, các quy định của pháp luật có liên quan, các quy định cần sửa đổi để bảo đảm thực hiện tốt hơn nữa công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. Phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm của các ngân hàng thương mại, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời, ngăn chặn những tác động xấu, nặng nề đến các tổ chức, cá nhân đang là khách hàng của các ngân hàng, ảnh hưởng đến ngành kinh tế, qua đó sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật khác và Luật Các TCTD để đảm bảo ngăn ngừa hiệu quả các sai phạm của các TCTD.*

UBTVQH xin báo cáo: bên cạnh chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát của NHNN, trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Luật, dự thảo Luật đã bổ sung trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, trong đó nhấn mạnh sự phối hợp của các cơ quan thanh tra và cả trách nhiệm của đối tượng thanh tra, kiểm tra, giám sát. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, đề nghị Chính phủ tiếp tục đánh giá và có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện sớm cac dấu hiệu vi phạm và kịp thời xử lý.

*- Có ý kiến cho rằng cần phải cân nhắc lại mô hình của cơ quan giám sát và kiểm tra tài chính độc lập để thanh tra, kiểm tra, xử lý và công khai, minh bạch trong tất cả các giao dịch.*

UBTVQH xin báo cáo: Mô hình cơ quan giám sát, kiểm tra tài chính độc lập đang được triển khai tại một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc... Tuy nhiên, đây là một vấn đề lớn và cần có thời gian nghiên cứu, rà soát, đánh giá các điều kiện thực tiễn để triển khai. Do đó, UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu về mô hình này và đề xuất vào thời điểm phù hợp.

## Một số quy định cụ thể:

### 1. Về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

*- Một số ý kiến cho rằng, tại điểm b khoản 1 Điều 191 dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 quy định NHNN có thẩm quyền điều tra đối với các vi phạm pháp luật về ngân hàng. Quy định này cần xem xét lại, vì Luật Tổ chức các cơ quan điều tra hình sự không có quy định NHNN có thẩm quyền điều tra. Nếu như Luật này quy định thẩm quyền điều tra của NHNN thì phải sửa quy định tại Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, thậm chí sửa bộ Luật Tố tụng hình sự, Luật Hình sự.*

*Có ý kiến cho rằng, hoạt động điều tra thuộc hệ thống các cơ quan tư pháp được quy định trong Hiến pháp, Luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, trong đó không quy định Ngân hàng Nhà nước thuộc cơ quan điều tra hay cơ quan được giao một số hoạt động điều tra. Đề nghị không giao cho NHNN có thẩm quyền điều tra đối với các vụ án, vụ việc xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng. Có ý kiến cho rằng, việc thành lập cơ quan điều tra của ngân hàng là vấn đề lớn cần xem xét đánh giá tác động rất kỹ.*

*Có ý kiến cho rằng, các thiết chế của bộ máy nhà nước hiện nay cũng đã đủ công cụ và độc lập cho việc tổ chức điều tra vi phạm pháp luật về ngân hàng. Việc điều tra nên được giao cho một cơ quan chức năng độc lập có đủ bộ máy, nhân lực, nghiệp vụ hơn là giao cho cơ quan NHNN. Cơ quan NHNN sẽ thực hiện công tác thanh tra, giám sát; qua thanh tra, giám sát, nếu phát hiện dấu hiệu hình sự thì có thể chuyển sang cơ quan điều tra của Bộ Công an.*

*Có ý kiến đề nghị cần làm rõ hơn thẩm quyền điều tra của NHNN. Có ý kiến đề nghị NHNN được quyền điều tra để chống gian lận tài chính hoặc là gian lận trong sở hữu tỷ lệ cổ phần, cổ đông lớn.*

Tiếp thu các ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng bỏ thẩm quyền điều tra của NHNN.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát cụ thể hơn quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của NHNN trong tăng cường chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động của ngân hàng, gắn với cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu.*

*Có ý kiến cho rằng các điều 199, 200 và 201 chưa quy định trách nhiệm liên đới của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, kiểm tra, giám sát để xảy ra mất an ninh, trật tự tiền tệ. Đây là một phần quan trọng trong hệ thống quản lý, giám sát tiền tệ của ngân hàng tại Việt Nam để đảm bảo ổn định và an toàn cho nền kinh tế quốc gia. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về xử lý trách nhiệm, như sau: “Các cá nhân được phân công quản lý, kiểm tra, giám sát các cấp tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về phần việc quản lý, kiểm tra, giám sát của mình. Nếu có bất kỳ việc mất an ninh trật tự tiền tệ nào xảy ra dưới quyền quản lý của mình thì cũng phải chịu trách nhiệm liên đới, có thể bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo tính nghiêm trọng của sự việc vi phạm.”.*

*Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu quy định thành 01 chương về thanh tra, kiểm tra, giám sát ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng rà rất quan trọng nhằm phát hiện từ sớm các rủi ro, các sai phạm để có thể can thiệp từ sớm giảm thiểu tác động tiêu cực đến thị trường. Đây là biện pháp phòng ngừa hữu hiệu đối với an toàn của thị trường ngân hàng, tài chính. Hiện nay, khoản 1 Điều 205 của dự thảo Luật mới chỉ quy định “*Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.* Trong khi Luật Thanh tra quy định cụ thể về hoạt động thanh tra, bao gổm cả thanh tra chuyên ngành và trên thực tế triển khai hoạt động của thanh tra ngân hàng sẽ thực hiện cả quy định của Luật Thanh tra và Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Do vậy, UBTVQH xin báo cáo Quốc hội để thảo luận. Trên cơ sở ý kiến của ĐBQH, UBTVQH sẽ tiếp tục đề nghị Chính phủ báo cáo, đánh giá về chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật, nhất là rà soát nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống, giảm thiểu những trường hợp phải xử lý TCTD yếu kém như thời gian qua; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu bổ sung quy định về kiểm tra, thanh tra, giám sát TCTD tại dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vai trò của NHNN trong việc cảnh báo và xử lý các vấn đề liên quan đến an toàn hệ thống.*

UBTVQH xin báo cáo: Trách nhiệm trong việc cảnh báo và xử lý các vấn đề liên quan đến an toàn hệ thống của NHNN đã được quy định tại Chương V Luật Ngân hàng Nhà nước. Trong các biện pháp xử lý TCTD quy định tại dự thảo Luật, vai trò của NHNN được thể hiện trong việc ban hành văn bản đặt TCTD vào can thiệp sớm, áp dụng các yêu cầu, hạn chế đối với TCTD, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp can thiệp sớm của TCTD; đặt TCTD vào kiểm soát đặc biệt và yêu cầu xây dựng các phương án tương ứng (chuyển giao bắt buộc, giải thể, phá sản).

### 2. Về trách nhiệm của Bộ Tài chính

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát thẩm quyền chủ trì, phối hợp của Bộ Tài chính trong việc thanh tra, giám sát hoạt động về chứng khoán của các TCTD, vì tại khoản 3 Điều 200 của dự thảo Luật mới chỉ quy định thẩm quyền chủ trì của Bộ Tài chính trong việc thanh tra, giám sát, kiểm tra hoạt động chứng khoán đối với các công ty con, công ty liên kết của các TCTD.*

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát việc thực hiện chế độ tài chính của các TCTD.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định này trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật thời gian tới.

### 3. Về trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

*- Có ý kiến cho rằng, việc quy định “Thanh tra Chính phủ thực hiện thanh tra TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về thanh tra” là không rõ ràng và không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra. Đề nghị làm rõ nội dung thanh tra.*

UBTVQH xin báo cáo: Hoạt động thanh tra các TCTD của Thanh tra Chính phủ hiện nay được thực hiện theo quy định tại điểm e, h, khoản 1 Điều 11 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15; cụ thể, Thanh tra Chính phủ thực hiện thanh tra khi được Thủ tướng Chính phủ giao đối với việc quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và thanh tra các vụ việc khác.

Trên thực tế, Thanh tra Chính phủ đã thực hiện thanh tra trực tiếp các ngân hàng thương mại Nhà nước, thanh tra gián tiếp các ngân hàng thương mại cổ phần thông qua thanh tra hoạt động quản lý, thanh tra, giám sát của NHNN. Như vậy, việc Thanh tra Chính phủ thanh tra đối tượng là các TCTD đã có cơ sở pháp lý để thực hiện.

# X. VỀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH (Chương XVI)

### 1. Về quy định chuyển tiếp (Điều 202)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung tại Điều 202 quy định chuyển tiếp trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan chưa bảo đảm giới hạn cấp tín dụng quy định tại Điều 136 của dự thảo Luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: khoản 2 Điều 207 quy định: “Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo pháp luật ngân hàng.”. Theo đó đối với các trường hợp vượt giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Luật này vẫn tiếp tục thực hiện theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, có quy định cụ thể tại khoản 10 về lộ trình, thời hạn cụ thể trong chuyển tiếp việc thực hiện giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

UBTVQH xin báo cáo: khoản 10 Điều 202 của dự thảo Luật không quy định cổ đông, cổ đông và người có liên quan vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 của Luật này phải thoái vốn khi Luật có hiệu lực thi hành, do đó không cần thiết phải có lộ trình, cụ thể trong chuyển tiếp việc thực hiện giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần. Tuy nhiên, trên cơ sở đề xuất của Chính phủ tại Báo cáo số 612/BC-CP, UBTVQH tiếp thu theo hướng bổ sung quy định chuyển tiếp đối với tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cổ đông lớn, một cổ đông và người có liên quan tại ngân hàng thương mại thực hiện nhiệm vụ phục vụ quốc phòng.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý bổ sung quy định “Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ đang thực hiện trước ngày luật này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này mà thực hiện theo quy định của Chính phủ”*.

UBTVQH xin báo cáo: chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các TCTD. Tại Quy định chuyển tiếp của Luật Các TCTD hiện hành (khoản 6 Điều 161) đang quy định hoạt động của các chương trình, dự án này thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, UBTVQH thấy rằng cần bổ sung quy định chuyển tiếp tại dự thảo Luật đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ đang thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 161 của Luật Các TCTD hiện hành. Trường hợp rà soát thấy cần thiết Chính phủ quy định, đề nghị thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### 2. Về hiệu lực thi hành (Điều 203)

*- Có ý kiến đề nghị xem xét quy định thời điểm có hiệu lực của Luật Các TCTD là từ ngày 01/01/2024, ngay sau thời điểm hết hiệu lực của Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV.*

*Có ý kiến đề nghị Quốc hội xem xét, thông qua Luật Các TCTD (sửa đổi) trong kỳ họp thứ 6 để tránh khoảng trống pháp lý về xử lý nợ xấu của các TCTD/*

UBTVQH xin báo cáo: liên quan đến Nghị quyết số 42/2017/QH17, Ủy ban Kinh tế đã có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước báo cáo Chính phủ có ý kiến đề xuất phương án khi Nghị quyết có hiệu lực. Trên cơ sở ý kiến của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật.

# XI. VỀ CÁC NỘI DUNG KHÁC

**1. Về hành vi bị cấm**

*- Một số ý kiến đề nghị rà soát, thiết kế một điều quy định về các hành vi bị nghiêm cấm thay vì quy định rải rác trong các điều, khoản của dự thảo Luật; điều chỉnh khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của dự thảo Luật thành 01 điều quy định “Hành vi nghiêm cấm”. Có ý kiến cho rằng một số luật liên quan hoạt động kinh doanh đều có quy định những hành vi nghiêm cấm trong Luật như: Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 (Điều 9), Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Điều 17)… Đối với lĩnh vực tín dụng (tiền tệ) rất phức tạp nhưng Luật Các TCTD chưa có quy định các hành vi nghiêm cấm. Vì vậy, việc bổ sung các hành vi nghiêm cấm để có giải pháp và xử lý nghiêm các sai phạm trong hoạt động tín dụng là nhu cầu cần thiết.*

UBTVQH xin báo cáo: UBTVQH đã chỉ đạo các cơ quan phối hợp tiến hành rà soát các quy định liên quan đến hành vi bị cấm tại dự thảo Luật để thiết kế riêng 01 Điều về các hành vi bị nghiêm cấm tương tự như các Luật khác. Tuy nhiên, do số lượng các quy định về hành vi bị cấm tại dự thảo Luật khá nhiều (gồm khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 1 và khoản 3 Điều 13, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 42, Điều 43, Điều 48, khoản 5 Điều 60, điểm b khoản 1 Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 98...), nếu quy định tại các điều, khoản có sự phù hợp với kết cấu, phạm vi điều chỉnh của các chương, mục sẽ bảo đảm rõ ràng trong quá trình thực hiện. Do đó, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm các hành vi bị cấm, như nhờ người khác đứng tên sở hữu cổ phần để gián tiếp gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ nhằm chi phối, kiểm soát TCTD; môi giới trái phiếu doanh nghiệp không đúng quy định pháp luật; hành vi lôi kéo, ép buộc khách hàng phải mua sản phẩm bảo hiểm khi vay vốn; hành vi bán chéo sản phẩm bảo hiểm nhân thọ… là những hành vi gây bức xúc trong dư luận thời gian vừa qua; bổ sung điều cấm đối với hoạt động của một số công ty mua bán nợ trên thị trường, mặc dù không nhiều, nhưng đã ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội.*

*Có ý kiến cho rằng thời gian qua, có một số vụ việc đòi nợ thuê không lành mạnh của tổ chức, băng nhóm xã hội đen được các kênh thông tin, báo đài đề cập đến hoặc theo phản ánh của một số người dân thì khi đi vay tiền của các tổ chức tín dụng phải trích một phần nhỏ bồi dưỡng cho người làm hồ sơ thủ tục vay, hay vấn đề mua bảo hiểm đối với gói bảo hiểm tiền vay mặc dù Ngân hàng Nhà nước có khẳng định đó không phải là điều kiện bắt buộc… đây là điều cấm trong hoạt động tín dụng.*

*Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm các hành vi bị cấm, như: nhờ người khác đứng tên sở hữu cổ phần để gián tiếp gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ nhằm chi phối, kiểm soát tại một tổ chức tín dụng; môi giới trái phiếu doanh nghiệp không đúng quy định pháp luật; hành vi lôi kéo, ép buộc khách hàng phải mua sản phẩm bảo hiểm trước khi được vay vốn; hành vi bán chéo sản phẩm bảo hiểm nhân thọ...*

*Có ý kiến đề nghị làm rõ trách nhiệm của ngân hàng, nhân viên ngân hàng và trách nhiệm của người đứng đầu trong việc bán bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ và trái phiếu doanh nghiệp tại trụ sở của ngân hàng để tránh rủi ro cho hàng triệu khách hàng đang giao dịch với ngân hàng hiện nay.*

UBTVQH xin báo cáo:

+ Đối với trường hợp nhờ người khác đứng tên sở hữu cổ phần, tại điểm c khoản 1 Điều 62 của dự thảo Luật đã quy định, cổ đông phổ thông “không được góp vốn, mua cổ phần của TCTD dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật”.

+ Đối với việc môi giới trái phiếu doanh nghiệp không đúng quy định pháp luật, tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán đã quy định hành vi bị nghiêm cấm gồm: “trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hành vi gian lận, lừa đảo, làm giả tài liệu, tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán”.

+ Đối với hành vi lôi kéo, ép buộc khách hàng phải mua sản phẩm bảo hiểm khi vay vốn, hành vi bán chéo sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, tại khoản 5 Điều 9 Luật Kinh doanh bảo hiểm đã quy định hành vi bị nghiêm cấm gồm: “Đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm”.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin tiếp tục rà soát, hoàn thiện các hành vi bị cấm được quy định tại dự thảo Luật.

**2. Về ngân hàng thương mại**

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung những quy định minh bạch, rạch ròi về “****hoạt động kinh doanh bảo hiểm qua ngân hàng****”. Công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động phân phối bảo hiểm qua ngân hàng đang được Cục Giám sát, quản lý bảo hiểm (Bộ Tài chính) thực hiện thường xuyên thông qua hệ thống báo cáo, quản lý giám sát và hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm hoạt động phân phối bảo hiểm qua ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định pháp luật khác có liên quan. Tuy nhiên, thực tế người vay vẫn bị mua bảo hiểm khi thực hiện hợp đồng vay vốn điều này gây áp lực và gánh nặng rất lớn đối người vay.*

UBTVQH xin báo cáo: Về hoạt động làm đại lý bảo hiểm của TCTD, việc cho phép các TCTD cung ứng dịch vụ đại lý bảo hiểm được quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm. Hiện Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn Luật đã có quy định về việc nghiêm cấm việc “cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm” và xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp ép khách hàng mua bảo hiểm, đồng thời NHNN đã có các văn bản cảnh báo, chấn chỉnh hoạt động đại lý bảo hiểm của TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung các quy định liên quan việc* ***điều chỉnh hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử và công nghệ viễn thông*** *theo hướng chính xác, thuận tiện và nhanh chóng, đồng thời có kiểm soát một cách hiệu quả. Tăng cường hiệu lực pháp luật về giao dịch điện tử, từ huy động và quản lý tiền mặt; giao dịch* ***kinh doanh thương mại không dùng tiền mặt****; cho đến các* ***quy trình về xét duyệt cấp tín dụng****. Đặc biệt, có biện pháp* ***định hướng và dự phòng, tránh những biến động hoặc khủng hoảng*** *có thể xảy ra...*

UBTVQH xin báo cáo: Các hoạt động ngân hàng của TCTD đã được quy định cụ thể tại Luật Các TCTD và quy định NHNN hướng dẫn/quy định đối với từng nghiệp vụ ngân hàng (cấp tín dụng, nhận tiền gửi, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản…). Hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử thực chất vẫn là thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng nhưng bằng phương thức, hoặc trong môi trường điện tử, chịu sự điều chỉnh bởi các quy định nghiệp vụ ngân hàng và quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

Theo đó, tại Điều 105 của dự thảo Luật đã quy định “*Hoạt động của tổ chức tín dụng được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử*”. Như vậy, việc điều chỉnh từng nghiệp vụ ngân hàng bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo văn bản quy định về từng nghiệp vụ ngân hàng.

Đồng thời, để bảo đảm việc giao dịch điện tử an toàn, hiệu quả trong thực hiện nghiệp vụ ngân hàng, Điều 101 của dự thảo Luật quy định : “*Căn cứ vào quy định của Luật này, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, bao gồm cả việc thực hiện bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp*”. Điều 140 dự thảo Luật quy định: *“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”*

**3. Về tổ chức tín dụng phi ngân hàng**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật quy định về trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thuê của công ty cho thuê tài chính, vì bản chất tài sản thuê (thuộc sở hữu công ty cho thuê tài chính) khác tài sản thế chấp (thuộc sở hữu khách hàng) nên quy trình xử lý không thể áp dụng chung với quy trình xử lý tài sản thế chấp.*

UBTVQH xin báo cáo: tài sản cho thuê tài chính thuộc sở hữu của công ty cho thuê tài chính. Do đó việc thu hồi tài sản không áp dụng chung với quy trình xử lý tài sản bảo đảm mà thực hiện theo thỏa thuận và các quy định pháp luật có liên quan. Ngoài ra khoản 3 Điều 99 của dự thảo Luật quy định: “3. Hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.”. Theo đó, trong phạm vi thẩm quyền được giao, NHNN sẽ ban hành văn bản hướng dẫn đối với hoạt động cho thuê tài chính của TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị quy định chặt chẽ hơn đối với các công ty tài chính với hình thức cho vay tiêu dùng, bởi hiện nay các công ty này tiếp cận ở các vùng nông thôn, cài cắm với mức phí rất cao, hình thức đòi nợ rất manh động, sử dụng nhiều biện pháp tạo sức ép, áp lực, làm cho người dân gặp nhiều khó khăn... khi để lại lịch sử nợ xấu, thì người dân cũng khó tiếp cận vốn của ngân hàng chính thống.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý về hoạt động của các loại hình công ty tài chính cũng như chỉnh lý các quy định về hạn chế bảo đảm an toàn đối với công ty tài chính. Việc quản lý hoạt động của các công ty tài chính có vốn nước ngoài được thực hiện như các công ty tài chính hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các TCTD và hướng dẫn của NHNN.

**4. Về cơ chế bảo vệ pháp lý đối với cán bộ trong thực thi nhiệm vụ được giao**

*- Một số ý kiến đề nghị quy định tại dự thảo Luật về cơ chế bảo vệ, miễn trách nhiệm đối với người tham gia cơ cấu lại TCTD yếu kém được kiểm soát đặc biệt, bao gồm các quyết định can thiệp sớm, các quyết định có tác động lên công tác quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng. Việc xử lý TCTD yếu kém trên thực tế đã gây khó khăn và rủi ro pháp lý cho các cán bộ xử lý trực tiếp (bao gồm cán bộ, công chức làm công tác tham mưu của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Ban kiểm soát đặc biệt, nhân sự của tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước chỉ định tham gia quản trị, điều hành các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý cán bộ cũng như công tác chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, trên thực tế có không ít cán bộ xin nghỉ việc hoặc xin chuyển công tác, tác động lớn đến chất lượng nguồn nhân lực xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.*

*Có ý kiến đề nghị đưa vào dự thảo Luật nội dung: “Bảo vệ cán bộ tham gia công tác tái cơ cấu, quản lý, điều hành, kiểm soát đặc biệt các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; cán bộ thanh tra, giám sát tham gia xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém”. Cụ thể: không hình sự hóa trách nhiệm của các cán bộ tham gia công tác tái cơ cấu các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, cán bộ thanh tra, giám sát tham gia xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém khi các cán bộ này đã làm đúng và đủ trách nhiệm được giao, không có dấu hiệu về xung đột về lợi ích, cố ý làm sai; không dùng thước đo hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện cơ cấu lại để đánh giá cán bộ được cử tham gia thực hiện công tác này tại các tổ chức tín dụng nêu trên.*

UBTVQH xin báo cáo: trên cơ sở đánh giá tác động, Chính phủ có ý kiến không đề xuất nội dung này, do vậy xin không tiếp thu vào dự thảo Luật.

### 5. Về tập đoàn tài chính

*- Một số ý kiến đề nghị nên có quy định về mặt nguyên tắc về tập đoàn tài chính, tạo khung pháp lý để giao Chính phủ quy định chi tiết, tránh tạo ra khoảng trống pháp lý vì thực tế tập đoàn tài chính hiện có sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp nhưng lại không chịu sự điều chỉnh của Luật Các TCTD.*

*Một số ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu, bổ sung tập đoàn tài chính hoặc công ty sở hữu vốn tại các tổ chức tài chính là đối tượng áp dụng của Luật này. Do thực tế đối tượng này đã hình thành và đang hoạt động tại Việt Nam, rủi ro từ các tập đoàn tài chính hoặc các công ty sở hữu các ngân hàng thương mại đang hiện hữu, có thể gây rủi ro lan truyền cho cả hệ thống tài chính.*

UBTVQH xin báo cáo: Kinh nghiệm quốc tế về tập đoàn tài chính cho thấy việc sử dụng thuật ngữ về tập đoàn tài chính phụ thuộc vào khuôn khổ pháp luật của từng nước, thường là nhóm công ty có quan hệ công ty mẹ, công ty con đồng thời hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán. Trong có công ty mẹ của nhóm công ty này có thể là một ngân hàng hoặc là công ty sở hữu vốn (holding company). Ở các nước thường xây dựng khuôn khổ pháp lý về tập đoàn tài chính theo 02 cách: (i) ban hành Luật riêng về tâp đoàn ngân hàng hoặc tập đoàn tài chính như Đài Loan, Singapore (ii) quy định về quan hệ công ty mẹ công ty của nhóm công ty này trong luật ngân hàng như Nhật Bản, Thái Lan.

Hiện nay ở Việt Nam chưa có Luật riêng về tập đoàn kinh tế, chỉ có quy định khái niệm chung về tập đoàn kinh tế tại Luật Doanh nghiệp, theo đó tập đoàn kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác… Tập đoàn kinh tế có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác. Về bản chất tập đoàn tài chính là tập đoàn kinh tế hoạt động trong lĩnh vực tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán). Do đó, hiện chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý đối với mô hình tập đoàn kinh tế để từ đó xây dựng quy định điều chỉnh cụ thể đối với tập đoàn tài chính. Tuy nhiên, để quản lý, giám sát, hạn chế các vấn đề rủi ro tiềm ẩn của nhóm công ty có quan hệ công ty, công ty con hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm có sự tham gia của ngân hàng thương mại, dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể xác định nhóm doanh nghiệp này, điều chỉnh các quan hệ giữa công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết của TCTD, cũng như trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với hoạt động của nhóm các công ty này, cụ thể:

#### 5.1. Về xác định mối quan hệ giữa các công ty trong nhóm công ty

- Khoản 37 Điều 4 của dự thảo Luật đã xác định nhóm công ty (về bản chất là tập đoàn tài chính) thông qua quy định xác định công ty kiểm soát trong 02 trường hợp (i) Công ty đang sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 20% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nắm quyền kiểm soát của một ngân hàng thương mại; (ii) Ngân hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết.

- Khoản 35 và khoản 36 Điều 4 của dự thảo Luật đã quy định cụ thể về khái niệm công ty con, công ty liên kết của TCTD. Đây là cơ sở pháp lý nhóm công ty có quan hệ sở hữu, quản trị, điều hành hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.

- Điều 111 của dự thảo Luật đã quy định cụ thể các lĩnh vực ngân hàng thương mại có thể góp vốn thành lập công ty con, công ty liên kết. Đồng thời, dự thảo Luật đã quy định ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm. Quy định này nhằm tách bạch hoạt động giữa ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán, bảo hiểm, nhằm giảm thiểu rủi ro lan truyền trên thị trường tài chính.

#### 5.2. Về hạn chế việc thao túng trong quản trị, điều hành giữa công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết của TCTD

- Điều 141 của dự thảo Luật đã quy định về quyền, nghĩa vụ của công ty mẹ, công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết, trong đó hạn chế việc can thiệp vào tổ chức hoạt động của nhau, đồng thời yêu cầu thiết lập các cơ chế giao dịch bình đẳng, độc lập giữa các công ty này với nhau.

- Điều 41, Điều 42, Điều 43 của dự thảo Luật quy định về việc đảm nhiệm chức vụ của người quản lý, điều hành của TCTD đã hạn chế việc tham gia quản trị, điều hành của người quản lý, người điều hành là người quản lý, người điều hành của công ty là công ty kiểm soát, công ty con của TCTD.

#### 5.3. Hạn chế rủi ro, sở hữu, đầu tư chéo giữa công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết của TCTD

- Về việc góp vốn, mua cổ phần: Điều 63, Điều 111, Điều 137 của dự thảo Luật đã quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của TCTD; phạm vi, giới hạn góp vốn mua cổ phần của TCTD nhằm hạn chế việc sở hữu chéo, tăng vốn ảo giữa các công ty này với nhau. Đồng thời, Điều 142 của dự thảo Luật đã quy định: (i) Công ty con, công ty liên kết của cùng một công ty kiểm soát không được góp vốn, TCTD mua cổ phần của nhau; (ii) Công ty con, công ty liên kết của một TCTD không được góp vốn, mua cổ phần của chính TCTD đó; (iii) TCTD đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó.

- Về việc cấp tín dụng đối với công ty con, công ty liên kết của TCTD: Điều 134, Điều 135 của dự thảo Luật đã có quy định về việc cấm, hạn chế cấp tín dụng đối với các công ty con, công ty liên kết của TCTD nhằm hạn chế rủi ro có tính lan truyền giữa hoạt động ngân hàng (nhận tiền gửi) và hoạt động kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm trong hoạt động của TCTD và các công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm.

#### 5.4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động nội bộ giữa công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết của TCTD

Điều 152, Điều 153 của dự thảo Luật đã quy định về trách nhiệm báo cáo của TCTD, công ty con và công ty kiểm soát của TCTD, trong đó yêu cầu báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát. Qua đó, giúp cơ quan quản lý có cơ sở để giám sát các hoạt động nội bộ của nhóm các công ty này.

#### 5.5. Về quản lý nhà nước

- Điều 191 quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (NHNN và Bộ Tài chính) trong việc quản lý nhà nước trong hoạt động của TCTD và công ty con, công ty liên kết phù hợp với chức năng của từng cơ quan. Đồng thời bổ sung cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với TCTD có công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

- Bên cạnh đó, tại Luật Ngân hàng Nhà nước cũng có quy định về việc phối hợp thanh tra, giám sát TCTD, công ty con, công ty liên kết của TCTD giữa NHNN và các bộ, ngành liên quan

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền của các Bộ, ngành, tại dự thảo Luật đã bổ sung các quy định về trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp thực hiện quản lý đối với TCTD và công ty con, công ty liên kết.

- Pháp luật hiện nay đã có quy định về việc thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất, nghĩa vụ công bố thông tin, công khai báo cáo tài chính của các TCTD và công ty con của TCTD.

- Tại dự thảo Luật không sử dụng cụm “nhóm công ty” hay “tập đoàn kinh tế, tổng công ty” như tại Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định về mặt kiểm soát theo quy định tại Điều 195, Điều 196, Điều 197 Luật Doanh nghiệp đã NHNN rà soát, nghiên cứu bổ sung tại dự thảo Luật.

Như vậy, UBTVQH thấy rằng về mặt pháp lý, dự thảo Luật chưa có khái niệm cụ thể về tập đoàn ngân hàng, tài chính; tuy nhiên đã có các quy định về xác định nhóm công ty trong tập đoàn tài chính (bao gồm cả nhóm có công ty mẹ là TCTD và nhóm có công ty sở hữu cổ phần của ngân hàng thương mại), đồng thời, dự thảo Luật đã có các quy định để quản lý, giám sát nhóm các doanh nghiệp này. Để bảo đảm phù hợp với tính chất, mô hình của tập đoàn tài chính, trong đó điều chỉnh cả trường hợp TCTD là công ty mẹ hoặc TCTD là công ty con trong tập đoàn tài chính, UBTVQH xin báo cáo Quốc hội giao Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Luật riêng về tập đoàn tài chính.

**6. Ý kiến khác**

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật quy định một số thuật ngữ về phí như: khoản 28 Điều 4 (phí môi giới); khoản 1 Điều 100 (phí cung ứng dịch vụ, phí cấp tín dụng); khoản 3 Điều 167 (phí bảo hiểm tiền gửi). Các loại phí trong dự thảo Luật chưa tương thích với khái niệm phí theo quy định của Luật phí và lệ phí. Đề nghị tiếp tục rà soát để tránh nhầm lẫn, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.*

UBTVQH xin báo cáo: Phí được quy định tại dự thảo Luật về bản chất là giá cả dịch vụ do TCTD cung ứng, do đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật phí và lệ phí.

*- Có ý kiến cho rằng, sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng rất phức tạp, tiềm ẩn những rủi ro của hệ thống do làm gia tăng một số rủi ro, như: tăng vốn ảo thông qua việc đi vay để đầu tư, góp vốn lẫn nhau. Trên thực tế, mối quan hệ sở hữu chéo thể hiện qua sở hữu cổ phần chỉ là bề nổi, phần phức tạp hơn là thông qua các công ty con để vừa là cổ đông, vừa là chủ nợ, đứng tên cá nhân và các tổ chức khác, đồng thời tận dụng các vai trò này để ghi nhận doanh thu, lợi nhuận ảo, phát hành tăng vốn ảo, chiếm dụng vốn và thao túng cổ phiếu… tạo ra rủi ro lan truyền trong thị trường tài chính với các khu vực của nền kinh tế.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để hạn chế hoạt động thao túng, chi phối thông qua các công ty con, công ty nắm cổ phần chi phối, dự thảo Luật đã điều chỉnh quy định liên quan đến xác định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông bao gồm cả trường hợp sở hữu cổ phần gián tiếp. Ngoài ra, dự thảo Luật đã chỉnh sửa khái niệm người có liên quan bao gồm cả các công ty con của công ty con; bổ sung quy định về sở hữu gián tiếp là việc tổ chức, cá nhân sở hữu thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân sở hữu trên 50% cổ phần trở lên.

*- Có ý kiến cho rằng, hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Các TCTD chưa giải quyết được vấn đề sở hữu chéo nên cần thiết phải rà soát đồng bộ hệ thống pháp luật để thắt chặt, hạn chế hơn đối với những vụ việc quy mô lớn, gây ra tổn thất nghiêm trọng cho hệ thống tài chính, đặc biệt là sau sự việc SCB và vụ việc Vạn Thịnh Phát gần đây.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đề nghị Chính phủ rà soát các luật có liên quan để xử lý vấn đề sở hữu chéo, thao túng, chi phối TCTD.

*- Có ý kiến cho rằng, các quy định tại dự thảo Luật, như: người có liên quan, tỷ lệ sở hữu cổ phần, giới hạn cấp tín dụng không giải quyết căn cơ, triệt để tình trạng sở hữu chéo, các giải pháp còn thụ động, chưa đủ mạnh để chấm dứt sở hữu chéo. Cần phải có những quy định rất cụ thể để có thể kiểm soát được sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng với nhau và giữa ngân hàng với các doanh nghiệp có liên quan đến ngân hàng, tránh các trường hợp có sự chi phối và ảnh hưởng đến thể chế, nền kinh tế. Cần đẩy mạnh chuyển đổi số để kiểm soát tình trạng này.*

*Có ý kiến đề nghị bảo đảm ngăn chặn tối đa xung đột lợi ích trong hoạt động của các TCTD. Xung đột lợi ích trong hoạt động của các TCTD là nguồn gốc cho vay vào hoạt động kinh doanh có rủi ro cao (như chứng khoán, bảo hiểm), thao túng giá, thổi giá trên thị trường chứng khoán, cho vay đảo nợ, làm méo mó cung cầu và giá, che giấu thông tin...*

UBTVQH xin báo cáo: Theo Luật Doanh nghiệp (Điều 195), Luật các TCTD (Điều 142) đã có quy định cấm cổ đông sở hữu vốn lẫn nhau. Quy định về giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần tại dự thảo Luật nhằm hướng tới việc hạn chế tình trạng thao túng, chi phối hoạt động của TCTD của cổ đông, nhóm cổ đông lớn, trong khi quy định giảm giới hạn cấp tín dụng để tránh tập trung tín dụng vào một khách hàng, khách hàng và người có liên quan.

Bên cạnh đó dự thảo Luật cũng bổ sung các biện pháp để tăng cường tính minh bạch trong quá trình hoạt động của TCTD, như hạn chế thành viên HĐQT tham gia điều hành để tách biệt quản trị, điều hành (trừ trường hợp Tổng giám đốc), tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên không phải là người điều hành của TCTD trong Hội đồng quản trị, sửa đổi, bổ sung quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ, công bố, công khai thông tin...

Các quy định được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật giúp hạn chế tình trạng thao túng, chi phối trong hoạt động ngân hàng. Để xử lý dứt điểm thì cần phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác như việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, qua đó đảm bảo minh bạch thông tin cổ đông, chủ sở hữu. Trong thời gian tới khi cơ sở dữ liệu về dân cư, đăng ký kinh doanh hoàn thiện sẽ là một trong các nguồn thông tin để xác định người có liên quan tại TCTD, góp phần hạn chế việc thao túng, chi phối TCTD.

*- Có ý kiến cho rằng, tình trạng sở hữu chéo đến nay đã được xử lý cơ bản, tuy nhiên các loại hình sở hữu phức tạp khác lại xuất hiện, đó là sự tham gia của các chủ đầu tư bất động sản hoặc doanh nghiệp có liên quan đến cổ đông của các ngân hàng thương mại đã tác động đến hoạt động cho vay của các ngân hàn thương mại này khi nhu cầu vốn cao. Thông qua các pháp nhân con khác nhau trong hệ sinh thái để thâu tóm cổ phần của TCTD hoặc nhân sự cấp cao gom cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu, có hiện tượng dòng vốn từ hệ thống TCTD sang hệ thống công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ để chuyển sang các doanh nghiệp có liên quan, tiềm ẩn rủi ro dưới nhiều hình thức. Do vậy, nếu dự án Luật chỉ quy định giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần thì chưa đủ và chưa hiệu quả, đề nghị phải quy định minh bạch thông tin của tất cả cá nhân, tổ chức sở hữu là cổ đông của NHTM như các nước trên thế giới.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để tăng tính minh bạch thông tin của cổ đông, dự thảo Luật bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 49: “3. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của TCTD phải công khai với TCTD các thông tin sau đây:...”

Ngoài ra, hiện nay, tại dự thảo Luật quy định về người có liên quan bao gồm cả các công ty con của công ty con; bổ sung các quy định liên quan đến xác định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông bao gồm cả trường hợp cổ phần thuộc sở hữu của doanh nghiệp mà cổ đông đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ trở lên nắm giữ; khống chế qua các tỷ lệ bảo đảm an toàn, góp vốn mua cổ phần.

*- Có ý kiến đề nghị các ngân hàng thương mại cổ phần cũng cần phải tăng cường giám sát nội bộ đối với các quan hệ sở hữu chéo, bảo đảm lợi ích của tất cả các cổ đông, trong đó ngân hàng thương mại phải giám sát chặt chẽ khi thực hiện các giao dịch kinh doanh chứ không chỉ dựa theo lợi ích của nhóm cổ đông lớn.*

UBTVQH xin báo cáo: về trách nhiệm ngân hàng thương mại trong việc giám sát nội bộ đối với các quan hệ sở hữu chéo, tại dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm công khai, công bố thông tin (Điều 49), theo đó người quản lý, người điều hành có trách nhiệm công khai với TCTD các thông tin cụ thể; TCTD có trách nhiệm công khai các thông tin này và báo cáo NHNN.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng quy định trách nhiệm của Ban Kiểm soát phải thực hiện lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của TCTD; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. Tại dự thảo Luật cũng quy định giới hạn tỷ lệ các giao dịch theo thẩm quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục khuyến khích việc thực hiện mua bán, sáp nhập nhằm xóa bỏ hiện tượng sở hữu chéo giữa các TCTD.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại dự thảo Luật đã có quy định về mua bán, sáp nhập TCTD (Điều 194). Dự thảo Luật cũng đã có quy định cấm trường hợp các TCTD góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp, TCTD là cổ đông của mình.

*- Có ý kiến cho rằng, cần phải có lộ trình cho việc giảm số lượng các ngân hàng thương mại cổ phần nếu xét thấy các ngân hàng này không có tác dụng lớn cho phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngăn ngừa sở hữu chéo. Có ý kiến đề nghị rà soát lại số lượng các ngân hàng thương mại, thiết kế kỹ thuật tại dự thảo Luật để hạn chế số lượng ngân hàng.*

TUBTVQH xin báo cáo: Về chủ trương, *“Thúc đẩy việc mua bán, sáp nhập trên cơ sở tự nguyện của các TCTD để hình thành các định chế có quy mô lớn và quản trị tốt hơn”* là một trong những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Về cơ sở pháp lý, tại Điều 194 của dự thảo Luật đã quy định về tổ chức lại TCTD, trong đó có sáp nhập, hợp nhất TCTD. UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp tục rà soát, đánh giá về số lượng, quy mô của các TCTD hiện nay và khuyến khích các TCTD sáp nhập, hợp nhất, nhằm tăng cường quy mô, năng lực tài chính và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định về hình thức, phương thức “bán khống” trong thị trường tài chính.*

UBTVQH xin báo cáo: Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các TCTD, do vậy không bổ sung vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật vẫn chưa đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề xóa bỏ tín dụng đen còn tồn tại dai dẳng, chuyển từ hình thức này sang hình thức khác Để xóa bỏ tín dụng đen thì cần: (i) giải quyết tận gốc vấn đề về nhu cầu vay ngắn hạn, nhanh, giá trị nhỏ của người dân trong xã hội, vì hệ thống các TCTD hiện tại không đáp ứng được nhu cầu do thủ tục pháp lý vay tín chấp phức tạp và chi phí giao dịch cao so với giá trị khoản vay; (ii) cần ứng dụng phát triển công nghệ ngân hàng số, cho phép xử lý số lượng lớn giao dịch trong thời gian ngắn để giảm chi phí giao dịch. Việc xử lý kết nối và chia sẻ dữ liệu quy mô lớn cũng sẽ cho phép đánh giá đúng khả năng trả nợ của người vay, giảm rủi ro và chi phí thu hồi nợ.*

*Đề nghị mở rộng phạm vi đối tượng của dự thảo Luật đối với các hình thức tín dụng nhỏ lẻ, ứng dụng công nghệ, phát triển ngân hàng số, cho phép xử lý giao dịch với số lượng lớn trong thời gian ngắn, giảm chi phí giao dịch.*

UBTVQH xin báo cáo: Khoản 2 Điều 102 của dự thảo Luật quy định khách hàng chỉ cần cung cấp thông tin (thay vì tài liệu, dữ liệu như khoản 1 Điều 102), đồng thời không yêu cầu cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi đối với một số khoản cho vay có giá trị nhỏ (như: cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cho thuê tài chính, cấp tín dụng qua thẻ, cho vay phục vụ đời sống của QTDND, cho vay của tổ chức tài chính vi mô). Qua đó giúp đơn giản hoá thủ tục vay vốn, tạo điều kiện cho người dân có nhu cầu vay vốn phục vụ đời sống có giá trị nhỏ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng. Bên cạnh đó, dự thảo Luật có quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng (Điều 105); cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực ngân hàng (Điều 106) góp phần khuyến khích TCTD ứng dụng công nghệ thực hiện chuyển đổi số mô hình hoạt động, cung cấp sản phẩm, dịch vụ (trong đó có cho vay) một cách nhanh chóng, thuận tiện, giúp tiết giảm chi phí giao dịch cho khách hàng. Các quy định này góp phần nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân, qua đó hạn chế tín dụng đen. Bên cạnh đó, tín dụng đen là vấn đề cần sự vào cuộc và phối hợp đồng bộ của nhiều cơ quan, Bộ, ban ngành, cũng như điều chỉnh nhiều quy phạm pháp luật liên quan. UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo NHNN và các Bộ, ngành có liên quan phối hợp xử lý vấn đề tín dụng đen, trong đó cần thử nghiệm các giải pháp khai thác sử dụng dữ liệu dân cư, qua đó góp phần hỗ trợ hoạt động ngân hàng, trong đó có cấp tín dụng cho người dân, doanh nghiệp.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là có thể xem xét mở room cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm thu hút dòng vốn ngoại, vừa là nguồn tiền để tái cơ cấu ngân hàng, vừa góp phần cải thiện công nghệ quản trị công ty trong ngân hàng.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 15 của dự thảo Luật quy định *“Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của TCTD Việt Nam”*; đồng thời giao Chính phủ quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, việc mở room cho các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được nghiên cứu khi Chính phủ ban hành Nghị định.

*- Có ý kiến đề nghị dự thảo Luật cần có quy định về cơ chế để kiểm soát được tiền huy động (tiền gửi của dân) và tiền cho vay (tín dụng) và cả kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát để tránh trường hợp có tiêu cực, bỏ qua vi phạm gây thiệt hại cho xã hội. Có ý kiến đề nghị quy định cơ chế kiểm soát hoạt động của TCTD liên quan đến lĩnh vực bất động sản, tư vấn đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Có ý kiến cho rằng, cần phải luật hóa tất cả những biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp thông lệ quốc tế.*

UBTVQH xin báo cáo: Dự thảo Luật đã có các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn hoạt động của TCTD, duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn vốn pháp định (trong đó có quy định TCTD không được kinh doanh bất động sản, trừ các một số trường hợp theo quy định của Luật); đối với hoạt động của TCTD đã điều chỉnh một số hoạt động (không quy định dịch vụ tư vấn đầu tư), tăng cường quản trị của TCTD thông qua các quy định về không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ...; quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các TCTD cũng đã được thể hiện ở Chương XIV, tuy nhiên UBTVQH sẽ chỉ đạo các cơ quan tiếp tục hoàn thiện các quy định nhằm phòng ngừa rủi ro và tiệm cận với thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị cần phải rà soát, luật hóa các quy định về tính chính danh của tài khoản tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hoàn thiện, đồng bộ các văn bản hướng dẫn để bảo đảm hiệu lực thi hành tại các văn bản quy phạm pháp luật phải liên thông với nhau, hỗ trợ việc xác định tính chính danh của các tài khoản. Đồng thời, trong Luật này cần có quy định cụ thể về các điều kiện bắt buộc đối với các TCTD phải có nền tảng công nghệ, cơ sở vật chất trong nhận diện khách hàng để đảm bảo tính chính danh, yêu cầu các TCTD có trách nhiệm rà soát, phát hiện và phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan có liên quan xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về tài khoản không chính danh.*

UBTVQH xin báo cáo: dự thảo Luật quy định TCTD được cung ứng dịch vụ thanh toán và việc thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ, NHNN. Hiện nay, việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán được quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư 23). Trong đó ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn khách hàng các nguyên tắc và điều kiện sử dụng tài khoản thanh toán trong trường hợp giao dịch theo phương thức truyền thống hoặc giao dịch điện tử phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, *bảo đảm có đủ thông tin cần thiết để kiểm tra, đối chiếu và nhận biết khách hàng, trong quá trình sử dụng* *tài khoản thanh toán*.

Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống rửa tiền cũng quy định việc nhận biết khách hàng, bảo đảm chính danh, bao gồm cả trường hợp nhận diện trực tiếp và áp dụng phương thức điện tử. Trong thời gian tới, khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký kinh doanh hoàn thiện sẽ là một trong các nguồn thông tin để định danh khách hàng.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chi tiết điều, khoản về tư cách pháp nhân đối với các giao dịch trên máy ATM để gắn trách nhiệm trong quá trình hoạt động của các ngân hàng và phù hợp với sự phát triển công nghệ số trong thời gian tới. Hiện nay, các giao dịch gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền tại các máy ATM đã triển khai phổ biến, có giá trị giống như hoạt động giao dịch tại các quầy giao dịch bên trong ngân hàng. Thời gian tới các ngân hàng sẽ triển khai hoạt động giao dịch ký kết các hợp đồng cho vay trực tiếp trên máy ATM.*

UBTVQH xin báo cáo: Việc thực hiện giao dịch thanh toán trên máy ATM là một trong các phương thức cung ứng dịch vụ thanh toán của ngân hàng. Khi cung cấp dịch vụ này, ngân hàng có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của NHNN (hiện nay NHNN đã ban hành Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư 47/2014/TT-NHNN quy định về các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng và các Thông tư sửa đổi, bổ sung).

*- Có ý kiến đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước cần có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp theo hình thức khác một cách trực tiếp và hiệu quả hơn, có thể thông qua hỗ trợ chính sách thuế và các hình thức khác do tình hình triển khai gói hỗ trợ lãi suất 02%/năm thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. TCTD khi triển khai chịu nhiều áp lực và tâm lý e ngại thanh tra, kiểm tra hỗ trợ lãi suất của khách hàng và TCTD, do đó, ngân hàng thương mại và doanh nghiệp hạn chế triển khai thực hiện gói hỗ trợ lãi suất này.*

UBTVQH xin báo cáo: ý kiến của Đại biểu Quốc hội liên quan đến việc triển khai chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Nội dung này cũng đã được báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 6.

*- Có ý kiến đề nghị có quy định, hỗ trợ cụ thể hơn đối với các đối tượng là công nhân từ thực tiễn việc xét duyệt và nhà ở xã hội cho thuê, nhà ở cho công nhân gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do công nhân làm việc không ổn định.*

UBTVQH: Việc hỗ trợ cho công nhân trong việc xét duyệt và nhà ở xã hội cho thuê, nhà ở cho công nhân không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu xây dựng thêm các quy định, chính sách liên quan đến việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại Nhà nước có tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh hiệu quả thành lập mới và phát triển mạng lưới của các tổ chức tín dụng, đặc biệt tại khu vực nông nghiệp - nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các khu vực ngoại thành, vùng ven, khu vực nông thôn đang trong quá trình đô thị hóa.*

*Hiện nay, các TCTD không mở rộng được mạng lưới và không giao đại lý ngân hàng là do quy định hạn chế số lượng chi nhánh/phòng giao dịch được phép thành lập tại Thông tư số 21/2013/TT-Ngân hàng Nhà nước ngày 09/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại. Đồng thời, chưa có hành lang pháp lý quy định về việc giao đại lý ngân hàng cho các tổ chức khác.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 113 của dự thảo Luật đã bổ sung quy định về hoạt động giao đại lý ngân hàng (cho QTDND và tổ chức tài chính vi mô) so với Luật hiện hành nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Đối với việc mở mạng lưới, dự thảo Luật giao NHNN quy định. Trên cơ sở đó, NHNN sẽ nghiên cứu, xem xét để có quy định phù hợp và đảm bảo được an toàn trong hoạt động của TCTD.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung “cơ chế quy định về vấn đề lưu trữ dữ liệu khách hàng vay trong nhiều năm”. Vì thực tế có một số tổ chức tín dụng không cung cấp được do quá thời hạn lưu trữ.*

UBTVQH xin báo cáo: hiện dự thảo Luật không quy định cụ thể về thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng, thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định pháp luật (Khoản 2 Điều 104).

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp giữa Luật Các TCTD với Luật giao dịch điện tử theo hướng công nhận mã xác thực OTP, smartOTP… là một hình thức của chữ ký điện tử trên chứng từ giao dịch điện tử nhằm tạo thuận lợi, an toàn cho hoạt động của các TCTD, phù hợp với thực tế và xu hướng phát triển của giao dịch điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt trong hoạt động thẩm định, phán quyết cho vay dựa trên dữ liệu lớn hiện nay và trong thời gian tới của các tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Tại dự thảo Luật có quy định về việc thực hiện hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử để tạo thuận lợi cho TCTD triển khai thực hiện. Về cách thức thực hiện qua phương tiện điện tử (như việc xác nhận giao dịch), để đảm bảo tính thống nhất thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử. Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật sẽ tiếp tục rà soát các quy định liên quan để khắc phục được các khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung 01 Điều quy định về các TCTD đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phần mềm phòng chống tội phạm và chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn bảo mật thông tin cho khách hàng khi thực hiện giao dịch ở các tổ chức tín dụng.*

UBTVQH xin báo cáo: Điều 13 và Điều 14 của dự thảo Luật quy định về trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn bảo mật thông tin khách hàng và việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan. Đối với quy định về phòng chống tội phạm được thực hiện theo quy định tại các luật liên quan.

**7. Về thể thức, kỹ thuật văn bản**

- Có ý kiến cho rằng bố cục, kết cấu, vị trí của các chương, điều, khoản của dự thảo Luật là phù hợp. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày tương đối phù hợp, dễ hiểu.

- Có ý kiến đề nghị điều chỉnh thể thức và kỹ thuật trình bày đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, cụ thể:

(1) Điều chỉnh Tiêu ngữ **“Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”**: kiểu chữ đứng, đậm, đặt canh giữa phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các từ được viết hoa, giữa các từ có gạch nối (-), có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

(2) Điều chỉnh kiểu chữ in nghiêng cụm từ: *“Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ....... thông qua ngày....... tháng...... năm.....”* tại Điều 208.

(3) Bổ sung phần thẩm quyền ký văn bản “**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**”.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ thời hạn là ngày làm việc đối với các nội dung có quy định về thời hạn trong dự thảo luật như: *“Trong thời hạn 180 ngày…”, “…ít nhất 30 ngày…”, “…trong thời hạn 07 ngày…”…* Để tránh việc hiểu theo ngày làm việc hoặc ngày đếm tới và thống nhất áp dụng trong cả nước.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH xin được thể hiện như tại dự thảo Luật.

Ngoài những nội dung nêu trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra, Cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan hữu quan rà soát, tiếp thu, chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo Luật cả về nội dung và kỹ thuật văn bản.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin trân trọng báo cáo Quốc hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chính phủ;  - VPCP; NHNNVN;  - Các Bộ: TC, TP, CA;  - TT UBKT, TT UBPL;  - Các Vụ: KT, PL;  - Lưu: HC, KT.  - E-pas: 175091 | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Đức Hải** |

1. Hội thảo lấy ý kiến các ĐBQH, các chuyên gia và các đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Luật tại TP Hồ Chí Minh ngày 01/08/2023; Hội thảo tham vấn ý kiến các chuyên gia trong nước và quốc tế về “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu ở Việt Nam” tại Hà Nội ngày 02/08/2023; tổ chức các cuộc làm việc với từng nhóm đối tượng TCTD, gồm: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, các TCTD phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; ý kiến của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ủy ban Kinh tế có Báo cáo số 2226/BC-UBKT15 ngày 19/9/2023 về một số vấn đề lớn tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) trình) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau phiên họp, Tổng Thư ký Quốc hội có Thông báo số 2839/TB-UBTVQH ngày 03/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Luật. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thực hiện Thông báo số 2839/TB-TTKQH ngày 03/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Luật tại Phiên họp thứ 26, các cơ quan đã phối hợp tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật. Được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Luật đã được gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH, cơ quan, tổ chức. **Đến ngày 29/10/2023, đã có 50/63 Đoàn ĐBQH, Hội đồng Dân tộc và 4/8 Ủy ban của Quốc hội và 02 cơ quan tham gia ý kiến** (Kiểm toán Nhà nước và Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia)**.** [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2023 như sau: *“Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị…”*

   Văn kiện Đại hội Đảng biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025: *“Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu. Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng các tổ chức tín dụng trong nước đóng vai trò chủ lực, hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2025”.*

   Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 có nhiệm vụ về cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng như sau: *“Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống; tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tăng cường năng lực tài chính, quản trị và chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững;”;*

   Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nêu quan điểm: *“Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng đóng vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khuôn khổ pháp lý liên quan tới tiền tệ, ngân hàng phải phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm giữ an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống, tăng cường tính minh bạch, công khai, cạnh tranh và phù hợp với những thông lệ quốc tế tốt nhất”.* [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 166 Luật Doanh nghiệp quy địnhQuyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc:

   *“1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:*

   *a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này;*

   *b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;*

   *c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;*

   *d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty”.* [↑](#footnote-ref-5)
6. **Nhật Bản:** Đạo luật Ngân hàng của Nhật cho phép Ngân hàng Thương mại thực hiện các dịch vụ sau: thực hiện việc mua bán chứng khoán; thực hiện phát hành chứng khoán riêng lẻ; được nhận ủy thác phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp hoặc chứng chỉ trái phiếu khác ra công chúng hoặc quản lý việc phát hành này; đóng vai trò là người trung gian, môi giới hoặc đại lý cho các Giao dịch phái sinh liên quan đến chứng khoán trên thị trường OTC (Về nguyên tắc, các ngân hàng bị cấm tham gia vào các dịch vụ chứng khoán hoặc quản lý danh mục đầu tư, trừ trường hợp: Dịch vụ chứng khoán trong trường hợp tổ chức tài chính tiến hành mua bán chứng khoán hoặc giao dịch các công cụ phái sinh liên quan đến chứng khoán nhằm mục đích đầu tư theo quy định của các Đạo luật khác hoặc trên tài khoản của người ủy thác thực hiện việc đó dựa trên hợp đồng ủy thác; thực hiện môi giới dựa trên yêu cầu bằng văn bản của khách hàng).

   **Hàn Quốc:** Đạo luật Ngân hàng Hàn Quốc và Nghị định của Tổng Thống cho phép Ngân hàng thực hiện các dịch vụ tài chính sau: Mua bán chứng khoán kết hợp phái sinh; Cam kết phát hành và bán trái phiếu tiểu bang, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu đặc biệt; mua bán trái phiếu tiểu bang, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu đặc biệt và trái phiếu doanh nghiệp; môi giới mua và bán trái phiếu nhà nước, trái phiếu chính quyền địa phương; kinh doanh đầu tư tập thể (giới hạn ở hoạt động kinh doanh đầu tư tập thể thông qua quỹ ủy thác đầu tư); kinh doanh tư vấn đầu tư; kinh doanh ủy thác.

   **Singapore:** Đạo luật Ngân hàng Singapore cho phép Ngân hàng thực hiện các dịch vụ sau: a) Các dịch vụ được cho phép (hoạt động ngân hàng và hoạt động nhận tiền gửi); b) Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào được Cơ quan quản lý cho phép, hoặc nếu được thực hiện sẽ được Cơ quan quản lý cho phép; c) Các hoạt động liên quan đến hai điểm a) và b); bất kỳ hoạt động kinh doanh hoặc loại hình kinh doanh nào do Cơ quan quản lý quy định; e) Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào được Cơ quan quản lý chấp thuận bằng văn bản theo từng trường hợp.

   Theo đó, các hoạt động kinh doanh được Cơ quan quản lý cho phép bao gồm, nhưng không giới hạn, cung cấp dịch vụ thị trường vốn, tư vấn tài chính, môi giới bảo hiểm và dịch vụ thanh toán. [↑](#footnote-ref-6)
7. Tại Điều 24,25,29 Chuẩn mực số 1 về doanh thu quy định: *“Doanh thu (bao gồm doanh thu từ tiền lãi) được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu”*. [↑](#footnote-ref-7)